

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

HOÀNG VIỆT HÙNG

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TRONG BỐI CẢNH
CHUYỂN ĐỔI SỐ HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG
VÀ DUY VẬT LỊCH SỬ

HÀ NỘI - 2026

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

HOÀNG VIỆT HÙNG

**NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TRONG BỐI CẢNH
CHUYỂN ĐỔI SỐ HIỆN NAY**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

**NGÀNH: CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG
VÀ DUY VẬT LỊCH SỬ**

Mã số: 9229002

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

1. TS. HOÀNG THỊ KIM OANH



2. TS. NGUYỄN LÂM THẢO LINH



HÀ NỘI - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nghiên cứu nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Tác giả luận án



Hoàng Việt Hưng

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN.....	7
1.1. Các công trình nghiên cứu liên quan đến lý luận về nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay	7
1.2. Những công trình nghiên cứu liên quan đến thực trạng nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.....	16
1.3. Những công trình nghiên cứu liên quan đến giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.....	21
1.4. Giá trị của các công trình đã được tổng quan và vấn đề đặt ra luận án cần tiếp tục nghiên cứu.....	29
Chương 2: NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ HIỆN NAY - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN.....	38
2.1. Quan niệm về chất lượng giáo dục lý luận chính trị trong bối cảnh chuyển đổi số	38
2.2. Nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị trong bối cảnh chuyển đổi số - Quan niệm, chủ thể, nội dung, phương thức	66
2.3. Tầm quan trọng và nhân tố tác động đến nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị trong bối cảnh chuyển đổi số	82
Chương 3: NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ - THỰC TRẠNG, NGUYÊN NHÂN VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA	93
3.1. Thực trạng nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị trong bối cảnh chuyển đổi số.....	93
3.2. Một số vấn đề đặt ra từ thực trạng nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay	122
Chương 4: QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TIẾP TỤC NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ HIỆN NAY.....	143
4.1. Quan điểm nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.....	143
4.2. Giải pháp chủ yếu nhằm tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị trong bối cảnh chuyển đổi số	153
KẾT LUẬN.....	187
DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	190
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	191
PHỤ LỤC.....	213

CÁC CHỮ VIẾT TẮT TRONG LUẬN ÁN

Chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
CĐS	: Chuyển đổi số
GD LLCT	: Giáo dục lý luận chính trị
LLCT	: Lý luận chính trị

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Giáo dục lý luận chính trị (GD LLCT) giữ vai trò quan trọng trong hình thành thế giới quan khoa học, phương pháp luận, bản lĩnh chính trị và niềm tin tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và người học. Đây không chỉ là hoạt động truyền bá tri thức mà còn góp phần định hướng chính trị, bồi dưỡng đạo đức cách mạng và nâng cao năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, củng cố sự thống nhất về nhận thức và hành động trong hệ thống chính trị.

Hiện nay, chuyển đổi số (CĐS) đang làm thay đổi sâu sắc phương thức quản trị, học tập, giao tiếp và tiếp nhận thông tin. Không gian mạng tác động trực tiếp đến nhận thức, tư tưởng, tình cảm, niềm tin và hành vi chính trị của con người. Bên cạnh việc mở rộng khả năng tiếp cận tri thức và đổi mới giáo dục, môi trường số cũng làm gia tăng sự tác động của các luồng thông tin đa chiều, phức tạp, trong đó có thông tin sai lệch và các quan điểm sai trái, thù địch. Vì vậy, nâng cao chất lượng GD LLCT trở thành yêu cầu cấp thiết nhằm củng cố tri thức, bản lĩnh chính trị và khả năng nhận diện, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái trên không gian mạng, góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Những năm qua, GD LLCT ở nước ta đạt nhiều kết quả tích cực. Nội dung, chương trình và phương pháp giáo dục từng bước được đổi mới theo hướng gắn lý luận với thực tiễn. Việc ứng dụng công nghệ số thông qua nền tảng học trực tuyến, hệ thống quản lý học tập, học liệu điện tử và môi trường học tập số ngày càng được quan tâm. Một bộ phận giảng viên chủ động đổi mới phương pháp, kết hợp dạy học trực tiếp với trực tuyến, góp phần nâng cao khả năng tiếp cận tri thức và hiệu quả học tập. Nhận thức của các chủ thể về vai trò của CĐS trong GD LLCT cũng từng bước được nâng lên, tạo tiền đề hiện đại hóa hoạt động giáo dục.

Tuy nhiên, chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS vẫn còn những hạn chế. Quá trình chuyển đổi sang môi trường giáo dục số ở một số cơ sở còn chậm, thiếu đồng bộ; nội dung giáo dục có nơi nặng về truyền thụ tri thức, chậm cập nhật vấn đề mới, chưa gắn kết chặt chẽ với thực tiễn. Hiệu quả giáo dục nhằm củng cố tình cảm, niềm tin, bản lĩnh chính trị và năng lực vận dụng lý luận chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu. Phương pháp giảng dạy còn thiên về truyền đạt một chiều; năng lực số của một bộ phận giảng viên hạn chế; việc khai thác nền tảng công nghệ, học liệu số và tổ chức dạy học trên môi trường số chưa hiệu quả. Hạ tầng công nghệ, cơ sở dữ liệu và học liệu số tại một số cơ sở đào tạo chưa đáp ứng yêu cầu. Trong khi đó, sự phát triển nhanh của môi trường mạng làm gia tăng nguy cơ phân tán nhận thức, dao động niềm tin và tác động tiêu cực của thông tin xấu độc, quan điểm sai trái, thù địch đối với người học.

CDS vừa tạo điều kiện mở rộng không gian giáo dục, đổi mới phương thức dạy học và nâng cao khả năng tiếp cận tri thức lý luận chính trị, vừa đặt ra những mâu thuẫn cần giải quyết: giữa yêu cầu hiện đại hóa GD LLCT với sức ỳ của phương thức giáo dục truyền thống; giữa yêu cầu phát huy tính chủ động, tự học của người học với tâm lý học tập thụ động; giữa yêu cầu củng cố niềm tin, định hướng tư tưởng với tác động đa chiều, phức tạp của môi trường thông tin số. Những vấn đề đó đòi hỏi phải nghiên cứu toàn diện cả về lý luận và thực tiễn, làm rõ cơ sở, thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng GD LLCT phù hợp với bối cảnh mới.

Do vậy, nghiên cứu đề tài “***Nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay***” là vấn đề có tính cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn trong bối cảnh CDS hiện nay.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích

Trên cơ sở những vấn đề lý luận và thực trạng nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS, luận án đề xuất một số giải pháp chủ yếu tiếp tục nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS những năm tiếp theo.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CĐS.
- Làm rõ một số vấn đề lý luận về nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CĐS.
- Phân tích thực trạng và những vấn đề thực tiễn đang đặt ra đối với việc nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CĐS hiện nay.
- Đề xuất quan điểm và một số giải pháp chủ yếu nhằm tiếp tục nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CĐS những năm tiếp theo.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là vấn đề nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CĐS.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Về đối tượng*: GD LLCT được triển khai đối với nhiều đối tượng người học khác nhau như cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, sinh viên, học sinh, lực lượng vũ trang Tuy nhiên, luận án chỉ tập trung nghiên cứu vấn đề nâng cao chất lượng GD LLCT cho đối tượng là học viên Trung cấp LLCT (là đội ngũ cán bộ đương chức và cán bộ trong diện quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở).

- *Về không gian*: luận án nghiên cứu vấn đề nâng cao chất lượng GD LLCT ở các trường chính trị tỉnh khu vực miền núi phía Bắc, bao gồm các tỉnh trước khi sáp nhập (trước 01/7/2025): Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Bắc Giang, Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ, Hòa Bình, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La; Sau khi sáp nhập là: Cao Bằng, Lạng Sơn, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Tuyên Quang (gồm Tuyên Quang và Hà Giang), Lào Cai (gồm Lào Cai và Yên Bái), Thái Nguyên (gồm Thái Nguyên và Bắc Kạn), Phú Thọ (gồm Phú Thọ, Vĩnh Phúc và Hòa Bình). Bởi

lẽ đây là khu vực hiện vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập, khó khăn trong việc nâng cao chất lượng GD LLCT, đặc biệt là nâng cao chất lượng GD LLCT đáp ứng với yêu cầu của bối cảnh CDS.

- *Về thời gian*: từ năm 2014 (thời điểm Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 32-NQ/TW về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng LLCT cho cán bộ lãnh đạo, quản lý), đặc biệt là từ năm 2020 (thời điểm Chính phủ chính thức phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia theo Quyết định số 749/QĐ-TTg) đến nay.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về GD LLCT và quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về GD LLCT trong bối cảnh CDS.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, đồng thời sử dụng phương pháp phân tích - tổng hợp, so sánh - đối chiếu, khái quát hóa và mô hình hóa, lịch sử, logic, phân tích, sử dụng tài liệu thứ cấp.

Phương pháp phân tích - tổng hợp: được sử dụng để nghiên cứu, xử lý các nguồn tài liệu, văn kiện của Đảng, chính sách của Nhà nước cùng các công trình khoa học liên quan, qua đó khái quát và hệ thống hóa các luận điểm làm nền tảng cho việc hình thành luận cứ khoa học của luận án.

Phương pháp so sánh - đối chiếu: được vận dụng nhằm làm rõ hai mặt về thành tựu và về hạn chế trong thực trạng nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS; giữa nguyên nhân, vấn đề đặt ra và giải pháp nâng cao chất lượng GD LLCT.

Phương pháp khái quát hóa và mô hình hóa: được sử dụng trong quá trình rút ra các luận điểm từ những kết quả phân tích cụ thể, xây dựng hệ thống khái niệm, nội dung lý luận phù hợp.

Phương pháp lịch sử và logic: được sử dụng để đánh giá thực trạng nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CĐS, vừa đảm bảo tính logic, hệ thống trong trình bày các nội dung của luận án.

Phương pháp sử dụng tài liệu thứ cấp: được sử dụng để tra cứu, hệ thống các nguồn tài liệu cho việc nghiên cứu, đánh giá thực trạng nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CĐS.

5. Những đóng góp mới của luận án

- Góp phần làm rõ hơn một số vấn đề lý luận về nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CĐS, nhất là phân tích rõ về các chủ thể, nội dung và phương thức cơ bản nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CĐS, đồng thời luận giải tầm quan trọng và những nhân tố tác động đến hiệu quả nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CĐS.

- Đánh giá thực trạng và chỉ rõ những vấn đề thực tiễn đang đặt ra đối với việc nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CĐS hiện nay (qua thực tiễn ở các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam).

- Đề xuất quan điểm và một số giải pháp chủ yếu tiếp tục nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CĐS (gắn với các tỉnh khu vực miền núi phía Bắc) những năm tiếp theo.

6. Ý nghĩa của luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận

- Luận án góp phần bổ sung, làm rõ hơn một số vấn đề lý luận về nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CĐS.

- Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần cung cấp thêm những luận cứ khoa học cho việc nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CĐS tại các tỉnh khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam hiện nay.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

- Kết quả nghiên cứu của luận án có ý nghĩa thiết thực cho tổng kết hiệu quả công tác nâng cao chất lượng GD LLCT tại tỉnh miền núi phía Bắc, đồng

thời cung cấp những số liệu thực tiễn giúp các nhà lãnh đạo quản lý các tỉnh miền núi phía Bắc nói riêng, các địa phương trong cả nước nói chung có thêm cơ sở để nghiên cứu, hoạch định, ban hành chính sách, pháp luật, xây dựng kế hoạch, chương trình hành động tiếp tục nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CĐS những năm tiếp theo.

- Luận án cũng là tài liệu có giá trị tham khảo tốt phục vụ cho công tác nghiên cứu, giảng dạy ở các cơ sở đào tạo và những người quan tâm tới vấn đề nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CĐS hiện nay.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục công trình của tác giả đã công bố liên quan đến luận án, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án có kết cấu 4 chương, 11 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1.1. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN LÝ LUẬN VỀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ HIỆN NAY

** Những công trình nghiên cứu liên quan đến lý luận về nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị*

Sách *Một số vấn đề về công tác tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam* (2004) của Đào Duy Quát [136] đã đưa ra định nghĩa GD LLCT là quá trình truyền bá những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cùng với đường lối, quan điểm của Đảng tới cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Việc thực hiện quá trình này được tiến hành thông qua hoạt động trình bày, giải thích một cách khoa học các khái niệm, quan điểm, giúp người học nhận thức đúng đắn những nguyên lý nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin; kiên định mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nhất trí cao với đường lối, quan điểm của Đảng; nâng cao phẩm chất cách mạng, năng lực hoạt động thực tiễn và khả năng vận dụng tri thức lý luận vào cuộc sống.

Sách của Nguyễn Hữu Châu (Chủ biên), *Chất lượng giáo dục - Những vấn đề lý luận và thực tiễn* (2008) [36] đã tiến hành tổng hợp và hệ thống các quan niệm nền tảng liên quan đến chất lượng giáo dục, bao gồm: các thành tố cấu thành chất lượng giáo dục; tiêu chí và chỉ số cơ bản về chất lượng giáo dục; quan niệm về đánh giá giáo dục; tiêu chí và chỉ số đánh giá; hệ thống các phương pháp và kỹ thuật đánh giá chất lượng, quy trình tổ chức điều tra, đánh giá trong giáo dục, cũng như các phương pháp đánh giá đối với từng thành tố cụ thể của quá trình giáo dục. Công trình cung cấp một khung lý thuyết và

phương pháp luận toàn diện để nhận diện và đánh giá chất lượng giáo dục. Đây là cơ sở quan trọng để nghiên cứu vấn đề nâng cao chất lượng GD LLCT, nhất là trong quá trình xây dựng hệ thống tiêu chí, chỉ số và phương pháp đánh giá phù hợp.

Sách *Lý luận và phương pháp nghiên cứu, giáo dục lý luận chính trị* (2012) của Phạm Huy Kỳ (Chủ biên) [108] khẳng định rằng công tác nghiên cứu và GD LLCT luôn được Đảng quan tâm, coi trọng như một nhiệm vụ trọng yếu của công tác tư tưởng. Sự quan tâm này được thể hiện nhất quán trong các văn kiện của Đảng qua các kỳ Đại hội. Nội dung cuốn sách tập trung làm rõ những vấn đề lý luận nền tảng về công tác nghiên cứu và GD LLCT, phương pháp nghiên cứu trong lĩnh vực này, cũng như công tác nghiên cứu và giáo dục lịch sử Đảng. Đặc biệt, công trình còn phân tích hệ thống lý luận và phương pháp dạy học LLCT, qua đó góp phần cung cấp cơ sở khoa học cho việc nâng cao hiệu quả hoạt động GD LLCT trong điều kiện mới.

Sách *Quản lý chất lượng giáo dục* (2013) của Phạm Thành Nghị [126] trình bày hệ thống những vấn đề cơ bản về chất lượng và chất lượng giáo dục; các chỉ số thực hiện và chuẩn mực chất lượng; các hình thức đánh giá chất lượng, các cấp quản lý chất lượng trong giáo dục, cũng như công tác quản lý chất lượng bên trong các cơ sở giáo dục; tự đánh giá và đánh giá ngoài trong bảo đảm chất lượng; quản lý chất lượng tổng thể (TQM) trong giáo dục; cùng với đó là việc áp dụng hệ thống bảo đảm chất lượng vào bối cảnh giáo dục Việt Nam. Công trình cũng nhấn mạnh các điều kiện đảm bảo về con người, chương trình đào tạo, hệ thống cơ sở vật chất và các phương tiện phục vụ, phương pháp và môi trường dạy học trong quản lý giáo dục.

Sách *Nguyên lý công tác tư tưởng* (2014) của Lương Khắc Hiếu (Chủ biên) [68] đã đưa ra khái niệm về GD LLCT như một bộ phận trọng yếu của công tác tư tưởng. Theo đó, GD LLCT được hiểu là quá trình truyền bá và tiếp thu những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh,

đường lối, quan điểm của Đảng, cùng với chính sách, pháp luật của Nhà nước, tới cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân. Điểm đáng chú ý trong quan niệm này là việc nhấn mạnh tính hai chiều của hoạt động GD LLCT: vừa là quá trình truyền bá có định hướng, vừa là quá trình tiếp thu chủ động của người học. Thông qua cách tiếp cận này, bản chất của GD LLCT được nhận diện một cách đầy đủ hơn, vượt ra ngoài việc cung cấp tri thức đơn thuần, hướng tới nâng cao hiệu quả tiếp nhận và chuyển hóa tri thức thành nhận thức, niềm tin và hành động thực tiễn.

Sách *Về quản lý đất nước Trung Quốc*, tập I (2017) của Tập Cận Bình [19], trên cương vị là người đứng đầu Đảng, Nhà nước Trung Quốc, tác giả yêu cầu: “cán bộ lãnh đạo, đặc biệt là cán bộ cao cấp, cần phải coi việc nắm vững lý luận của chủ nghĩa Mác một cách hệ thống là bản lĩnh nhà nghề” [19, tr.212]. Đồng thời, để chủ nghĩa Mác thực sự trở thành nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Trung Quốc, theo tác giả: “các trường đảng và học viện cán bộ, viện khoa học xã hội, trường đại học, tiểu tổ trung tâm học lý luận ... đều phải đưa chủ nghĩa Mác thành môn học bắt buộc, thành mặt trận quan trọng trong việc học tập, nghiên cứu, tuyên truyền chủ nghĩa Mác” [19, tr.212]. Ở tập II [20], tác giả nhấn mạnh đến vai trò của giáo dục, truyền bá lý luận chủ nghĩa Mác: “Để xây dựng trường đại học, cao đẳng nước ta, tất yếu phải kiên trì lấy chủ nghĩa Mác làm chỉ đạo... Cần kiên trì không ngừng truyền bá, giáo dục lý luận khoa học của chủ nghĩa Mác, đặt nền móng tư tưởng khoa học cho cả cuộc đời trưởng thành của sinh viên” [20, tr.554-555].

Sách *Phương pháp luận giáo dục tư tưởng và chính trị* (2022) của Vương Ngạn Quân và Hà Vân [137] là một chuyên khảo có giá trị lý luận quan trọng đối với nghiên cứu nâng cao chất lượng GD LLCT. Trên cơ sở tiếp cận giáo dục tư tưởng và chính trị như một quá trình tác động có mục đích, có định hướng và mang tính hệ thống, các luận giải các nguyên tắc phương pháp luận cốt lõi chi phối toàn bộ hoạt động giáo dục, từ xác định

mục tiêu, lựa chọn nội dung đến tổ chức phương pháp và hình thức giáo dục phù hợp với đối tượng người học. Điểm nổi bật của công trình là việc nhấn mạnh vai trò chủ thể trung tâm của đội ngũ giảng viên trong việc định hướng tư tưởng, dẫn dắt nhận thức và hình thành niềm tin chính trị cho người học, đồng thời coi hiệu quả giáo dục không chỉ được đo bằng tri thức tiếp thu mà còn ở khả năng chuyển hóa thành thái độ và hành vi chính trị.

Luận án tiến sĩ Triết học của Trần Hùng, *Hiệu quả giáo dục LLCT cho sinh viên các trường đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh - Thực trạng và giải pháp* (2000) [97] đã làm rõ mục tiêu, nhiệm vụ và nội dung của GD LLCT, đồng thời xem xét và phân tích các yếu tố tác động đến hiệu quả công tác này. Công trình xác lập hệ thống tiêu chí đánh giá hiệu quả GD LLCT, gồm: phẩm chất chính trị - tư tưởng, đạo đức; khả năng chuyển hóa tri thức thành lý tưởng, niềm tin cộng sản chủ nghĩa; năng lực vận dụng đúng đắn, sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước vào thực tiễn; cùng với sự trưởng thành, phát triển của người học.

Bài viết *Quan điểm đánh giá chất lượng giáo dục* (2004) của Nghiêm Đình Vỳ [200] nhấn mạnh tầm quan trọng của công tác đánh giá chất lượng giáo dục với tư cách là yếu tố gắn bó mật thiết với nhiều phương diện của đời sống xã hội và có ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển quốc gia. Trên cơ sở đó, tác giả khẳng định chất lượng giáo dục luôn giữ vị trí ưu tiên hàng đầu trong sự quan tâm của xã hội. Từ góc nhìn phương pháp luận, bài viết xác định việc đánh giá chất lượng giáo dục phải bảo đảm tính khách quan và khoa học; tính hệ thống và toàn diện; tính lịch sử - cụ thể. Bài viết xây dựng được khung quan điểm đánh giá chất lượng giáo dục có cơ sở lý luận chặt chẽ, giúp định hướng cho việc xác lập hệ tiêu chí phù hợp thực tiễn.

Bài viết *Các quan niệm về thành tố của chất lượng giáo dục* (2006) của Lê Văn Anh [6] luận giải khái niệm “thành tố” trong chất lượng giáo dục, được

hiểu là những thành phần và bộ phận trực tiếp hình thành nên chất lượng tổng thể của hệ thống giáo dục. Trên cơ sở tiếp cận từ hệ thống giáo dục, tác giả phân tích các quan niệm cơ bản về thành tố chất lượng, trong đó nhấn mạnh: thành tố chất lượng giáo dục bao gồm tất cả các yếu tố và bộ phận hợp thành, xuất phát từ những lĩnh vực khác nhau của giáo dục; chất lượng giáo dục được tiếp cận như một quá trình cải tiến không ngừng, hướng tới việc nâng cao giá trị sản phẩm và dịch vụ phục vụ người học, đồng thời điều chỉnh phương thức hành động nhằm đạt được các kết quả kỳ vọng; trên cơ sở đó, khái niệm “thành tố” cần được luận giải theo hướng toàn diện, vượt ra ngoài phạm vi dạy học và các hoạt động giáo dục mang tính nội bộ trong nhà trường.

Bài viết *Nghiên cứu tiến trình phát triển giáo dục lý luận chủ nghĩa Mác ở Trung Quốc* (2013) của Diêm Kiệt Hoa [91], đã nghiên cứu quá trình hình thành, phát triển và hoàn thiện chủ nghĩa Mác tại Trung Quốc, đồng thời khẳng định Trung Quốc là một quốc gia xã hội chủ nghĩa, kiên định lấy chủ nghĩa Mác làm nền tảng tư tưởng chỉ đạo, thực hiện GD LLCT về chủ nghĩa Mác. Tác giả cũng đã rút ra những bài học kinh nghiệm từ công tác giáo dục lý luận chủ nghĩa Mác tại Trung Quốc, qua đó thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ hơn của giáo dục lý luận chủ nghĩa Mác ở quốc gia này.

** Các công trình nghiên cứu liên quan đến lý luận về nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị trong bối cảnh chuyển đổi số*

Sách *Chuyển đổi số trong giáo dục* (2023) của Hoàng Sỹ Tương, Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Nguyễn Thị Loan [160]. Cuốn sách Làm rõ các biến đổi căn bản diễn ra trong giáo dục hiện đại dưới ảnh hưởng của cách mạng công nghệ, đặc biệt là các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), điện toán đám mây, Blockchain, Internet vạn vật (IoT), thực tế ảo...; chỉ ra các yếu tố then chốt làm nên CDS thành công trong giáo dục đại học, như môi trường học liệu mở, thư viện số, đánh giá số, quản trị học thuật số và sự thích ứng của

con người với công nghệ, qua đó công trình góp phần làm rõ cơ sở lý luận về bản chất và đặc điểm và tác động toàn diện của CDS trong giáo dục hiện đại.

Sách *Xây dựng xã hội học tập trong bối cảnh chuyển đổi số ở Việt Nam* (2023) của Nguyễn Thị Doan [47] làm rõ mối quan hệ giữa xây dựng xã hội học tập và đổi mới giáo dục toàn diện, chỉ ra những yếu tố then chốt như: phát triển đồng bộ đội ngũ giảng viên, phương pháp dạy - học và môi trường học tập mở, ứng dụng nền tảng số và khuyến khích sự tham gia chủ động của người học. Công trình có ý nghĩa tham khảo quan trọng cho nghiên cứu mối quan hệ giữa nâng cao chất lượng GD LLCT và CDS, bởi việc xây dựng xã hội học tập được xem là một điều kiện nền tảng để đảm bảo GD LLCT đáp ứng yêu cầu thời đại số.

Đề tài nghiên cứu khoa học cấp quốc gia của Vũ Hữu Đức, *Nghiên cứu về phương thức học tập, đào tạo dựa trên công nghệ thông tin (E-learning) trong giáo dục đại học và đào tạo trực tuyến mở dành cho đại chúng MOOCs: Kinh nghiệm thế giới và ứng dụng tại Việt Nam* (2020) [62] là một công trình có giá trị nền tảng trong việc hệ thống hóa và khái quát lý luận về CDS trong giáo dục đại học. Tác giả đã khảo cứu mô hình E-learning và MOOCs tại nhiều quốc gia, từ đó chỉ ra những đặc trưng cốt lõi của hình thức đào tạo trực tuyến hiện đại như: tính mở, tính linh hoạt, khả năng cá nhân hóa, khả năng phổ cập tri thức đại chúng và sự chuyển đổi vai trò giữa người dạy và người học trong môi trường số hóa. Đặc biệt, từ kinh nghiệm quốc tế, tác giả chỉ ra các yếu tố then chốt chi phối thành công của quá trình CDS trong giáo dục như: thiết kế nội dung số, công nghệ nền tảng, công cụ đánh giá số hóa, và sự đồng bộ giữa quản trị học thuật và công nghệ.

Bài viết *Các xu hướng chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục trên thế giới hiện nay* (2021) của Trịnh Trần Phương Anh [5] đã tiếp cận vấn đề CDS trong giáo dục từ bình diện khái quát các xu thế phát triển toàn cầu. Trên cơ sở tổng hợp kinh nghiệm quốc tế, bài viết chỉ ra tám xu hướng nổi bật của

CĐS trong giáo dục hiện đại, như: mở rộng khả năng tiếp cận tri thức, cá nhân hóa học tập, tích hợp công nghệ mới như IoT, Big Data, AI, điện toán đám mây vào dạy và học, nâng cao quyền công dân số cho người học và xây dựng hệ sinh thái giáo dục số toàn diện. Mặc dù bài viết không tập trung vào GD LLCT, nhưng các xu hướng CĐS được nêu ra là cơ sở cho việc vận dụng trong luận án vào việc hình thành mô hình GD LLCT phù hợp với điều kiện thực tế tại các tỉnh miền núi phía Bắc - nơi đòi hỏi sự thích nghi linh hoạt giữa truyền thống và hiện đại.

Bài viết *Chuyển đổi số trong giáo dục: Những thách thức và nguy cơ* (2021) của Đỗ Thị Ngọc Quyên [139] tiếp cận vấn đề từ mối liên hệ giữa công nghệ và chất lượng giáo dục, khẳng định rằng CĐS không thể được hiểu đơn thuần như việc thay thế công cụ giảng dạy, mà cần được nhìn nhận như một quá trình tái cấu trúc toàn diện hệ thống giáo dục, bao gồm cách tổ chức, vận hành, đánh giá và kiểm định chất lượng đào tạo. Điểm nhấn lý luận quan trọng trong bài viết là việc xác định rõ những yêu cầu mới về phương pháp giảng dạy, học liệu và năng lực số của chủ thể dạy - học và thiết kế môi trường học tập linh hoạt, trong đó công nghệ đóng vai trò là nhân tố kích hoạt đổi mới.

Bài viết *Đổi mới phương pháp giảng dạy trong thời kỳ chuyển đổi số đáp ứng mô hình đào tạo chất lượng cao trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0* (2022) của Nguyễn Ngọc Hiệp và Nguyễn Trung Dũng [84] là một đóng góp tiêu biểu trong việc làm rõ mối quan hệ giữa CĐS và cải tiến phương pháp giảng dạy theo định hướng phát triển năng lực người học. Bài viết giới thiệu ba phương pháp giảng dạy hiện đại phù hợp với yêu cầu giáo dục 4.0 gồm: Dạy học dựa trên dự án (PBL), Dạy học có tư duy thiết kế (DTL) và Dạy học kết hợp (Blended Learning). Cả ba phương pháp đều hướng đến việc cá nhân hóa việc học, tăng tính tương tác, thực tiễn và sáng

tạo, đồng thời tái cấu trúc vai trò của giảng viên và người học trong không gian số.

Bài viết *Một số giải pháp nâng cao hiệu quả quá trình chuyển đổi số trong giáo dục đại học hiện nay* (2024) của Nguyễn Hữu Hải và Trần Thị Trang [78] đã phân tích các khía cạnh mà CDS có thể góp phần cải thiện chất lượng giáo dục, như: cá nhân hóa việc học, tăng tính linh hoạt, mở rộng khả năng tiếp cận tri thức số và học liệu mở, đổi mới hoạt động dạy học và đánh giá, đặc biệt thúc đẩy mô hình quản trị số, nâng cao tính minh bạch và hiệu quả vận hành của cơ sở đào tạo. Những phân tích và giải pháp được đưa ra làm rõ mối quan hệ hữu cơ giữa CDS và chất lượng giáo dục, đồng thời cung cấp luận cứ thực tiễn có thể vận dụng để hiện đại hóa mô hình đào tạo LLCT trong các cơ sở GD LLCT hiện nay.

Bài viết *Đảng lãnh đạo thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo (2011-2021)* (2024) của Nguyễn Thị Như [125]. Bài viết hệ thống hóa nhất quán quan điểm của Đảng, Nhà nước về CDS nói chung và trong giáo dục - đào tạo nói riêng được xác định trên cơ sở coi giáo dục là quốc sách hàng đầu, đồng thời xem CDS là yêu cầu chiến lược nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; triển khai đồng bộ từ thể chế, hạ tầng số, nền tảng quản trị - dữ liệu - học liệu (hệ thống quản lý, sản xuất nội dung học tập trên môi trường số, cơ sở dữ liệu ngành), đến đổi mới chương trình, phương pháp dạy - học, bảo đảm kiểm tra, đánh giá, an toàn, an ninh mạng; đồng thời khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý thống nhất của Nhà nước và định hướng lộ trình, mục tiêu đến giai đoạn 2025-2030. Bài viết cung cấp nền tảng định hướng để nâng cao chất lượng GD LLCT.

Bài viết *Trí tuệ nhân tạo và sự kiến tạo lại không gian học lý luận chính trị trong giáo dục đại học Việt Nam* (2025) của Nguyễn Thị Thu [162] tập trung làm rõ những tác động của trí tuệ nhân tạo (AI) - một thành tố tiêu biểu của CDS - đối với GD LLCT. Tác giả cho rằng AI không chỉ là công cụ kỹ

thuật hỗ trợ, mà còn góp phần tái định hình “không gian học tập” thông qua việc cá thể hóa quá trình tiếp nhận tri thức, mở rộng nguồn học liệu, tăng cường tương tác đa chiều và tăng cường hiệu quả quản trị đào tạo. Giá trị khoa học của công trình thể hiện ở cách tiếp cận mới: coi AI như một nhân tố vừa tạo ra cơ hội, vừa đặt ra thách thức đối với việc giữ vững tính đảng, tính khoa học và tính thực tiễn trong giảng dạy LLCT. Bài viết cũng cảnh báo nguy cơ lệ thuộc, thông tin sai lệch và yêu cầu về chuẩn mực học thuật, đạo đức số trong sử dụng AI.

Bài viết *Xu hướng giáo dục trong bối cảnh chuyển đổi số* (2025) của Nguyễn Thu Nghĩa [127] khẳng định CDS trong giáo dục được xác định là quá trình tái cấu trúc hoạt động dạy - học theo hướng tương tác, cá thể hóa và học tập suốt đời. Trên nền tảng hạ tầng số và dữ liệu, giáo dục hình thành các xu hướng chủ đạo: (i) học trực tuyến và đào tạo từ xa với nhiều biến thể (đồng bộ, bất đồng bộ, MOOC...); (ii) học kết hợp, tối ưu ưu thế của dạy trực tiếp và trực tuyến; (iii) ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý lớp học, hỗ trợ cá nhân hóa nội dung và đánh giá; (iv) khai thác thực tế ảo/tăng cường để mở rộng không gian trải nghiệm học tập. Tác giả chỉ ra lợi ích cốt lõi: gia tăng cơ hội tiếp cận tri thức, đa dạng hóa phương thức học, nâng hiệu quả quản trị và chất lượng phản hồi. Đồng thời, nêu bốn thách thức lớn: chênh lệch hạ tầng và mức độ kết nối; biến đổi vai trò người dạy; yêu cầu cải cách chương trình theo hướng năng lực; và bảo đảm an toàn dữ liệu, quyền riêng tư.

Bài viết *Ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị hiện nay* (2025) của Nguyễn Anh Tuấn [155] làm rõ vai trò của công nghệ thông tin như một nhân tố đặc thù của bối cảnh CDS, tác động trực tiếp đến hoạt động GD LLCT. Tác giả cho rằng, việc ứng dụng công nghệ thông tin không chỉ đa dạng hóa kênh tiếp cận và phương thức truyền tải tri thức, mà còn tạo điều kiện nâng cao hiệu quả tương tác giữa giảng viên và học viên, thúc đẩy quá trình cá thể hóa việc học. Giá trị khoa

học của công trình thể hiện ở việc đặt ứng dụng công nghệ thông tin vào tiến trình CDS trong giáo dục, qua đó chỉ ra tính tất yếu của việc đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp dạy học LLCT trên nền tảng công nghệ hiện đại. Đồng thời, công trình nhấn mạnh nguyên tắc giữ vững tính đảng, tính khoa học và tính thực tiễn trong khi vận dụng các công cụ công nghệ.

Bài viết *Đổi mới giáo dục lý luận chính trị trong kỷ nguyên vươn mình - một số vấn đề lý luận và nhận thức* (2025) của Ngô Đông Hải [71] đã khẳng định rõ rằng bối cảnh CDS và hội nhập quốc tế vừa đặt ra những cơ hội và thách thức mới đối với GD LLCT. Tác giả nhấn mạnh tính tất yếu khách quan của việc đổi mới nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức GD LLCT, đồng thời khẳng định yêu cầu giữ vững những giá trị cốt lõi như tính đảng, tính khoa học và tính chiến đấu trong môi trường số. Bài viết cũng chỉ ra rằng, trong kỷ nguyên số, nâng cao chất lượng GD LLCT không chỉ là yêu cầu học thuật mà còn là nhiệm vụ chính trị gắn với việc củng cố niềm tin, bản lĩnh và năng lực hành động của đội ngũ cán bộ.

1.2. NHỮNG CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN THỰC TRẠNG NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ HIỆN NAY

Hiện nay, các công trình nghiên cứu trực tiếp đi sâu vào thực trạng chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS còn chưa nhiều, tuy nhiên đã có một số tài liệu phản ánh thực tiễn triển khai CDS trong giáo dục nói chung, làm căn cứ để tham khảo và vận dụng có chọn lọc trong nghiên cứu.

Đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh *Xây dựng mô hình chuyển đổi số trong giáo dục đào tạo thích ứng với xã hội số tại tỉnh Thái Nguyên* (2022) của Phạm Thị Tuấn Linh [112], đã chỉ ra một số vấn đề nổi bật như: hạ tầng công nghệ thông tin chưa đồng bộ, học liệu số còn hạn chế, năng lực số của đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý chưa đáp ứng yêu cầu CDS, việc ứng dụng công nghệ số trong quản trị và tổ chức dạy học còn thiếu tính hệ thống.

Đồng thời, đề tài nhấn mạnh vai trò của quản trị số, học liệu số và phát triển năng lực số trong nâng cao chất lượng giáo dục.

Bài viết *Các phương pháp giảng dạy hiện đại phù hợp với mô hình chuyển đổi số tại các trường đại học trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0* (2022) của Bùi Anh Tuấn và Nguyễn Hồng Phúc [153] đã tiếp cận quá trình CDS từ góc nhìn thực tiễn tại một cơ sở giáo dục nghề nghiệp, qua đó góp phần cung cấp minh chứng cụ thể về tác động của CDS đến hoạt động giảng dạy trong giáo dục hiện đại, đồng thời làm rõ những hạn chế cố hữu của phương pháp dạy học truyền thống như: giảng viên đóng vai trò thụ động - truyền đạt một chiều, thiếu sự tương tác, chậm đổi mới nội dung, không phù hợp với yêu cầu cá nhân hóa việc học trong thời kỳ số hóa. Trên cơ sở đó, vai trò của các công nghệ như E-learning và thực tế ảo (VR/AR), trí tuệ nhân tạo (AI), phần mềm mô phỏng kỹ thuật số đổi mới toàn diện phương pháp và môi trường dạy học; đồng thời cung cấp góc nhìn thực tiễn, góp phần làm rõ tác động của CDS đối với phương pháp, tư duy và công cụ giảng dạy trong môi trường giáo dục đại học và nghề nghiệp.

Bài viết *Chuyển đổi số trong giáo dục đại học: nội dung, quy trình và thách thức đối với các trường đại học Việt Nam* (2022) của Nguyễn Hoàng [94]. Bài viết cũng chỉ ra các nhóm thách thức chính đang cản trở quá trình CDS tại các trường đại học Việt Nam như: thiếu chiến lược tổng thể và đồng bộ; hạn chế về hạ tầng công nghệ và nguồn lực tài chính; bất cập trong phương pháp giảng dạy và năng lực số của đội ngũ giảng viên; khó khăn trong quản lý dữ liệu và bảo mật thông tin; cũng như những vướng mắc về pháp lý, quy chế và hệ thống đánh giá học tập trực tuyến. Nội dung của bài viết có thể đưa vào đánh giá thực trạng chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS.

Bài viết *Chuyển đổi số - xu hướng tất yếu trong giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay* (2024) của Nguyễn Bình Huy, Trần Hải Anh, Nguyễn Hữu Tâm [101] tập trung làm rõ các chiều cạnh tác động của CDS đến tổ chức dạy

học, quản lý đào tạo, phương thức giảng dạy - học tập và môi trường sư phạm số; đồng thời nhận diện các thách thức nổi bật như hạ tầng kỹ thuật không đồng đều, hạn chế về kỹ năng số, sự thiếu nhất quán trong thể chế quản trị đại học số và nguy cơ gia tăng khoảng cách số giữa các nhóm đối tượng. Bài viết cung cấp luận cứ thực tiễn quan trọng cho việc xem xét mối quan hệ giữa CDS và chất lượng giáo dục trong bối cảnh mới.

Bài viết *Chuyển đổi số trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức ở thành phố Hà Nội* (2024) của nhóm tác giả Vũ Lộc An, Nghiêm Đình Đạt, Vũ Thị Hoà [1] đã phân tích thực trạng CDS trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trên các phương diện: thể chế, tổ chức quản lý, hoạt động đào tạo và điều kiện hạ tầng công nghệ. Các tác giả cho rằng, CDS bước đầu đã tạo chuyển biến trong nhận thức của các chủ thể, thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong giảng dạy, quản lý, kiểm tra, đánh giá và xây dựng học liệu số. Tuy nhiên, bài viết cũng chỉ ra nhiều hạn chế như: nhận thức chưa đồng đều; hệ thống học liệu số, thư viện số và quản lý học tập trực tuyến còn thiếu đồng bộ; hạ tầng công nghệ và năng lực số của đội ngũ cán bộ, giảng viên còn hạn chế.

Bài viết *Chuyển đổi số trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức ở thành phố Hà Nội - Những vấn đề đặt ra và khuyến nghị giải pháp* (2024) của Phạm Minh Anh, Vũ Lộc An [2] đã phân tích khá toàn diện thực trạng CDS trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức ở Hà Nội. Nghiên cứu chỉ ra nhiều khó khăn ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS, như: nhận thức chưa đồng đều về vai trò của CDS; hạn chế về hạ tầng kỹ thuật, học liệu số và hệ thống quản lý dữ liệu; thiếu đồng bộ trong cơ chế quản trị, kiểm tra, đánh giá; năng lực số của đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý còn bất cập; nguy cơ mất an toàn thông tin và khó khăn về nguồn lực tài chính.

Bài viết *Chuyển đổi số tại Trường Chính trị tỉnh Phú Thọ - Thực trạng và giải pháp* (2024) của Đỗ Tùng [157] là một trong số ít công trình đi sâu phản ánh thực tiễn triển khai CDS tại một cơ sở GD LLCT cấp tỉnh, từ đó góp phần cung cấp dữ liệu thực chứng quan trọng cho việc nghiên cứu quá trình CDS trong hệ thống các trường chính trị địa phương. Bài viết bước đầu làm rõ mối liên hệ giữa CDS và chất lượng GD LLCT, thể hiện qua các lợi ích như: mở rộng khả năng truy cập tri thức, phát triển dạy học cá nhân hóa gắn với nâng cao hiệu quả quản lý đào tạo.

Bài viết *Chuyển đổi số giáo dục đại học: Xây dựng mô hình giáo dục đại học số tại Việt Nam* (2024) của Tô Hồng Nam [129] mô tả thực trạng CDS trong giáo dục đại học ở Việt Nam trên các cấu phần chủ yếu như hạ tầng công nghệ, nền tảng quản trị và học tập số, học liệu số, và tổ chức dạy học trực tuyến - kết hợp; kiểm tra - đánh giá trên môi trường số; cùng với vận hành và quản trị dữ liệu trong nhà trường. Các chỉ báo về hạ tầng, nền tảng quản trị, hệ thống quản lý học tập trên môi trường số, học liệu số, tổ chức dạy học và quản trị dữ liệu có thể được đối chiếu trực tiếp với GD LLCT tại các cơ sở GD LLCT nhằm định vị hiện trạng, nhận diện điểm nghẽn và thiết lập đường chuẩn so sánh trong phân nghiên cứu thực trạng của luận án.

Bài viết *Chuyển đổi số trong ngành giáo dục: Thực trạng và một số đề xuất trong thời gian tới* (2024) của Nguyễn Văn Thủy [151] phản ánh có hệ thống thực trạng CDS trong ngành giáo dục Việt Nam thời gian gần đây, tập trung vào các cấu phần: phát triển đồng bộ hạ tầng, dữ liệu và nền tảng số; mở rộng dạy - học trực tuyến; xây dựng học liệu số; và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, đánh giá và phát triển đội ngũ. Các chỉ báo “thực trạng” này có thể đối chiếu trực tiếp với GD LLCT tại các cơ sở GD LLCT trong bối cảnh CDS: từ mức độ sẵn sàng của hạ tầng/kết nối, sự hiện diện của nền tảng quản lý học tập và học liệu số, tới phạm vi quản lý - dạy học gắn với ứng dụng công nghệ.

Bài viết *Chuyển đổi số để nâng cao chất lượng giảng dạy lý luận chính trị ở các trường chính trị tỉnh, thành phố hiện nay* (2025) của Nguyễn Văn Sỹ [144]. Bài viết đánh giá thực trạng CDS trong giảng dạy LLCT tại các trường chính trị tỉnh ở 4 nội dung: ứng dụng hệ thống học tập trực tuyến; đầu tư hạ tầng công nghệ phục vụ CDS; ứng dụng AI và Big Data trong giảng dạy LLCT; và nâng cao năng lực công nghệ thông tin của đội ngũ giảng viên. Bên cạnh đó, chỉ rõ những những khó khăn, thách thức trong CDS giảng dạy LLCT ở 5 khía cạnh: thứ nhất, về thể chế, chính sách; thứ hai, về hạ tầng và công nghệ; thứ ba, về nhân lực và nhận thức; thứ tư, về nội dung và phương pháp; thứ năm, về bảo đảm chất lượng và an ninh.

Bài viết *Thực trạng và giải pháp chuyển đổi số trong trường chính trị hiện nay* (2025) của Bùi Việt Chung và Hoàng Văn Thanh [40] đã đưa ra bức tranh toàn diện về thực trạng ứng dụng công nghệ số trong các trường chính trị cấp tỉnh. Bài viết cho thấy tiến trình CDS đã được khởi động mạnh mẽ với nhiều kết quả nổi bật như triển khai hệ thống quản lý và học tập số; học liệu điện tử; và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giảng dạy, và từng bước hiện đại hóa phương thức quản lý - đào tạo. Một số mô hình điển hình như Sơn La, Lào Cai đã đạt mức số hóa cao, tạo tiền đề cho quản trị số toàn diện. Những hạn chế cũng được chỉ ra như hạ tầng công nghệ chưa đồng bộ, chênh lệch về năng lực số giữa các địa phương, thiếu chính sách quản trị dữ liệu, hoạt động số hóa học liệu chưa hệ thống và còn phụ thuộc nhiều vào các nền tảng bên ngoài.

Bài viết *Chuyển đổi số trong giảng dạy và học tập lý luận chính trị ở cơ sở giáo dục - Thực trạng và những vấn đề đặt ra* (2025) của Tổng Thị Hạnh [77] tập trung phân tích tình hình dạy học LLCT hiện nay gắn với công nghệ số được ứng dụng. Tác giả chỉ ra những kết quả tích cực như: hình thức giảng dạy kết hợp trực tiếp và trực tuyến ngày càng phổ biến, hệ thống học liệu điện tử bước đầu được xây dựng, người học có thêm cơ hội tiếp cận tri thức đa dạng và chủ động hơn trong học tập. Bài viết cũng nêu rõ hàng loạt

khó khăn: cơ sở vật chất và hạ tầng số vẫn chưa đáp ứng yêu cầu; kỹ năng số còn hạn chế ở một bộ phận giảng viên và sinh viên; nội dung số hóa còn dừng ở mức sao chép tài liệu truyền thống, thiếu tính tương tác và cập nhật. Từ thực trạng đó, tác giả nhấn mạnh những vấn đề cần được giải quyết, trong đó nổi bật là yêu cầu đổi mới tư duy quản lý, phát triển năng lực số cho chủ thể dạy - học, và xây dựng học liệu chuẩn mực.

Bài viết *Chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong việc đổi mới nâng cao chất lượng giảng dạy các môn lý luận chính trị tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông - Thực tiễn, kinh nghiệm và một số kiến nghị* (2025) [85] phản ánh rõ nét thực trạng CDS trong giảng dạy LLCT ở một cơ sở đào tạo đặc thù. Các kết quả đạt được được xem xét, phân tích khi ứng dụng hệ thống học liệu điện tử, lớp học trực tuyến, phần mềm quản lý học tập, qua đó mở rộng kênh tiếp cận tri thức và tăng cường tính sáng tạo, chủ động của người học. Đồng thời, bài viết chỉ ra nhiều khó khăn: một bộ phận giảng viên chưa thành thạo công nghệ, học liệu số còn thiếu đồng bộ, cơ chế đánh giá trực tuyến chưa thật sự phát huy hiệu quả. Trên cơ sở đó, tác giả rút ra bài học thực tiễn và kiến nghị như: cần tăng cường đầu tư hạ tầng, bồi dưỡng kỹ năng công nghệ cho giảng viên, chuẩn hóa học liệu số và hoàn thiện chính sách hỗ trợ.

1.3. NHỮNG CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ HIỆN NAY

Sách *Nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập các môn lý luận chính trị trong các trường đại học, cao đẳng* (2017) của Phạm Văn Linh [113] luận giải có hệ thống các giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy, trong đó nổi bật là: (1) đổi mới nội dung, chương trình theo hướng hiện đại, cập nhật, bảo đảm tính khoa học được đặt trong định hướng chính trị; (2) đội ngũ giảng viên LLCT được chuẩn hóa đáp ứng yêu cầu đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội

nhập quốc tế; (3) phương pháp giảng dạy được đổi mới, gắn lý luận với thực tiễn, phát huy năng lực sáng tạo và tư duy độc lập của người học.

Sách *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Đào tạo trực tuyến trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp 4.0* (2017) [179] đã chỉ rõ bốn nhóm giải pháp then chốt: (1) Hoàn thiện hành lang pháp lý và tiêu chuẩn chất lượng đào tạo trực tuyến, bảo đảm tính bình đẳng giữa các hình thức đào tạo và cho phép tích hợp linh hoạt giữa học trực tuyến và trực tiếp; (2) Phát triển đồng bộ hạ tầng, hệ thống quản lý và nội dung học tập số; kết nối tài nguyên giáo dục mở; và ứng dụng các công nghệ mới như AI và phân tích dữ liệu học tập; (3) Bồi dưỡng năng lực số và kỹ năng thiết kế học liệu số cho giảng viên, thực hiện đổi mới phương pháp sư phạm nhằm phát huy vai trò trung tâm của người học, kết hợp các mô hình như Blended Learning, Gamification, Micro-Learning; (4) Nâng cao nhận thức xã hội và xây dựng văn hóa học tập trực tuyến, xây dựng cộng đồng học tập mở phục vụ học tập suốt đời.

Sách *Công tác tư tưởng trong điều kiện hiện nay: Thực trạng, vấn đề đặt ra và giải pháp* (2018) của Hội đồng lý luận Trung ương [95] là nghiên cứu tập hợp các bài tham luận của các nhà lãnh đạo, nhà nghiên cứu LLCT của hai nước Việt Nam và Lào. Thông qua các bài viết, đã làm rõ một số giải pháp, như: tăng cường đổi mới công tác tư tưởng, lý luận trong điều kiện hiện tại; nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đối với cán bộ, đảng viên; tăng cường bồi dưỡng LLCT cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý; đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái tư tưởng, chính trị trong Đảng. Một số bài viết khẳng định công tác bồi dưỡng LLCT, cập nhật kiến thức cho đội ngũ cán bộ là một vấn đề có ý nghĩa quan trọng hàng đầu.

Sách *Đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy các môn khoa học lý luận chính trị - một số vấn đề lý luận và thực tiễn* (2018) của Đoàn Đức Hiếu và Phùng Thế Anh (chủ biên) [83], khẳng định rằng đối với các môn LLCT trường đại học được sinh viên hứng thu thì giảng viên phải có “cái tâm” với

nghe. Đó là lòng nhiệt huyết, thể hiện sự say mê của người dạy đối với các môn LLCT, là tấm lòng và cách cư xử, giao tiếp của người dạy đối với sinh viên. Các tác gia cũng đã làm rõ tính tất yếu, phương hướng đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp giảng dạy các môn LLCT hiện nay.

Đề tài khoa học cấp bộ *Chất lượng đào tạo, bồi dưỡng giảng viên lý luận chính trị ở Việt Nam hiện nay* (2015) của Trương Ngọc Nam [129] đề xuất bốn nhóm giải pháp chủ yếu: (1) tăng cường vai trò lãnh đạo và quản lý của Đảng và Nhà nước đối với GD LLCT và công tác đào tạo, bồi dưỡng giảng viên; (2) đổi mới nội dung, chương trình đào tạo theo hướng khoa học, hiện đại, gần thực tiễn; (3) đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên các chuyên ngành đào tạo giảng viên LLCT; (4) đổi mới công tác quản lý đào tạo, tuyển sinh và đảm bảo chất lượng, người học được chú trọng phát huy tính chủ động và tích cực và đổi mới căn bản công tác thi, kiểm tra, đánh giá.

Bài viết *Áp dụng chuyển đổi số trong giáo dục lý luận chính trị* (2022) của Bùi Kim Thanh và Bùi Thị Hồng Hà [185], các giải pháp khả thi được đề xuất như: nội dung bài giảng được đổi mới theo hướng tinh gọn, trực quan, gần thực tiễn; phát triển hệ thống học liệu số và bài giảng điện tử; tổ chức lớp học linh hoạt, tăng cường tương tác thông qua nền tảng số; nâng cao năng lực số cho giảng viên; đổi mới đánh giá theo hướng phát triển năng lực người học. Một điểm nhấn quan trọng trong bài viết là vai trò của tư duy đổi mới trong đội ngũ lãnh đạo và quản lý GD LLCT, xem CĐS không chỉ là một công cụ, mà là động lực để đổi mới toàn diện cách tiếp cận người học gắn với nội dung và phương pháp giảng dạy.

Bài viết *Phát triển năng lực số cho giảng viên trong quá trình chuyển đổi số trong giáo dục* (2022) của Hoàng Phúc Bảo [15] đề xuất hệ thống giải pháp phát triển năng lực số cho giảng viên trong quá trình CĐS trong giáo dục, như: xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực số cho giảng viên; tổ chức

chương trình đào tạo - bồi dưỡng chuyên sâu theo lộ trình; khuyến khích giảng viên ứng dụng công nghệ trong nghiên cứu, phát triển chuyên môn và quản lý lớp học; đồng thời tăng cường sử dụng hiệu quả và có trách nhiệm tài nguyên số mở.

Bài viết *Nâng cao chất lượng giảng dạy các môn lý luận chính trị tại Trường Đại học Tài chính - Marketing trước yêu cầu chuyển đổi số* (2024) của Bùi Thanh Tùng, Nguyễn Minh Hiền [158] đề xuất bốn nhóm giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, bao gồm: (1) thực hiện mô hình dạy học phân hóa; (2) đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp theo hướng gắn với thực tiễn và chuẩn đầu ra; (3) phát triển đội ngũ giảng viên; và (4) phát triển hạ tầng và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu CDS. Bài viết đóng góp một mô hình giải pháp thực tiễn gắn liền với điều kiện cụ thể tại một cơ sở đào tạo đại học, kết hợp giữa việc đổi mới quản trị giáo dục và phương pháp tổ chức giảng dạy các môn LLCT.

Bài viết *Nâng cao năng lực số của giảng viên lý luận chính trị* (2024) của Trần Cao Quý [138] đề xuất hệ thống giải pháp đồng bộ nhằm phát triển năng lực số cho đội ngũ giảng viên LLCT, bao gồm: phát triển chương trình đào tạo kỹ năng số chuyên sâu gắn với ứng dụng các công cụ số trong giảng dạy; hình thành cộng đồng học tập số trong nội bộ đơn vị; tạo động lực đổi mới thông qua cơ chế đánh giá, thi đua gắn với kết quả CDS. Đóng góp quan trọng của bài viết là nhấn mạnh vai trò trung tâm của giảng viên trong tiến trình đổi mới GD LLCT, đảm nhiệm đồng thời vai trò truyền thụ tri thức và sáng tạo trong môi trường giáo dục số.

Bài viết *Nâng cao chất lượng giảng dạy các môn lý luận chính trị thông qua ứng dụng công nghệ số* (2024) của Nguyễn Văn Thiên [152] đã đề xuất sáu nhóm giải pháp then chốt: (1) Đổi mới nội dung, chương trình và giáo trình theo hướng cập nhật, khoa học, gắn lý luận với thực tiễn; (2) Đổi mới dạy học theo hướng hiện đại hóa, tăng cường ứng dụng công cụ số và học liệu

đa phương tiện; (3) Kiểm tra - đánh giá được đổi mới thông qua việc xây dựng ngân hàng câu hỏi trực tuyến, đánh giá theo năng lực và quá trình; (4) Xây dựng và phát triển thư viện số, chia sẻ học liệu dùng chung; (5) Ứng dụng các công nghệ số như trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn trong quản lý và cá nhân hóa học tập; (6) Bồi dưỡng năng lực số cho giảng viên, đồng thời phát huy tinh thần tự học, tự nghiên cứu của sinh viên.

Bài viết *Nâng cao hiệu quả chuyển đổi số trong dạy học các môn lý luận chính trị ở Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội* (2024) của Hoàng Mạnh Hùng [99] đưa ra giải pháp nhằm thực hiện CDS hiệu quả trong dạy học các môn LLCT tại Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội, cụ thể: (1) Ở cấp nhà trường, cần đẩy mạnh tuyên truyền, xây dựng kế hoạch và quy chế thực hiện “văn hóa số”, bồi dưỡng kỹ năng công nghệ thông tin cho giảng viên và sinh viên, nâng cấp cơ sở vật chất và hệ thống học liệu số, đồng thời hỗ trợ sinh viên có hoàn cảnh khó khăn; (2) Ở cấp giảng viên, phải thay đổi nhận thức, không giới hạn CDS ở giai đoạn dịch bệnh, mà coi đây là yêu cầu thường xuyên; kết hợp kiến thức chuyên môn với năng lực công nghệ, đổi mới phương pháp dạy học và đa dạng hóa học liệu. Ở cấp sinh viên, cần nâng cao tính chủ động trong học tập, phát triển năng lực tự học và từng bước khắc phục hạn chế về thiết bị, kỹ năng.

Bài viết *Thúc đẩy chuyển đổi số trong đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị* (2024) của Vũ Thanh Sơn [142] triển khai hệ thống giải pháp tổng thể nhằm hiện thực hóa CDS trong đào tạo LLCT, từ chuyển đổi nhận thức, hoàn thiện thể chế, xây dựng hạ tầng số, phát triển cơ sở dữ liệu lớn, đến việc đào tạo lại đội ngũ giảng viên và huy động nguồn lực trong nước và quốc tế. Nhiều giải pháp được đề xuất theo hướng đồng bộ hóa các yếu tố: (1) cơ sở pháp lý, (2) hạ tầng kỹ thuật số, (3) năng lực số của đội ngũ giảng viên, (4) phương thức tổ chức dạy học, đánh giá, (5) hợp tác quốc tế và (6) cơ chế tài chính - từ đó định hình rõ một mô hình CDS trong toàn hệ thống GD LLCT hiện nay.

Bài viết *Đổi mới dạy học lý luận chính trị hướng tới mô hình giáo dục số* (2024) của Nguyễn Mạnh Hải và Trần Thị Thu Hiền [74]. Trên cơ sở phân tích năm thành phần cốt lõi của giáo dục số (nền tảng số, đội ngũ nhà giáo dục số, người học số, học liệu số và môi trường học tập số) và xu thế ứng dụng công nghệ mới, bài viết đề xuất các giải pháp bao gồm: phát huy tính tích cực, tự giác, sáng tạo của người học; sử dụng hiệu quả tài nguyên số và xây dựng môi trường học tập linh hoạt, tương tác cao; tăng cường hoạt động học tập trải nghiệm và gắn kết thực tiễn; đổi mới phương thức đánh giá.

Bài viết *Chuyển đổi số trong đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị: Tiếp cận và đề xuất* (2024) của Vũ Thanh Sơn [143] nhấn mạnh các giải pháp: (1) chuyển đổi nhận thức về CDS; (2) tổ chức hình thức học linh hoạt (trực tiếp - trực tuyến - kết hợp), chuẩn hóa đánh giá, tăng trách nhiệm giải trình; (3) xây dựng và phát triển cơ sở vật chất - kỹ thuật để phục vụ dạy và học trong môi trường số; (4) phát triển đội ngũ giảng viên có năng lực số; (5) phân bổ, huy động nguồn lực cho CDS trong đào tạo, bồi dưỡng; (6) mở rộng hợp tác quốc tế để khai thác nguồn lực phục vụ CDS.

Bài viết *Chuyển đổi số giáo dục tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh trong kỷ nguyên phát triển mới* (2025) của Trần Quang Diệu [43] đề xuất hệ giải pháp mang tính mô hình cho cơ sở đào tạo LLCT. Tác giả đặt CDS trong khung “giáo dục 4.0/giáo dục thông minh”, nhấn mạnh tích hợp công nghệ (AI, dữ liệu lớn, IoT, đám mây) vào toàn bộ chức năng dạy - học - quản trị nhằm cá nhân hóa học tập, tối ưu hiệu quả và bảo đảm tiếp cận công bằng. Tác giả kiến tạo “mô hình Học viện số” gồm bảy nhóm giải pháp: (1) chuyển đổi nhận thức và quyết tâm chính trị; (2) phát triển năng lực số đội ngũ; (3) hoàn thiện hạ tầng - nền tảng số, liên thông và dùng chung dữ liệu; (4) đổi mới chương trình, học liệu và phương pháp (blended, flipped, dự án; AI có kiểm soát); (5) tăng cường nghiên cứu - tư vấn chính sách dựa trên dữ

liệu; (6) bảo đảm an ninh, an toàn thông tin; (7) mở rộng hợp tác trong nước, quốc tế.

Bài viết *Đẩy mạnh chuyển đổi số đáp ứng yêu cầu xây dựng trường chính trị chuẩn* (2025) của Hoàng Văn Thanh [147] xác định mục tiêu của CDS tại trường chính trị là nâng cao hiệu quả quản trị - dạy học - bảo đảm chất lượng, đồng thời hình thành môi trường học thuật số an toàn, minh bạch. Trên nền đó, bài viết cấu trúc giải pháp theo ba trụ cột: (i) quản trị số: xây dựng kế hoạch số hóa, hệ thống thông tin quản lý, phân tích dữ liệu học tập, hội thảo - thảo luận trực tuyến; (ii) dạy học và đánh giá: tổ chức lớp trực tuyến/kết hợp, ngân hàng câu hỏi, giám sát - chấm thi điện tử; (iii) tài nguyên học thuật số: giáo trình, bài giảng, video, thí nghiệm mô phỏng, thư viện số, kết nối OER và cơ chế bản quyền/cho phép sử dụng. Về thúc đẩy thực thi, tác giả kiến nghị: Học viện ban hành khung hướng dẫn thống nhất; Tỉnh ủy/Thành ủy ưu tiên đầu tư hạ tầng và sinh thái số; các trường xây dựng lộ trình dài hạn gắn chỉ tiêu, bảo mật dữ liệu, liên thông nền tảng.

Bài viết *Nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị ở các trường đại học trong bối cảnh chuyển đổi số* (2025) của Trương Thị Hồng Nga, Nguyễn Thị Túy [130] tập trung phân tích tác động của CDS và đề xuất 05 nhóm giải pháp trọng tâm nhằm nâng cao chất lượng GD LLCT. Các giải pháp bao gồm: ứng dụng công nghệ (phần mềm quản lý, kho học liệu số); nâng cao năng lực giảng dạy số và cập nhật nội dung chương trình theo hướng khoa học, thực tiễn; áp dụng phương pháp dạy học tích cực (học theo dự án, tranh biện); đa dạng hóa hình thức kiểm tra, đánh giá trực tuyến. Các giải pháp đề xuất có tính hệ thống, nhấn mạnh sự kết hợp hài hòa giữa công nghệ hiện đại và giá trị truyền thống, đồng thời chỉ rõ vai trò then chốt của đội ngũ giảng viên trong việc làm chủ công nghệ để định hướng tư tưởng.

Bài viết *Mô hình đổi mới sáng tạo và triển khai đổi mới sáng tạo trong đào tạo, bồi dưỡng tại các trường chính trị cấp tỉnh hiện nay* (2025) của Thái

Thị Hồng [66] đề xuất mô hình đổi mới sáng tạo cho các trường chính trị cấp tỉnh, đặt trên nền tảng chủ trương mới của Đảng và Nhà nước. Tác giả hệ thống hóa cơ sở lý luận qua bốn hướng tiếp cận: đổi mới mở (huy động nguồn lực trong/ngoài nhà trường), đổi mới dựa trên công nghệ, đổi mới lấy người học làm trung tâm, và hệ sinh thái đổi mới (liên kết chính quyền - doanh nghiệp - viện nghiên cứu - cộng đồng). Từ đó, bài viết nêu khung giải pháp gồm: số hóa đồng bộ quy trình đào tạo; tăng kết nối và chia sẻ học liệu; phát triển năng lực số cho giảng viên; hoàn thiện cơ chế khuyến khích - đánh giá; bảo đảm an toàn, bảo mật và tuân thủ pháp luật. Khảo sát cho thấy nhiều trường triển khai hệ thống quản lý học tập, lớp học kết hợp, ngân hàng đề số, kho học liệu dùng chung và hợp tác địa phương; song còn hạn chế về hạ tầng, dữ liệu, năng lực số, cơ chế chính sách và tính bền vững.

Bài viết *Tiếp tục đổi mới phương pháp giảng dạy lý luận chính trị đáp ứng yêu cầu xây dựng trường chính trị chuẩn trong kỷ nguyên mới* (2025) của Cẩm Thị Lai [109] tập trung đề xuất hệ giải pháp đổi mới phương pháp dạy học LLCT ở các trường chính trị cấp tỉnh nhằm đáp ứng yêu cầu “trường chính trị chuẩn” trong kỷ nguyên số. Bài viết đề xuất giải pháp: (i) đổi mới đồng bộ mục tiêu, nội dung, phương pháp theo định hướng năng lực, tăng đối thoại, phản biện, học qua dự án; (ii) phát triển năng lực số và năng lực sư phạm số cho giảng viên; (iii) hoàn thiện hạ tầng, dữ liệu học tập và quy trình bảo đảm chất lượng; (iv) tăng cường nghiên cứu, kiểm chứng, chia sẻ kinh nghiệm; (v) tăng cường liên kết giữa nhà trường và các đối tác công nghệ. Tác giả nhấn mạnh nguyên tắc xuyên suốt: đổi mới phương pháp phải gắn chặt định hướng chính trị, nâng chất lượng và hiệu quả bồi dưỡng cán bộ.

Bài viết *Đổi mới dạy và học các học phần lý luận chính trị trong bối cảnh chuyển đổi số ở Việt Nam hiện nay* (2025) của Trần Thị Lan Hương [104] tập trung vào yêu cầu và giải pháp cụ thể nhằm hiện đại hóa phương thức dạy học LLCT theo hướng số hóa. Tác giả nhấn mạnh, CDS không chỉ là

xu thế tất yếu mà còn là động lực để đa dạng hóa phương pháp sư phạm, từ dạy học trực tiếp kết hợp trực tuyến, lớp học đảo ngược, đến việc khai thác học liệu điện tử và hệ thống quản lý học tập. Giá trị khoa học của công trình thể hiện ở việc xác định rõ giải pháp nâng cao hiệu quả giảng dạy: phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của người học; tăng cường tương tác đa chiều; xây dựng hệ sinh thái học liệu số chuẩn mực; đồng thời bồi dưỡng năng lực số cho đội ngũ giảng viên. Bài viết cũng khẳng định yêu cầu giữ vững tính đảng, tính khoa học và tính thực tiễn trong toàn bộ quá trình đổi mới.

Bài viết *Phát triển đội ngũ giảng viên lý luận chính trị trong bối cảnh chuyển đổi số* (2025) của Phan Thị Thanh Hải, Hoàng Anh [75] tiếp cận vấn đề từ quan điểm phát triển đội ngũ gắn với các yêu cầu mới về năng lực số, phương pháp giảng dạy hiện đại và mô hình quản lý thích ứng, đồng thời nhấn mạnh vai trò của giảng viên LLCT như là trung tâm trong quá trình đổi mới giáo dục chính trị tư tưởng. Bài viết thể hiện ở việc nhận diện đầy đủ các khía cạnh tác động của CDS đến đội ngũ giảng viên, từ đó đưa ra giải pháp đồng bộ cả về chính sách, cơ chế quản lý, nội dung đào tạo, bồi dưỡng, cũng như hoàn thiện môi trường làm việc.

1.4. GIÁ TRỊ CỦA CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ ĐƯỢC TỔNG QUAN VÀ VẤN ĐỀ ĐẶT RA LUẬN ÁN CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU

1.4.1. Giá trị của các công trình đã được tổng quan

Qua tổng quan các công trình khoa học trong và ngoài nước liên quan đến đề tài luận án có thể thấy rằng vấn đề GD LLCT, nâng cao chất lượng GD LLCT cũng như tác động của CDS đối với giáo dục đã thu hút sự quan tâm nghiên cứu của nhiều nhà khoa học ở những góc độ khác nhau. Các công trình nghiên cứu đã tiếp cận vấn đề từ nhiều lĩnh vực khoa học như triết học, khoa học chính trị, khoa học giáo dục, quản lý giáo dục ..., qua đó cung cấp nhiều luận cứ khoa học quan trọng góp phần làm sáng tỏ cả phương diện lý luận và thực tiễn của nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS.

Những kết quả nghiên cứu không chỉ góp phần làm phong phú thêm nhận thức khoa học về GD LLCT mà còn cung cấp những cơ sở quan trọng cho việc nghiên cứu nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CĐS đang diễn ra trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Từ việc phân tích các công trình nghiên cứu đã được tổng quan có thể khái quát những giá trị khoa học chủ yếu mà luận án có thể kế thừa và phát triển theo ba phương diện cơ bản sau đây.

Thứ nhất, về lý luận: các công trình nghiên cứu đã cung cấp luận cứ quan trọng về GD LLCT và nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CĐS.

Nhiều công trình nghiên cứu đã tập trung bàn luận về những vấn đề lý luận cơ bản liên quan đến GD LLCT. Các tác giả đã phân tích vị trí, vai trò và ý nghĩa của GD LLCT trong đời sống chính trị - xã hội, khẳng định rằng GD LLCT là một bộ phận quan trọng của công tác tư tưởng của Đảng, có chức năng truyền bá thế giới quan và phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, góp phần hình thành lập trường tư tưởng, bản lĩnh chính trị và phương pháp tư duy khoa học cho cán bộ, đảng viên.

Nhiều nghiên cứu cũng đã luận giải mục tiêu, nội dung và phương thức của GD LLCT trong hệ thống chính trị ở Việt Nam. Các nghiên cứu đều nhấn mạnh vai trò của hệ thống các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng LLCT, đặc biệt là các trường chính trị tỉnh, thành phố trong việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở. Những phân tích này góp phần chỉ ra đặc điểm của GD LLCT với tư cách là một hoạt động giáo dục mang tính chính trị - tư tưởng đặc thù, vừa mang tính khoa học, vừa mang tính định hướng chính trị rõ rệt.

Bên cạnh việc nghiên cứu GD LLCT nói chung, nhiều công trình khoa học cũng đã tiếp cận vấn đề từ góc độ chất lượng giáo dục. Các nghiên cứu đã bước đầu phân tích khái niệm chất lượng giáo dục, xác định những yếu tố cấu thành chất lượng giáo dục cũng như những tiêu chí đánh giá chất lượng trong quá trình đào tạo. Một số tác giả đã vận dụng cách tiếp cận này vào lĩnh vực

GD LLCT, chỉ ra rằng chất lượng GD LLCT được hình thành từ sự tác động tổng hợp của nhiều yếu tố như mục tiêu đào tạo, nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy, đội ngũ giảng viên, điều kiện cơ sở vật chất và kết quả đầu ra của quá trình đào tạo.

Đây là cơ sở quan trọng để luận án tiếp tục nghiên cứu, phát triển và làm sâu sắc hơn các vấn đề lý luận về chất lượng GD LLCT và nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS.

Thứ hai, về thực trạng: các công trình nghiên cứu đã cung cấp nhiều tư liệu và cách tiếp cận quan trọng trong việc đánh giá thực trạng nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS.

Bên cạnh việc nghiên cứu các vấn đề lý luận, nhiều công trình khoa học đã tập trung khảo sát và phân tích thực trạng GD LLCT ở nước ta trong những năm gần đây. Các nghiên cứu đã phản ánh những kết quả đạt được trong hoạt động GD LLCT, đồng thời chỉ ra những hạn chế và bất cập cần được tiếp tục khắc phục.

Nhiều công trình nghiên cứu đã ghi nhận rằng trong những năm qua, GD LLCT ở nước ta đã có những bước phát triển quan trọng. Hệ thống các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng LLCT ngày càng được củng cố và hoàn thiện; chương trình, nội dung đào tạo từng bước được điều chỉnh, bổ sung; phương pháp giảng dạy từng bước được đổi mới theo hướng gắn lý luận với thực tiễn. Đồng thời, đội ngũ giảng viên LLCT cũng không ngừng được đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và bản lĩnh chính trị. Bên cạnh những kết quả đạt được, nhiều nghiên cứu cũng đã chỉ ra những hạn chế, bất cập trong hoạt động GD LLCT hiện nay. Một số công trình cho rằng nội dung chương trình ở một số nơi còn nặng về lý thuyết, chậm cập nhật những vấn đề mới của thực tiễn; phương pháp giảng dạy ở một số cơ sở đào tạo vẫn còn thiên về truyền đạt một chiều, chưa phát huy đầy đủ tính tích cực, chủ

động và sáng tạo của người học; việc gắn kết giữa lý luận với thực tiễn trong quá trình giảng dạy chưa thật sự chặt chẽ.

Ngoài ra, một số nghiên cứu cũng đã đề cập đến những khó khăn về điều kiện bảo đảm cho hoạt động GD LLCT, như hạn chế về cơ sở vật chất, trang thiết bị giảng dạy, nguồn học liệu cũng như năng lực nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên. Những yếu tố này có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng đào tạo và hiệu quả của quá trình GD LLCT.

Trong bối cảnh CDS hiện nay, một số công trình nghiên cứu cũng đã bước đầu đề cập đến những thay đổi trong hoạt động giáo dục và đào tạo dưới tác động của công nghệ số. Các tác giả đã chỉ ra rằng việc ứng dụng công nghệ thông tin và các nền tảng số đang từng bước làm thay đổi phương thức tổ chức dạy học, từ mô hình lớp học truyền thống sang các hình thức học tập trực tuyến hoặc kết hợp giữa trực tuyến và trực tiếp. Đồng thời, các nghiên cứu cũng đề cập đến sự xuất hiện của các hệ thống học liệu số, các nền tảng quản lý học tập trực tuyến và các công cụ hỗ trợ giảng dạy hiện đại.

Bên cạnh những tác động tích cực, nhiều nghiên cứu cũng chỉ ra những khó khăn và thách thức trong quá trình ứng dụng công nghệ số trong giáo dục, như sự thiếu đồng bộ về hạ tầng công nghệ, sự chênh lệch về năng lực số giữa các cơ sở giáo dục cũng như giữa đội ngũ giảng viên và người học. Những phân tích này giúp cung cấp những tư liệu thực tiễn quan trọng, góp phần nhận diện những vấn đề đặt ra đối với việc nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS.

Thứ ba, về giải pháp: các công trình nghiên cứu đã đề xuất nhiều định hướng và giải pháp nhằm nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS.

Từ những phân tích về đề lý luận và thực trạng GD LLCT, nhiều công trình khoa học đã đề xuất các quan điểm và giải pháp nhằm nâng cao chất lượng GD LLCT trong giai đoạn hiện nay. Các giải pháp được đề cập khá đa dạng và tiếp cận từ nhiều góc độ khác nhau.

Một số nghiên cứu nhấn mạnh yêu cầu đổi mới nội dung, chương trình GD LLCT bảo đảm sự thống nhất giữa lý luận với thực tiễn. Việc tích hợp những biến chuyển của đời sống kinh tế - xã hội vào nội dung được xem là giải pháp để gia tăng giá trị cũng như sức lôi cuốn của tri thức đối với người học. Các nghiên cứu cũng có sự thống nhất trong việc nhấn mạnh yêu cầu chuyển đổi mô hình giáo dục theo hướng phát huy tối đa năng lực tư duy độc lập và tinh thần đổi mới sáng tạo của người học, thông qua việc vận dụng các phương pháp dạy học tích cực như thảo luận, trao đổi, phân tích tình huống và gắn tri thức lý luận với thực tiễn đời sống.

Một hướng tiếp cận khác nhấn mạnh vai trò hạt nhân của đội ngũ giảng viên LLCT, coi đây là nhân tố chủ quan có ý nghĩa quyết định trực tiếp đối với chất lượng hiện thực hóa mục tiêu đào tạo lý luận. Theo đó, các nghiên cứu đều cho rằng việc nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng sư phạm cần được đặt trong mối quan hệ thống nhất với quá trình rèn luyện bản lĩnh chính trị, tư duy khoa học và năng lực khái quát hóa thực tiễn của đội ngũ giảng viên, nhằm bảo đảm tính khoa học, tính thực tiễn và sức thuyết phục của hoạt động GD LLCT.

Dưới tác động mạnh mẽ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ Tư và tiến trình CĐS, nhiều nghiên cứu đã tập trung luận giải các định hướng đổi mới hoạt động đào tạo LLCT gắn với việc ứng dụng công nghệ số. Các nghiên cứu này nhấn mạnh yêu cầu xây dựng hệ thống học liệu số, phát triển các môi trường học tập trực tuyến và từng bước đổi mới phương thức tổ chức dạy học trên cơ sở khai thác hiệu quả các thành tựu khoa học - công nghệ hiện đại. Đồng thời, việc hình thành hệ sinh thái giáo dục số cũng được xem là yêu cầu khách quan nhằm đáp ứng những biến đổi về phương thức tiếp cận tri thức và yêu cầu phát triển nguồn nhân lực trong bối cảnh xã hội số.

Bên cạnh đó, nhiều công trình nghiên cứu đã khẳng định tính tất yếu của việc nâng cao năng lực thích ứng công nghệ cho các chủ thể của quá trình dạy

học, coi đây là điều kiện quan trọng để nâng cao chất lượng và hiệu quả GD LLCT trong bối cảnh CDS. Song song với nhân tố con người, các nghiên cứu cũng thống nhất về yêu cầu tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hệ thống dữ liệu và các phương thức quản trị giáo dục thông minh nhằm tạo nền tảng vật chất - kỹ thuật cho quá trình CDS giáo dục theo hướng đồng bộ và toàn diện.

Nhìn chung, dưới các góc độ tiếp cận khác nhau, các công trình nghiên cứu đã góp phần hình thành cơ sở lý luận và thực tiễn, cũng như đưa ra được một số giải pháp cơ bản nâng cao chất lượng hoạt động GD LLCT trong bối cảnh mới. Những kết quả nghiên cứu này là cơ sở khoa học quan trọng để tác giả kế thừa, chọn lọc và vận dụng trong quá trình nghiên cứu các nội dung của đề tài. Tuy nhiên, những nghiên cứu về vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS vẫn chưa nhiều, đặc biệt, chưa có công trình nào nghiên cứu một cách chuyên sâu vấn đề này dưới góc độ triết học. Vì vậy, luận án sẽ tập trung nghiên cứu làm rõ.

1.4.2. Những vấn đề đặt ra mà luận án cần tiếp tục nghiên cứu

Thứ nhất, làm rõ hơn những vấn đề lý luận về nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS hiện nay.

Mặc dù đã có nhiều công trình nghiên cứu đề cập đến chất lượng GD LLCT và nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS, song việc nghiên cứu một cách hệ thống những vấn đề lý luận về nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS vẫn còn những khoảng trống nhất định.

Trước hết, luận án sẽ tiếp tục nghiên cứu làm rõ bản chất và đặc điểm của GD LLCT trong bối cảnh CDS. CDS không chỉ làm thay đổi phương tiện và công cụ truyền bá tri thức mà còn tạo ra những biến đổi sâu sắc về môi trường thông tin, phương thức tiếp cận tri thức và không gian tư tưởng của xã hội. Điều đó đặt ra yêu cầu phải nhận thức GD LLCT như một quá trình vừa kế thừa những giá trị cốt lõi truyền thống, vừa đổi mới phương thức tổ chức

và thực hiện trên nền tảng công nghệ số. Việc làm rõ bản chất của GD LLCT trong bối cảnh CDS sẽ giúp xác định đúng phương hướng đổi mới và nâng cao chất lượng của hoạt động giáo dục này trong điều kiện mới.

Bên cạnh đó, luận án sẽ tiếp tục nghiên cứu và làm rõ quan niệm về chất lượng và nâng cao chất lượng giáo GD LLCT trong bối cảnh CDS. Xác định đầy đủ nội hàm của nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS không chỉ dừng lại ở việc nâng cao hiệu quả truyền thụ tri thức LLCT theo phương thức truyền thống, mà còn phải hướng tới phát triển năng lực tiếp cận, chọn lọc và xử lý thông tin trong môi trường số; củng cố bản lĩnh chính trị, niềm tin tư tưởng và khả năng đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng; đồng thời nâng cao năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn lãnh đạo, quản lý và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong điều kiện xã hội số.

Đồng thời, luận án làm rõ tầm quan trọng và các nhân tố tác động đến nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS (ở các tỉnh miền núi phía Bắc) hiện nay. Trong điều kiện môi trường thông tin và không gian tư tưởng có nhiều biến đổi, GD LLCT giữ vai trò quan trọng trong việc củng cố nền tảng tư tưởng của Đảng, thống nhất nhận thức chính trị, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ và củng cố niềm tin của Nhân dân đối với hệ thống chính trị. Tuy nhiên, hiệu quả nâng cao chất lượng GD LLCT chịu sự tác động của nhiều nhân tố như: sự lãnh đạo, định hướng của Đảng và Nhà nước; điều kiện kinh tế - xã hội, đặc điểm văn hóa của khu vực miền núi phía Bắc; trình độ, năng lực và tính chủ động của các chủ thể giáo dục; cùng với điều kiện cơ sở vật chất và hạ tầng công nghệ số tại các trường chính trị tỉnh khu vực miền núi phía Bắc.

Thứ hai, phân tích, đánh giá thực trạng nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS hiện nay (qua thực tiễn ở các tỉnh miền núi phía Bắc).

Mặc dù đã có một số nghiên cứu đề cập đến thực trạng GD LLCT và quá trình ứng dụng công nghệ số trong giáo dục, song phần lớn mới phản ánh bức tranh chung hoặc nghiên cứu ở những địa bàn có điều kiện thuận lợi, chưa đi sâu phân tích thực trạng nâng cao chất lượng GD LLCT ở các tỉnh miền núi phía Bắc (khu vực có những khó khăn, hạn chế bất cập lớn đối với việc nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS).

Vì vậy, luận án sẽ tập trung nghiên cứu thực trạng nâng cao chất lượng GD LLCT ở các tỉnh khu vực miền núi phía Bắc trong bối cảnh CDS trên cơ sở tiếp cận toàn diện và biện chứng, xem thực trạng này là kết quả của sự tác động qua lại giữa chủ thể, nội dung và phương thức GD LLCT trong bối cảnh CDS để làm rõ những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân của những thành tựu, hạn chế của quá trình nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS ở các tỉnh miền núi phía Bắc.

Đồng thời, luận án cũng làm rõ những vấn đề đặt ra đối với việc nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS, đặc biệt là các mâu thuẫn liên quan đến chủ thể giáo dục, nội dung giáo dục và phương thức tổ chức GD LLCT ở các tỉnh miền núi phía Bắc. Việc phân tích các mâu thuẫn này không chỉ góp phần làm rõ bản chất, nguyên nhân và những nút thắt của quá trình nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS mà còn tạo cơ sở thực tiễn quan trọng để luận án đề xuất các quan điểm và giải pháp phù hợp.

Thứ ba, đề xuất quan điểm và các giải pháp chủ yếu nhằm tiếp tục nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS những năm tiếp theo.

Luận án xây dựng các quan điểm mang tính định hướng đối với nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS hiện nay, bảo đảm sự thống nhất giữa yêu cầu đổi mới với việc giữ vững bản chất chính trị - tư tưởng và mục tiêu của GD LLCT. Đồng thời, các quan điểm này cũng gắn với đặc thù điều kiện kinh tế - xã hội, văn hóa và trình độ phát triển của khu vực miền núi phía

Bắc, cũng như yêu cầu thu hẹp khoảng cách số và phát triển năng lực số cho các chủ thể giáo dục.

Trên cơ sở đó, luận án đề xuất hệ thống giải pháp chủ yếu nhằm tiếp tục nâng cao chất lượng GD LLCT ở các tỉnh khu vực miền núi phía Bắc theo hướng đồng bộ, phù hợp với điều kiện thực tiễn. Các giải pháp tập trung vào nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các chủ thể; phát triển đội ngũ giảng viên đáp ứng yêu cầu CDS; đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học; phát triển học liệu số; đồng thời tăng cường các điều kiện bảo đảm và hoàn thiện cơ chế quản lý chất lượng GD LLCT trong môi trường số hiện nay.

Tiểu kết Chương 1

Chương 1 của luận án đã tổng quan và đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan đến nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS theo ba nhóm nội dung chủ yếu. Các nghiên cứu đã làm rõ khái niệm, vai trò của GD LLCT, tác động của CDS đối với giáo dục và bước đầu đề cập yêu cầu đổi mới GD LLCT trong môi trường số. Một số công trình cũng phản ánh thực trạng CDS trong GD LLCT, chỉ ra những hạn chế về hạ tầng công nghệ, học liệu số và năng lực số của đội ngũ giảng viên. Đồng thời, nhiều giải pháp như đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, phát triển môi trường học tập số và nâng cao năng lực số cho giảng viên đã được đề xuất. Tuy nhiên, các nghiên cứu chủ yếu tiếp cận ở phạm vi chung, chưa đi sâu phân tích đặc thù của hệ thống trường chính trị tỉnh khu vực miền núi phía Bắc trong bối cảnh CDS hiện nay.

Trên cơ sở đó, Chương 1 xác định những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu gồm: làm rõ những vấn đề lý luận về nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS; phân tích thực trạng nâng cao chất lượng GD LLCT tại các trường chính trị tỉnh khu vực miền núi phía Bắc; đề xuất quan điểm và giải pháp tiếp tục nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS trong thời gian tới.

Chương 2

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ HIỆN NAY - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN

2.1. QUAN NIỆM VỀ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

2.1.1. Quan niệm về chất lượng giáo dục lý luận chính trị

** Quan niệm về lý luận chính trị*

Các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lênin mặc dù chưa đưa ra định nghĩa riêng về LLCT song trong các tác phẩm nghiên cứu của mình, các ông cũng đã có những quan niệm đặt nền tảng phương pháp luận cho việc nghiên cứu về vấn đề này. C.Mác và Ph.Ăngghen cho rằng, đời sống chính trị và các hình thái ý thức xã hội được hình thành trên cơ sở những điều kiện kinh tế - xã hội nhất định: “Toàn bộ những quan hệ sản xuất ấy hợp thành cơ cấu kinh tế của xã hội, tức là cái cơ sở hiện thực trên đó dựng lên một kiến trúc thượng tầng pháp lý và chính trị...” [30, tr.15]. Điều đó cho thấy các tư tưởng và học thuyết chính trị là sự phản ánh hiện thực xã hội trong những điều kiện lịch sử cụ thể. C.Mác và Ph.Ăngghen đồng thời chỉ ra rằng LLCT luôn mang tính giai cấp. Trong *Hệ tư tưởng Đức*, các ông viết: “Những tư tưởng của giai cấp thống trị là những tư tưởng thống trị trong mỗi thời đại” [30, tr.67]. Ph.Ăngghen nhấn mạnh, tư duy lý luận là “một sản phẩm lịch sử”, được hình thành từ quá trình tổng kết và khái quát thực tiễn xã hội. Không chỉ có chức năng nhận thức, lý luận còn có vai trò cải tạo hiện thực khi “lý luận cũng sẽ trở thành lực lượng vật chất, một khi nó thâm nhập vào quần chúng” [31, tr.580]. Như vậy, trong quan niệm của C.Mác và Ph.Ăngghen, LLCT là hệ thống tri thức khoa học được hình thành từ sự khái quát thực tiễn lịch sử - xã hội, phản ánh bản chất và quy luật vận động của đời sống chính trị, quan hệ giai cấp và quyền lực

chính trị; đồng thời định hướng hoạt động thực tiễn nhằm cải biến xã hội theo những mục tiêu chính trị nhất định.

V.I.Lênin tiếp cận LLCT trước hết như một hệ thống tri thức khoa học về cách mạng và hoạt động chính trị của giai cấp công nhân. Trong tác phẩm *Làm gì?*, ông khẳng định: “Không có lý luận cách mạng thì cũng không thể có phong trào cách mạng” [194, tr.30]. Đồng thời, khi luận giải về nguồn gốc của ý thức chính trị xã hội chủ nghĩa, V.I.Lênin chỉ rõ: “Học thuyết xã hội chủ nghĩa đã nảy sinh từ những học thuyết triết học, lịch sử và kinh tế do những đại biểu có học thức của các giai cấp hữu sản xây dựng nên” [194, tr.38]. Như vậy, lý luận không phải là sản phẩm của kinh nghiệm tự phát mà là kết quả của quá trình khái quát khoa học từ thực tiễn và tri thức nhân loại; là sự tổng kết kinh nghiệm của phong trào cách mạng và những thành tựu của khoa học xã hội đương thời; LLCT là hệ thống tri thức khoa học phản ánh bản chất và quy luật vận động của đời sống chính trị, của cuộc đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội; đồng thời là cơ sở nhận thức và phương pháp luận định hướng hoạt động chính trị của giai cấp công nhân và chính đảng của mình.

Hồ Chí Minh có cách diễn đạt về lý luận ngắn gọn, trực tiếp và dễ hiểu hơn. Trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* (1947), Người khẳng định: “Lý luận là sự tổng kết những kinh nghiệm của loài người, là tổng hợp những tri thức về tự nhiên và xã hội tích trữ lại trong quá trình lịch sử” [120, tr.95]. Không chỉ làm rõ bản chất của lý luận, Hồ Chí Minh còn nhấn mạnh mối quan hệ biện chứng giữa lý luận và thực tiễn. Người chỉ rõ: “Lý luận như cái kim chỉ nam, nó chỉ phương hướng cho chúng ta trong công việc thực tế” [117, tr.274] và “Lý luận phải đem ra thực hành. Thực hành phải nhằm theo lý luận. Lý luận cũng như cái tên (mũi tên), thực hành cũng như cái đích để bắn. Có tên mà không bắn, hoặc bắn lung tung, cũng như không có tên” [117, tr.273]. Những luận điểm đó thể hiện rõ quan niệm của Người về vai trò định hướng

của lý luận đối với hoạt động thực tiễn và yêu cầu gắn học tập lý luận với giải quyết các vấn đề của cuộc sống.

Đảng Cộng sản Việt Nam mặc dù không đưa ra một khái niệm riêng biệt về LLCT, nhưng thông qua các văn kiện, nghị quyết và chỉ đạo về công tác tư tưởng, lý luận, Đảng đã thể hiện rõ quan niệm của mình về bản chất, nội dung và vai trò của LLCT. Trong Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 09/10/2014 của Bộ Chính trị về công tác lý luận và định hướng nghiên cứu đến năm 2030, Đảng xác định nhiệm vụ trọng tâm của công tác lý luận là nghiên cứu, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; tổng kết thực tiễn, bổ sung và phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Quan điểm này cho thấy LLCT được Đảng nhận thức như một hệ thống tri thức khoa học phản ánh những quy luật vận động của đời sống chính trị - xã hội, được hình thành trên cơ sở tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận nhằm định hướng cho hoạt động lãnh đạo, quản lý và tổ chức thực tiễn cách mạng. Trong quan điểm của Đảng, lý luận chính trị không chỉ là hệ thống tri thức để nhận thức thế giới mà còn là cơ sở phương pháp luận định hướng hành động thực tiễn, bảo đảm cho sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng trong những giai đoạn lịch sử cụ thể.

Các nhà khoa học Việt Nam đã có nhiều cách tiếp cận khác nhau khi luận giải về LLCT, qua đó góp phần làm rõ nội hàm, bản chất và vai trò của LLCT ở Việt Nam. Dưới góc độ phương pháp luận, Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh LLCT thực chất là sự “khái quát hóa những kinh nghiệm thực tiễn đấu tranh cách mạng thành hệ thống tri thức có tính quy luật, làm cơ sở cho việc hoạch định đường lối, chính sách và tổ chức hoạt động thực tiễn cách mạng” [174]. Quan niệm này khẳng định LLCT không phải là những tri thức trừu tượng, tách rời thực tiễn mà được hình thành từ thực tiễn, phục vụ thực tiễn và định hướng cho thực tiễn cách mạng. Tiếp cận từ góc độ nội dung và chức năng của LLCT, Phùng Hữu Phú cho rằng LLCT là “hệ thống tri thức được

hình thành trên cơ sở tư duy lý luận của Đảng, phản ánh những vấn đề cơ bản nhất của cách mạng Việt Nam trong từng thời kỳ lịch sử; lý luận ấy định hướng cho việc tổ chức lực lượng và hành động cách mạng nhằm đạt mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội” [134]. Trong khi đó, Nguyễn Viết Thảo nhấn mạnh LLCT “không chỉ là tri thức về các quy luật của đời sống chính trị, mà còn là hệ giá trị định hướng niềm tin chính trị, củng cố bản lĩnh tư tưởng, đấu tranh chống lại các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng” [148]. Ở góc độ phương pháp tư duy và hành động, Lê Hữu Nghĩa khẳng định LLCT “là sự kết hợp giữa khoa học và nghệ thuật trong nhận thức và tổ chức đời sống chính trị; nó vừa cung cấp tri thức khoa học, vừa rèn luyện phương pháp tư duy, giúp cán bộ có khả năng phân tích, ra quyết định và tổ chức thực tiễn một cách khoa học, biện chứng” [128]. Đồng thời, Trần Ngọc Hiền cho rằng LLCT “là hệ thống tri thức mang tính chiến đấu, nhằm bảo vệ, củng cố và phát triển đường lối của Đảng; lý luận ấy phải luôn gắn bó với thực tiễn cách mạng, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc” [82].

Những quan niệm trên cho thấy sự thống nhất trong nhận thức của các nhà khoa học Việt Nam khi khẳng định LLCT là hệ thống tri thức khoa học mang tính đảng, tính thực tiễn và tính định hướng hành động sâu sắc, giữ vai trò quan trọng trong nhận thức, tổ chức và lãnh đạo sự nghiệp cách mạng. Mặc dù cách tiếp cận có những điểm khác nhau, song các nhà tư tưởng, học giả đều thống nhất ở một số nội dung cơ bản: (i) LLCT là hệ thống tri thức khoa học được hình thành trên cơ sở khái quát thực tiễn lịch sử - xã hội; (ii) phản ánh bản chất, quy luật vận động của đời sống chính trị, quan hệ giai cấp, nhà nước và quyền lực chính trị; (iii) mang tính giai cấp, tính thực tiễn và tính định hướng hành động; (iv) giữ vai trò phương pháp luận trong nhận thức và cải tạo xã hội.

Trên cơ sở đó, luận án quan niệm: *Lý luận chính trị là hệ thống tri thức khoa học về lĩnh vực chính trị, được thể hiện qua chủ trương, đường lối, quan điểm của một chính đảng, hình thành trên cơ sở tổng kết thực tiễn, phản ánh bản chất, quy luật vận động của đời sống chính trị - xã hội, các quan hệ giai cấp, nhà nước, quyền lực chính trị và định hướng sự phát triển của xã hội trong những giai đoạn lịch sử cụ thể.*

Ở Việt Nam, lý luận chính trị thực chất là hệ thống quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, giữ vai trò là nền tảng tư tưởng, định hướng cho mọi hoạt động nhận thức, hoạt động chính trị - xã hội và thực tiễn công cuộc xây dựng, phát triển đất nước theo mục tiêu xã hội chủ nghĩa.

** Quan niệm về giáo dục lý luận chính trị*

Theo nghĩa rộng, giáo dục là toàn bộ quá trình các chủ thể tác động có tổ chức, có mục đích và định hướng rõ ràng, nhằm truyền đạt và lĩnh hội các tri thức, kinh nghiệm đã được tích lũy trong lịch sử phát triển của xã hội loài người, qua đó bồi dưỡng và hoàn thiện tri thức, hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực của con người để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn. Theo nghĩa hẹp, giáo dục là quá trình tác động có mục đích, định hướng trong tổ chức hoạt động dạy - học giữa người dạy (giáo viên, giảng viên) và người học (học sinh, sinh viên, học viên) nhằm trang bị hệ thống tri thức, kỹ năng, rèn luyện phẩm chất, năng lực... cho người học theo các mục tiêu cụ thể đề ra.

GD LLCT là một bộ phận quan trọng của giáo dục, trong đó các chủ thể hướng đến mục tiêu trang bị tri thức lý luận chính trị, bồi dưỡng, rèn luyện kỹ năng, phẩm chất... cho các đối tượng giáo dục. Xung quanh khái niệm này, có nhiều cách tiếp cận khác nhau.

Đối với C.Mác và Ph.Ăngghen, mặc dù chưa sử dụng trực tiếp thuật ngữ “giáo dục lý luận chính trị”, song trong các tác phẩm của mình, các ông cũng đã đưa ra những quan niệm đặt nền tảng lý luận cho việc nhận thức bản chất

của hoạt động này. Theo C.Mác và Ph.Ăngghen, GD LLCT thực chất là quá trình truyền bá hệ tư tưởng khoa học của giai cấp cách mạng, nhằm chuyển hóa tri thức lý luận thành nhận thức tự giác, niềm tin chính trị và hành động thực tiễn của quần chúng. Xuất phát từ quan điểm duy vật lịch sử, C.Mác và Ph.Ăngghen khẳng định ý thức xã hội nói chung và ý thức chính trị nói riêng không tồn tại biệt lập mà phản ánh hiện thực khách quan, bởi “Ý thức không bao giờ có thể là cái gì khác ngoài sự tồn tại được ý thức” [33, tr.37]. Do đó, việc giáo dục và truyền bá LLCT phải gắn liền với thực tiễn xã hội và những điều kiện lịch sử cụ thể. Đồng thời, hai ông cho rằng giá trị của lý luận không chỉ nằm ở khả năng giải thích thế giới mà còn ở khả năng cải tạo thế giới thông qua hoạt động thực tiễn của con người. C.Mác viết: “Tư tưởng căn bản không thể thực hiện được cái gì hết. Muốn thực hiện tư tưởng thì cần có những con người sử dụng lực lượng thực tiễn” [32, tr.181]. Như vậy, GD LLCT không phải là sự truyền đạt tri thức một chiều hay áp đặt giáo điều, mà là quá trình tổ chức, giác ngộ và động viên quần chúng tiếp thu lý luận, biến lý luận thành động lực tinh thần và sức mạnh hành động trong thực tiễn cách mạng. GD LLCT phải là quá trình biến tư tưởng thành ý thức, hành động thực tiễn và việc truyền bá tri thức lý luận phải là quá trình biến những khái niệm trừu tượng thành nhận thức tự giác để hành động cách mạng. Từ đó có thể hiểu, theo C.Mác và Ph.Ăngghen, GD LLCT là quá trình truyền bá và hiện thực hóa lý luận cách mạng trong đời sống xã hội, góp phần hình thành ý thức chính trị, nâng cao năng lực nhận thức và thúc đẩy hoạt động thực tiễn nhằm cải biến xã hội theo những mục tiêu tiến bộ.

Kế thừa và phát triển tư tưởng của C.Mác và Ph.Ăngghen, V.I.Lênin đặc biệt nhấn mạnh vai trò của GD LLCT trong việc hình thành ý thức chính trị tự giác của giai cấp công nhân và quần chúng lao động. Theo ông, tư tưởng cách mạng khoa học không thể tự phát nảy sinh trong phong trào công nhân mà phải được truyền bá, giáo dục một cách có tổ chức và tự giác. Trong điều kiện

xã hội có đối kháng giai cấp, GD LLCT luôn mang tính đảng và tính giai cấp rõ rệt, là công cụ tư tưởng quan trọng để bảo vệ lợi ích của giai cấp vô sản và đấu tranh chống hệ tư tưởng tư sản. V.I.Lênin xác định rõ mục tiêu của công tác giáo dục chính trị là xây dựng nhận thức giai cấp và năng lực đấu tranh cách mạng cho quần chúng. Tại Đại hội II các Ban giáo dục chính trị toàn Nga (1921), ông nhấn mạnh: “Toàn bộ bộ máy giáo dục chính trị phải được hướng vào mục tiêu này: giáo dục quần chúng biết phân biệt đâu là lợi ích của giai cấp vô sản và đâu là lợi ích của giai cấp tư sản... Toàn bộ công tác giáo dục chính trị của chúng ta phải nhằm đào tạo ra những chiến sĩ đấu tranh chống chế độ tư sản” [199, tr.216-217]. Đồng thời, ông cho rằng: “Nhiệm vụ của giáo dục chính trị là: nhổ tận gốc các thói quen cũ, những thành kiến cũ, truyền bá vào quần chúng những hiểu biết về chủ nghĩa cộng sản và tổ chức quần chúng xây dựng xã hội mới” [198, tr.10]. Đặc biệt, V.I.Lênin yêu cầu GD LLCT phải gắn chặt với thực tiễn và được tiến hành bằng phương pháp thuyết phục, phát huy tính tự giác của người học. Ông khẳng định: “Đối với quần chúng... chúng ta phải giáo dục họ bằng kinh nghiệm thực tế của bản thân họ... Chúng ta phải dùng phương pháp thuyết phục để lôi cuốn quần chúng vào công việc” [196, tr.191]. Những quan điểm đó cho thấy, theo V.I.Lênin, GD LLCT là quá trình truyền bá có mục đích hệ tư tưởng và lý luận cách mạng nhằm nâng cao nhận thức chính trị, xây dựng lập trường giai cấp, củng cố niềm tin và tổ chức quần chúng tham gia cải tạo xã hội.

Kế thừa quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh cũng đặc biệt coi trọng giáo dục lý luận chính trị đối với việc xây dựng đội ngũ cán bộ và nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng. Theo Người, giáo dục lý luận chính trị trước hết là quá trình trang bị cho cán bộ, đảng viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học và lập trường chính trị đúng đắn. Trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* (1947), Người khẳng định: “Huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng” [117, tr.309] và yêu cầu công tác huấn luyện phải toàn diện, trong

đó phải coi trọng “Huấn luyện chính trị: Học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối, chính sách của Đảng” [121, tr.473]. Điểm nổi bật trong tư tưởng Hồ Chí Minh là nhấn mạnh mục đích thực tiễn của giáo dục lý luận chính trị. Người chỉ rõ: “Học tập cốt là để mở mang trí tuệ, để rèn luyện tư tưởng, để sửa đổi cách làm việc của mình cho ngày càng tiến bộ hơn, chứ không phải học để làm quan, học để trang sức” [117, tr.271]. Theo đó, giáo dục lý luận chính trị không nhằm trang bị tri thức một cách hình thức hay tạo ra những “người lý luận suông”, mà hướng tới việc nâng cao nhận thức, bồi dưỡng phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng và năng lực hành động của người học. Hồ Chí Minh đặc biệt đề cao nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong giáo dục LLCT. Trong tác phẩm *Đạo đức cách mạng* (1958), Người nhấn mạnh: “Học tập chủ nghĩa Mác - Lênin là học tập cái tinh thần xử trí mọi việc, đối với mọi người và đối với bản thân mình; là học tập những chân lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin để áp dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh thực tế của nước ta. Học để mà hành” [120, tr.611]. Người cũng khẳng định: “Học tập chủ nghĩa Mác - Lênin là để nắm vững cái lập trường vô sản, cái quan điểm biện chứng và cái phương pháp khoa học của chủ nghĩa đó để giải quyết cho đúng những vấn đề thực tế trong công tác cách mạng của chúng ta” [119, tr.292]. Vì vậy, giáo dục lý luận chính trị phải giúp người học nắm vững lập trường, quan điểm và phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lênin, biết vận dụng sáng tạo vào thực tiễn, tránh giáo điều, kinh viện và xa rời cuộc sống. Như vậy, theo Hồ Chí Minh, giáo dục lý luận chính trị là quá trình tổ chức việc học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối của Đảng nhằm nâng cao nhận thức chính trị, rèn luyện tư tưởng, đạo đức cách mạng, hình thành lập trường, quan điểm và phương pháp khoa học, qua đó nâng cao năng lực vận dụng lý luận vào giải quyết các vấn đề thực tiễn của cách mạng Việt Nam.

Kế thừa chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn xác định GD LLCT là nhiệm vụ quan trọng trong công tác tư tưởng và công tác xây dựng Đảng. Nghị quyết số 32-NQ/TW ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ lãnh đạo, quản lý khẳng định: “Công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ lãnh đạo, quản lý là nhiệm vụ quan trọng của Đảng” [24]. Văn kiện Đại hội XIV của Đảng tiếp tục khẳng định tầm quan trọng của công tác GD LLCT, đồng thời nhấn mạnh yêu cầu “đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức công tác tư tưởng; nâng cao tính chiến đấu, tính giáo dục, tính thuyết phục trong tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng” [54, tr.191]. Trong quan điểm của Đảng, GD LLCT không chỉ là hoạt động truyền thụ tri thức lý luận mà còn là quá trình xây dựng bản lĩnh chính trị, rèn luyện phẩm chất đạo đức và nâng cao năng lực hành động thực tiễn cho đội ngũ cán bộ.

Ở Việt Nam những năm qua cũng có nhiều nhà nghiên cứu quan tâm bàn luận về khái niệm GD LLCT. Theo Lương Khắc Hiếu (2014), GD LLCT là quá trình phổ biến và tiếp nhận các nguyên lý, quan điểm lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cùng đường lối, quan điểm của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước trong đội ngũ cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân [68, tr.99]. Tiếp cận theo hướng nhấn mạnh tính mục đích và vai trò định hướng nhận thức, Đào Duy Quát (2004) cho rằng GD LLCT là quá trình tác động có mục đích tới đối tượng giáo dục thông qua việc trình bày và giải thích một cách khoa học các khái niệm, quan điểm lý luận, nhằm giúp cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức đúng bản chất các nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, kiên định mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội, đồng thuận với đường lối, quan điểm của Đảng, đồng thời bồi dưỡng phẩm chất cách mạng, năng lực hoạt động thực tiễn và định hướng vận dụng tri thức lý luận vào đời sống xã hội [136, tr.38].

Trong cuốn *Phương pháp dạy - học, kiểm tra, đánh giá các môn khoa học xã hội và nhân văn*, Phân viện Báo chí và Tuyên truyền (nay là Học viện Báo chí và Tuyên truyền) (2004) xác định: GD LLCT là hoạt động nhận thức, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cùng các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nhằm hình thành thế giới quan khoa học, nhân sinh quan cộng sản và phương pháp tư duy biện chứng, khoa học, qua đó phát huy tính tích cực chính trị - xã hội của các chủ thể trong đời sống và hoạt động thực tiễn [135, tr.332]. Cùng hướng tiếp cận đó, Ban Tuyên giáo Trung ương (2009) cho rằng: GD LLCT là quá trình phổ biến có hệ thống nền tảng tư tưởng, cương lĩnh, đường lối, quan điểm của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước tới cán bộ, đảng viên và Nhân dân; đồng thời nhấn mạnh nhiệm vụ cơ bản của GD LLCT là nâng cao trình độ nhận thức lý luận, góp phần hình thành thế giới quan khoa học, phương pháp luận duy vật biện chứng, bản lĩnh chính trị, niềm tin, chuẩn mực đạo đức và lối sống cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân [12, tr.184].

Trên cơ sở các quan niệm trên, luận án xác định: *Giáo dục lý luận chính trị là quá trình tác động có mục đích, có tổ chức của các chủ thể giáo dục nhằm truyền bá, phổ biến và tiếp thu hệ thống tri thức lý luận nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, từ đó bồi dưỡng thế giới quan, phương pháp luận khoa học, nâng cao nhận thức chính trị, củng cố niềm tin, bản lĩnh chính trị, đồng thời định hướng và nâng cao hiệu quả hoạt động thực tiễn cho các đối tượng người học đáp ứng yêu cầu công cuộc xây dựng, phát triển đất nước theo mục tiêu xã hội chủ nghĩa.*

Như vậy, có thể thấy, GD LLCT là một hoạt động mang tính phổ quát, được triển khai trong toàn bộ đời sống chính trị - xã hội với phạm vi đối tượng rộng và mục tiêu mang tính định hướng chung đối với nhận thức và hành vi chính trị của các tầng lớp nhân dân. Trong phạm vi nghiên cứu của

luận án, đối tượng GD LLCT được xác định là học viên Trung cấp LLCT trong hệ thống các trường chính trị tỉnh, nơi GD LLCT được thực hiện với tư cách là một quá trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ có tính hệ thống, chuyên sâu và gắn trực tiếp với yêu cầu xây dựng, chuẩn hóa và phát triển đội ngũ cán bộ của Đảng và Nhà nước đáp ứng yêu cầu thực tiễn công tác. Bởi lẽ, hệ Trung cấp LLCT là bậc đào tạo LLCT cơ bản và phổ biến nhất trong hệ thống đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Đảng, giữ vai trò là “cửa vào” trong quá trình chuẩn hóa trình độ LLCT đối với đội ngũ cán bộ cơ sở trên phạm vi cả nước. Theo các quy định hiện hành, đây là yêu cầu bắt buộc đối với nhiều chức danh lãnh đạo, quản lý ở cơ sở. Do đó, xét về mặt thể chế và phạm vi tác động, học viên Trung cấp LLCT là lực lượng có tính đại diện rộng cho đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị hiện nay. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ cơ sở - đối tượng chủ yếu của chương trình đào tạo Trung cấp LLCT - là lực lượng trực tiếp tổ chức triển khai chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước tại cơ sở, đồng thời là cầu nối trực tiếp giữa Đảng, chính quyền với Nhân dân. Vì vậy, nghiên cứu vấn đề GD LLCT đối với nhóm đối tượng này có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc, phản ánh trực tiếp hiệu quả của quá trình chuyển hóa lý luận thành năng lực hoạt động thực tiễn của đội ngũ cán bộ. Mặt khác, trong bối cảnh CDS hiện nay, hệ thống các trường chính trị tỉnh, đặc biệt ở khu vực miền núi phía Bắc, là môi trường phản ánh khá rõ những khác biệt về điều kiện hạ tầng số, năng lực số và khả năng thích ứng của người học. Đây cũng là nơi bộc lộ tương đối đầy đủ những khó khăn, thách thức của quá trình nâng cao chất lượng GD LLCT trong điều kiện CDS, từ hạ tầng công nghệ, học liệu số, phương thức tổ chức dạy học đến năng lực ứng dụng công nghệ của đội ngũ giảng viên và học viên. Do đó, nghiên cứu đối tượng học viên Trung cấp LLCT không chỉ phản ánh thực trạng GD LLCT của một nhóm đối tượng cụ thể mà còn góp phần nhận diện những vấn đề mang tính điển hình và bản chất của quá trình nâng cao chất lượng GD

LLCT trong bối cảnh CDS hiện nay ở nước ta. Vì vậy, luận án tiếp cận GD LLCT theo hướng thu hẹp phạm vi, nhấn mạnh tính chuyên biệt về đối tượng, mục tiêu và phương thức tổ chức, coi đây là quá trình giáo dục mang tính nghề nghiệp chính trị, gắn với yêu cầu chuẩn hóa trình độ LLCT và phát triển năng lực vận dụng thực tiễn của đội ngũ cán bộ.

Trên tinh thần đó, khái niệm GD LLCT trong luận án được xác định cụ thể là quá trình giáo dục toàn diện, tác động đồng thời đến nhận thức, tình cảm, niềm tin, bản lĩnh chính trị và năng lực hoạt động thực tiễn của đội ngũ cán bộ cơ sở. Quá trình này không chỉ dừng lại ở việc truyền thụ tri thức LLCT mà còn hướng tới hình thành bản lĩnh chính trị, củng cố niềm tin và phát triển năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn công tác của đội ngũ cán bộ cơ sở. Vì vậy, nội hàm của GD LLCT được biểu hiện trên các phương diện cơ bản sau:

Một là, giáo dục tri thức, nâng cao nhận thức LLCT. Đây là nội dung cơ bản, giữ vai trò nền tảng của GD LLCT. Thông qua quá trình truyền thụ và tiếp thu hệ thống tri thức lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đội ngũ cán bộ từng bước hình thành thế giới quan khoa học, phương pháp luận biện chứng và năng lực nhận thức chính trị đúng đắn. Giáo dục tri thức LLCT không chỉ giúp đội ngũ cán bộ hiểu đúng bản chất, quy luật vận động của đời sống xã hội mà còn nâng cao khả năng tư duy khoa học, tư duy chính trị và năng lực phân tích, đánh giá để từ đó xử lý hiệu quả các vấn đề thực tiễn.

Hai là, giáo dục, bồi dưỡng tình cảm, thái độ, bản lĩnh và niềm tin chính trị. GD LLCT không chỉ tác động đến nhận thức mà còn hướng tới hình thành và phát triển đời sống tinh thần chính trị của đội ngũ cán bộ. Trên cơ sở nhận thức đúng đắn về lý luận và thực tiễn cách mạng, người học từng bước hình thành tình cảm chính trị tích cực, thái độ chính trị đúng đắn, củng

cổ niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa, vào sự lãnh đạo của Đảng và vai trò quản lý của Nhà nước. Đồng thời, quá trình GD LLCT còn góp phần rèn luyện bản lĩnh chính trị, nâng cao khả năng kiên định về lập trường tư tưởng, niềm tin, bản lĩnh chính trị trước những tác động tiêu cực của mặt trái kinh tế thị trường, sự tấn công của các quan điểm sai trái, thù địch và những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Đây là phương diện đặc biệt quan trọng đối với đội ngũ cán bộ, bởi bản lĩnh và niềm tin chính trị không chỉ là cơ sở bảo đảm cho sự thống nhất giữa nhận thức và hành động mà còn quyết định chất lượng, hiệu quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ chính trị của đội ngũ cán bộ trong thực tiễn.

Ba là, giáo dục, nâng cao năng lực tư duy lý luận và vận dụng lý luận vào thực tiễn. Mục tiêu cuối cùng của GD LLCT không chỉ là giúp người học “biết lý luận” mà quan trọng hơn là có khả năng vận dụng lý luận vào giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra trong công tác và đời sống xã hội. Thông qua quá trình học tập, nghiên cứu và liên hệ thực tiễn, đội ngũ cán bộ sẽ từng bước hình thành năng lực tư duy lý luận, tư duy phản biện và khả năng vận dụng các nguyên lý, quan điểm lý luận vào phân tích, xử lý những tình huống cụ thể. Đây là quá trình chuyển hóa tri thức lý luận thành năng lực hoạt động thực tiễn, góp phần nâng cao chất lượng lãnh đạo, quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

** Quan niệm về chất lượng giáo dục lý luận chính trị*

Chất lượng GD LLCT là khái niệm phản ánh mức độ, hiệu quả đạt được các mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ của quá trình GD LLCT đối với đội ngũ cán bộ. Để nhận thức đầy đủ nội hàm của khái niệm này, cần xuất phát từ các quan niệm chung về chất lượng và chất lượng giáo dục. Theo nghĩa khái quát, chất lượng phản ánh mức độ đáp ứng mục tiêu, yêu cầu hoặc giá trị mong đợi của một sự vật, hiện tượng hay quá trình nhất định. Trong lĩnh vực giáo dục, chất lượng không chỉ được đánh giá ở kết quả đầu ra mà còn được biểu hiện ở

sự phù hợp, đồng bộ giữa mục tiêu giáo dục, nội dung chương trình, phương pháp tổ chức dạy học, điều kiện bảo đảm và kết quả đạt được của quá trình giáo dục. Vì vậy, chất lượng giáo dục thường được xem xét như sự thống nhất giữa các yếu tố đầu vào, quá trình tổ chức giáo dục và kết quả đầu ra của hoạt động giáo dục.

Nghiên cứu về chất lượng giáo dục, Nguyễn Hữu Châu cho rằng chất lượng giáo dục cần được tiếp cận trên cơ sở hệ thống các tiêu chí, chỉ số phản ánh mức độ đạt được mục tiêu giáo dục cả về tri thức, kỹ năng, thái độ và năng lực của người học [36]. Phạm Thành Nghị cũng nhấn mạnh rằng chất lượng giáo dục không chỉ phụ thuộc vào kết quả đào tạo mà còn gắn với các điều kiện bảo đảm chất lượng như chương trình đào tạo, đội ngũ giảng viên, phương pháp giảng dạy, cơ sở vật chất và môi trường giáo dục [126]. Những quan niệm này cho thấy chất lượng giáo dục là một phạm trù mang tính tổng hợp, phản ánh hiệu quả của toàn bộ quá trình giáo dục trong việc tạo ra sự phát triển của người học theo mục tiêu đã xác định.

Đối với GD LLCT, vấn đề chất lượng giáo dục không chỉ được đánh giá ở mức độ truyền thụ tri thức lý luận mà còn ở khả năng hình thành thế giới quan khoa học, lập trường tư tưởng, củng cố niềm tin chính trị, phát triển năng lực tư duy lý luận và năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn của đội ngũ cán bộ. Đào Duy Quát, Lương Khắc Hiếu, Phạm Huy Kỳ và nhiều nhà nghiên cứu đều cho rằng mục tiêu cốt lõi của GD LLCT là góp phần nâng cao nhận thức chính trị, xây dựng bản lĩnh chính trị, củng cố niềm tin vào chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng, đồng thời phát triển năng lực hoạt động thực tiễn cho người học. Điều đó cho thấy chất lượng GD LLCT cần được nhìn nhận không chỉ ở phương diện tiếp thu tri thức mà còn ở sự chuyển hóa tri thức thành tình cảm, niềm tin, bản lĩnh chính trị và năng lực hành động thực tiễn của đội ngũ cán bộ.

Tiếp cận, đánh giá chất lượng GD LLCT có thể được thực hiện từ nhiều góc độ khác nhau như: năng lực, trình độ, ý thức của các chủ thể giáo dục, điều kiện, cơ sở vật chất bảo đảm chất lượng, hiệu quả quá trình tổ chức dạy học, mức độ đáp ứng mục tiêu đào tạo hoặc kết quả đầu ra của hoạt động giáo dục... Mỗi cách tiếp cận đều có ý nghĩa nhất định trong việc nhận diện và đánh giá chất lượng GD LLCT. Trong phạm vi nghiên cứu của luận án, chất lượng GD LLCT được tiếp cận, đánh giá ở chất lượng đầu ra của quá trình giáo dục, tức là đánh giá những biến đổi đạt được ở đội ngũ cán bộ sau quá trình học tập, rèn luyện LLCT trên cơ sở sự phối hợp chủ động, tích cực, trách nhiệm của các chủ thể giáo dục với sự đổi mới nội dung, chương trình, phương thức giáo dục. Cách tiếp cận này xuất phát từ chính bản chất và mục tiêu của GD LLCT.

Nếu như nhiều loại hình giáo dục chủ yếu hướng tới trang bị tri thức và kỹ năng nghề nghiệp, thì GD LLCT không chỉ dừng lại ở việc truyền thụ hệ thống tri thức lý luận mà còn hướng tới hình thành thế giới quan khoa học, phương pháp luận cách mạng, củng cố niềm tin chính trị, rèn luyện bản lĩnh chính trị và phát triển năng lực tư duy lý luận và vận dụng lý luận vào thực tiễn cho đội ngũ cán bộ. Vì vậy, chất lượng GD LLCT được phản ánh chủ yếu ở sự chuyển biến thực chất của người học sau quá trình giáo dục. Mặt khác, hoạt động GD LLCT trong hệ thống trường chính trị tỉnh là quá trình đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị ở cơ sở. Do đó, kết quả của GD LLCT không chỉ thể hiện ở việc người học nắm được tri thức lý luận mà còn ở khả năng vận dụng tri thức đó vào nhận thức và giải quyết các vấn đề thực tiễn trong công tác. Điều này cho thấy chất lượng của GD LLCT phải được xem xét trên cả phương diện nhận thức, phẩm chất chính trị và năng lực hoạt động thực tiễn của đội ngũ cán bộ.

Từ cách tiếp cận đó, luận án quan niệm: *Chất lượng giáo dục lý luận chính trị là mức độ hiệu quả đạt được các mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ của quá trình giáo dục lý luận chính trị trong việc bồi dưỡng thế giới quan, phương pháp luận khoa học, nâng cao nhận thức chính trị, củng cố niềm tin, bản lĩnh chính trị, đồng thời phát triển năng lực tư duy lý luận và vận dụng lý luận vào thực tiễn cho đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu công cuộc xây dựng, phát triển đất nước theo mục tiêu xã hội chủ nghĩa.*

Có thể thấy chất lượng GD LLCT không chỉ phản ánh kết quả tiếp thu tri thức lý luận của đội ngũ cán bộ mà còn thể hiện ở sự phát triển toàn diện về nhận thức, phẩm chất chính trị và năng lực hoạt động thực tiễn sau quá trình giáo dục. Với quan niệm này, chất lượng GD LLCT được biểu hiện trên các phương diện cơ bản sau:

Một là, mức độ nâng cao tri thức và nhận thức LLCT của đội ngũ cán bộ. Đây là biểu hiện cơ bản và trực tiếp của chất lượng GD LLCT. Thông qua quá trình học tập, nghiên cứu và tiếp thu hệ thống tri thức về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đội ngũ cán bộ từng bước nâng cao trình độ nhận thức chính trị, hình thành, bồi dưỡng thế giới quan khoa học và phương pháp luận biện chứng. Chất lượng GD LLCT ở phương diện này được thể hiện ở khả năng nắm vững bản chất khoa học và cách mạng của lý luận; khả năng hiểu đúng và đầy đủ các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; năng lực phân tích, đánh giá đúng các vấn đề chính trị - xã hội trên cơ sở lập trường tư tưởng, phương pháp luận khoa học; năng lực tư duy chính trị và nâng cao năng lực nhận thức, nắm bắt tình hình thực tiễn cho đội ngũ cán bộ.

Hai là, mức độ hình thành và củng cố bản lĩnh, niềm tin, thái độ chính trị. Nếu tri thức LLCT là nền tảng nhận thức thì bản lĩnh, niềm tin và thái độ chính trị là kết quả của quá trình chuyển hóa tri thức thành phẩm chất chính

trị bên trong của đội ngũ cán bộ. Chất lượng GD LLCT không chỉ được biểu hiện ở khả năng giúp người học nâng cao nhận thức chính trị, mà còn củng cố niềm tin vào chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội và vai trò lãnh đạo của Đảng đối với công cuộc xây dựng, phát triển đất nước theo mục tiêu xã hội chủ nghĩa; đồng thời hình thành thái độ chính trị đúng đắn, nâng cao tinh thần trách nhiệm và ý thức chính trị của đội ngũ cán bộ trong thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ. Trên cơ sở đó, đội ngũ cán bộ từng bước xây dựng bản lĩnh chính trị vững vàng, giữ vững lập trường tư tưởng, kiên định theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng trước những tác động phức tạp của đời sống xã hội, trước các quan điểm sai trái, thù địch và những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Đây là phương diện phản ánh chiều sâu chính trị và giá trị định hướng của GD LLCT, bởi chất lượng giáo dục không chỉ dừng ở “biết lý luận” mà còn phải hướng tới “tin lý luận”, “kiên định lý luận” và hành động phù hợp với lý luận.

Ba là, mức độ phát triển năng lực tư duy lý luận và vận dụng lý luận vào thực tiễn. Đây là biểu hiện quan trọng phản ánh hiệu quả thực chất của GD LLCT đối với hoạt động công tác của đội ngũ cán bộ. Chất lượng GD LLCT không chỉ thể hiện ở việc người học ghi nhớ hay tái hiện tri thức lý luận mà còn ở khả năng vận dụng các nguyên lý, quan điểm lý luận vào phân tích và giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra trong hoạt động lãnh đạo, quản lý và thực thi nhiệm vụ ở cơ sở. Thông qua quá trình GD LLCT, đội ngũ cán bộ từng bước hình thành năng lực tư duy lý luận, tư duy phản biện, khả năng khái quát, đánh giá, tổng kết thực tiễn và vận dụng sáng tạo lý luận vào điều kiện, bối cảnh, công tác cụ thể. Mức độ phát triển năng lực này phản ánh khả năng chuyển hóa tri thức lý luận thành năng lực hoạt động thực tiễn, góp phần nâng cao hiệu quả lãnh đạo, quản lý và tổ chức thực hiện hiệu quả nhiệm vụ chính trị của đội ngũ cán bộ.

2.1.2. Quan niệm về chuyển đổi số

Bước sang thế kỷ XXI, nhân loại bước vào cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ Tư với nền tảng là công nghệ số và sự tích hợp của nhiều công nghệ hiện đại như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), Internet vạn vật (IoT), điện toán đám mây (Cloud Computing), chuỗi khối (Blockchain), mạng viễn thông thế hệ mới (5G, 6G)... Những thành tựu này đang tác động sâu rộng đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, từ sản xuất, kinh doanh, quản lý đến giáo dục, y tế, văn hóa; đồng thời làm thay đổi phương thức lao động, học tập, giao tiếp và tổ chức đời sống của con người. Trong bối cảnh đó, CDS đã và đang trở thành xu thế phát triển tất yếu trên phạm vi toàn cầu, thu hút sự quan tâm nghiên cứu của nhiều tổ chức quốc tế, doanh nghiệp công nghệ và các quốc gia. Đến nay đã có nhiều quan niệm khác nhau về CDS dưới các góc độ tiếp cận khác nhau được đưa ra.

Dưới góc độ doanh nghiệp và quản trị tổ chức, Microsoft cho rằng CDS là việc tư duy lại cách thức các tổ chức tập hợp con người, dữ liệu và quy trình để tạo ra những giá trị mới. Theo quan điểm của FPT, “CDS trong tổ chức, doanh nghiệp là quá trình thay đổi từ mô hình truyền thống sang doanh nghiệp số bằng cách áp dụng công nghệ mới, như: dữ liệu lớn (Big Data), internet vạn vật (IoT), điện toán đám mây (Cloud)... thay đổi phương thức điều hành, lãnh đạo, quy trình làm việc, văn hóa công ty” [111]. Các quan niệm này nhấn mạnh vai trò của công nghệ số trong việc tái cấu trúc phương thức vận hành, quản trị và tạo ra giá trị mới cho tổ chức, doanh nghiệp.

Ở góc độ quốc tế và phát triển xã hội, OECD đưa ra quan niệm về CDS theo hướng toàn diện hơn. Theo đó, CDS được hiểu là tác động của các công nghệ số, dữ liệu và việc ứng dụng chúng đối với các hoạt động hiện hữu cũng như các hoạt động mới, đang diễn ra ngày càng nhanh trên phạm vi toàn cầu và ảnh hưởng sâu rộng đến mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội [132]. Quan niệm này cho thấy CDS không chỉ là sự thay đổi về công nghệ mà còn

là quá trình biến đổi hệ thống, tác động trực tiếp đến con người, tổ chức, doanh nghiệp và nhà nước.

Theo UNDP, “CDS không chỉ đơn thuần về vấn đề công nghệ, mà còn là vấn đề chiến lược cũng như những cách thức tư duy và làm việc mới”. Quan trọng hơn, CDS liên quan trực tiếp đến con người và sự tham gia toàn diện của con người trong mọi khía cạnh của quá trình này. Theo cách tiếp cận của UNDP, CDS phải mang tính bao trùm, bảo đảm các công nghệ số được phổ cập, có khả năng tiếp cận và được sử dụng một cách an toàn, có ý nghĩa đối với mọi người [191]. Quan niệm này cho thấy CDS không chỉ hướng đến hiệu quả công nghệ mà còn gắn với phát triển con người và bảo đảm công bằng trong tiếp cận các thành tựu số.

Ở Việt Nam, vấn đề CDS cũng được quan tâm nghiên cứu và xác định là một định hướng chiến lược quan trọng trong phát triển đất nước. Theo Cẩm nang chuyển đổi số của Bộ Thông tin và Truyền thông, chuyển đổi số là quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện của cá nhân, tổ chức về cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất dựa trên các công nghệ số [28]. Quan niệm này nhấn mạnh tính toàn diện của CDS, không chỉ giới hạn ở ứng dụng công nghệ mà còn bao hàm sự thay đổi trong phương thức tổ chức và vận hành của toàn xã hội.

Từ góc độ lãnh đạo, quản lý đất nước, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã xác định CDS là nhiệm vụ chiến lược đặc biệt quan trọng gắn với quá trình chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ Tư. Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị nhấn mạnh yêu cầu chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ Tư nhằm tạo động lực mới cho phát triển đất nước. Tiếp đó, Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình CDS quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đã xác định rõ mục tiêu phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

Từ các văn kiện của Đảng và Nhà nước có thể thấy, CDS được quan niệm là quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện cách sống, cách làm việc, cách quản lý và phương thức sản xuất của cá nhân, tổ chức trên nền tảng công nghệ số, gắn với phát triển kinh tế số, xã hội số và chính phủ số. Đảng nhấn mạnh cần “chú trọng phát triển hạ tầng thông tin, viễn thông, tạo nền tảng CDS quốc gia, từng bước phát triển kinh tế số, xã hội số” [52, tr.54]. Đồng thời, CDS được xác định là động lực quan trọng nhằm “thúc đẩy đổi mới sáng tạo, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững đất nước” [52, tr.34], góp phần “tạo bứt phá về nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế” [52, tr.46].

Đại hội XIV của Đảng tiếp tục khẳng định vai trò chiến lược của CDS trong tiến trình phát triển đất nước, nhấn mạnh: “Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và CDS phải thực sự trở thành động lực then chốt của tăng trưởng; là nền tảng nâng cao năng suất và năng lực cạnh tranh; là công cụ nâng cao hiệu quả quản trị, năng lực tự chủ quốc gia; là phương thức để tạo ra các mô hình kinh doanh mới, việc làm mới, giá trị gia tăng mới” [54, tr.31]. Đại hội cũng yêu cầu: “Thúc đẩy CDS quốc gia toàn diện, trước hết là hoàn thiện hạ tầng số, dữ liệu số; xây dựng Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, công dân số; bảo đảm an ninh mạng, an toàn dữ liệu; đẩy mạnh ứng dụng, phổ cập kỹ năng số, thu hẹp khoảng cách số” [54, tr.31-32].

Như vậy, mặc dù có nhiều cách tiếp cận khác nhau, song các quan niệm về CDS đều thống nhất ở điểm: CDS không chỉ đơn giản là việc ứng dụng công nghệ số vào các lĩnh vực của đời sống xã hội mà là quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện phương thức hoạt động, quản lý, sản xuất, giao tiếp và tổ chức xã hội trên nền tảng công nghệ số và dữ liệu số nhằm tạo ra những giá trị và hiệu quả mới. Đây là quá trình tác động sâu sắc đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, làm thay đổi phương thức tồn tại và phát triển của con người trong thời đại số hiện nay.

Trên cơ sở kế thừa các quan niệm về CDS của các tổ chức quốc tế, doanh nghiệp công nghệ, các nhà nghiên cứu và quan điểm của Đảng, Nhà nước Việt Nam, đồng thời xuất phát từ mục tiêu và phạm vi nghiên cứu của luận án, tác giả quan niệm: *Chuyển đổi số là quá trình biến đổi toàn diện các phương thức tổ chức và vận hành của đời sống xã hội trên nền tảng công nghệ số và dữ liệu số, làm thay đổi phương thức, mô hình lao động, quản lý, học tập, giao tiếp và phát triển của con người.*

Theo đó, CDS không chỉ là sự thay đổi về công nghệ hay việc số hóa các hoạt động riêng lẻ, mà là quá trình biến đổi toàn diện đời sống xã hội dưới tác động của công nghệ số. Nội hàm của CDS được biểu hiện trên các phương diện cơ bản sau:

Một là, CDS là quá trình biến đổi toàn diện các phương thức tổ chức và vận hành của đời sống xã hội. Đây là đặc trưng cơ bản phản ánh bản chất của CDS. Nếu như tin học hóa hay ứng dụng công nghệ thông tin chủ yếu tập trung vào việc hỗ trợ một số hoạt động cụ thể thì CDS hướng tới sự thay đổi toàn diện cách thức tổ chức, quản lý và vận hành của các lĩnh vực trong đời sống xã hội. Quá trình này diễn ra trên phạm vi rộng lớn, tác động đến các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục, y tế, quản trị nhà nước và đời sống xã hội. CDS không chỉ làm thay đổi công cụ lao động mà còn làm thay đổi mô hình hoạt động, phương thức quản trị, cơ chế phối hợp và cách thức con người tham gia vào các hoạt động xã hội. Vì vậy, CDS thực chất là quá trình tái cấu trúc đời sống xã hội theo hướng hiện đại, thông minh, kết nối và hiệu quả hơn trên cơ sở ứng dụng công nghệ số.

Hai là, CDS được thực hiện trên nền tảng công nghệ số và dữ liệu số. Công nghệ số và dữ liệu số là điều kiện vật chất - kỹ thuật giữ vai trò nền tảng của quá trình CDS. Sự phát triển mạnh mẽ của các công nghệ hiện đại như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), Internet vạn vật (IoT), điện toán đám mây (Cloud Computing), chuỗi khối (Blockchain), mạng viễn thông thế hệ

mới... đã tạo ra khả năng kết nối, xử lý, lưu trữ và khai thác dữ liệu với quy mô lớn và tốc độ cao chưa từng có. Trong bối cảnh đó, dữ liệu số trở thành nguồn tài nguyên quan trọng, là cơ sở để tổ chức, quản lý và ra quyết định trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Vì vậy, CDS không chỉ là quá trình ứng dụng công nghệ mà còn là quá trình xây dựng, khai thác và sử dụng dữ liệu số nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của cá nhân, tổ chức và toàn xã hội.

Ba là, chuyên đổi số làm thay đổi phương thức, mô hình lao động, quản lý, học tập, giao tiếp và phát triển của con người. Dưới tác động của CDS, nhiều phương thức hoạt động truyền thống đang được thay thế hoặc biến đổi theo hướng số hóa, trực tuyến và thông minh hơn. Trong lĩnh vực lao động và sản xuất, công nghệ số góp phần tự động hóa nhiều quy trình, nâng cao năng suất và hiệu quả làm việc. Trong quản lý và điều hành, các nền tảng số và dữ liệu số giúp nâng cao tính minh bạch, khả năng kết nối và hiệu quả quản trị. Trong giáo dục và đào tạo, CDS làm thay đổi phương thức dạy học, mở rộng khả năng tiếp cận tri thức và thúc đẩy học tập linh hoạt, học tập suốt đời. Đồng thời, phương thức giao tiếp, tương tác xã hội và tiếp cận thông tin của con người cũng có nhiều biến đổi sâu sắc dưới tác động của môi trường số. Điều đó cho thấy CDS không chỉ tác động đến hoạt động kinh tế - kỹ thuật mà còn làm thay đổi phương thức tồn tại và phát triển của con người trong xã hội hiện đại.

Bốn là, chuyên đổi số vừa tạo ra cơ hội phát triển mới, vừa đặt ra nhiều thách thức đối với đời sống xã hội. Một mặt, CDS mở ra khả năng to lớn trong việc thúc đẩy đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất lao động, hiệu quả quản trị và chất lượng cuộc sống; tạo điều kiện mở rộng khả năng tiếp cận tri thức, dịch vụ và các nguồn lực phát triển; đồng thời góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số và chính phủ số. Mặt khác, CDS cũng đặt ra nhiều thách thức như khoảng cách số giữa các vùng miền và nhóm xã hội; nguy cơ mất an toàn thông tin, an ninh mạng; sự phụ thuộc vào công nghệ; tác động

đến việc làm và cơ cấu lao động; cũng như những vấn đề về đạo đức, văn hóa và kiểm soát thông tin trong môi trường số. Vì vậy, CDS là một quá trình mang tính hai mặt, đòi hỏi các quốc gia, tổ chức và cá nhân phải chủ động thích ứng, nâng cao năng lực số và hoàn thiện cơ chế quản lý nhằm phát huy tối đa những giá trị tích cực mà CDS mang lại, đồng thời hạn chế những tác động tiêu cực đối với đời sống xã hội.

2.1.3. Quan niệm về chất lượng giáo dục lý luận chính trị trong bối cảnh chuyển đổi số

Bối cảnh CDS hiện nay đang tác động sâu sắc đến toàn bộ đời sống xã hội, trong đó có lĩnh vực giáo dục và đào tạo nói chung, GD LLCT nói riêng, đặc biệt là có tác động không nhỏ đến chất lượng công tác GD LLCT. Vì vậy, đã có nhiều công trình nghiên cứu, bàn luận đến chất lượng GD LLCT trong điều kiện CDS dưới những góc độ tiếp cận khác nhau.

Khảo cứu các công trình nghiên cứu về vấn đề này có thể thấy, mặc dù chưa đưa ra một khái niệm hoàn chỉnh về chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS, nhưng nhiều tác giả đều thống nhất ở nhận định rằng CDS đang làm thay đổi mạnh mẽ môi trường, nội dung, phương thức và yêu cầu thực hiện GD LLCT. Theo Trương Thị Hồng Nga và Nguyễn Thị Túy, chất lượng GD LLCT trong điều kiện CDS được phản ánh ở hiệu quả đổi mới nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học trên nền tảng công nghệ số, qua đó giúp người học tiếp cận tri thức LLCT một cách hiện đại, chủ động nhận diện và phản bác các quan điểm sai trái trên không gian mạng [131]. Trong khi đó, Bùi Việt Chung và Hoàng Văn Thanh nhấn mạnh chất lượng GD LLCT thời đại số được thể hiện ở mức độ số hóa đồng bộ các hoạt động quản lý, đào tạo, học liệu và khảo thí, hướng tới xây dựng hệ sinh thái trường chính trị số [40]. Từ thực tiễn giảng dạy LLCT tại các trung tâm chính trị ở Thành phố Hồ Chí Minh, Phạm Thanh Tuấn cho rằng chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS còn được đo bằng khả năng tích hợp công nghệ và dữ liệu nhằm nâng cao

hiệu quả truyền thụ lý luận, tạo điều kiện cho người học tự nghiên cứu, tự rèn luyện và củng cố bản lĩnh chính trị [156].

Ở góc độ quan điểm của Đảng, vấn đề nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS được đặt trong tổng thể yêu cầu đổi mới công tác tư tưởng, xây dựng Đảng và phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới. Đại hội XIII khẳng định phải “chuẩn bị nguồn nhân lực cho chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số” [53, tr.128], đồng thời nhấn mạnh yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp GD LLCT gắn với ứng dụng công nghệ số và nâng cao kỹ năng thực tiễn cho đội ngũ cán bộ, đảng viên. Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị tiếp tục chỉ rõ rằng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo đang tái định hình nền giáo dục toàn cầu, vì vậy cần “đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục đạo đức, lý tưởng, chính trị, tư tưởng” [27], đồng thời phát triển các nền tảng giáo dục thông minh, trường học số, lớp học thông minh và nâng chuẩn năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, người học. Đại hội XIV của Đảng cũng xác định cần “đổi mới nội dung, phương thức công tác tư tưởng theo hướng ứng dụng công nghệ số và truyền thông đa phương tiện” [55, tr.248], chủ động đấu tranh phản bác thông tin xấu độc trên internet, mạng xã hội và “đổi mới GD LLCT theo phương châm khoa học, thực tiễn, sáng tạo và hiện đại” [55, tr.283]...

Từ những cách tiếp cận trên có thể thấy: Chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS không chỉ được phản ánh ở hiệu quả truyền thụ tri thức LLCT mà còn ở khả năng thích ứng của các chủ thể GD LLCT trước những biến đổi của môi trường số và xã hội số.

Trước hết, cần khẳng định, CDS không làm thay đổi bản chất, mục tiêu cốt lõi và chức năng chính trị - tư tưởng của GD LLCT. Về bản chất, GD LLCT vẫn là quá trình truyền thụ và tiếp thu hệ thống tri thức của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính

sách, pháp luật của Nhà nước nhằm hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học duy vật biện chứng, củng cố niềm tin chính trị, nâng cao bản lĩnh chính trị và phát triển năng lực vận dụng hiệu quả lý luận vào thực tiễn cho đội ngũ cán bộ. Những giá trị nền tảng như tính đảng, tính khoa học, tính thực tiễn và mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, có năng lực hoạt động thực tiễn và ý thức trách nhiệm cao với đất nước,... vẫn giữ vai trò cốt lõi trong công tác GD LLCT ở mọi giai đoạn lịch sử. Tuy nhiên, trong bối cảnh CDS, môi trường, nội dung phương thức và yêu cầu thực hiện GD LLCT sẽ có nhiều thay đổi quan trọng. Nếu như trước đây hoạt động GD LLCT chủ yếu diễn ra trong không gian lớp học truyền thống với phương thức truyền thụ trực tiếp và nguồn học liệu tương đối ổn định, thì hiện nay bối cảnh CDS với công nghệ số và dữ liệu số sẽ làm thay đổi mạnh mẽ cách thức tổ chức dạy học, tiếp cận tri thức, trao đổi thông tin và tương tác xã hội. Không gian giáo dục được mở rộng trên môi trường số; phương thức dạy học cũng sẽ có nhiều thay đổi ngày càng đa dạng, linh hoạt và theo hướng tăng cường tính tương tác giữa người dạy và người học; nguồn thông tin, học liệu cũng trở nên phong phú, đa chiều khiến người học dễ tiếp cận, nhưng cũng tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp, khó kiểm soát. Bối cảnh mới cũng sẽ đặt ra những yêu cầu mới không chỉ đối với hoạt động GD LLCT mà còn đối với đội ngũ cán bộ với tư cách là chủ thể tiếp nhận và vận dụng tri thức LLCT vào hoạt động thực tiễn công tác trong điều kiện xã hội số. Trong bối cảnh đó, chất lượng GD LLCT không chỉ được đánh giá ở mức độ tiếp thu, lĩnh hội tri thức LLCT theo mục tiêu, cách thức truyền thống, mà còn phải được xem xét ở khả năng thích ứng của chủ thể giáo dục, nhất là đội ngũ cán bộ với tư cách là người học trước những biến đổi của môi trường số và xã hội số. Đội ngũ cán bộ không chỉ cần có nhận thức LLCT đúng đắn, bản lĩnh chính trị vững vàng và năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn, mà còn phải có khả năng tiếp cận, khai thác, xử lý thông tin trong môi trường số; khả năng nhận diện

và sàng lọc các thông tin sai trái, xuyên tạc trên không gian mạng; đồng thời thích ứng với những biến đổi về phương thức quản lý, học tập và tổ chức đời sống xã hội trong bối cảnh CĐS...

Vì vậy, chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CĐS vừa kế thừa những giá trị cốt lõi của chất lượng GD LLCT theo quan niệm truyền thống, vừa bổ sung những yêu cầu mới gắn với xã hội số, môi trường số và năng lực thích ứng số của đội ngũ cán bộ. Đây thực chất là sự phát triển của quan niệm về chất lượng GD LLCT trong điều kiện mới, phản ánh yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ cán bộ trước sự biến đổi toàn diện của đời sống xã hội dưới tác động của bối cảnh CĐS.

Từ cách tiếp cận đó, luận án quan niệm: *Chất lượng giáo dục lý luận chính trị trong bối cảnh chuyển đổi số là mức độ hiệu quả đạt được của quá trình giáo dục lý luận chính trị trong việc bồi dưỡng thế giới quan, phương pháp luận khoa học, nâng cao nhận thức chính trị, củng cố niềm tin, bản lĩnh chính trị; phát triển năng lực tư duy lý luận và vận dụng lý luận vào thực tiễn cho đội ngũ cán bộ, đáp ứng yêu cầu của sự biến đổi toàn diện các phương thức tổ chức, vận hành của đời sống xã hội và tiến trình phát triển đất nước theo mục tiêu xã hội chủ nghĩa trên nền tảng ứng dụng công nghệ số và dữ liệu số.*

Quan niệm trên cho thấy chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CĐS được tiếp cận như sự thống nhất giữa mục tiêu cốt lõi của GD LLCT với những yêu cầu mới do quá trình CĐS của đời sống xã hội đặt ra. Theo đó, chất lượng GD LLCT không chỉ được phản ánh ở mức độ nâng cao nhận thức, bản lĩnh chính trị, củng cố niềm tin và phát triển năng lực tư duy lý luận, vận dụng lý luận vào thực tiễn cho đội ngũ cán bộ, mà còn thể hiện ở khả năng thích ứng của đội ngũ cán bộ trước sự biến đổi toàn diện của phương thức tổ chức và vận hành xã hội trên nền tảng công nghệ số và dữ liệu số. Điều này cho thấy, trong bối cảnh CĐS hiện nay, chất lượng GD LLCT vừa kế thừa những giá trị

nền tảng vốn có của GD LLCT, vừa được bổ sung những yêu cầu mới gắn với môi trường số, xã hội số và yêu cầu phát triển năng lực nhận thức và hoạt động thực tiễn của đội ngũ cán bộ trong điều kiện, bối cảnh thời đại mới.

Trên cơ sở đó, chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS được biểu hiện trên các phương diện cơ bản sau:

Một là, mức độ nâng cao khả năng lĩnh hội tri thức, nhận thức LLCT và năng lực tiếp cận, khai thác, xử lý thông tin trong môi trường số của đội ngũ cán bộ. Đây vẫn là phương diện nền tảng của chất lượng GD LLCT, bởi mục tiêu cơ bản của GD LLCT là trang bị cho đội ngũ cán bộ hệ thống tri thức về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; qua đó hình thành thế giới quan khoa học, phương pháp luận biện chứng và năng lực nhận thức chính trị đúng đắn. Tuy nhiên, nếu trong giai đoạn trước, việc tiếp cận tri thức LLCT chủ yếu thông qua sách giáo trình, bài giảng trực tiếp và các nguồn thông tin học liệu chính thống tương đối ổn định, thì trong bối cảnh CDS, đội ngũ cán bộ được tiếp cận nguồn học liệu phong phú đa dạng, môi trường thông tin mở, đa chiều, tốc độ lan truyền nhanh và khó kiểm soát. Điều đó đòi hỏi người học không chỉ có khả năng tiếp thu tri thức LLCT mà còn phải có năng lực tiếp cận, khai thác, chọn lọc và xử lý thông tin trong môi trường số một cách khoa học, chính xác và có định hướng chính trị đúng đắn. Vì vậy, chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS không chỉ được phản ánh ở trình độ nhận thức lý luận mà còn ở khả năng làm chủ thông tin, nhận diện thông tin đúng - sai, phân biệt thông tin chính thống với thông tin sai lệch trong môi trường số của đội ngũ cán bộ...

Hai là, mức độ hình thành, củng cố bản lĩnh, niềm tin, thái độ chính trị và khả năng giữ vững lập trường tư tưởng của đội ngũ cán bộ trước tác động của môi trường truyền thông số và thông tin đa chiều. Trong mọi giai đoạn, GD LLCT đều hướng tới mục tiêu củng cố niềm tin vào chủ nghĩa Mác -

Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vào sự lãnh đạo của Đảng và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Tuy nhiên, trong bối cảnh CDS hiện nay, môi trường truyền thông số phát triển mạnh mẽ đã tạo ra sự đa dạng và phức tạp chưa từng có về nguồn thông tin, quan điểm và hệ giá trị xã hội. Bên cạnh những cơ hội mở rộng khả năng tiếp cận tri thức, không gian mạng cũng là nơi các thế lực thù địch, phản động gia tăng hoạt động tuyên truyền chống phá, phát tán thông tin sai trái, xuyên tạc nền tảng tư tưởng của Đảng, gây tác động đến nhận thức, tư tưởng và niềm tin chính trị của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Vì vậy, nếu như trước đây yêu cầu chủ yếu là hình thành niềm tin và thái độ chính trị đúng đắn, thì trong bối cảnh CDS, chất lượng GD LLCT còn được thể hiện ở khả năng giữ vững lập trường tư tưởng, bản lĩnh chính trị và sức đề kháng tư tưởng của đội ngũ cán bộ trước những tác động tiêu cực của môi trường truyền thông số và thông tin đa chiều. Đây là yêu cầu đặc biệt quan trọng nhằm bảo đảm sự kiên định về tư tưởng chính trị và sự thống nhất giữa nhận thức với hành động trong điều kiện xã hội số hiện nay.

Ba là, mức độ phát triển năng lực tư duy lý luận, năng lực thích ứng với môi trường số và khả năng vận dụng lý luận vào thực tiễn trong bối cảnh CDS của đội ngũ cán bộ cơ sở. Nếu như trước đây, yêu cầu vận dụng lý luận chủ yếu gắn với hoạt động lãnh đạo, quản lý và giải quyết các vấn đề thực tiễn trong điều kiện kinh tế - xã hội chưa chịu tác động mạnh mẽ của công nghệ số, thì hiện nay thực tiễn xã hội đang biến đổi mạnh mẽ dưới tác động của CDS. Các phương thức quản lý, lao động, giao tiếp, học tập và tổ chức đời sống xã hội đều có sự thay đổi nhanh chóng, đặt ra nhiều vấn đề mới cả về lý luận và thực tiễn. Điều đó đòi hỏi đội ngũ cán bộ không chỉ có khả năng tư duy lý luận và vận dụng lý luận vào thực tiễn theo cách thức trước đây, mà còn phải có năng lực thích ứng với môi trường số, tư duy đổi mới, khả năng sử dụng và khai thác công nghệ số trong hoạt động thực tiễn. Vì vậy, chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS không chỉ thể hiện ở năng

lực “hiểu lý luận” mà còn ở khả năng vận dụng sáng tạo lý luận vào giải quyết các vấn đề thực tiễn nảy sinh trong điều kiện xã hội số, góp phần nâng cao hiệu quả lãnh đạo, quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ hiện nay.

2.2. NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ - QUAN NIỆM, CHỦ THỂ, NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC

2.2.1. Quan niệm về nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị trong bối cảnh chuyển đổi số

Trên cơ sở quan niệm về chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS có thể thấy, chất lượng GD LLCT không phải là trạng thái bất biến mà luôn vận động và chịu sự tác động của nhiều yếu tố khác nhau, đặc biệt là sự biến đổi của điều kiện kinh tế - xã hội, trình độ phát triển khoa học công nghệ và môi trường giáo dục, cũng như năng lực, trình độ, ý thức của các chủ thể tham gia hoạt động GD LLCT. Trong bối cảnh CDS hiện nay, sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số và dữ liệu số đang làm thay đổi sâu sắc phương thức tổ chức, quản lý, giao tiếp, học tập và tiếp cận tri thức của con người. Điều đó không chỉ tạo ra những điều kiện mới cho hoạt động GD LLCT mà còn đặt ra yêu cầu phải không ngừng đổi mới để nâng cao chất lượng GD LLCT phù hợp với sự vận động của thực tiễn xã hội.

Về bản chất, CDS không làm thay đổi mục tiêu cốt lõi của GD LLCT là nâng cao nhận thức chính trị, củng cố niềm tin, bản lĩnh chính trị và phát triển năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn cho đội ngũ cán bộ. Tuy nhiên, CDS sẽ làm thay đổi môi trường thực hiện GD LLCT, phương thức tổ chức dạy học, cách thức tiếp cận và xử lý thông tin, đồng thời đặt ra những yêu cầu mới đối với năng lực truyền thụ, lĩnh hội tri thức của cả chủ thể giáo dục và người học LLCT. Trong điều kiện đó, nếu hoạt động GD LLCT không được đổi mới phù hợp, chất lượng không được đảm bảo, đáp ứng yêu cầu

thực tiễn thì sẽ khó đáp ứng yêu cầu bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ trong bối cảnh xã hội số đang phát triển nhanh chóng hiện nay.

Mặt khác, nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS không chỉ là đổi mới kỹ thuật giảng dạy hay ứng dụng công nghệ vào hoạt động đào tạo, mà là quá trình tác động có mục đích, có tổ chức của các chủ thể giáo dục nhằm nâng cao hiệu quả toàn diện của hoạt động GD LLCT trên cả phương diện nhận thức, bản lĩnh chính trị và năng lực hoạt động thực tiễn của đội ngũ cán bộ. Quá trình này đòi hỏi sự đổi mới đồng bộ về nội dung, chương trình, phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục, đồng thời phát huy vai trò chủ động, tích cực của cả người dạy và người học cũng như các cơ sở đào tạo LLCT trong môi trường số. Vì vậy, nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS cần được nhìn nhận như một quá trình vận động, đổi mới và thích ứng của các chủ thể và toàn bộ hoạt động GD LLCT trước những biến đổi của đời sống xã hội trong bối cảnh thời đại công nghệ số.

Từ cách tiếp cận đó, luận án quan niệm: *Nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị trong bối cảnh chuyển đổi số là quá trình tác động có mục đích, có tổ chức của các chủ thể giáo dục lý luận chính trị thông qua đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục, đồng thời phát huy vai trò chủ thể tích cực, sáng tạo của người học nhằm nâng cao nhận thức, bản lĩnh chính trị, củng cố niềm tin vào Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa; phát triển năng lực tư duy lý luận và vận dụng lý luận vào thực tiễn cho đội ngũ cán bộ, đáp ứng yêu cầu của sự biến đổi toàn diện các phương thức tổ chức, vận hành của đời sống xã hội và tiến trình phát triển đất nước theo mục tiêu xã hội chủ nghĩa trên nền tảng ứng dụng công nghệ số và dữ liệu số.*

Từ quan niệm trên có thể thấy, nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS là một quá trình mang tính toàn diện, vừa phản ánh bản chất chính trị - tư tưởng của hoạt động GD LLCT, vừa thể hiện yêu cầu đổi mới và thích

ứng của các chủ thể tham gia hoạt động GD LLCT trước sự biến đổi của đời sống xã hội hiện đại trong môi trường số, để mang lại hiệu quả GD LLCT tốt hơn. Nội hàm của quan niệm này được biểu hiện ở một số phương diện cơ bản sau:

Một là, đây là quá trình tác động có tính mục đích, tính tổ chức và định hướng chính trị rõ rệt. Nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS không phải là sự biến đổi tự phát mà là quá trình tác động có chủ đích của các chủ thể GD LLCT nhằm thực hiện mục tiêu GD LLCT, nâng cao hiệu quả bồi dưỡng tri thức LLCT, nâng cao nhận thức, bản lĩnh chính trị, năng lực tư duy lý luận và khả năng vận dụng lý luận vào thực tiễn cho đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu thực tiễn tiến trình phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, thích ứng với bối cảnh thời đại công nghệ số. Quá trình này được tổ chức thông qua đổi mới hệ thống chương trình, nội dung, phương pháp và các hoạt động giáo dục đảm bảo tính định hướng rõ rệt về chính trị, tư tưởng phù hợp với sự thay đổi của bối cảnh thời đại số. Khác với nhiều loại hình giáo dục khác chủ yếu hướng tới phát triển tri thức và kỹ năng nghề nghiệp, GD LLCT gắn trực tiếp với việc truyền bá thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng và định hướng chính trị của chế độ xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS trước hết phải bảo đảm giữ vững tính đảng, tính khoa học, tính định hướng chính trị và mục tiêu giáo dục của hoạt động GD LLCT trong điều kiện môi trường thông tin số ngày càng đa dạng và phức tạp.

Hai là, đây là quá trình tác động toàn diện đến nhận thức, niềm tin và năng lực hoạt động thực tiễn của đội ngũ cán bộ. Nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS không chỉ hướng tới việc bổ sung, cập nhật tri thức LLCT mà còn nhằm hình thành, củng cố và nâng cao bản lĩnh chính trị, niềm tin chính trị, thái độ chính trị đúng đắn; nâng cao năng lực tư duy lý luận

và năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn một cách hiệu quả cho đội ngũ cán bộ thích ứng với bối cảnh thời đại mới, thời đại công nghệ số. Quá trình này tác động đồng thời đến nhiều phương diện của người học, từ nhận thức lý luận, tình cảm chính trị đến tư duy và hành động thực tiễn. Do đó, chất lượng GD LLCT không thể chỉ được đánh giá ở mức độ tiếp thu kiến thức mà phải được phản ánh ở sự chuyển biến về nhận thức chính trị, sự kiên định lập trường tư tưởng, khả năng xử lý các vấn đề thực tiễn và năng lực thực hiện chức trách, nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ thích ứng với sự biến đổi của bối cảnh thời đại số. Điều này cho thấy nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS thực chất là quá trình nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục, truyền thụ tri thức lý luận chính trị, tư tưởng, bồi đắp niềm tin, bản lĩnh chính trị và nâng cao năng lực vận dụng lý luận vào hoạt động thực tiễn của đội ngũ cán bộ trên cơ sở ứng dụng hiệu quả công nghệ số, dữ liệu số.

Ba là, đây là quá trình vận động, đổi mới và thích ứng của hoạt động GD LLCT với sự biến đổi của môi trường xã hội trong bối cảnh CDS. Trong bối cảnh sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số, dữ liệu số và môi trường truyền thông số đang làm thay đổi sâu sắc phương thức tiếp cận tri thức, giao tiếp xã hội, tổ chức quản lý và hoạt động giáo dục LLCT. Điều đó đòi hỏi hoạt động GD LLCT phải không ngừng đổi mới để thích ứng với điều kiện và yêu cầu mới của thực tiễn bối cảnh xã hội số. Việc nâng cao chất lượng GD LLCT hiện nay không chỉ là đổi mới phương pháp giảng dạy hay ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình đào tạo, mà còn là sự đổi mới tổng thể về nội dung giáo dục, phương thức tổ chức dạy học, cách thức tương tác, phối hợp, đồng kiến tạo tri thức giữa chủ thể giáo dục với người học và đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập cho phù hợp với sự thay đổi của bối cảnh thời đại công nghệ số. Đồng thời, quá trình này cũng là quá trình nâng cao năng lực học tập LLCT của đội ngũ cán bộ thích ứng với môi trường số, nâng cao khả năng tiếp cận, khai thác và xử lý thông tin của người học

LLCT trong điều kiện xã hội số phát triển nhanh chóng. Vì vậy, nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS thực chất là quá trình nâng cao năng lực và hiệu quả phối hợp của các chủ thể GD LLCT để vừa bảo đảm mục tiêu chính trị - tư tưởng của công tác GD LLCT, vừa đáp ứng yêu cầu thực tiễn của công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ thích ứng với sự biến đổi của điều kiện xã hội số hiện đại.

Bốn là, đây là quá trình thống nhất giữa kế thừa và đổi mới trong GD LLCT. Nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS không có nghĩa là thay đổi bản chất, mục tiêu hay các giá trị nền tảng của GD LLCT, mà là quá trình kế thừa những giá trị cốt lõi của hoạt động GD LLCT đồng thời đổi mới phương thức thực hiện để mang lại hiệu quả GD LLCT cao hơn, phù hợp với điều kiện, bối cảnh thời đại mới. Những nội dung nền tảng như giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng, nâng cao bản lĩnh chính trị và niềm tin xã hội chủ nghĩa, nâng cao năng lực hoạt động thực tiễn cho đội ngũ cán bộ vẫn giữ vai trò trung tâm, xuyên suốt trong toàn bộ hoạt động GD LLCT. Tuy nhiên, cách thức tổ chức giáo dục, phương pháp truyền đạt, hình thức học tập, môi trường tương tác và yêu cầu đối với người học đang có sự thay đổi mạnh mẽ dưới tác động của bối cảnh CDS. Do đó, nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh hiện nay phải được thực hiện trên cơ sở kết hợp chặt chẽ giữa kế thừa các giá trị của GD LLCT với đổi mới nội dung, phương pháp và phương thức tổ chức giáo dục theo hướng hiện đại, linh hoạt và phù hợp với sự phát triển của xã hội số, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số để nâng cao chất lượng hoạt động GD LLCT theo những mục tiêu cốt lõi đã đề ra.

2.2.2. Chủ thể nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị trong bối cảnh chuyển đổi số

Chủ thể nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS là tổng thể các lực lượng tham gia định hướng, chỉ đạo, quản lý, tổ chức, triển khai thực

hiện hoạt động GD LLCT và tác động đến quá trình nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS. Trong thực tiễn, các chủ thể này rất đa dạng, bao gồm các cơ quan lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị; các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; đội ngũ giảng viên; học viên; cùng các lực lượng tham gia hỗ trợ về cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ và môi trường giáo dục... Mỗi chủ thể có vị trí, vai trò và phương thức tác động khác nhau đối với quá trình nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS.

Tuy nhiên, trong phạm vi nghiên cứu của luận án, chủ thể nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS được tập trung xem xét ở các chủ thể trực tiếp tham gia và có vai trò quyết định đối với hiệu quả nâng cao chất lượng GD LLCT tại các trường chính trị tỉnh khu vực miền núi phía Bắc hiện nay. Đó là đội ngũ cán bộ, lãnh đạo các trường chính trị tỉnh và đội ngũ giảng viên, học viên LLCT.

Một là, đội ngũ cán bộ, lãnh đạo các trường chính trị tỉnh là chủ thể giữ vai trò định hướng, quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện toàn bộ hoạt động nâng cao chất lượng GD LLCT trong nhà trường. Đây là lực lượng có vai trò quyết định trong việc hoạch định chiến lược phát triển, xây dựng cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và tạo lập các điều kiện bảo đảm cho quá trình nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS.

Trong bối cảnh CDS hiện nay, vai trò của cán bộ và lãnh đạo các trường chính trị tỉnh không chỉ dừng lại ở quản lý, tổ chức hoạt động giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng LLCT theo phương thức truyền thống mà còn phải chủ động định hướng quá trình đổi mới mô hình quản trị nhà trường theo hướng hiện đại, thích ứng với môi trường số. Điều này đòi hỏi đội ngũ cán bộ và lãnh đạo nhà trường phải có tư duy đổi mới, năng lực quản trị số và khả năng tổ chức triển khai các hoạt động giáo dục LLCT trên nền tảng ứng dụng công nghệ số. Đặc biệt, lãnh đạo nhà trường giữ vai trò trung tâm trong việc xây dựng chiến

lược, kế hoạch, lộ trình CDS, nâng cao chất lượng GD LLCT của nhà trường trong bối cảnh thời đại mới; phát triển hạ tầng công nghệ, học liệu số và môi trường giáo dục số; chỉ đạo đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy và kiểm tra, đánh giá phù hợp với yêu cầu của bối cảnh mới. Hơn thế, lãnh đạo các trường chính trị tỉnh còn có vai trò quan trọng trong việc đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ giảng viên, cán bộ nhà trường đáp ứng yêu cầu CDS; tạo động lực đổi mới sáng tạo trong hoạt động GD LLCT; đồng thời bảo đảm giữ vững tính đảng, tính khoa học và định hướng chính trị trong quá trình ứng dụng công nghệ số vào hoạt động giáo dục. Đối với các trường chính trị tỉnh khu vực miền núi phía Bắc - nơi điều kiện hạ tầng công nghệ, nguồn nhân lực và trình độ tiếp cận công nghệ còn nhiều khó khăn - vai trò định hướng, tổ chức và điều hành của lãnh đạo nhà trường càng có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo đảm quá trình nâng cao chất lượng GD LLCT được thực hiện phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa phương.

Hai là, giảng viên là chủ thể trực tiếp thực hiện hoạt động GD LLCT, đồng thời là lực lượng giữ vai trò quyết định chất lượng truyền thụ tri thức, định hướng tư tưởng, hình thành, củng cố niềm tin, bản lĩnh chính trị và phát triển năng lực tư duy lý luận, năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn cho đội ngũ cán bộ cơ sở. Trong quá trình nâng cao chất lượng GD LLCT, giảng viên không chỉ là người truyền đạt tri thức LLCT mà còn là chủ thể định hướng nhận thức chính trị, dẫn dắt tư duy và tổ chức hoạt động học tập cho học viên. Trong bối cảnh CDS, vai trò của giảng viên LLCT có sự thay đổi đáng kể. Nếu trước đây giảng viên chủ yếu giữ vai trò cung cấp tri thức theo phương thức truyền thống, thì hiện nay giảng viên phải đồng thời thực hiện vai trò tổ chức, hướng dẫn, hỗ trợ, định hướng học tập, đặc biệt là cùng kiến tạo tri thức trong môi trường số. Điều này đòi hỏi đội ngũ giảng viên không chỉ có trình độ chuyên môn LLCT vững vàng mà còn phải có năng lực số, khả năng khai thác và sử dụng công nghệ số trong giảng dạy, nghiên cứu và tương tác, phối hợp với học viên.

Giảng viên LLCT trong bối cảnh CDS cần chủ động đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của học viên; tăng cường ứng dụng học liệu số, phương tiện truyền thông số và các nền tảng công nghệ trong tổ chức dạy học; đồng thời nâng cao khả năng định hướng thông tin, phản biện và đấu tranh với các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng. Bên cạnh đó, giảng viên còn giữ vai trò quan trọng trong việc giúp học viên nâng cao năng lực tiếp cận, chọn lọc và xử lý thông tin trong môi trường số, góp phần hình thành bản lĩnh chính trị và khả năng thích ứng với xã hội số.

Đối với các trường chính trị tỉnh khu vực miền núi phía Bắc hiện nay, đội ngũ giảng viên không chỉ thực hiện nhiệm vụ giảng dạy LLCT mà còn trực tiếp góp phần thu hẹp khoảng cách về trình độ tiếp cận công nghệ, phương pháp học tập và khả năng thích ứng với CDS của đội ngũ cán bộ cơ sở. Vì vậy, năng lực chuyên môn, bản lĩnh chính trị, tinh thần đổi mới và năng lực số của đội ngũ giảng viên có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với hiệu quả nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS hiện nay.

Ba là, học viên LLCT là chủ thể trung tâm của quá trình GD LLCT, đồng thời là người trực tiếp tiếp nhận, chuyển hóa và vận hành hệ thống tri thức LLCT vào hoạt động lãnh đạo, quản lý và thực tiễn công tác. Chất lượng GD LLCT chỉ thực sự được khẳng định khi các tri thức, giá trị và phương pháp luận được người học tiếp thu, chuyển hóa thành nhận thức chính trị, niềm tin, bản lĩnh chính trị và năng lực hành động trong thực tiễn. Vì vậy, trong quá trình nâng cao chất lượng GD LLCT, học viên không chỉ là đối tượng tiếp nhận của hoạt động giáo dục mà còn là chủ thể tích cực tham gia vào toàn bộ quá trình học tập, nghiên cứu, trao đổi, phản biện và sử dụng tri thức LLCT để giải quyết các vấn đề thực tiễn.

Trong bối cảnh CDS, vai trò của học viên LLCT đã thay đổi theo hướng phát huy tính chủ động, tích cực và sáng tạo trong quá trình học tập. Nếu

trước đây hoạt động học tập chủ yếu diễn ra trên lớp với sự truyền đạt trực tiếp của giảng viên, thì hiện nay, cùng với sự phát triển của công nghệ số, học viên có điều kiện tiếp cận nguồn học liệu phong phú, tham gia các hình thức học tập trực tuyến, học tập kết hợp, học tập mọi lúc, mọi nơi và tăng cường tương tác với giảng viên, học viên khác trên các nền tảng số. Điều đó yêu cầu học viên không chỉ có động cơ, thái độ và ý thức học tập đúng đắn mà còn phải có năng lực tự học, chủ động nghiên cứu, năng lực số và khả năng khai thác, chọn lọc, xử lý, đánh giá thông tin trong môi trường số, phục vụ hiệu quả quá trình học tập và thực hiện nhiệm vụ công tác.

Là đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị, học viên các trường chính trị tỉnh vừa là người học, vừa là chủ thể trực tiếp vận dụng tri thức LLCT vào hoạt động lãnh đạo, quản lý ở địa phương, cơ quan, đơn vị. Do đó, nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS không chỉ hướng đến việc trang bị tri thức lý luận mà còn góp phần phát triển năng lực tư duy, năng lực phân tích, dự báo, xử lý tình huống và năng lực lãnh đạo, quản lý trong môi trường số. Đồng thời, người học cần được khơi dậy tinh thần sáng tạo và phát triển năng lực tiếp cận, khai thác, sử dụng công nghệ số một cách hiệu quả; nâng cao khả năng nhận diện, phân tích, phản bác các thông tin sai trái, thù địch trên không gian mạng; củng cố bản lĩnh chính trị vững vàng, niềm tin vào chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng và nâng cao năng lực bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trước những tác động phức tạp của môi trường thông tin số.

Đối với các trường chính trị tỉnh khu vực miền núi phía Bắc, học viên chủ yếu là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cơ sở, đến từ nhiều địa phương với điều kiện kinh tế - xã hội, trình độ chuyên môn, năng lực công nghệ số và khả năng tiếp cận môi trường số còn có sự chênh lệch, khác biệt. Vì vậy, việc phát huy vai trò chủ thể của người học cần được thực hiện thông qua việc xây dựng môi trường học tập thuận lợi; khuyến khích tinh thần tự học, tự nghiên cứu; tăng

cường tương tác, chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn và hỗ trợ học viên phát triển năng lực phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ. Mức độ chủ động, tích cực, sáng tạo của học viên trong quá trình học tập, cùng với khả năng chuyển hóa tri thức lý luận thành năng lực thực tiễn và khả năng thích ứng với môi trường số, là một trong những tiêu chí quan trọng phản ánh hiệu quả và chất lượng của quá trình nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS hiện nay.

2.2.3. Nội dung nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị trong bối cảnh chuyển đổi số

Nội dung nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS là tổng thể những phương diện cơ bản mà hoạt động GD LLCT cần thực hiện nhằm tạo ra sự chuyển biến tích cực về nhận thức, bản lĩnh chính trị và năng lực hoạt động thực tiễn của đội ngũ cán bộ trong điều kiện xã hội số. Những nội dung này vừa kế thừa mục tiêu cốt lõi của GD LLCT, vừa phản ánh những yêu cầu mới đặt ra từ sự biến đổi của môi trường kinh tế - xã hội, sự phát triển của công nghệ số và quá trình CDS trên các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Trong bối cảnh hiện nay, nâng cao chất lượng GD LLCT không chỉ dừng lại ở việc bổ sung tri thức lý luận hay đổi mới hình thức tổ chức dạy học, mà phải hướng tới nâng cao toàn diện chất lượng giáo dục trên cả phương diện nhận thức, tình cảm chính trị và năng lực hoạt động thực tiễn của đội ngũ cán bộ thích ứng với bối cảnh thời đại công nghệ số. Đây cũng là những nội dung cơ bản phản ánh trực tiếp chất lượng và hiệu quả của hoạt động GD LLCT trong bối cảnh CDS.

Nội dung của nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS nói chung, nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS ở các trường chính trị khu vực miền núi phía Bắc nói riêng bao gồm:

Một là, nâng cao chất lượng giáo dục tri thức LLCT. Đây là nội dung cơ bản, nền tảng của quá trình nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS. GD LLCT trước hết nhằm trang bị cho đội ngũ cán bộ hệ thống tri thức

về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; đồng thời giúp người học hình thành nhận thức chính trị đúng đắn, thế giới quan khoa học và phương pháp luận biện chứng duy vật.

Trong bối cảnh CDS, nội dung nâng cao chất lượng giáo dục tri thức LLCT không chỉ đặt ra yêu cầu bảo đảm tính khoa học, tính hệ thống và tính cập nhật của tri thức LLCT, mà còn đòi hỏi đội ngũ cán bộ phải có khả năng tiếp cận, khai thác, chọn lọc và xử lý thông tin trong môi trường số. Sự phát triển mạnh mẽ của internet, mạng xã hội và các nền tảng truyền thông số đã làm thay đổi căn bản cách thức tiếp cận tri thức của người học, đồng thời tạo ra môi trường thông tin đa chiều, phức tạp với cả thông tin chính thống và thông tin sai lệch, xuyên tạc. Vì vậy, nâng cao chất lượng giáo dục tri thức và nhận thức LLCT hiện nay phải gắn với việc nâng cao năng lực nhận diện, phân tích, đánh giá và tiếp nhận thông tin của đội ngũ cán bộ trong môi trường số.

Đối với các trường chính trị khu vực miền núi phía Bắc, nội dung này còn gắn với yêu cầu khắc phục sự chênh lệch về điều kiện tiếp cận công nghệ, trình độ sử dụng công nghệ số và khả năng tiếp cận học liệu số của đội ngũ cán bộ ở cơ sở. Qua đó, góp phần nâng cao hiệu quả tiếp nhận tri thức LLCT và đáp ứng yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ trong điều kiện CDS hiện nay.

Hai là, nâng cao chất lượng giáo dục, bồi dưỡng tình cảm, niềm tin, bản lĩnh chính trị. Đây là nội dung có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong nâng cao chất lượng GD LLCT, bởi mục tiêu của GD LLCT không chỉ dừng lại ở trang bị tri thức mà còn hướng tới hình thành tình cảm chính trị, củng cố niềm tin, xây dựng bản lĩnh và lập trường tư tưởng vững vàng cho đội ngũ cán bộ.

Trong bối cảnh CDS, môi trường truyền thông số và không gian mạng đang tác động mạnh mẽ đến tư tưởng, tâm lý và nhận thức chính trị của con người. Bên cạnh những mặt tích cực trong việc mở rộng khả năng tiếp cận

thông tin và giao lưu tri thức, môi trường số cũng làm gia tăng nguy cơ lan truyền thông tin sai lệch, quan điểm sai trái, thù địch và những biểu hiện lệch chuẩn về tư tưởng, đạo đức, lối sống. Điều đó đặt ra yêu cầu phải nâng cao chất lượng giáo dục tình cảm, niềm tin và bản lĩnh chính trị cho đội ngũ cán bộ, giúp họ giữ vững lập trường tư tưởng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vai trò quản lý của Nhà nước và con đường phát triển của đất nước theo mục tiêu xã hội chủ nghĩa.

Nâng cao chất lượng giáo dục tình cảm, niềm tin và bản lĩnh chính trị trong bối cảnh CDS còn là tăng cường khả năng nhận diện, sàng lọc và đấu tranh giữ vững lập trường tư tưởng trước những tác động tiêu cực của môi trường số đối với đội ngũ cán bộ; đồng thời nâng cao ý thức trách nhiệm chính trị, đạo đức công vụ và bản lĩnh đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng. Đây là yêu cầu đặc biệt quan trọng đối với đội ngũ cán bộ ở các tỉnh miền núi phía Bắc - nơi còn tồn tại nhiều khó khăn về trình độ dân trí, điều kiện tiếp cận thông tin và sự tác động phức tạp của các vấn đề dân tộc, tôn giáo và an ninh biên giới.

Ba là, nâng cao chất lượng, phát triển năng lực tư duy lý luận và năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn. Đây là nội dung phản ánh trực tiếp hiệu quả và giá trị thực tiễn của hoạt động GD LLCT. Mục tiêu cuối cùng của GD LLCT không chỉ là giúp đội ngũ cán bộ hiểu lý luận mà còn phải có khả năng vận dụng lý luận vào nhận thức và giải quyết các vấn đề thực tiễn trong công tác và đời sống xã hội trên nền tảng ứng dụng công nghệ số, đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển đất nước trong bối cảnh thời đại mới.

Trong bối cảnh CDS, yêu cầu đối với năng lực tư duy lý luận và vận dụng thực tiễn của đội ngũ cán bộ ngày càng cao. Sự phát triển nhanh chóng của xã hội số, kinh tế số và môi trường truyền thông số đã làm xuất hiện nhiều vấn đề mới, phức tạp và biến đổi nhanh, đòi hỏi đội ngũ cán bộ phải có tư duy linh

hoạt, khả năng phân tích, phản biện, tổng hợp và xử lý thông tin trong điều kiện mới. Vì vậy, nâng cao chất lượng phát triển năng lực tư duy lý luận hiện nay phải gắn với việc hình thành tư duy khoa học, tư duy phản biện, khả năng phân tích và giải quyết vấn đề trên cơ sở vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng vào thực tiễn thích ứng với bối cảnh CDS; nâng cao năng lực thích ứng với môi trường số và khả năng vận dụng công nghệ số vào hoạt động lãnh đạo, quản lý và thực thi nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ. Đối với các tỉnh miền núi phía Bắc, việc nâng cao năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn còn phải gắn với đặc điểm kinh tế - xã hội, điều kiện địa lý, dân cư, văn hóa và yêu cầu phát triển của từng địa phương. Qua đó, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý và tổ chức thực tiễn của đội ngũ cán bộ trong bối cảnh CDS hiện nay.

2.2.4. Phương thức nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị trong bối cảnh chuyển đổi số

Phương thức nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS là cách thức, con đường và biện pháp cơ bản mà các chủ thể GD LLCT sử dụng nhằm tạo ra sự chuyển biến tích cực về chất lượng giáo dục đáp ứng yêu cầu của môi trường xã hội số. Trong điều kiện hiện nay, CDS không chỉ làm thay đổi môi trường giáo dục mà còn tác động trực tiếp đến cách thức tổ chức dạy học, tiếp cận tri thức, quản lý đào tạo và tương tác giữa chủ thể giáo dục với người học. Vì vậy, nâng cao chất lượng GD LLCT đòi hỏi phải đổi mới đồng bộ các phương thức tổ chức và thực hiện hoạt động GD LLCT theo hướng hiện đại, linh hoạt và thích ứng với bối cảnh CDS.

Khi bàn đến các phương thức nâng cao chất lượng GD LLCT có thể đề cập đến rất nhiều phương thức như: thông qua sự định hướng, chỉ đạo, điều hành của các chủ thể lãnh đạo, quản lý các cấp và chính quyền địa phương về công tác GD LLCT; thông qua việc phát huy vai trò và sự chủ động, tích cực phối hợp của các cơ sở giáo dục đào tạo và đội ngũ giảng viên LLCT; thông qua ý thức của học viên; thông qua sự liên kết, hợp tác GD LLCT giữa các

tỉnh thành, địa phương,... Tuy nhiên, phương thức cơ bản, trực tiếp nhất để nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS nói chung, nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS ở các trường chính trị khu vực miền núi phía Bắc nói riêng bao gồm:

Một là, thông qua việc nâng cao năng lực, trình độ của các chủ thể lãnh đạo, quản lý GD LLCT trong bối cảnh CDS. Đây là phương thức có ý nghĩa nền tảng, giữ vai trò quyết định đối với hiệu quả nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS. Chất lượng của hoạt động GD LLCT phụ thuộc trực tiếp vào năng lực lãnh đạo, quản lý, tổ chức thực hiện của các chủ thể GD LLCT, đặc biệt là đội ngũ lãnh đạo các trường chính trị và đội ngũ giảng viên LLCT. Muốn nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS trước hết phải nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý, chỉ đạo điều hành của đội ngũ cán bộ lãnh đạo các trường chính trị và năng lực giảng dạy của đội ngũ giảng viên LLCT thích ứng với bối cảnh CDS. Trong bối cảnh CDS, để nâng cao chất lượng GD LLCT, các chủ thể GD LLCT trên không chỉ cần có trình độ chuyên môn phù hợp, đáp ứng yêu cầu công tác mà còn đòi hỏi phải có năng lực số, khả năng sử dụng công nghệ số và thích ứng với môi trường giáo dục số. Từ đó có thể thực hiện đổi mới phương thức lãnh đạo, quản lý, tổ chức các lớp học cũng như thay đổi phương pháp chuyển tải các nội dung giảng dạy LLCT của đội ngũ giảng viên trên cơ sở ứng dụng hiệu quả công nghệ số trong mọi khâu của quá trình GD LLCT để mang lại hiệu quả giáo dục LLCT cao hơn, giúp người học không chỉ nâng cao nhận thức, bản lĩnh chính trị mà còn nâng cao năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn thích ứng với bối cảnh xã hội số. Vì vậy, nâng cao chất lượng GD LLCT trước hết phải thông qua việc nâng cao trình độ và năng lực ứng dụng công nghệ số của đội ngũ lãnh đạo, quản lý và giảng viên LLCT. Cụ thể, đối với lãnh đạo các trường chính trị tỉnh, là nâng cao năng lực quản trị nhà trường trong môi trường số; năng lực xây dựng chiến lược CDS công tác GD LLCT; khả năng tổ chức, điều hành và phát triển môi trường giáo dục số phù hợp với yêu cầu

đổi mới và nâng cao chất lượng GD LLCT đáp ứng yêu cầu bối cảnh xã hội số hiện nay. Đối với đội ngũ giảng viên, là nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ số trong giảng dạy, khai thác học liệu số, tổ chức lớp học trực tuyến, sử dụng các nền tảng công nghệ trong thay đổi cách thức kiểm tra, đánh giá và tương tác với học viên; đồng thời nâng cao khả năng định hướng tư tưởng và xử lý các vấn đề chính trị - tư tưởng phát sinh trong môi trường số...

Đặc biệt, đối với các trường chính trị khu vực miền núi phía Bắc, việc nâng cao năng lực số cho đội ngũ lãnh đạo và giảng viên càng có ý nghĩa quan trọng, trong việc từng bước khắc phục khoảng cách số giữa các địa phương, nâng cao khả năng thích ứng với yêu cầu đổi mới, GD LLCT trong CDS.

Hai là, thông qua đổi mới nội dung, chương trình và phương pháp GD LLCT thích ứng với bối cảnh CDS. Đây là phương thức trực tiếp tác động đến chất lượng và hiệu quả của hoạt động GD LLCT. Bởi lẽ, ngay cả khi các chủ thể GD LLCT chủ động, tích cực nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn, kỹ năng thích ứng số... mà nội dung, chương trình, phương pháp GD LLCT vẫn theo kiểu truyền thống cũ thì chất lượng, hiệu quả GD LLCT cũng không thể được nâng cao, đáp ứng yêu cầu của bối cảnh thời đại mới. Trong bối cảnh CDS, sự biến đổi nhanh chóng của đời sống xã hội và môi trường thông tin số đặt ra yêu cầu phải thường xuyên đổi mới nội dung, chương trình và phương pháp GD LLCT nhằm bảo đảm tính cập nhật, tính thực tiễn và khả năng thích ứng với điều kiện, bối cảnh xã hội mới, đồng thời đáp ứng yêu cầu công tác của đội ngũ cán bộ trong môi trường số.

Trong đó, đổi mới nội dung GD LLCT cần theo hướng vừa bảo đảm tính nền tảng, hệ thống của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng, vừa tăng cường tính cập nhật đối với những vấn đề mới nảy sinh trong thực tiễn bối cảnh CDS, xã hội số, kinh tế số, văn hóa số và an ninh tư tưởng trên không gian mạng... Nội dung GD LLCT cần gắn chặt với thực tiễn phát triển đất nước trong kỷ nguyên công nghệ số và yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ không chỉ có ý thức, bản lĩnh chính trị, mà còn có năng

lực tư duy và hành động thích ứng với môi trường số, đáp ứng yêu cầu công tác trong bối cảnh thời đại mới. Đổi mới chương trình GD LLCT cần theo hướng linh hoạt, mở và tăng cường tích hợp giữa tri thức LLCT với các nội dung liên quan đến kỹ năng số, kỹ năng tiếp cận và xử lý thông tin, kỹ năng tư duy phản biện và khả năng thích ứng với môi trường số. Đồng thời, cần phát triển hệ thống học liệu số, thư viện số và nền tảng học tập trực tuyến nhằm mở rộng khả năng tiếp cận tri thức của học viên...

Đổi mới phương pháp GD LLCT trong bối cảnh CDS cần chuyển mạnh từ phương thức chủ yếu truyền thụ một chiều sang phát huy tính tương tác, chủ động và sáng tạo, đồng kiến tạo tri thức của người học. Việc kết hợp giữa dạy học trực tiếp với dạy học trực tuyến, ứng dụng các nền tảng công nghệ số, mô hình lớp học thông minh, học liệu đa phương tiện và các phương pháp dạy học tích cực sẽ góp phần nâng cao hiệu quả tiếp nhận tri thức và phát triển tư duy lý luận cho học viên. Đồng thời, cần đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá theo hướng chú trọng năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn và khả năng xử lý các vấn đề thực tiễn đặt ra trong môi trường số.

Ba là, thông qua phát huy vai trò tự giác, chủ động, tích cực, sáng tạo của học viên trong học tập LLCT thích ứng với bối cảnh CDS. Đây là phương thức quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả và tính bền vững của hoạt động GD LLCT trong bối cảnh CDS hiện nay. Trong quá trình giáo dục, học viên không chỉ là đối tượng tiếp nhận tri thức mà còn là chủ thể trực tiếp quyết định hiệu quả học tập và tự chuyển hóa nhận thức, niềm tin chính trị thành hành động thực tiễn. Nếu học viên mà không chủ động, tích cực tự giác học tập, trau dồi kỹ năng, năng lực thích ứng số thì mọi sự cố gắng đổi mới của cơ sở đào tạo và đội ngũ giảng viên trong nâng cao chất lượng GD LLCT cũng khó mang lại hiệu quả thiết thực.

Bối cảnh CDS đã tạo ra sự thay đổi căn bản trong cách thức học tập và tiếp cận tri thức của người học. Với sự hỗ trợ của internet, mạng xã hội, trí tuệ nhân tạo và các nền tảng học tập số, học viên có điều kiện mở rộng khả năng

tự học, tự nghiên cứu và tiếp cận nguồn học liệu phong phú, đa dạng. Điều đó đòi hỏi hoạt động GD LLCT muốn có hiệu quả, chất lượng cần phải phát huy vai trò chủ thể chủ động, tích cực, tự giác của học viên trong học tập thích ứng với môi trường số, khuyến khích tính chủ động, tinh thần tự học, khả năng tư duy độc lập và năng lực khai thác thông tin trong môi trường số...

Phát huy vai trò chủ động, tích cực và sáng tạo của học viên trong học tập LLCT không chỉ nhằm nâng cao hiệu quả tiếp thu tri thức mà còn góp phần hình thành năng lực tư duy lý luận, khả năng phản biện, kỹ năng xử lý thông tin và năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn công tác trên cơ sở ứng dụng công nghệ, dữ liệu số. Đồng thời, quá trình này còn giúp học viên nâng cao khả năng tự bảo vệ trước những thông tin sai lệch, quan điểm sai trái trên không gian mạng và củng cố bản lĩnh chính trị trong điều kiện môi trường truyền thông số ngày càng phức tạp.

Đối với các trường chính trị khu vực miền núi phía Bắc, việc phát huy vai trò chủ động, tích cực, tự giác của học viên còn có ý nghĩa quan trọng trong việc khắc phục hạn chế về điều kiện học tập, tạo động lực tự học và nâng cao khả năng thích ứng với môi trường giáo dục số cho đội ngũ cán bộ ở cơ sở. Qua đó, góp phần nâng cao chất lượng GD LLCT đáp ứng yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ trong bối cảnh CDS hiện nay.

2.3. TẦM QUAN TRỌNG VÀ NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

2.3.1. Tầm quan trọng của nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay

Trong bối cảnh CDS hiện nay, nâng cao chất lượng GD LLCT không chỉ là yêu cầu nội tại của quá trình đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ mà còn là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược đối với sự ổn định và phát triển của hệ thống chính trị, giữ vững định hướng chính trị tiến trình phát triển đất nước trong bối cảnh thời đại mới. Đối với các trường chính trị tỉnh khu vực miền

núi phía Bắc, yêu cầu này càng trở nên quan trọng bởi đây là địa bàn có vị trí chiến lược đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, quốc phòng, an ninh và đối ngoại; đồng thời là khu vực có nhiều đặc điểm đặc thù khó khăn, hạn chế về điều kiện kinh tế - xã hội, trình độ dân trí, cơ cấu dân cư và khả năng tiếp cận công nghệ số. Trong bối cảnh CDS diễn ra ngày càng sâu rộng, việc nâng cao chất lượng GD LLCT tại các tỉnh khu vực miền núi phía Bắc không chỉ góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở (từ nhận thức đến bản lĩnh chính trị, năng lực tư duy biện chứng và năng lực hoạt động thực tiễn), đóng góp hiệu quả cho công cuộc xây dựng, phát triển địa phương, vùng miền, đất nước mà còn có ý nghĩa quan trọng đối với việc củng cố nền tảng tư tưởng của Đảng, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc và bảo đảm sự phát triển bền vững của khu vực trong bối cảnh thời đại mới. Tầm quan trọng đó được thể hiện ở một số phương diện cơ bản sau:

Thứ nhất, góp phần củng cố, bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng trong tình hình mới.

Trong bối cảnh CDS và sự phát triển mạnh mẽ của internet, mạng xã hội, công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng đang đứng trước nhiều yêu cầu và thách thức mới. Các thế lực thù địch, phản động ngày càng gia tăng việc lợi dụng không gian mạng để phát tán thông tin sai trái, xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, phủ nhận nền tảng tư tưởng và vai trò lãnh đạo của Đảng, kích động tâm lý hoài nghi, dao động về tư tưởng chính trị trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Trong điều kiện đó, nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với việc củng cố vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng trong tình hình mới.

Trước hết, nâng cao chất lượng GD LLCT góp phần trang bị cho đội ngũ cán bộ hệ thống tri thức LLCT khoa học, đúng đắn và có tính hệ thống về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Trên cơ sở đó, đội ngũ cán bộ hình thành

thế giới quan khoa học, phương pháp luận đúng đắn, củng cố bản lĩnh chính trị và giữ vững lập trường tư tưởng trước những tác động phức tạp của môi trường thông tin số hiện nay.

Bên cạnh đó, nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS còn góp phần nâng cao năng lực nhận diện, phân tích và đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng. Trong điều kiện thông tin đa chiều, tốc độ lan truyền nhanh và khó kiểm chứng, cán bộ không chỉ cần nắm vững tri thức LLCT mà còn phải có khả năng tiếp cận, chọn lọc và xử lý thông tin một cách khoa học, từ đó kiên định lập trường tư tưởng, chủ động tham gia bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng bằng những hình thức phù hợp với môi trường số.

Đối với các trường chính trị tỉnh khu vực miền núi phía Bắc, nhiệm vụ này càng có ý nghĩa quan trọng bởi đây là địa bàn chiến lược về chính trị, quốc phòng, an ninh; đồng thời là khu vực có sự chênh lệch về điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, trình độ dân trí và khả năng tiếp cận thông tin giữa các vùng. Nâng cao chất lượng GD LLCT sẽ góp phần giữ vững ổn định chính trị - tư tưởng, tăng cường sức đề kháng trước các thông tin xấu độc trên không gian mạng và bảo đảm cho quá trình CDS diễn ra đúng định hướng chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Thứ hai, góp phần bảo đảm thống nhất nhận thức, kiên định lập trường chính trị trong toàn hệ thống chính trị.

Trong hệ thống chính trị, sự thống nhất về nhận thức, kiên định lập trường chính trị giữ vai trò quan trọng trong việc bảo đảm sự thống nhất về ý chí và hành động, qua đó nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng trong thực tiễn, góp phần hiện thực hóa các mục tiêu cao đẹp của tiến trình phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong bối cảnh CDS hiện nay, sự phát triển mạnh mẽ của internet, mạng xã hội và các nền tảng truyền thông số đã làm cho môi trường thông tin trở nên phong phú,

đa chiều và phức tạp hơn. Điều đó vừa tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận thông tin, vừa đặt ra nguy cơ xuất hiện những nhận thức không đầy đủ, thiếu thống nhất hoặc lệch chuẩn về định hướng chính trị của đất nước trong một bộ phận cán bộ, đảng viên. Vì vậy, nâng cao chất lượng GD LLCT có ý nghĩa quan trọng trong việc góp phần bảo đảm sự thống nhất nhận thức, kiên định lập trường chính trị trong toàn hệ thống chính trị.

Thông qua quá trình GD LLCT, đội ngũ cán bộ được trang bị hệ thống tri thức cơ bản, toàn diện về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đây là cơ sở để cán bộ nhận thức đúng đắn các vấn đề của thực tiễn, hiểu rõ mục tiêu, lý tưởng cách mạng và định hướng phát triển của đất nước trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và CDS quốc gia.

Nâng cao chất lượng GD LLCT còn góp phần củng cố sự thống nhất về mục tiêu chính trị, lý tưởng cách mạng và niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng trong đội ngũ cán bộ, đảng viên. Trên cơ sở nhận thức thống nhất, các chủ thể trong hệ thống chính trị có điều kiện tăng cường sự phối hợp trong lãnh đạo, quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị ở từng địa phương, cơ quan, đơn vị.

Đối với các tỉnh miền núi phía Bắc, nơi có điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, trình độ tiếp cận thông tin giữa các khu vực chưa đồng đều, nâng cao chất lượng GD LLCT càng có ý nghĩa quan trọng trong việc định hướng nhận thức chính trị đúng đắn cho đội ngũ cán bộ cơ sở. Qua đó, góp phần giữ vững sự thống nhất tư tưởng trong hệ thống chính trị và tăng cường hiệu lực lãnh đạo, quản lý trong điều kiện CDS hiện nay.

Thứ ba, góp phần nâng cao chất lượng, từ đó nâng cao hiệu quả lãnh đạo, quản lý, thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ.

Trong bối cảnh CDS đang tác động sâu sắc đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, yêu cầu đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý ngày càng cao.

Nâng cao chất lượng GD LLCT không chỉ nâng cao về phẩm chất chính trị, đạo đức, bồi dưỡng lập trường tư tưởng, bản lĩnh chính trị mà còn nâng cao năng lực tư duy, khả năng thích ứng và trình độ tổ chức, vận dụng hiệu quả lý luận vào hoạt động thực tiễn của đội ngũ cán bộ trong môi trường số, nâng cao khả năng ứng dụng công nghệ số trong thực thi công vụ hiệu quả hơn... Vì vậy, nâng cao chất lượng GD LLCT có ý nghĩa quan trọng trong việc góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ năng lực, phẩm chất, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ mới.

Thông qua quá trình GD LLCT, đội ngũ cán bộ được trang bị hệ thống tri thức LLCT, từ đó hình thành thế giới quan khoa học, phương pháp luận biện chứng và năng lực tư duy lý luận. Đây là cơ sở quan trọng giúp cán bộ nâng cao khả năng phân tích, đánh giá và xử lý các vấn đề thực tiễn nảy sinh trong quá trình lãnh đạo, quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

Trong bối cảnh CDS, nâng cao chất lượng GD LLCT còn góp phần phát triển năng lực thích ứng của đội ngũ cán bộ trước những biến đổi của môi trường quản trị và điều hành xã hội hiện đại. Đội ngũ cán bộ không chỉ cần có bản lĩnh chính trị vững vàng mà còn phải nâng cao khả năng tiếp cận công nghệ số, khai thác và sử dụng thông tin phục vụ hoạt động lãnh đạo, quản lý; từng bước thích ứng với yêu cầu đổi mới phương thức quản trị, điều hành và cung cấp dịch vụ công trong môi trường số.

Đối với các tỉnh miền núi phía Bắc, vai trò này càng trở nên quan trọng bởi đội ngũ cán bộ cơ sở vừa là lực lượng trực tiếp tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, vừa là cầu nối giữa hệ thống chính trị với Nhân dân ở địa bàn còn nhiều khó khăn. Nâng cao chất lượng GD LLCT sẽ góp phần nâng cao trình độ, năng lực công tác, phong cách lãnh đạo và khả năng xử lý các vấn đề thực tiễn của đội ngũ cán bộ, qua đó đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và giữ vững ổn định chính trị ở khu vực miền núi phía Bắc hiện nay.

Thứ tư, góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và hệ thống chính trị.

Trong mọi giai đoạn cách mạng, niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và hệ thống chính trị luôn là cơ sở chính trị - xã hội quan trọng bảo đảm sự ổn định và phát triển của đất nước. Trong bối cảnh CDS hiện nay, sự phát triển mạnh mẽ của internet và mạng xã hội đang tạo ra nhiều thay đổi trong đời sống xã hội, đồng thời cũng làm gia tăng nguy cơ tác động tiêu cực từ các thông tin sai lệch, thiếu kiểm chứng. Điều đó đặt ra yêu cầu phải nâng cao chất lượng GD LLCT nhằm góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và hệ thống chính trị.

Nâng cao chất lượng GD LLCT trước hết góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, tinh thần trách nhiệm cao và phong cách công tác gần dân, trọng dân. Đây là lực lượng trực tiếp tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ở cơ sở. Khi đội ngũ cán bộ có nhận thức đúng đắn, tác phong làm việc khoa học, giải quyết hiệu quả các vấn đề thực tiễn và đáp ứng tốt yêu cầu của Nhân dân thì sẽ góp phần củng cố uy tín của Đảng và hệ thống chính trị trong đời sống xã hội.

Bên cạnh đó, nâng cao chất lượng GD LLCT còn góp phần tăng cường sự đồng thuận xã hội thông qua việc nâng cao khả năng tuyên truyền, vận động và định hướng dư luận của đội ngũ cán bộ trong môi trường số. Điều này có ý nghĩa quan trọng trong việc giữ vững ổn định chính trị - xã hội và tăng cường mối quan hệ gắn bó giữa Đảng với Nhân dân trong điều kiện thông tin đa chiều hiện nay.

Đối với khu vực miền núi phía Bắc - nơi có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, địa bàn rộng, điều kiện kinh tế - xã hội và trình độ tiếp cận thông tin giữa các vùng còn có sự chênh lệch - việc nâng cao chất lượng GD LLCT càng có ý nghĩa quan trọng trong việc củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường sự đồng thuận xã hội và củng cố niềm tin của Nhân dân đối với

Đảng và hệ thống chính trị trong bối cảnh hiện nay. Đây cũng là địa bàn chiến lược mà các thế lực thù địch thường xuyên lợi dụng những hạn chế về điều kiện kinh tế - xã hội, trình độ dân trí, khoảng cách số và các vấn đề nhạy cảm liên quan đến dân tộc, tôn giáo để tuyên truyền xuyên tạc, kích động, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc nhằm chống phá Đảng và Nhà nước. Vì vậy, nâng cao chất lượng GD LLCT không chỉ góp phần nâng cao nhận thức chính trị, củng cố bản lĩnh và niềm tin cho đội ngũ cán bộ, mà còn tăng cường năng lực nhận diện, chủ động đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng; từ đó giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội và bảo đảm an ninh quốc gia trên địa bàn trong bối cảnh CDS.

2.3.2. Một số nhân tố tác động đến nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay

Trong bối cảnh CDS hiện nay, hiệu quả nâng cao chất lượng GD LLCT không chỉ phụ thuộc vào nội dung, chương trình hay phương pháp giáo dục mà còn chịu sự tác động của nhiều nhân tố khác nhau. Đối với các tỉnh khu vực miền núi phía Bắc, các nhân tố này càng có tính đặc thù do chịu ảnh hưởng trực tiếp từ điều kiện kinh tế - xã hội, đặc điểm địa lý, trình độ dân trí, hạ tầng công nghệ và năng lực của đội ngũ cán bộ, giảng viên. Những nhân tố đó vừa tạo ra điều kiện thuận lợi, vừa đặt ra không ít khó khăn, thách thức đối với quá trình nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS hiện nay. Vì vậy, việc nhận diện đúng các nhân tố tác động có ý nghĩa quan trọng nhằm làm rõ những điều kiện quy định sự vận động và hiệu quả của quá trình nâng cao chất lượng GD LLCT tại các tỉnh khu vực miền núi phía Bắc.

Thứ nhất, sự lãnh đạo, định hướng, quản lý, điều hành của Đảng, Nhà nước và chính quyền địa phương về GD LLCT trong bối cảnh CDS.

Đây là nhân tố giữ vai trò quan trọng trước nhất, giúp định hướng, chỉ đạo và quyết định hiệu quả quá trình tổ chức, thực hiện nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS. Khi và chỉ khi Đảng, Nhà nước và chính quyền địa phương có sự lãnh đạo, định hướng, chỉ đạo cụ thể, rõ ràng, quyết

liệt thì vấn đề nâng cao chất lượng GD LLCT mới có thể được thực hiện trong thực tế. Các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách của Nhà nước về công tác chính trị tư tưởng, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đổi mới, nâng cao chất lượng GD LLCT, nhất là các chủ trương về đẩy mạnh CDS quốc gia, CDS trong công tác GD LLCT... chính là cơ sở chính trị - pháp lý quan trọng để định hướng, chỉ đạo địa phương, các trường chính trị xây dựng mục tiêu, nội dung, chương trình và phương thức tổ chức giáo dục phù hợp với yêu cầu mới...

Sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương có ảnh hưởng trực tiếp đến việc đầu tư nguồn lực, xây dựng cơ chế phối hợp, ban hành kế hoạch và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ CDS trong hoạt động GD LLCT. Nếu công tác lãnh đạo, quản lý được thực hiện đồng bộ, quyết liệt và phù hợp với điều kiện thực tiễn thì sẽ tạo động lực quan trọng thúc đẩy đổi mới hoạt động giáo dục, nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên và hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Ngược lại, nếu nhận thức về vai trò của CDS trong GD LLCT chưa đầy đủ hoặc việc triển khai còn mang tính hình thức thì sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả nâng cao chất lượng GD LLCT trong thực tiễn.

Đối với khu vực miền núi phía Bắc, vai trò lãnh đạo, định hướng của cấp ủy và chính quyền địa phương càng có ý nghĩa quan trọng bởi đây là khu vực còn nhiều khó khăn về điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và hạ tầng số. Do đó, sự quan tâm của địa phương trong đầu tư nguồn lực, ban hành chính sách hỗ trợ và chỉ đạo triển khai CDS đối với hệ thống trường chính trị là nhân tố có ý nghĩa quyết định đến hiệu quả nâng cao chất lượng GD LLCT hiện nay.

Thứ hai, điều kiện kinh tế - xã hội và truyền thống văn hóa đặc thù địa bàn khu vực miền núi phía Bắc.

Điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương tác động trực tiếp đến khả năng đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ, nguồn lực tài chính và chất lượng nguồn nhân lực phục vụ cho hoạt động GD LLCT trong bối cảnh CDS.

So với nhiều khu vực khác, các tỉnh miền núi phía Bắc vẫn còn gặp nhiều khó khăn về phát triển kinh tế, trình độ dân trí không đồng đều, hạ tầng giao thông và công nghệ thông tin ở nhiều địa bàn còn hạn chế. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến khả năng triển khai đồng bộ các hoạt động CDS tại các trường chính trị tỉnh.

Bên cạnh đó, khu vực miền núi phía Bắc là nơi có nhiều dân tộc thiểu số sinh sống với sự đa dạng về ngôn ngữ, phong tục, tập quán và truyền thống văn hóa. Đây vừa là nguồn lực văn hóa quan trọng, vừa đặt ra yêu cầu phải lựa chọn nội dung, phương pháp và hình thức GD LLCT phù hợp với đặc điểm tâm lý, trình độ nhận thức và điều kiện tiếp cận thông tin của đội ngũ cán bộ ở từng địa phương.

Trong bối cảnh CDS, sự phát triển mạnh mẽ của internet và mạng xã hội cũng tạo ra nhiều tác động mới đến đời sống văn hóa, tư tưởng và nhận thức xã hội ở khu vực miền núi phía Bắc. Vì vậy, nâng cao chất lượng GD LLCT cần gắn với đặc điểm kinh tế - xã hội và văn hóa của địa bàn nhằm bảo đảm tính phù hợp, hiệu quả và khả năng tiếp cận của người học trong môi trường số hiện nay.

Thứ ba, trình độ, năng lực và tính chủ động, tích cực của các chủ thể trong hoạt động GD LLCT tại các trường chính trị tỉnh khu vực miền núi phía Bắc.

Đây là nhân tố có vai trò trực tiếp quyết định chất lượng và hiệu quả của quá trình nâng cao GD LLCT trong bối cảnh CDS. Các chủ thể tham gia quá trình này bao gồm lãnh đạo nhà trường, cán bộ quản lý đào tạo, cán bộ kỹ thuật và các lực lượng phối hợp liên quan; đội ngũ giảng viên, học viên.

Trong bối cảnh CDS, trình độ và năng lực của đội ngũ giảng viên trở thành một trong những nhân tố tác động trực tiếp đến hiệu quả nâng cao chất lượng GD LLCT. Mức độ đáp ứng về trình độ LLCT, năng lực chuyên môn, kỹ năng sư phạm và năng lực số của giảng viên ảnh hưởng lớn đến khả năng đổi mới nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học trong môi

trường số. Nếu đội ngũ giảng viên có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác học liệu số và thích ứng với phương thức giáo dục hiện đại thì sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc nâng cao tính tương tác, tính cập nhật và hiệu quả của hoạt động GD LLCT. Ngược lại, hạn chế về năng lực số, tư duy đổi mới hoặc khả năng thích ứng với môi trường giáo dục số sẽ làm giảm hiệu quả triển khai CDS trong hoạt động GD LLCT hiện nay.

Bên cạnh đó, vai trò của lãnh đạo nhà trường trong hoạch định chiến lược phát triển, tổ chức thực hiện CDS và xây dựng môi trường giáo dục số cũng ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả nâng cao chất lượng GD LLCT. Đồng thời, tính chủ động, tích cực, tinh thần tự học, tự nghiên cứu và khả năng thích ứng với môi trường số của học viên cũng là điều kiện quan trọng bảo đảm hiệu quả của quá trình giáo dục.

Thứ tư, điều kiện cơ sở vật chất và hạ tầng công nghệ số tại các trường chính trị tỉnh khu vực miền núi phía Bắc.

Trong bối cảnh CDS, cơ sở vật chất và hạ tầng công nghệ số là điều kiện vật chất quan trọng bảo đảm cho việc đổi mới phương thức tổ chức GD LLCT. Hệ thống phòng học thông minh, đường truyền internet, thiết bị công nghệ, phần mềm quản lý đào tạo, học liệu số và các nền tảng dạy học trực tuyến có ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng triển khai các hoạt động giáo dục trong môi trường số.

Đối với các trường chính trị tỉnh khu vực miền núi phía Bắc, điều kiện cơ sở vật chất và hạ tầng công nghệ số là nhân tố có ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng triển khai và hiệu quả của quá trình nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS. Sự chênh lệch về điều kiện trang thiết bị, hệ thống mạng, nền tảng quản lý học tập, học liệu số và mức độ hiện đại hóa giữa các địa phương đã tác động không nhỏ đến khả năng ứng dụng công nghệ số trong hoạt động giảng dạy, học tập và quản lý đào tạo. Ở những nơi hạ tầng công nghệ còn hạn chế, việc đổi mới phương pháp giảng dạy, tổ chức lớp học trực tuyến, khai thác học liệu số và tăng cường tính tương tác trong môi trường

giáo dục số thường gặp nhiều khó khăn, từ đó ảnh hưởng đến hiệu quả nâng cao chất lượng GD LLCT.

Ngược lại, tại những địa phương quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, từng bước hoàn thiện hạ tầng công nghệ số và xây dựng môi trường giáo dục số trong các trường chính trị tỉnh thì điều đó sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc đổi mới nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức GD LLCT theo hướng hiện đại. Vì vậy, mức độ đáp ứng của cơ sở vật chất và hạ tầng công nghệ số không chỉ là điều kiện kỹ thuật bảo đảm cho quá trình CDS trong GD LLCT mà còn là nhân tố quan trọng tác động đến chất lượng, hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong điều kiện hiện nay.

Tiểu kết Chương 2

Chương 2 của luận án đã làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS. Luận án đã xây dựng và xác lập hệ thống quan niệm về GD LLCT, chất lượng GD LLCT, CDS và chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS.

Trên cơ sở đó, luận án đã luận giải quan niệm, chủ thể, nội dung và phương thức nâng cao chất lượng giáo GD LLCT trong bối cảnh CDS. Đồng thời, làm rõ vai trò của lãnh đạo các trường chính trị tỉnh, đội ngũ giảng viên; xác định các nội dung trọng tâm là nâng cao tri thức, bản lĩnh chính trị và năng lực tư duy, vận dụng thực tiễn cho đội ngũ cán bộ.

Bên cạnh đó, luận án đã phân tích tầm quan trọng của việc nâng cao chất lượng GD LLCT đối với việc củng cố nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo đảm thống nhất nhận thức chính trị, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ và củng cố niềm tin của Nhân dân. Luận án cũng chỉ ra các nhân tố cơ bản tác động đến hiệu quả nâng cao chất lượng GD LLCT tại các trường chính trị tỉnh khu vực miền núi phía Bắc hiện nay. Đây là cơ sở khoa học để luận án tiếp tục phân tích thực trạng và đề xuất giải pháp ở các chương tiếp theo.

Chương 3

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ - THỰC TRẠNG, NGUYÊN NHÂN VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

Trên cơ sở những vấn đề lý luận đã được luận giải ở Chương 2, việc phân tích thực trạng nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh chuyển đổi số có ý nghĩa quan trọng nhằm nhận diện những vấn đề thực tiễn đang đặt ra đối với hoạt động GD LLCT hiện nay.

Trong phạm vi luận án, thực trạng nâng cao chất lượng GD LLCT được khảo sát chủ yếu tại các trường chính trị tỉnh khu vực miền núi phía Bắc. Đây là khu vực có vị trí chiến lược quan trọng, đồng thời mang nhiều đặc điểm đặc thù về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, chất lượng nguồn nhân lực và mức độ phát triển hạ tầng số. Những đặc điểm đó vừa tạo ra những cơ hội, vừa đặt ra nhiều khó khăn, thách thức đối với quá trình nâng cao chất lượng GD LLCT. Từ thực tiễn tại các trường chính trị trong khu vực, chương này tập trung phân tích thực trạng nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS và những vấn đề đặt ra làm cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp ở chương tiếp theo.

3.1. THỰC TRẠNG NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

3.1.1. Thành tựu chủ yếu

** Thứ nhất, về chủ thể nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị trong bối cảnh chuyển đổi số.*

Một là, năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và điều hành của cấp ủy, ban giám hiệu các trường chính trị tỉnh trong nâng cao chất lượng GD LLCT từng bước được tăng cường, tạo sự định hướng và tổ chức triển khai hoạt động GD LLCT phù hợp với yêu cầu CDS.

Trong bối cảnh CDS, cấp ủy và ban giám hiệu các trường chính trị tỉnh đã từng bước nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ GD LLCT. Điều này thể hiện ở việc chủ động cụ thể hóa chủ trương, nghị quyết của Trung ương thành chương trình, kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, trong đó có các tỉnh miền núi, biên giới.

Năng lực quản lý, điều hành của cấp ủy, ban giám hiệu các trường chính trị tỉnh còn được thể hiện ở việc từng bước đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản trị nhà trường và tổ chức hoạt động đào tạo. Theo đánh giá của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Học viện đã “phát huy vai trò là cơ quan chỉ đạo, hướng dẫn, quản lý chuyên môn đối với các trường chính trị... chủ động, tích cực phối hợp với các cơ quan Trung ương và địa phương” [87]. Dưới sự chỉ đạo của cấp ủy, ban giám hiệu, “100% trường chính trị đã kết nối phần mềm điều hành tác nghiệp, tiếp nhận, xử lý văn bản trên môi trường số” [89], góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành và cải cách hành chính trong nhà trường.

Tập thể lãnh đạo tại nhiều trường chính trị cũng coi trọng việc giữ vững sự đoàn kết, thống nhất trong mọi hoạt động, “công tác lãnh đạo, chỉ đạo được triển khai kịp thời, bám sát các quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời có sự điều hành linh hoạt, phù hợp với bối cảnh sắp xếp tổ chức bộ máy và vận hành chính quyền địa phương hai cấp” [178]. Năng lực tổ chức thực hiện của các chủ thể quản lý còn thể hiện qua việc triển khai xây dựng “Trường chính trị chuẩn” gắn với yêu cầu CDS. Tại Trường Chính trị tỉnh Lào Cai, lãnh đạo Nhà trường được đánh giá là “chủ động, đổi mới, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ và luôn thống nhất cao trong lãnh đạo, quản lý, điều hành”, Trường đã hoàn thiện các tiêu chí, minh chứng để phấn đấu đạt chuẩn mức 2 vào năm 2026 [179]. Tại Điện Biên, Nhà trường đạt chuẩn mức 1 trước kế hoạch với nhiều chỉ tiêu vượt chuẩn, phản ánh sự chủ động và hiệu quả trong công tác quản lý, điều hành. Nhiều trường chính trị đã

đạt được những kết quả tích cực trong đào tạo, nghiên cứu khoa học, xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên, tạo nền tảng quan trọng cho việc xây dựng trường chính trị chuẩn (*Phụ lục 1, 2, 4, 5*).

Bên cạnh đó, cấp ủy và ban giám hiệu các trường chính trị đã quan tâm chỉ đạo đẩy mạnh CDS trong hoạt động chuyên môn, từng bước hình thành môi trường quản lý và học tập trên nền tảng số. Một số trường đã triển khai phần mềm quản lý điều hành, thư viện số, khảo sát chất lượng đào tạo trực tuyến và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hoạt động chuyên môn. Việc đẩy mạnh CDS, ứng dụng trí tuệ nhân tạo gắn với cải cách hành chính trong hoạt động các cơ quan Đảng và hệ thống chính trị đã góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ GD LLCT trong bối cảnh mới.

Ngoài ra, năng lực phối hợp, huy động nguồn lực và phát triển đội ngũ của cấp ủy, ban giám hiệu các trường cũng từng bước được nâng cao. Nhiều trường đã chủ động tranh thủ sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và sự phối hợp của các cơ quan liên quan trong triển khai nhiệm vụ chính trị. Đồng thời, “công tác bồi dưỡng năng lực số cho đội ngũ cán bộ, giảng viên được quan tâm thông qua các lớp tập huấn về chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo và phần mềm điều hành tác nghiệp” [89]. Qua đó, năng lực lãnh đạo, quản lý và khả năng thích ứng của các chủ thể GD LLCT từng bước được nâng cao, đáp ứng yêu cầu đổi mới GD LLCT trong bối cảnh CDS.

Hai là, năng lực chuyên môn, năng lực số và khả năng đổi mới hoạt động giảng dạy của đội ngũ giảng viên các trường chính trị tỉnh từng bước được nâng cao, góp phần đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS.

Trong bối cảnh CDS, đội ngũ giảng viên các trường chính trị tỉnh từng bước được chuẩn hóa về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực thực tiễn. Công tác đào tạo, bồi dưỡng giảng viên được quan tâm đẩy mạnh, góp phần nâng cao năng lực giảng dạy, nghiên cứu khoa học và thích ứng với yêu

cầu đổi mới GD LLCT. Ở nhiều địa phương, tỷ lệ giảng viên có trình độ sau đại học chiếm số lượng lớn, như: tại Lạng Sơn, “thạc sỹ 38/40 đồng chí, chiếm 95%” [177], còn tại Điện Biên, “trên 97% giảng viên có trình độ từ thạc sỹ trở lên” [176] (*Phụ lục 4, 5*).

Năng lực số của đội ngũ giảng viên cũng có bước chuyển biến tích cực. Thông qua các chương trình tập huấn về CDS, ứng dụng trí tuệ nhân tạo và phần mềm quản lý, nhiều giảng viên đã từng bước làm chủ các công cụ hỗ trợ giảng dạy và quản lý đào tạo trên môi trường số. Tại Lào Cai, đội ngũ giảng viên được đánh giá “chủ động, tích cực và nhanh nhạy nắm bắt kiến thức về công nghệ thông tin” [179], qua đó góp phần nâng cao chất lượng và tính hấp dẫn của bài giảng.

Khả năng đổi mới hoạt động giảng dạy của đội ngũ giảng viên từng bước được nâng cao theo hướng phát huy tính tích cực của người học. Nhiều trường đã triển khai phương pháp giảng dạy kết hợp giữa thuyết trình với tọa đàm, thảo luận và ứng dụng công nghệ số trong dạy học. Tại Bắc Giang, “100% các giảng viên đã đổi mới phương pháp giảng dạy kết hợp trình chiếu nội dung qua máy tính với trình diễn kiến thức qua hệ thống bảng” [13]. Việc làm chủ các nền tảng đồ họa, quản lý lớp học và công cụ tương tác trực tuyến đã từng bước tạo môi trường học tập linh hoạt và tăng cường tương tác trong dạy học LLCT.

Năng lực chuyên môn và kỹ năng sư phạm của đội ngũ giảng viên còn được thể hiện qua hoạt động thao giảng, hội thi giảng viên dạy giỏi và nghiên cứu khoa học. Hội thi giảng viên dạy giỏi toàn quốc có sự tham gia của giảng viên trường chính trị, góp phần thúc đẩy đổi mới phương pháp giảng dạy và nâng cao kỹ năng xử lý tình huống sư phạm. Nhiều địa phương đạt kết quả tích cực trong thao giảng cấp trường, như Lạng Sơn có “100% đạt loại Giỏi” trong thao giảng cấp khoa [177]. Bên cạnh đó, hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên ngày càng gắn với yêu cầu thực tiễn địa phương và nhiệm vụ

đổi mới GD LLCT trong bối cảnh CDS. Tại Điện Biên, “Tổng số giờ nghiên cứu khoa học toàn trường: 18.418/6.200 giờ nghĩa vụ, đạt 297,1% (vượt 197,1%)” [176], đồng thời nhiều tài liệu, bài giảng và bài viết chính luận được cập nhật, bổ sung kịp thời theo yêu cầu thực tiễn mới. Các trường chính trị đã triển khai số lượng lớn đề tài khoa học, hội thảo, tọa đàm khoa học, bài viết khoa học và tham gia tích cực các cuộc thi chính luận bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng (*Phụ lục 2, 3*).

Ngoài ra, đội ngũ giảng viên các trường chính trị tỉnh từng bước phát huy vai trò trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng. Nhiều giảng viên tích cực tham gia các cuộc thi chính luận, viết bài phản bác các quan điểm sai trái, thù địch và tuyên truyền, lan tỏa thông tin chính thống. Tại Lào Cai, Nhà trường có “53 bài dự thi, đạt nhiều giải cấp tỉnh (01 giải A, 01 giải B, 02 giải C, 06 giải khuyến khích) và 02 giải Khuyến khích cấp Trung ương, cùng 01 giải C cuộc thi phòng chống tham nhũng, những kết quả trên cho thấy sự tích cực tham gia và chất lượng tác phẩm, đóng góp hiệu quả vào công tác tư tưởng, lý luận, đặc biệt là việc xây dựng đội ngũ nòng cốt và nâng cao nhận thức về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng” [179]. Điều đó cho thấy năng lực chuyên môn, bản lĩnh chính trị và khả năng thích ứng với môi trường số của đội ngũ giảng viên từng bước được nâng cao, đáp ứng yêu cầu đổi mới GD LLCT trong bối cảnh hiện nay.

** Thứ hai, về nội dung nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị trong bối cảnh chuyển đổi số.*

Một là, chất lượng giáo dục tri thức, tình cảm, niềm tin và bản lĩnh chính trị tiếp tục được chú trọng, góp phần nâng cao tinh thần trách nhiệm và khả năng giữ vững lập trường tư tưởng của học viên trong bối cảnh CDS.

Trong bối cảnh CDS, chất lượng giáo dục tri thức LLCT tại các trường chính trị tỉnh đã có bước chuyển biến rõ nét, thể hiện trước hết ở sự nâng cao nhận thức chính trị, lập trường tư tưởng và khả năng vận dụng lý luận của học

viên. Tri thức LLCT từng bước được chuyển hóa thành cơ sở định hướng nhận thức và hành động của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong môi trường thông tin đa chiều. Thực tiễn cho thấy: “Công tác giáo dục lý luận chính trị, tuyên truyền, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng được đổi mới mạnh mẽ... Việc học tập, quán triệt, triển khai các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng được tổ chức kịp thời, với tỉ lệ cán bộ, đảng viên tham gia đạt trên 95%, qua đó củng cố niềm tin, tăng cường sự thống nhất trong toàn Đảng bộ” [165].

Kết quả giáo dục tri thức LLCT còn thể hiện ở việc học viên từng bước hình thành bản lĩnh chính trị và khả năng nhận diện, đấu tranh với các quan điểm sai trái trên không gian mạng. Sau đào tạo, nhiều học viên có sự chuyển biến tích cực về nhận thức và trách nhiệm chính trị; “nhận thức rõ vị trí, vai trò, tầm quan trọng của việc học tập lý luận chính trị; thường xuyên được học tập, bồi dưỡng lý luận củng cố nhận thức, bản lĩnh, trách nhiệm với bản thân, gia đình, cộng đồng”; việc học tập LLCT đã góp phần nâng cao khả năng “miễn dịch” trước các thông tin xấu độc, xuyên tạc trên môi trường số [13]. Kết quả đào tạo trung cấp LLCT tại các trường chính trị cho thấy quy mô đào tạo được duy trì ổn định với số lượng lớn học viên tham gia học tập (*Phụ lục 1*)

Công tác GD LLCT cũng góp phần nâng cao tinh thần trách nhiệm công vụ và ý thức rèn luyện đạo đức cách mạng của học viên. Nhiều cán bộ, đảng viên sau đào tạo đã có chuyển biến về thái độ chính trị, ý thức nêu gương và trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ; “thực hiện tốt việc cam kết không vi phạm các biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”” [13]. Việc giáo dục tư tưởng, đạo đức tiếp tục góp phần “hình thành hệ giá trị chuẩn mực của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới” [166].

Hai là, việc phát triển năng lực tư duy lý luận và vận dụng thực tiễn cho học viên từng bước được quan tâm, góp phần nâng cao khả năng phân tích, xử lý tình huống và vận dụng lý luận vào thực tiễn công tác trong bối cảnh CDS.

Trong bối cảnh CDS, GD LLCT tại các trường chính trị tỉnh đã có

chuyển biến theo hướng chú trọng phát triển năng lực tư duy và khả năng vận dụng thực tiễn của học viên. Kết quả nổi bật là học viên từng bước hình thành tư duy hệ thống, phương pháp xem xét, đánh giá vấn đề trên cơ sở LLCT, từ đó nâng cao khả năng định hướng nhận thức và xử lý các vấn đề thực tiễn trong công tác.

Khả năng vận dụng lý luận vào thực tiễn công tác của học viên cũng có chuyển biến rõ nét. Sau đào tạo, nhiều học viên đã nâng cao năng lực tham mưu, xử lý công việc và giải quyết các tình huống phát sinh tại cơ sở. Báo cáo thực tiễn cho thấy: “Đội ngũ cán bộ của tỉnh sau khi đào tạo, bồi dưỡng có sự vững vàng hơn về lập trường tư tưởng chính trị, khả năng liên hệ giữa lý luận và thực tiễn tốt hơn”; “đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đã làm tốt hơn nhiệm vụ tham mưu, đề xuất nhiều giải pháp để thực thi nhiệm vụ một cách có hiệu quả” [13]. Đồng thời được hỗ trợ bởi việc tăng cường nghiên cứu thực tiễn, tổng kết thực tiễn và triển khai các nhiệm vụ khoa học gắn với yêu cầu phát triển địa phương (*Phụ lục 2, 3*).

Kết quả học tập và rèn luyện của học viên tại nhiều trường chính trị tỉnh phản ánh tương đối rõ chất lượng phát triển tư duy lý luận và năng lực vận dụng thực tiễn. Tại Điện Biên, “Tỉ lệ học viên xếp loại từ khá trở lên với hệ trung cấp LLCT đạt gần 90%, hệ bồi dưỡng các chức danh đạt 93,55%” [176]. Tại Lào Cai, “Kết quả học tập trung cấp lý luận chính trị: giỏi đạt 21%; khá đạt 68%; trung bình chiếm 11%” [179]. Nhìn chung, GD LLCT trong bối cảnh CDS đã góp phần hình thành ở học viên năng lực tư duy lý luận, khả năng phân tích và xử lý tình huống thực tiễn, từng bước nâng cao năng lực thực thi công vụ và thích ứng với yêu cầu quản trị trong môi trường số.

** Thứ ba, về phương thức nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị trong bối cảnh chuyển đổi số.*

Một là, công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, trình độ đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và giảng viên các trường chính trị tỉnh được

quan tâm đầy mạnh, góp phần nâng cao hiệu quả tổ chức, quản lý và triển khai hoạt động GD LLCT trong bối cảnh CDS.

Trong bối cảnh CDS, công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và giảng viên các trường chính trị tỉnh được triển khai ngày càng bài bản, gắn với yêu cầu chuẩn hóa và nâng cao chất lượng GD LLCT. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đã tăng cường vai trò định hướng, hướng dẫn chuyên môn; nhiều địa phương chủ động xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng theo hướng đồng bộ, thực chất và phù hợp với yêu cầu xây dựng trường chính trị chuẩn.

Cách thức tổ chức đào tạo, bồi dưỡng từng bước chuyển từ nặng về lý thuyết sang chú trọng kỹ năng thực hành, năng lực số và khả năng thích ứng với môi trường giáo dục hiện đại. Việc triển khai phong trào “Bình dân học vụ số”, các lớp tập huấn về CDS, trí tuệ nhân tạo và ứng dụng phần mềm điều hành tác nghiệp đã góp phần nâng cao năng lực công nghệ cho đội ngũ cán bộ, giảng viên. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Học viện đã phát động phong trào “Bình dân học vụ số”, mở các lớp tập huấn về chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, ứng dụng phần mềm điều hành tác nghiệp, từng bước hình thành năng lực số cho đội ngũ cán bộ, giảng viên trường chính trị” [89]. Tại Điện Biên, “100% giảng viên chuyển đổi số hiệu quả, áp dụng phương pháp dạy học tích cực, tham gia thao giảng cấp khoa, cấp trường và đạt yêu cầu trở lên” [176].

Hoạt động bồi dưỡng chuyên môn, phương pháp giảng dạy được triển khai theo hướng tăng cường thực hành và xử lý tình huống sư phạm. Việc tổ chức Hội thi giảng viên dạy giỏi đã tạo điều kiện để giảng viên nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, năng lực ứng dụng công nghệ và khả năng tổ chức hoạt động dạy học hiện đại. Nhiều giảng viên đã chủ động ứng dụng hệ sinh thái các phần mềm hỗ trợ giảng dạy hiện đại và nền tảng học tập trực tuyến.

Việc nâng cao trình độ đội ngũ còn được thực hiện thông qua các lớp cập nhật kiến thức, bồi dưỡng chuyên sâu dành cho cán bộ lãnh đạo, quản lý và giảng viên. Theo thống kê, “năm 2025, có 1.296 lượt cán bộ, giảng viên tham dự các khóa bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp giảng dạy, nghiên cứu khoa học” [89]. Một số địa phương đã quan tâm gắn kết quả đào tạo, bồi dưỡng với đánh giá, xếp loại và sử dụng cán bộ, góp phần tạo động lực tự học, tự rèn luyện cho đội ngũ giảng viên.

Nhìn chung, công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và giảng viên các trường chính trị tỉnh trong bối cảnh CDS đã có nhiều chuyển biến tích cực về cách thức tổ chức và triển khai thực hiện, được thể hiện thông qua số lượng lớn cán bộ, giảng viên được cử đi đào tạo nghiên cứu sinh, cao học, bồi dưỡng cao cấp lý luận chính trị, quản lý nhà nước và các chương trình chuyên môn khác. Qua đó, năng lực chuyên môn, năng lực số và khả năng tổ chức hoạt động GD LLCT của đội ngũ từng bước được nâng cao, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu đổi mới GD LLCT hiện nay (*Phụ lục 4*).

Hai là, việc đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy và tổ chức hoạt động GD LLCT trong bối cảnh CDS từng bước được triển khai theo hướng hiện đại, thiết thực và phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

Trong bối cảnh CDS, cách thức tổ chức và triển khai hoạt động GD LLCT tại các trường chính trị tỉnh đã có nhiều chuyển biến theo hướng hiện đại hóa, tăng cường tính tương tác và gắn lý luận với thực tiễn. Nội dung, chương trình đào tạo được rà soát, cập nhật thường xuyên, bảo đảm kịp thời bổ sung các quan điểm, chủ trương mới của Đảng vào giảng dạy. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh xác định: “Chương trình, giáo trình trung cấp lý luận chính trị được cập nhật, sửa đổi, bổ sung kịp thời... giúp các trường kịp thời cập nhật những chủ trương, quan điểm mới của Đảng vào bài giảng” [89]. Ở địa phương, việc triển khai được cụ thể hóa theo hướng “chọn lọc, thiết thực, phù hợp với từng đối tượng, gắn lý thuyết với thực tiễn” [168].

Đồng thời, nhiều trường đã chủ động bổ sung nội dung thực tiễn địa phương thông qua việc “tổ chức biên soạn Tập bài giảng học phần “Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển địa phương”” [89].

Phương pháp giảng dạy được đổi mới theo hướng phát huy vai trò chủ động của người học và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số trong tổ chức lớp học. Nhiều trường đã triển khai đồng bộ các phương thức dạy học tích cực, kết hợp giữa trình chiếu, thảo luận, tọa đàm và trải nghiệm thực tiễn. Tại Bắc Giang, “100% các giảng viên đã đổi mới phương pháp giảng dạy kết hợp trình chiếu nội dung qua máy tính... tăng cường đối thoại giữa giảng viên và học viên” [13]. Tại Lào Cai, việc sử dụng các nền tảng số như “Canva, Google Classroom, Kahoot, Quizizz” đã góp phần nâng cao tính trực quan, sinh động và hiệu quả tiếp nhận tri thức lý luận [179]. Hoạt động dạy học trực tuyến và tổ chức học tập trên nền tảng số được triển khai linh hoạt, từng bước hình thành môi trường học tập mở. Một số mô hình mới như “mô hình lớp học số”, “lớp học không điện thoại”, “thư viện chuyển đổi số” [176] cho thấy sự chủ động của các cơ sở đào tạo trong thích ứng với môi trường giáo dục số.

Công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập được đổi mới theo hướng đánh giá năng lực và khả năng vận dụng thực tiễn. Nhiều trường ứng dụng công nghệ số trong khảo sát và tổng hợp phản hồi người học bằng “phiếu điện tử thông qua công cụ Google Form” [176]. Theo đánh giá của Lào Cai, việc kiểm tra, đánh giá đã “chuyển từ chủ yếu đánh giá kiến thức, kỹ năng sang đánh giá năng lực của người học” [167].

Hoạt động nghiên cứu thực tế, tổng kết thực tiễn tiếp tục được tổ chức nền nếp, góp phần tăng cường sự gắn kết giữa lý luận và thực tiễn công tác ở cơ sở. Tại Điện Biên, “100% học viên hệ đào tạo có báo cáo kết quả theo quy định và đạt yêu cầu trở lên” [176]. Ở Lào Cai, các đoàn nghiên cứu thực tế cuối khóa được tổ chức cho nhiều lớp trung cấp LLCT, góp phần “bổ sung kiến thức, kinh nghiệm, củng cố những nội dung đã học tập” [179] (*Phụ lục 2, 3*).

Cùng với đó, các hoạt động bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng được lồng ghép ngày càng rõ nét vào nội dung đào tạo, bồi dưỡng. Năm 2025, “các trường đã đăng 195 bài trên bản tin, nội san; đăng và dẫn đăng 147 bài viết bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên website... có 2930 bài viết của cán bộ, học viên tham gia”; “có 2930 bài viết của cán bộ, viên chức, người lao động, học viên trường chính trị được gửi tham gia cuộc thi” chính luận bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng [89]. Việc tham gia các hoạt động này góp phần nâng cao khả năng nhận diện và đấu tranh với các quan điểm sai trái trên không gian mạng.

Nhìn chung, việc đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp và tổ chức hoạt động GD LLCT trong bối cảnh CDS đã được triển khai tương đối đồng bộ, góp phần nâng cao tính thực tiễn, tính tương tác và hiệu quả tiếp nhận LLCT của người học.

Ba là, việc phát huy vai trò chủ động, tích cực và sáng tạo của học viên trong học tập LLCT ngày càng được chú trọng, góp phần nâng cao năng lực tự học, tự nghiên cứu và thích ứng với môi trường học tập số.

Trong bối cảnh CDS, việc tổ chức hoạt động GD LLCT tại các trường chính trị từng bước chuyển từ phương thức truyền thụ một chiều sang phát huy vai trò chủ thể của người học. Quá trình triển khai chú trọng xây dựng môi trường học tập mở, tăng cường tương tác và khuyến khích học viên chủ động tiếp cận tri thức. Quan điểm này được xác định rõ: “Đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học, lấy người học làm trung tâm” [24].

Việc tổ chức học tập trên nền tảng số được triển khai thông qua các công cụ hỗ trợ dạy học trực tuyến và tương tác điện tử. Nhiều trường đã sử dụng các nền tảng số để quản lý lớp học, kiểm tra, trao đổi học thuật và hỗ trợ tự học. Tại Lào Cai, việc “dùng công cụ số (máy tính, phần mềm, nền tảng online)... từ xây dựng bài giảng sinh động (PowerPoint, Canva) đến quản lý

lớp học (Google Classroom), kiểm tra tương tác (Kahoot, Quizizz)” [179] đã tạo điều kiện để học viên nâng cao kỹ năng khai thác học liệu số và chủ động tiếp nhận tri thức lý luận.

Hoạt động hội thi học viên giỏi và các hình thức học tập tương tác được tổ chức theo hướng đánh giá khả năng tư duy, phản biện và vận dụng thực tiễn. Qua các phần thi, học viên “không chỉ thể hiện sự nắm vững kiến thức lý luận chính trị mà còn thể hiện tư duy phản biện, kỹ năng phân tích, xử lý tình huống gắn với nhiệm vụ công tác tại cơ quan, đơn vị, địa phương” [178]. Điều này cho thấy việc tổ chức hoạt động học tập đã góp phần nâng cao tính chủ động và khả năng giải quyết vấn đề của người học.

3.1.2. Một số hạn chế

** Thứ nhất, về chủ thể nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị trong bối cảnh chuyển đổi số.*

Một là, năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và tổ chức triển khai hoạt động GD LLCT của một bộ phận cấp ủy, ban giám hiệu các trường chính trị tỉnh trong bối cảnh CDS còn có mặt chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn.

Trong bối cảnh CDS, năng lực quản trị và khả năng thích ứng của một bộ phận cấp ủy, ban giám hiệu các trường chính trị còn bộc lộ nhiều hạn chế. Việc lãnh đạo, chỉ đạo triển khai GD LLCT trên môi trường số ở một số nơi còn chậm đổi mới, thiếu tính chủ động và chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn.

Hạn chế trước hết thể hiện ở nhận thức và tư duy quản lý của một bộ phận cán bộ lãnh đạo còn nặng về phương thức điều hành truyền thống, thiếu quyết tâm đổi mới. Một số chủ thể quản lý “còn tư tưởng an toàn, ngại đổi mới, thiếu kỹ năng, chưa thích ứng với yêu cầu chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo” [166]. Tại một số địa phương, “nhận thức của một số cấp uỷ cơ sở, nhất là người đứng đầu về vị trí, vai trò của việc học tập lý luận chính trị... chưa được chú trọng” [13], làm giảm hiệu quả chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

Khả năng điều hành và tổ chức triển khai của một số ban giám hiệu còn thiếu linh hoạt, nhất là trong quá trình xây dựng trường chính trị chuẩn gắn với CDS. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đánh giá: “Công tác quản lý, điều hành của một số trường chính trị còn thiếu sự linh hoạt, chủ động, sáng tạo... nhất là các trường chính trị sau sáp nhập lúng túng, bị động trong triển khai xây dựng trường chính trị chuẩn” [89]. Việc cập nhật, cụ thể hóa các quy định mới vào hoạt động quản lý đào tạo ở một số trường còn chậm, dẫn đến triển khai chưa đồng bộ.

Năng lực tổ chức và quản trị hoạt động chuyên môn trên môi trường số còn hạn chế. Nhiều trường mới dừng ở mức số hóa văn bản hành chính, chưa hình thành được hệ thống quản lý, giảng dạy và học tập dựa trên nền tảng dữ liệu số. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng điều hành và hiệu quả triển khai GD LLCT.

Khả năng huy động nguồn lực phục vụ CDS của một số chủ thể quản lý còn yếu. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy học trực tuyến ở nhiều trường chưa đồng bộ, trong khi việc tham mưu cơ chế đầu tư còn thiếu chủ động. Tại Điện Biên, “nhiều trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập còn thiếu, chưa đồng bộ và đã xuống cấp” [176]. Bên cạnh đó, công tác bồi dưỡng kỹ năng số cho giảng viên ở một số nơi còn thiếu chiều sâu, “chưa đẩy mạnh bồi dưỡng, cập nhật kỹ năng, phương pháp giảng dạy chuyên sâu” [89].

Nhìn chung, năng lực lãnh đạo, quản lý và khả năng thích ứng của một bộ phận cấp ủy, ban giám hiệu các trường chính trị trước yêu cầu CDS còn chưa đồng đều. Sự chậm đổi mới trong tư duy quản trị, hạn chế về năng lực số và tính chủ động trong tổ chức thực hiện đã ảnh hưởng nhất định đến chất lượng và hiệu quả triển khai GD LLCT trong giai đoạn hiện nay.

Hai là, năng lực chuyên môn, năng lực số và khả năng đổi mới phương pháp giảng dạy của một bộ phận giảng viên các trường chính trị tỉnh còn hạn chế.

Trong bối cảnh CDS, đội ngũ giảng viên các trường chính trị tỉnh đã bộc lộ những hạn chế nhất định về năng lực chuyên môn, kỹ năng số và khả năng thích ứng với yêu cầu đổi mới GD LLCT. Một số giảng viên chưa theo kịp yêu cầu cập nhật tri thức mới, thiếu kinh nghiệm thực tiễn và năng lực nghiên cứu chuyên sâu. Thực trạng này được phản ánh qua đánh giá: “Giảng viên có trình độ Tiến sĩ và ngạch giảng viên cao cấp hoặc tương đương còn ít; một số cán bộ, giảng viên còn thiếu kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm thực tiễn” [182]. Tại Vĩnh Phúc, “một số nhiệm vụ nghiên cứu khoa học chất lượng chưa cao; còn thiếu sự gắn kết giữa nghiên cứu, tổng kết thực tiễn với tham mưu cho cấp uỷ” [170]. Điều này cho thấy khả năng nghiên cứu, tổng kết thực tiễn và chuyển hóa tri thức lý luận vào giải quyết các vấn đề mới phát sinh trong xã hội số còn hạn chế. Thực tế cho thấy số lượng tiến sĩ, phó giáo sư và giảng viên cao cấp tại nhiều trường vẫn còn khiêm tốn, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển trong bối cảnh CDS (*Phụ lục 5*)

Năng lực thích ứng của một bộ phận giảng viên trẻ cũng chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Dù có khả năng tiếp cận công nghệ, song kinh nghiệm thực tiễn, bản lĩnh chính trị và kỹ năng xử lý các vấn đề tư tưởng nảy sinh trên không gian mạng còn thiếu chiều sâu. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đánh giá: “Đội ngũ giảng viên một số trường bị hẫng hụt, chất lượng giảng viên trẻ chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Việc chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin vào nghiên cứu, giảng dạy chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ giai đoạn mới” [89]. Tại Yên Bái, “tỷ lệ giảng viên giữ ngạch giảng viên chính chưa cao... một số giảng viên còn thiếu kinh nghiệm thực tiễn” [171].

Hạn chế nổi bật hiện nay là năng lực số và khả năng vận dụng công nghệ trong dạy học chưa đồng đều. Nhiều giảng viên mới dừng ở việc trình chiếu bài giảng, chưa làm chủ các nền tảng học tập trực tuyến, công cụ quản trị dữ liệu hay mô hình lớp học số. Thực tế tại Điện Biên cho thấy: “Năng lực chuyên môn của một số viên chức có mặt chưa đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm

vụ... nhiều trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập còn thiếu, chưa đồng bộ” [176]. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng tổ chức các hoạt động dạy học tương tác và phát huy tính chủ động của người học trong môi trường số.

Khả năng đổi mới phương pháp giảng dạy của một bộ phận giảng viên còn chậm. Phương pháp truyền thụ một chiều vẫn tồn tại, việc vận dụng các phương pháp dạy học tích cực còn thiếu linh hoạt. Tại Lào Cai, “việc áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực ở một số giảng viên chưa thực sự nhuần nhuyễn; một số giảng viên kiến thức thực tiễn còn chưa phong phú” [179]. Những hạn chế này làm giảm tính hấp dẫn, tính đối thoại và hiệu quả thuyết phục của GD LLCT trong môi trường số.

** Thứ hai, về nội dung nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị trong bối cảnh chuyển đổi số.*

Một là, hiệu quả giáo dục tri thức, tình cảm, niềm tin và bản lĩnh chính trị ở một số nơi chưa đồng đều, khả năng nhận diện, đấu tranh với các thông tin sai trái, xuyên tạc trên không gian mạng của một bộ phận học viên còn hạn chế.

Trong bối cảnh CDS, GD LLCT không chỉ hướng tới trang bị tri thức mà còn hình thành niềm tin chính trị, bản lĩnh tư tưởng và khả năng ứng xử trước các tác động từ môi trường mạng. Tuy nhiên, ở một số cơ sở đào tạo còn thiếu đồng đều; việc chuyển hóa tri thức lý luận thành tình cảm cách mạng và ý thức tự giác chính trị ở một bộ phận học viên chưa thực sự bền vững. Văn kiện Đại hội XIV chỉ rõ: “năng lực, trình độ của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức... còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu... đặc biệt trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư” [55, tr.191].

Hạn chế này còn thể hiện ở năng lực nhận diện, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái trên không gian mạng của một bộ phận cán bộ, học viên chưa đáp ứng yêu cầu. Việc học tập LLCT chưa thực sự hình thành được “bộ lọc” tư tưởng vững chắc trước các luồng thông tin đa chiều. Văn kiện

Đại hội XIV nhận định: “Việc tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh có lúc, có nơi còn xơ cứng, giáo điều, thậm chí có nơi chưa thực sự coi trọng, làm cho hiệu quả chưa đạt như mong muốn... Công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch còn hạn chế; việc kiểm soát, ngăn chặn các thông tin xấu độc có lúc bị động, lúng túng, thiếu sắc bén, thiếu tính thuyết phục” [55, tr.164]. Tại Bắc Giang, thực trạng này tiếp tục được ghi nhận với biểu hiện “thiếu sắc bén và hiệu quả chưa cao... còn hạn chế trong dự báo, nhận diện, phân tích tình hình” [13].

Một bộ phận học viên, cán bộ sau đào tạo còn thiếu tinh thần chủ động trong tham gia đấu tranh tư tưởng trên môi trường số; chưa hình thành rõ trách nhiệm chính trị và ý thức lan tỏa thông tin tích cực trên mạng xã hội. Việc kiểm soát, định hướng thông tin ở một số nơi còn chậm, phản ánh sự hạn chế trong khả năng thích ứng với môi trường truyền thông số hiện nay. Như thực tiễn tại Cao Bằng cho thấy: “việc kiểm soát, ngăn chặn các thông tin xấu độc có lúc còn lúng túng. Công tác thông tin, định hướng tư tưởng có lúc, có nơi còn chậm” [165].

Ngoài ra, năng lực dự báo, nắm bắt và xử lý các vấn đề tư tưởng nảy sinh từ thực tiễn số của một bộ phận cán bộ sau đào tạo còn yếu. Việc xử lý các tình huống tư tưởng trên không gian mạng nhiều khi còn bị động, thiếu chiều sâu phân tích. Thực tế cho thấy: “Công tác dự báo, nắm tình hình, tổng kết thực tiễn có lúc chưa đáp ứng được yêu cầu... việc đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch... còn bị động, nhất là trên không gian mạng” [165].

Khả năng thích ứng với yêu cầu đổi mới và CDS của một bộ phận cán bộ còn hạn chế. Sau đào tạo, vẫn còn tình trạng ngại thay đổi, thiếu chủ động tiếp cận công nghệ và chưa sẵn sàng trước yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo, quản lý. Thực trạng này được phản ánh qua nhận định: “Một bộ phận cán bộ, công chức còn tư tưởng an toàn, ngại đổi mới, thiếu kỹ năng, chưa thích ứng với yêu cầu chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo” [165].

Nhìn chung, hiệu quả giáo dục tri thức, tình cảm, niềm tin và bản lĩnh chính trị trong bối cảnh CDS còn chưa đồng đều giữa các đối tượng học viên. Một bộ phận cán bộ sau đào tạo chưa hình thành đầy đủ năng lực thích ứng, khả năng đấu tranh tư tưởng và bản lĩnh chính trị trên không gian mạng, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng đầu ra của GD LLCT trong giai đoạn hiện nay.

Hai là, việc phát triển năng lực tư duy lý luận và khả năng vận dụng lý luận vào xử lý các tình huống thực tiễn của một bộ phận học viên còn chưa đáp ứng yêu cầu trong bối cảnh CDS.

Trong bối cảnh CDS, một hạn chế nổi lên của GD LLCT là chưa hình thành đồng đều ở học viên năng lực tư duy lý luận gắn với xử lý các vấn đề thực tiễn mới. Khoảng cách giữa tri thức được trang bị với khả năng vận dụng vào công tác lãnh đạo, quản lý, xử lý tình huống thực tiễn vẫn còn khá rõ. Đảng ta đã chỉ ra: “Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận có mặt chưa theo kịp thực tiễn; chưa giải đáp thoả đáng một số vấn đề mới do thực tiễn đặt ra” [53, tr.90-91].

Hạn chế này thể hiện trước hết ở năng lực phân tích, nhận diện bản chất các hiện tượng chính trị - xã hội của một bộ phận học viên còn yếu. Tri thức lý luận tiếp thu được ở một số trường hợp vẫn thiên về ghi nhớ nội dung hơn là hình thành phương pháp tư duy và khả năng phản biện. Thực tế cho thấy: “việc tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh có lúc, có nơi còn xơ cứng, giáo điều, thậm chí có nơi chưa thực sự coi trọng, làm cho hiệu quả chưa đạt như mong muốn” [55, tr.165]. Vì vậy, khi đối diện với các luồng thông tin đa chiều, nhất là trên không gian mạng, một bộ phận cán bộ còn lúng túng trong nhận định, đánh giá và định hướng dư luận.

Khả năng vận dụng lý luận vào giải quyết tình huống thực tiễn cũng chưa thực sự đáp ứng yêu cầu. Một số học viên sau đào tạo còn thiếu kỹ năng xử lý các vấn đề tư tưởng nảy sinh ở cơ sở hoặc trên mạng xã hội; năng lực

dự báo, nhận diện và phản bác thông tin sai trái còn hạn chế. Báo cáo thực tiễn tại Bắc Giang cho thấy: “việc đấu tranh, phản bác những luận điệu sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch còn bị động, thiếu sắc bén và hiệu quả chưa cao. Công tác đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng chưa đáp ứng yêu cầu, còn hạn chế trong dự báo, nhận diện, phân tích tình hình” [13]. Điều đó phản ánh việc chuyển hóa tri thức lý luận thành năng lực thực hành ở một bộ phận học viên còn chậm.

Năng lực thích ứng với yêu cầu đổi mới sáng tạo và quản trị trong môi trường số của một bộ phận cán bộ sau đào tạo cũng còn bất cập. Tâm lý ngại đổi mới, thiếu chủ động trong tiếp cận công nghệ và xử lý công việc trên nền tảng số vẫn tồn tại. Thực trạng này được Đảng ta chỉ rõ: “Một bộ phận cán bộ, đảng viên, kể cả cán bộ cấp cao thiếu tu dưỡng, rèn luyện, không gương mẫu, có biểu hiện đùn đẩy, né tránh, không dám làm, không dám đổi mới sáng tạo” [55, tr.166]. Tỉnh Cao Bằng cũng đánh giá: “Một bộ phận cán bộ, công chức còn tư tưởng an toàn, ngại đổi mới, thiếu kỹ năng, chưa thích ứng với yêu cầu chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo” [166]. Tỉnh Lào Cai cũng chỉ ra: “Kỷ cương, kỷ luật hành chính có nơi chưa nghiêm, một số cán bộ có biểu hiện sợ sai, sợ vi phạm, né tránh, đùn đẩy trách nhiệm trong công vụ” [167]; tỉnh Phú Thọ cũng nhận định: một bộ phận cán bộ, công chức có tâm lý lo ngại, sợ trách nhiệm sau các đợt kiểm tra, điều tra, xử lý kỷ luật” và có tình trạng “né tránh, làm việc cầm chừng” [169]. Điều này cho thấy GD LLCT ở một số nơi chưa tạo được chuyển biến rõ về tư duy hành động và năng lực thích ứng của người học trước yêu cầu mới.

Bên cạnh đó, việc tích hợp tri thức lý luận với kỹ năng số trong thực thi công vụ còn hạn chế. Một bộ phận cán bộ chưa hình thành được năng lực sử dụng công nghệ để phục vụ công tác lãnh đạo, quản lý và định hướng tư tưởng. Đảng ta nhận định: “năng lực, trình độ của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức, cơ quan hoạch định chính sách còn hạn chế, chưa đáp ứng

yêu cầu thể chế hoá, cụ thể hoá phát triển... đặc biệt trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư” [55, tr.191]. Sự thiếu đồng bộ giữa trình độ lý luận và kỹ năng số làm giảm hiệu quả vận dụng lý luận vào thực tiễn quản trị hiện đại.

** Thứ ba, về phương thức nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị trong bối cảnh chuyển đổi số.*

Một là, công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, trình độ đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và giảng viên các trường chính trị tỉnh ở một số nơi còn thiếu tính đồng bộ, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS.

Trong bối cảnh CDS, việc tổ chức các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và giảng viên ở một số trường chính trị tỉnh còn thiếu đồng bộ, chưa theo kịp yêu cầu đổi mới phương thức GD LLCT. Việc triển khai nhiều nội dung vẫn thiên về trang bị phương tiện kỹ thuật, trong khi năng lực vận hành, quản trị và tổ chức dạy học trên môi trường số chuyển biến chậm.

Hạn chế này thể hiện trước hết ở cách thức tổ chức, điều hành hoạt động đào tạo, bồi dưỡng tại một số trường còn thiếu linh hoạt, chưa hình thành được cơ chế triển khai thống nhất giữa xây dựng trường chính trị chuẩn với yêu cầu CDS. Thực tế cho thấy: “Công tác quản lý, điều hành của một số trường chính trị còn thiếu sự linh hoạt, chủ động, sáng tạo... nhất là các trường chính trị sau sáp nhập lúng túng, bị động trong triển khai xây dựng trường chính trị chuẩn” [89]. Điều này ảnh hưởng đến tiến độ và hiệu quả triển khai các hoạt động chuyên môn trong toàn trường.

Việc tổ chức bồi dưỡng giảng viên ở nhiều nơi còn nặng về hoàn thiện tiêu chuẩn, chỉ tiêu chuyên môn mà chưa chú trọng đúng mức đến kỹ năng dạy học số và phương pháp tổ chức lớp học hiện đại. Nội dung tập huấn còn chậm cập nhật các phương pháp giảng dạy tương tác, quản trị học tập trực

tuyển và khai thác dữ liệu số phục vụ giảng dạy. Báo cáo của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về công tác trường chính trị cho thấy: “Công tác bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên trường chính trị mới chú trọng bồi dưỡng theo yêu cầu hoàn thiện các chỉ tiêu trường chính trị chuẩn, chưa đẩy mạnh bồi dưỡng, cập nhật kỹ năng, phương pháp giảng dạy chuyên sâu ở một số chuyên ngành cho giảng viên” [89].

Cách thức triển khai đổi mới phương pháp giảng dạy ở một số nơi còn hình thức, chưa phát huy được tính tương tác và vai trò chủ thể của người học trên môi trường số. Hình thức thuyết trình một chiều vẫn còn chiếm ưu thế, trong khi hoạt động thảo luận, trao đổi trực tuyến còn hạn chế. Báo cáo tại Bắc Giang phản ánh: “đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên đông nhưng chưa mạnh, thông tin vẫn chủ yếu một chiều từ trên xuống, thiếu đối thoại. Kỹ năng, phương pháp truyền đạt... còn hạn chế, chủ yếu là thuyết trình theo tài liệu, thiếu minh họa thực tiễn” [13]. Điều này làm giảm hiệu quả tiếp nhận và vận dụng tri thức lý luận của học viên.

Hoạt động nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn chưa thật sự hiệu quả. Nhiều đề tài nghiên cứu còn thiên về phục vụ nội bộ, thiếu gắn kết với yêu cầu tham mưu, hoạch định chính sách cho địa phương. Đảng ta chỉ rõ hạn chế: “Kết quả nghiên cứu về chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh còn dàn trải, tính hệ thống chưa cao, chưa gắn kết chặt chẽ với những vấn đề thực tiễn đang đặt ra ... Kết quả thực hiện nhiệm vụ cung cấp luận cứ khoa học làm cơ sở cho việc hoạch định đường lối, quan điểm của Đảng còn hạn chế, nhiều vấn đề thực tiễn đặt ra chưa được làm rõ” [25]. Tỉnh Vĩnh Phúc (nay là tỉnh Phú Thọ) cũng chỉ rõ: “Một số nhiệm vụ nghiên cứu khoa học chất lượng chưa cao; còn thiếu sự gắn kết giữa nghiên cứu, tổng kết thực tiễn với tham mưu cho cấp ủy, chính quyền ban hành các chủ trương, nghị quyết về xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị và phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương” [170]. Học Viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh cũng chỉ ra hạn chế về công tác

nghiên cứu khoa học tại các trường chính trị: “Số lượng đề tài, hội thảo khoa học cấp tỉnh vẫn còn hạn chế. Việc nghiên cứu tư vấn, đề xuất hoạch định chủ trương, chính sách cho tỉnh, thành phố và các địa phương chưa có nhiều chuyển biến. Một số trường chưa có báo cáo kiến nghị, đề xuất tỉnh ủy, thành ủy, các cơ quan Trung ương từ các kết quả nghiên cứu đề tài, hội thảo khoa học cấp tỉnh trở lên hoặc đã có báo cáo kiến nghị nhưng chất lượng chưa đáp ứng yêu cầu [89]. Điều này cho thấy việc tổ chức các hoạt động nghiên cứu và tổng kết thực tiễn chưa thực sự đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.

Hai là, việc đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy và tổ chức hoạt động GD LLCT trong bối cảnh CDS ở một số nơi còn chậm, hiệu quả ứng dụng công nghệ số và khai thác học liệu số chưa cao.

Thực tiễn cho thấy, việc tổ chức đổi mới nội dung, chương trình GD LLCT chưa theo kịp yêu cầu của CDS. Công tác rà soát, cập nhật chương trình còn chậm, thiếu tính liên thông, một số nội dung còn trùng lặp, nặng về lý thuyết, chưa gắn chặt với yêu cầu thực tiễn của đội ngũ cán bộ trong điều kiện quản trị số. Đảng ta đã chỉ rõ: “Nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng chậm được đổi mới, bổ sung, cập nhật, còn trùng lặp, chưa đáp ứng yêu cầu nâng cao năng lực hoạt động thực tiễn, rèn luyện tư tưởng chính trị, đạo đức, phong cách lãnh đạo, quản lý” [24]. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đánh giá: “Hệ thống chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng chưa đầy đủ, đồng bộ... Chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác trường chính trị chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn của giai đoạn mới” [89]. Tại Bắc Giang, thực trạng này được ghi nhận: “Nội dung và phương pháp giáo dục lý luận chính trị còn hình thức, nặng về lý thuyết. Một số chương trình đào tạo, bồi dưỡng còn trùng lặp về kiến thức, giáo trình một số môn chưa cập nhật nội dung mới phù hợp thực tiễn” [13]. Ở một số địa phương miền núi, nội dung giảng dạy còn “mang tính hàn lâm”, khiến học viên “chưa dễ dàng tiếp cận để vận dụng vào thực tiễn cuộc sống” [167].

Việc tổ chức đổi mới phương pháp giảng dạy cũng còn nhiều hạn chế. Phương thức truyền đạt một chiều vẫn còn phổ biến; hoạt động thảo luận, phản biện, tương tác trên môi trường số chưa được triển khai hiệu quả. Một số giảng viên còn lúng túng trong vận dụng phương pháp dạy học tích cực và công nghệ số vào tổ chức lớp học. Báo cáo tại Lào Cai cho thấy: “Việc áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực ở một số giảng viên chưa thực sự nhuần nhuyễn..., phương pháp giảng dạy hiệu quả chưa cao, còn sơ cứng, lối mòn, chậm đổi mới” [167]. Điều này cho thấy cách thức tổ chức hoạt động GD LLCT chưa tạo được môi trường học tập tương tác, phù hợp với đặc điểm tiếp nhận tri thức trong bối cảnh số.

Hiệu quả ứng dụng công nghệ số và khai thác học liệu số còn thấp. Nhiều cơ sở đào tạo mới dừng ở mức số hóa tài liệu dưới dạng lưu trữ điện tử, chưa xây dựng được hệ sinh thái học liệu số có tính tương tác và liên thông dữ liệu. Hạ tầng kỹ thuật ở một số nơi thiếu đồng bộ, ảnh hưởng trực tiếp đến việc tổ chức dạy học trên nền tảng số. Báo cáo tại Điện Biên nêu rõ: “nhiều trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập còn thiếu, chưa đồng bộ và đã xuống cấp; thiếu phòng học, ảnh hưởng đến thực hiện nhiệm vụ chính trị của Nhà trường” [176]. Thực trạng này làm giảm khả năng triển khai các mô hình lớp học thông minh và hạn chế mức độ thích ứng của hoạt động GD LLCT với môi trường số.

Bên cạnh đó, việc phối hợp huy động nguồn lực phục vụ CDS trong GD LLCT còn thiếu đồng bộ. Một số hoạt động đầu tư hạ tầng công nghệ, phần mềm quản lý đào tạo và học liệu số triển khai chậm, thiếu tính liên thông. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đánh giá: “Công tác phối hợp với các ban, bộ, ngành Trung ương để tháo gỡ khó khăn về cơ chế tài chính cho các trường chính trị chưa thực hiện được... Việc chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin vào nghiên cứu, giảng dạy chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ giai đoạn mới” [89].

Nhìn chung, việc đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy và tổ chức hoạt động GD LLCT ở một số nơi còn chậm, thiếu đồng bộ;

hiệu quả ứng dụng công nghệ số và khai thác học liệu số chưa cao. Những hạn chế này cho thấy phương thức tổ chức GD LLCT trong bối cảnh CDS vẫn chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong giai đoạn hiện nay.

Ba là, việc phát huy vai trò chủ động, tích cực và sáng tạo của học viên trong học tập LLCT ở một số nơi còn hạn chế; năng lực tự học, tự nghiên cứu và khả năng thích ứng với môi trường học tập số của học viên chưa đồng đều, nhất là ở vùng khó khăn.

Trong bối cảnh CDS, việc tổ chức hoạt động học tập LLCT ở nhiều cơ sở đào tạo vẫn chưa phát huy đầy đủ vai trò của học viên. Một bộ phận cán bộ tham gia học tập còn mang tâm lý học để hoàn thiện tiêu chuẩn chức danh hơn là nâng cao năng lực thực tiễn. Đảng ta chỉ rõ: “Nhiều cán bộ, đảng viên coi mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị là để có bằng cấp, chứng chỉ theo tiêu chuẩn chức danh...” [24]. Điều này làm giảm động lực tự học và khả năng chủ động tiếp nhận tri thức lý luận. Năng lực tự học, tự nghiên cứu của học viên còn nhiều bất cập. Công tác quản lý học tập ở một số nơi chưa chặt chẽ, còn tình trạng “lười học, ngại học lý luận chính trị” [24].

Khả năng thích ứng với môi trường học tập số chưa đồng đều, nhất là ở vùng sâu, vùng xa. Một bộ phận cán bộ còn “ngại đổi mới, thiếu kỹ năng, chưa thích ứng với yêu cầu chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo”; “Cán bộ cơ sở còn thiếu kỹ năng số; ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số... còn chậm” [166], làm hạn chế khả năng khai thác học liệu và tự cập nhật tri thức mới.

3.1.3. Nguyên nhân của thành tựu và hạn chế nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị trong bối cảnh chuyển đổi số

3.1.3.1. Nguyên nhân của thành tựu

- Nguyên nhân khách quan

Yêu cầu đẩy mạnh CDS quốc gia, đổi mới quản trị xã hội và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong tình hình mới cũng tạo ra động lực thúc đẩy đổi mới GD LLCT. Những chủ trương lớn của Đảng đã định hướng cho các

trường chính trị tỉnh đổi mới nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức đào tạo theo hướng hiện đại hơn. Đồng thời, yêu cầu đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng buộc các chủ thể giáo dục phải tăng cường giáo dục bản lĩnh chính trị, khả năng nhận diện và phản bác thông tin sai trái cho học viên. Điều này góp phần lý giải vì sao chất lượng giáo dục tri thức, niềm tin, bản lĩnh chính trị và năng lực vận dụng thực tiễn của học viên từng bước được chú trọng hơn trong thời gian qua.

Sự phát triển của khoa học - công nghệ, hạ tầng số và các nền tảng giáo dục trực tuyến cũng tạo điều kiện thuận lợi cho đổi mới hoạt động GD LLCT. Việc mở rộng hạ tầng viễn thông, nền tảng quản lý dữ liệu và các công cụ hỗ trợ dạy học trực tuyến đã giúp các trường chính trị từng bước đổi mới phương thức quản lý và tổ chức đào tạo. Đây là nguyên nhân quan trọng thúc đẩy việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, kiểm tra, đánh giá, xây dựng học liệu số và phát triển khả năng tự học của học viên. Đối với khu vực miền núi phía Bắc, sự phát triển của công nghệ số còn góp phần khắc phục một phần trở ngại về khoảng cách địa lý, tạo điều kiện mở rộng khả năng tiếp cận GD LLCT cho cán bộ cơ sở ở vùng sâu, vùng xa.

Bên cạnh đó, những thành tựu của 40 năm đổi mới đất nước và yêu cầu giữ vững ổn định chính trị - xã hội ở khu vực miền núi, biên giới đã tạo cơ sở thực tiễn quan trọng cho GD LLCT. Thực tiễn phát triển của đất nước và địa phương cung cấp nhiều vấn đề sinh động để cập nhật vào bài giảng, góp phần nâng cao tính thực tiễn và sức thuyết phục của nội dung GD LLCT. Đồng thời, đặc điểm truyền thống cách mạng, tinh thần đoàn kết dân tộc và yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh ở khu vực miền núi phía Bắc cũng làm gia tăng trách nhiệm chính trị của các chủ thể giáo dục trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

- Nguyên nhân chủ quan

Sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và định hướng chuyên môn của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh là nguyên nhân quan trọng tạo nên những chuyển biến tích cực trong nâng cao chất

lượng GD LLCT tại các trường chính trị tỉnh khu vực miền núi phía Bắc. Việc ban hành tương đối đồng bộ các nghị quyết, quy định, kết luận về xây dựng trường chính trị chuẩn, CDS gia và đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đã tạo cơ sở chính trị, pháp lý và định hướng tổ chức cho các nhà trường triển khai đổi mới hoạt động GD LLCT. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh “phát huy vai trò là cơ quan chỉ đạo, hướng dẫn, quản lý chuyên môn đối với các trường chính trị... chủ động phối hợp với các địa phương trong việc tham mưu có hiệu quả cho Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác trường chính trị” [89], qua đó góp phần chuẩn hóa tổ chức bộ máy, chương trình đào tạo, hoạt động quản lý và đội ngũ giảng viên trong toàn hệ thống. Đây là cơ sở quan trọng dẫn tới kết quả về năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý của cấp ủy, ban giám hiệu các trường từng bước được nâng cao; đồng thời tạo điều kiện thúc đẩy đổi mới nội dung, phương pháp và phương thức tổ chức GD LLCT trong bối cảnh CDS.

Cùng với đó, sự quan tâm của cấp ủy, chính quyền địa phương đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đã tạo điều kiện thuận lợi để các trường chính trị tỉnh triển khai các nhiệm vụ CDS. Nhiều địa phương đã ban hành đề án xây dựng trường chính trị chuẩn, ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ dạy học. Thực tiễn cho thấy “các tỉnh uỷ, thành uỷ... luôn quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, sát sao bằng các nghị quyết, chương trình, đề án, kế hoạch, ưu tiên nguồn lực cho các trường triển khai thực hiện tốt nhất chức năng, nhiệm vụ” [88]. Sự hỗ trợ này tác động trực tiếp đến kết quả về nâng cao năng lực quản lý, tổ chức hoạt động GD LLCT; đồng thời tạo điều kiện để nhiều trường từng bước hiện đại hóa phương tiện dạy học, ứng dụng phần mềm quản lý đào tạo và triển khai lớp học số.

Sự chủ động của cấp ủy, ban giám hiệu các trường chính trị tỉnh trong quán triệt và tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng về GD LLCT và CDS. Một số trường đã chủ động xây dựng kế hoạch CDS, đổi mới phương

thức quản lý và từng bước hình thành môi trường quản trị trên nền tảng công nghệ thông tin. Tập thể lãnh đạo nhiều nhà trường “giữ vững sự đoàn kết, thống nhất; phát huy tinh thần trách nhiệm, chủ động, linh hoạt trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng được giao” [87]. Sự chủ động này tác động trực tiếp đến kết quả về nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý, điều hành và tổ chức triển khai hoạt động GD LLCT phù hợp hơn với yêu cầu thực tiễn.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý được quan tâm cũng là nguyên nhân quan trọng tạo nên những chuyển biến về chất lượng đội ngũ. Việc cử giảng viên tham gia các lớp đào tạo, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng số đã góp phần nâng cao trình độ chuyên môn, khả năng ứng dụng công nghệ và đổi mới phương pháp giảng dạy. Nhiều trường triển khai “các lớp tập huấn về chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, ứng dụng phần mềm điều hành tác nghiệp” [86], qua đó tạo điều kiện để giảng viên tiếp cận phương thức dạy học hiện đại. Đây là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến kết quả về năng lực chuyên môn, năng lực số và khả năng đổi mới hoạt động giảng dạy của đội ngũ giảng viên từng bước được nâng cao.

Việc đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy và tăng cường ứng dụng công nghệ số trong quản lý đào tạo cũng góp phần nâng cao chất lượng GD LLCT. Nhiều trường chủ động cập nhật nội dung gắn với thực tiễn địa phương; tăng cường tổ chức thảo luận, nghiên cứu tình huống, kiểm tra trắc nghiệm trên máy tính và sử dụng các nền tảng số trong dạy học. Việc ứng dụng công nghệ số đã hỗ trợ nâng cao hiệu quả quản lý đào tạo, tăng cường tương tác giữa giảng viên và học viên, đồng thời tạo điều kiện phát triển năng lực tự học và tiếp cận học liệu số của học viên. Những đổi mới này tác động trực tiếp đến kết quả về phát triển tư duy lý luận, khả năng vận dụng thực tiễn và phát huy tính chủ động của người học.

Sự phối hợp giữa nhà trường với các cơ quan, đơn vị và địa phương trong đào tạo, nghiên cứu thực tế, tổng kết thực tiễn cũng là nguyên nhân

quan trọng nâng cao chất lượng GD LLCT. Việc “phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị trong công tác tuyển sinh, mở mới các lớp đào tạo, bồi dưỡng” [177] giúp nội dung đào tạo sát với yêu cầu thực tiễn của địa phương và vị trí việc làm của cán bộ. Đồng thời, hoạt động nghiên cứu thực tế, tổng kết thực tiễn góp phần bổ sung tư liệu thực tiễn cho bài giảng, nâng cao tính thiết thực của GD LLCT trong bối cảnh CDS.

Ngoài ra, ý thức trách nhiệm, tinh thần tự học và khả năng thích ứng của một bộ phận giảng viên, học viên cũng góp phần tạo nên kết quả tích cực trong nâng cao chất lượng GD LLCT. Nhiều giảng viên tích cực tự học công nghệ, đổi mới phương pháp dạy học; nhiều học viên chủ động tiếp cận học liệu số, nâng cao kỹ năng khai thác thông tin và thích ứng với môi trường học tập trực tuyến. Đây là yếu tố quan trọng góp phần hình thành môi trường học tập tích cực và thúc đẩy hiệu quả GD LLCT trong điều kiện CDS.

3.1.3.2. Nguyên nhân của hạn chế

- Nguyên nhân khách quan

Trước hết, tốc độ phát triển nhanh của CDS và yêu cầu đổi mới quản trị xã hội đã tạo ra áp lực lớn đối với hệ thống trường chính trị tỉnh, nhất là ở khu vực miền núi phía Bắc. Trong khi yêu cầu về đổi mới nội dung, phương pháp, ứng dụng công nghệ số và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng ngày càng cao thì nhiều quy định, cơ chế và hướng dẫn chuyên môn chưa theo kịp thực tiễn. “Hệ thống chính sách, pháp luật của Nhà nước... trong một số lĩnh vực còn thiếu đồng bộ, bất cập, chậm được bổ sung, sửa đổi kịp thời” [86]. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả lãnh đạo, quản lý, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và triển khai CDS tại các trường chính trị.

Điều kiện kinh tế - xã hội của khu vực miền núi phía Bắc còn nhiều khó khăn cũng là nguyên nhân tác động mạnh đến chất lượng GD LLCT. Địa bàn rộng, giao thông phức tạp, dân cư phân tán và chênh lệch về trình độ phát

triển giữa các vùng làm hạn chế khả năng đầu tư hạ tầng số, cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học hiện đại. Điều này trực tiếp ảnh hưởng đến việc triển khai lớp học trực tuyến, khai thác học liệu số và phát triển môi trường học tập số cho học viên ở vùng sâu, vùng xa.

Sự phát triển nhanh của môi trường truyền thông số và các hoạt động chống phá trên không gian mạng cũng tạo ra nhiều thách thức đối với GD LLCT. Các thông tin sai trái, xuyên tạc được lan truyền với tốc độ nhanh, hình thức đa dạng và ngày càng tinh vi, trong khi khả năng nhận diện, đấu tranh của một bộ phận cán bộ, học viên còn hạn chế. Điều này tác động trực tiếp đến hiệu quả giáo dục bản lĩnh chính trị, niềm tin và khả năng bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong môi trường số.

Bên cạnh đó, mặt trái của kinh tế thị trường, toàn cầu hóa và mạng xã hội đã ảnh hưởng đến nhận thức, động cơ học tập và lối sống của một bộ phận học viên. Tình trạng thực dụng, học để hoàn thiện tiêu chuẩn chức danh hoặc tâm lý coi nhẹ học tập LLCT làm giảm tính tích cực, chủ động của người học. Đây là nguyên nhân góp phần dẫn đến hạn chế về năng lực tự học, khả năng thích ứng với môi trường học tập số và hiệu quả vận dụng lý luận vào thực tiễn công tác của một bộ phận học viên.

- Nguyên nhân chủ quan

Những hạn chế trong nâng cao chất lượng GD LLCT còn xuất phát từ các nguyên nhân chủ quan thuộc về hoạt động lãnh đạo, quản lý, tổ chức thực hiện của các chủ thể giáo dục.

Ở một số trường chính trị tỉnh, việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai CDS còn thiếu đồng bộ và chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn. Một bộ phận cấp ủy, ban giám hiệu chưa nhận thức đầy đủ về vai trò của CDS với đổi mới GD LLCT, dẫn đến việc xây dựng kế hoạch, phân công trách nhiệm và tổ chức thực hiện còn mang tính hành chính, thiếu tính chiến lược. “Công tác quản lý, điều hành của một số trường chính trị còn thiếu sự linh hoạt, chủ

động, sáng tạo” [89]. Điều này tác động trực tiếp đến hạn chế về năng lực lãnh đạo, quản lý, hiệu quả tổ chức hoạt động GD LLCT và tiến độ triển khai các mô hình quản trị số trong nhà trường.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ ở một số nơi chưa đáp ứng yêu cầu phát triển năng lực số và năng lực thực tiễn của giảng viên, cán bộ quản lý. Một bộ phận giảng viên còn hạn chế về kỹ năng ứng dụng công nghệ, thiếu kinh nghiệm thực tiễn hoặc chậm đổi mới phương pháp giảng dạy. “Đội ngũ giảng viên một số trường bị hẫng hụt, chất lượng giảng viên trẻ chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Việc chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin vào nghiên cứu, giảng dạy chưa đáp ứng yêu cầu” [86]. Đây là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến hạn chế về chất lượng bài giảng, khả năng tổ chức lớp học tương tác, khai thác học liệu số và phát triển tư duy thực tiễn cho học viên.

Việc đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy và kiểm tra, đánh giá ở một số trường còn chậm, chưa gắn chặt với yêu cầu CDS và đặc thù địa phương miền núi. Một số nội dung còn nặng tính lý thuyết, thiếu cập nhật thực tiễn; phương pháp dạy học vẫn thiên về truyền thụ một chiều; hoạt động kiểm tra, đánh giá chưa chú trọng đánh giá năng lực vận dụng thực tiễn. Hệ thống học liệu số ở nhiều trường còn phân tán, thiếu tính liên thông và tương tác. Điều này giải thích cho hạn chế về hiệu quả ứng dụng công nghệ số, khả năng phát huy tính chủ động của học viên và chất lượng vận dụng lý luận vào thực tiễn.

Cơ chế phối hợp giữa nhà trường với các cơ quan, địa phương trong nghiên cứu thực tế, tổng kết thực tiễn và xây dựng học liệu phục vụ CDS ở một số nơi còn thiếu chặt chẽ. Nhiều đề tài nghiên cứu khoa học chủ yếu phục vụ nội bộ nhà trường, chưa gắn mạnh với yêu cầu tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương. “Kết quả nghiên cứu các đề tài khoa học chủ yếu phục vụ trực tiếp cho hoạt động giảng dạy trong nội bộ trường, chưa gắn với yêu cầu tham mưu cho cấp ủy” [177]. Điều này làm giảm tính thực tiễn, tính cập nhật và sức thuyết phục của nội dung GD LLCT.

Ngoài ra, tính chủ động, năng lực tự học và khả năng thích ứng với môi trường học tập số của một bộ phận học viên còn hạn chế. Một số học viên chưa xác định đúng động cơ học tập, còn biểu hiện học đối phó, ngại nghiên cứu LLCT hoặc chưa tích cực khai thác học liệu số. “Nhiều cán bộ, đảng viên coi mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng LLCT là để có bằng cấp, chứng chỉ theo tiêu chuẩn chức danh” [24]. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả tiếp nhận tri thức, khả năng phát triển tư duy lý luận, bản lĩnh chính trị và năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn công tác trong bối cảnh CDS.

3.2. MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA TỪ THỰC TRẠNG NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ HIỆN NAY

3.2.1. Mâu thuẫn giữa yêu cầu phải chuẩn hóa trình độ, kỹ năng, phát triển năng lực số của các chủ thể nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị với thực trạng sức ỳ tâm lý và trình độ, năng lực chuyển đổi, thích ứng còn hạn chế của các chủ thể đó trong bối cảnh chuyển đổi số ở các tỉnh miền núi phía Bắc

Trong bối cảnh CDS, nâng cao chất lượng GD LLCT không còn chỉ phụ thuộc vào nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy hay điều kiện cơ sở vật chất mà trước hết phụ thuộc vào năng lực, trình độ của các chủ thể trực tiếp tham gia quá trình nâng cao chất lượng GD LLCT. Trong đó, đội ngũ lãnh đạo, quản lý nhà trường, đội ngũ giảng viên và học viên vừa là chủ thể tổ chức, thực hiện, vừa là chủ thể quyết định hiệu quả của quá trình đổi mới GD LLCT trong điều kiện mới. CDS đang đặt ra yêu cầu các chủ thể này không chỉ được chuẩn hóa theo các tiêu chuẩn của trường chính trị chuẩn mà còn phải phát triển mạnh năng lực số, năng lực đổi mới sáng tạo, năng lực thích ứng và khả năng vận hành hoạt động GD LLCT trên môi trường số. Tuy nhiên, từ thực tiễn các trường chính trị tỉnh khu vực miền núi phía Bắc cho thấy vẫn đang tồn tại khoảng cách đáng kể giữa yêu cầu đó với trình độ, năng lực chuyển đổi và khả năng thích ứng của một bộ phận các chủ thể GD LLCT.

Mâu thuẫn này phản ánh sự đấu tranh giữa yêu cầu khách quan của quá trình hiện đại hóa GD LLCT với những hạn chế về nhận thức, tâm lý, năng lực và điều kiện thực hiện của các chủ thể trong quá trình CDS.

Biểu hiện trước hết của mâu thuẫn là khoảng cách giữa yêu cầu đổi mới tư duy lãnh đạo, quản trị nhà trường theo mô hình quản trị số với năng lực lãnh đạo, quản lý và khả năng thích ứng của một bộ phận cấp ủy, ban giám hiệu các trường chính trị tỉnh. Thực tiễn cho thấy những năm gần đây, năng lực lãnh đạo, quản lý của cấp ủy, ban giám hiệu đã có nhiều chuyển biến tích cực. Các trường từng bước cụ thể hóa chủ trương của Đảng về CDS thành chương trình, kế hoạch phù hợp với điều kiện địa phương; nhiều trường triển khai phần mềm quản lý điều hành, văn phòng điện tử, thư viện số, khảo sát trực tuyến và từng bước xây dựng trường chính trị chuẩn gắn với CDS. Đây là tiền đề quan trọng để đổi mới phương thức quản trị nhà trường theo hướng hiện đại.

Tuy nhiên, những kết quả đó chưa phản ánh sự phát triển đồng đều của toàn bộ đội ngũ lãnh đạo, quản lý. Ở một số trường, tư duy quản lý vẫn mang nặng dấu ấn của phương thức hành chính truyền thống; việc tổ chức, điều hành còn thiên về xử lý công việc theo kinh nghiệm hơn là quản trị trên cơ sở dữ liệu và nền tảng số. Một bộ phận cán bộ lãnh đạo còn tâm lý e ngại thay đổi, chưa chủ động tiếp cận công nghệ mới, thiếu quyết tâm đổi mới hoặc coi CDS chủ yếu là đầu tư thiết bị, phần mềm mà chưa nhận thức đầy đủ đây là quá trình đổi mới toàn diện phương thức quản trị nhà trường. Chính sức ỳ trong tư duy và phong cách lãnh đạo làm cho quá trình xây dựng chiến lược CDS ở một số trường còn chậm, thiếu tính hệ thống và chưa tạo được động lực lan tỏa đến toàn bộ đội ngũ giảng viên, học viên.

Mâu thuẫn này còn thể hiện ở khoảng cách giữa yêu cầu chuẩn hóa, phát triển năng lực số của đội ngũ giảng viên với khả năng chuyển đổi và thích ứng của một bộ phận giảng viên trước môi trường giáo dục số. Trong những năm qua, đội ngũ giảng viên các trường chính trị khu vực miền núi phía Bắc đã

từng bước được chuẩn hóa về trình độ chuyên môn, lý luận chính trị và chức danh nghề nghiệp. Tỷ lệ giảng viên có trình độ sau đại học tăng nhanh; nhiều giảng viên tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, thao giảng, hội thi giảng viên dạy giỏi và các cuộc thi chính luận bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Năng lực sử dụng công nghệ thông tin và ứng dụng các nền tảng số trong giảng dạy từng bước được cải thiện thông qua các chương trình tập huấn về CDS và trí tuệ nhân tạo.

Tuy nhiên, chuẩn hóa về văn bằng, chứng chỉ và chức danh nghề nghiệp chưa đồng nghĩa với việc hình thành đầy đủ năng lực số và năng lực thích ứng. Trong điều kiện CDS, giảng viên không chỉ là người truyền đạt tri thức mà còn phải là người tổ chức, dẫn dắt, hỗ trợ học viên kiến tạo tri thức trên môi trường số; biết khai thác dữ liệu lớn, học liệu số, trí tuệ nhân tạo và các nền tảng học tập trực tuyến để đổi mới phương pháp giảng dạy. Song thực tế cho thấy nhiều giảng viên vẫn chủ yếu sử dụng công nghệ như công cụ hỗ trợ trình chiếu; việc thiết kế bài giảng số, tổ chức lớp học trực tuyến, khai thác dữ liệu học tập hay ứng dụng AI còn hạn chế. Phương pháp giảng dạy ở một số nơi vẫn thiên về truyền thụ một chiều, chưa phát huy được tính tích cực, khả năng tương tác và tự học của học viên. Điều đó cho thấy giữa yêu cầu phát triển năng lực nghề nghiệp theo hướng số hóa với năng lực chuyển đổi của một bộ phận giảng viên vẫn còn khoảng cách đáng kể.

Bên cạnh đó, mâu thuẫn còn biểu hiện ở khoảng cách giữa yêu cầu nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn với khả năng phát hiện và giải quyết những vấn đề mới nảy sinh trong bối cảnh CDS của đội ngũ giảng viên. CDS đang làm xuất hiện nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn mới liên quan đến quản trị số, xã hội số, kinh tế số, an ninh mạng, dữ liệu số và đấu tranh tư tưởng trên không gian mạng. Điều này đòi hỏi giảng viên LLCT phải thường xuyên cập nhật thực tiễn, tăng cường nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn và chuyển hóa kết quả nghiên cứu thành nội dung giảng dạy. Tuy nhiên, hoạt động nghiên cứu ở một số trường vẫn còn thiếu chiều sâu,

chưa gắn chặt với những vấn đề mới của địa phương trong quá trình CDS; việc chuyển hóa kết quả nghiên cứu thành học liệu số, tình huống giảng dạy hoặc luận cứ phục vụ tham mưu chính sách còn hạn chế. Vì vậy, mặc dù đội ngũ giảng viên từng bước được chuẩn hóa nhưng năng lực vận dụng tri thức lý luận để giải quyết các vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn CDS vẫn chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu.

Mâu thuẫn này không chỉ tồn tại ở đội ngũ lãnh đạo và giảng viên mà còn thể hiện rõ ở học viên - chủ thể trung tâm của quá trình GD LLCT. Trong điều kiện hiện nay, mục tiêu của GD LLCT không chỉ dừng lại ở việc trang bị tri thức, củng cố niềm tin và bản lĩnh chính trị mà còn hướng tới hình thành năng lực tư duy lý luận, năng lực số và khả năng vận dụng sáng tạo lý luận vào thực tiễn lãnh đạo, quản lý trong môi trường số. Điều đó đòi hỏi học viên phải phát huy vai trò chủ thể của mình thông qua tự học, tự nghiên cứu, khai thác học liệu số, xử lý thông tin, phản biện khoa học và giải quyết các vấn đề thực tiễn bằng tư duy lý luận.

Tuy nhiên, kết quả khảo sát cho thấy một bộ phận học viên vẫn còn chịu ảnh hưởng của phương thức học tập truyền thống, thiên về ghi nhớ và tiếp thu thụ động hơn là tư duy phân tích, phản biện và sáng tạo. Khả năng khai thác học liệu số, tìm kiếm, đánh giá và xử lý thông tin trên môi trường mạng còn hạn chế; năng lực tự học và thích ứng với phương thức học tập số chưa đồng đều. Sau quá trình đào tạo, không ít học viên vẫn gặp khó khăn khi vận dụng các nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng để phân tích, lý giải những vấn đề mới nảy sinh trong thực tiễn CDS ở địa phương. Điều đó phản ánh khoảng cách giữa mục tiêu đào tạo theo định hướng phát triển năng lực với kết quả thực tế của quá trình học tập.

Một biểu hiện quan trọng khác là năng lực tham gia bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng của học viên chưa thật sự đáp ứng yêu cầu. Trong điều kiện CDS, cán bộ cơ sở không chỉ cần có lập trường chính trị vững vàng mà còn phải có khả năng nhận diện thông tin sai trái, kỹ năng phản

biện, lập luận và sử dụng công nghệ số để tham gia định hướng dư luận xã hội. Tuy nhiên, nhiều học viên còn thiếu kinh nghiệm xử lý thông tin đa chiều, thiếu kỹ năng lập luận và phản bác các quan điểm sai trái trên môi trường số. Điều đó cho thấy tri thức LLCT đã được trang bị nhưng chưa được chuyển hóa đầy đủ thành năng lực hành động thực tiễn trong môi trường số.

Mâu thuẫn giữa yêu cầu chuẩn hóa và phát triển năng lực số của các chủ thể GD LLCT với năng lực chuyển đổi còn hạn chế còn chịu tác động mạnh bởi đặc điểm kinh tế - xã hội của khu vực miền núi phía Bắc. Đây là địa bàn có điều kiện phát triển chưa đồng đều, hạ tầng công nghệ còn hạn chế, nguồn lực đầu tư cho CDS chưa đáp ứng yêu cầu, trình độ tiếp cận công nghệ giữa các địa phương còn có sự chênh lệch. Học viên chủ yếu là cán bộ cơ sở đến từ vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; khả năng tiếp cận môi trường số và điều kiện tự học còn nhiều khó khăn. Đồng thời, sự thiếu đồng bộ về hạ tầng công nghệ, trang thiết bị và học liệu số cũng ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng đổi mới của đội ngũ lãnh đạo, giảng viên và học viên. Chính những điều kiện khách quan đó làm cho quá trình chuẩn hóa và phát triển năng lực số của các chủ thể GD LLCT diễn ra chậm hơn so với yêu cầu thực tiễn.

Nhìn từ góc độ biện chứng, yêu cầu chuẩn hóa, phát triển năng lực số của các chủ thể GD LLCT và thực trạng sức ý tâm lý, năng lực chuyển đổi, thích ứng còn hạn chế là hai mặt đối lập tồn tại trong cùng một quá trình phát triển. Một mặt, yêu cầu chuẩn hóa và phát triển năng lực số phản ánh xu hướng tất yếu của quá trình hiện đại hóa GD LLCT, là điều kiện để xây dựng trường chính trị chuẩn, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và thích ứng với môi trường số. Mặt khác, sức ý trong tư duy, những hạn chế về năng lực số, năng lực đổi mới và điều kiện bảo đảm của các chủ thể lại phản ánh những rào cản khách quan và chủ quan trong quá trình chuyển đổi. Hai mặt đối lập này vừa thống nhất vừa đấu tranh với nhau; chính yêu cầu đổi mới tạo áp lực buộc các chủ thể phải không ngừng tự hoàn thiện, còn những hạn

chế trong thực tiễn lại đặt ra yêu cầu tiếp tục đổi mới cơ chế đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ và phát triển môi trường giáo dục số.

Từ thực tiễn các trường chính trị khu vực miền núi phía Bắc có thể thấy, giải quyết mâu thuẫn giữa yêu cầu chuẩn hóa, phát triển năng lực số của các chủ thể GD LLCT với thực trạng sức ỳ tâm lý và trình độ, năng lực chuyển đổi, thích ứng còn hạn chế không đơn thuần là nâng cao trình độ công nghệ thông tin hay bổ sung các kỹ năng sử dụng thiết bị số. Thực chất, đây là quá trình đổi mới toàn diện nhận thức, tư duy, năng lực và phương thức hoạt động của đội ngũ lãnh đạo, quản lý, giảng viên và học viên theo yêu cầu của CDS; đồng thời tạo lập môi trường, cơ chế và điều kiện để các chủ thể phát huy đầy đủ vai trò của mình trong nâng cao chất lượng GD LLCT. Việc giải quyết hiệu quả mâu thuẫn này sẽ tạo nền tảng quan trọng cho việc xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên và học viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, tư duy đổi mới, năng lực số và khả năng thích ứng cao, qua đó góp phần nâng cao chất lượng GD LLCT và đáp ứng yêu cầu xây dựng hệ thống chính trị trong bối cảnh CDS hiện nay.

3.2.2. Mâu thuẫn giữa yêu cầu phải chú trọng nâng cao chất lượng giáo dục tri thức lý luận chính trị, tình cảm, niềm tin, bản lĩnh chính trị, tư duy lý luận và năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn cho người học thích ứng với bối cảnh chuyển đổi số với thực trạng quá trình thực hiện nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị ở các trường chính trị khu vực miền núi phía Bắc còn hạn chế, bất cập, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu đặt ra

Trong bối cảnh CDS, nâng cao chất lượng GD LLCT ở các trường chính trị tỉnh khu vực miền núi phía Bắc đặt ra yêu cầu phát triển toàn diện các phương diện chất lượng của người học, bao gồm tri thức lý luận chính trị, tình cảm, niềm tin, bản lĩnh chính trị, tư duy lý luận và năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn. Những phương diện này có mối quan hệ chặt chẽ, tác động qua lại và cùng quyết định hiệu quả GD LLCT. Tri thức lý luận là cơ sở hình

thành nhận thức khoa học; tình cảm, niềm tin và bản lĩnh chính trị định hướng thái độ, củng cố lập trường và thúc đẩy hành động; tư duy lý luận và năng lực vận dụng lý luận giúp người học phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn công tác.

CDS làm thay đổi môi trường tiếp nhận, trao đổi và xử lý thông tin, đồng thời đặt ra những yêu cầu mới đối với nhận thức chính trị, khả năng đánh giá các vấn đề xã hội và năng lực thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ. Vì vậy, GD LLCT không chỉ dừng lại ở việc trang bị kiến thức mà còn phải góp phần hình thành niềm tin chính trị vững chắc, bản lĩnh tư tưởng, phương pháp tư duy khoa học và khả năng vận dụng lý luận sáng tạo vào thực tiễn. Đối với các trường chính trị tỉnh khu vực miền núi phía Bắc, yêu cầu này càng có ý nghĩa quan trọng bởi học viên chủ yếu là cán bộ đang công tác tại địa phương, trực tiếp tham gia lãnh đạo, quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở.

Thực tiễn cho thấy, GD LLCT tại các trường chính trị tỉnh khu vực miền núi phía Bắc đã đạt được những kết quả tích cực. Nhận thức chính trị, ý thức trách nhiệm và kết quả học tập của học viên từng bước được nâng lên; việc giáo dục lập trường, tư tưởng, đạo đức cách mạng và gắn lý luận với thực tiễn công tác được quan tâm. Nhiều học viên sau đào tạo có chuyển biến về bản lĩnh chính trị, khả năng liên hệ lý luận với thực tiễn, năng lực tham mưu và giải quyết công việc. Tuy nhiên, những kết quả đó chưa đồng đều giữa các đối tượng và địa phương; một bộ phận học viên chưa chuyển hóa đầy đủ tri thức lý luận thành niềm tin, bản lĩnh chính trị, tư duy khoa học và năng lực vận dụng vào thực tiễn. Khoảng cách giữa yêu cầu nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS với kết quả thực tế đạt được là biểu hiện cơ bản của mâu thuẫn này.

Biểu hiện thứ nhất, mâu thuẫn giữa yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục tri thức lý luận chính trị với mức độ chuyển biến về tình cảm, niềm tin và

bản lĩnh chính trị của một bộ phận học viên. Trong bối cảnh CDS, người học không chỉ cần nắm vững những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước mà còn phải hình thành niềm tin chính trị có cơ sở khoa học, giữ vững lập trường tư tưởng và thể hiện trách nhiệm trong nhận thức, hành động. Những kết quả đạt được cho thấy GD LLCT đã góp phần củng cố nhận thức, niềm tin và ý thức trách nhiệm của nhiều học viên, đồng thời nâng cao khả năng tự bảo vệ trước thông tin sai trái, xuyên tạc.

Tuy nhiên, ở một bộ phận học viên, việc tiếp thu tri thức lý luận chưa chuyển hóa đầy đủ thành tình cảm cách mạng, niềm tin chính trị bền vững và ý thức tự giác trong thực hiện trách nhiệm của người cán bộ, đảng viên. Khả năng nhận diện, phân tích và đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng còn hạn chế; việc chủ động bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và lan tỏa thông tin tích cực chưa trở thành ý thức, hành động thường xuyên. Điều đó cho thấy, giữa yêu cầu giáo dục tri thức, củng cố niềm tin, bản lĩnh chính trị với mức độ chuyển biến thực tế ở một bộ phận người học vẫn còn khoảng cách. Nếu tri thức lý luận chưa được chuyển hóa thành niềm tin và bản lĩnh vững chắc thì hiệu quả GD LLCT trong việc định hướng nhận thức, thái độ và hành vi chính trị của người học sẽ bị hạn chế.

Biểu hiện thứ hai, mâu thuẫn giữa yêu cầu phát triển tư duy lý luận với khả năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất các vấn đề chính trị - xã hội của một bộ phận học viên. Trong bối cảnh thông tin đa chiều và các vấn đề thực tiễn ngày càng phức tạp, GD LLCT cần giúp người học nắm được bản chất, mối liên hệ và quy luật vận động của sự vật, hiện tượng; biết vận dụng phương pháp luận khoa học để xem xét vấn đề một cách khách quan, toàn diện, lịch sử và cụ thể. Những chuyển biến về kết quả học tập, khả năng liên hệ lý luận với thực tiễn và năng lực tham mưu của cán bộ sau đào tạo cho thấy tư duy lý luận đã từng bước được chú trọng phát triển.

Dù vậy, năng lực tư duy lý luận của học viên chưa phát triển đồng đều. Một bộ phận người học còn thiên về ghi nhớ, tái hiện kiến thức, chưa thực sự chuyển từ tiếp thu tri thức sang nắm vững phương pháp tư duy và khả năng vận dụng lý luận để phân tích, đánh giá vấn đề. Năng lực phát hiện vấn đề, phân tích nguyên nhân, nhận diện mâu thuẫn, khái quát thực tiễn và dự báo xu hướng vận động của các hiện tượng chính trị - xã hội còn hạn chế. Trong môi trường số, những hạn chế này có thể làm cho người học lúng túng khi tiếp cận các luồng thông tin trái chiều, khó đánh giá đầy đủ tính xác thực và bản chất của vấn đề, từ đó ảnh hưởng đến chất lượng nhận định và quyết định trong công tác. Như vậy, yêu cầu phát triển tư duy lý luận ngày càng cao chưa được đáp ứng đầy đủ bởi kết quả hình thành phương pháp tư duy khoa học ở một bộ phận học viên.

Biểu hiện thứ ba, mâu thuẫn giữa yêu cầu nâng cao năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn với khả năng chuyển hóa tri thức thành năng lực giải quyết công việc của một bộ phận học viên sau đào tạo. GD LLCT đã góp phần nâng cao khả năng liên hệ lý luận với thực tiễn, năng lực tham mưu, đề xuất giải pháp và xử lý các tình huống phát sinh tại cơ sở của nhiều cán bộ. Đây là kết quả quan trọng, thể hiện giá trị thực tiễn của hoạt động giáo dục lý luận chính trị đối với việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ của người học.

Tuy nhiên, ở một bộ phận học viên, việc vận dụng lý luận vào thực tiễn chưa đáp ứng yêu cầu. Khả năng phân tích tình huống, xác định nguyên nhân và lựa chọn giải pháp trên cơ sở phương pháp luận khoa học còn hạn chế; việc liên hệ lý luận với thực tiễn có trường hợp mới dừng ở mô tả, minh họa mà chưa đi sâu làm rõ bản chất vấn đề và điều kiện vận dụng. Đối với những tình huống mới nảy sinh trong công tác lãnh đạo, quản lý, nhất là các vấn đề tư tưởng và xã hội trên không gian mạng, một bộ phận cán bộ còn thiếu sự chủ động, linh hoạt trong phân tích, đánh giá và đề xuất cách giải quyết. Tình trạng ngại đổi mới, né tránh trách nhiệm ở một bộ phận cán bộ cũng làm hạn chế quá

trình chuyển hóa nhận thức và tri thức thành hành động thực tiễn. Điều đó cho thấy, chất lượng GD LLCT không thể chỉ được xem xét qua mức độ tiếp thu kiến thức hay kết quả học tập, mà còn phải được đánh giá qua khả năng vận dụng lý luận vào thực hiện nhiệm vụ và giải quyết các vấn đề thực tế.

Các biểu hiện trên cho thấy những phương diện chất lượng GD LLCT có quan hệ hữu cơ nhưng không tự động chuyển hóa đầy đủ thành nhau. Việc tiếp thu tri thức lý luận chưa đương nhiên bảo đảm hình thành niềm tin chính trị bền vững; niềm tin chưa tự động trở thành bản lĩnh vững vàng trước những tình huống phức tạp; nắm vững kiến thức cũng chưa đồng nghĩa với phát triển tư duy lý luận và năng lực vận dụng sáng tạo vào thực tiễn. Trong khi đó, yêu cầu của bối cảnh CDS đòi hỏi sự thống nhất ngày càng cao giữa nhận thức khoa học, tình cảm, niềm tin, bản lĩnh chính trị, tư duy lý luận và năng lực hành động. Do vậy, nếu một hoặc một số phương diện chưa được nâng cao tương xứng thì chất lượng GD LLCT nói chung khó đạt được sự phát triển toàn diện và bền vững.

Xét từ góc độ phép biện chứng duy vật, yêu cầu phải nâng cao chất lượng GD LLCT với thực trạng chất lượng giáo dục ở các trường chính trị tỉnh khu vực miền núi phía Bắc chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu đặt ra là hai mặt đối lập tồn tại trong cùng một quá trình phát triển. Một mặt, yêu cầu nâng cao chất lượng phản ánh đòi hỏi khách quan của nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong bối cảnh CDS, hướng tới hình thành ở người học sự thống nhất giữa tri thức khoa học, niềm tin chính trị, bản lĩnh vững vàng, tư duy lý luận và năng lực giải quyết vấn đề thực tiễn. Mặt khác, những hạn chế trong chuyển hóa tri thức thành tình cảm, niềm tin, bản lĩnh, tư duy và năng lực hành động cho thấy kết quả GD LLCT ở một bộ phận học viên chưa theo kịp yêu cầu đó. Hai mặt đối lập vừa thống nhất, vừa đấu tranh với nhau; chính khoảng cách giữa yêu cầu và thực trạng đặt ra đòi hỏi phải tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng GD LLCT một cách thực chất và toàn diện.

Giải quyết mâu thuẫn này thực chất là nâng cao khả năng chuyển hóa tri thức lý luận thành niềm tin, bản lĩnh chính trị, phương pháp tư duy khoa học và năng lực vận dụng sáng tạo vào thực tiễn của người học. Điều đó đòi hỏi GD LLCT phải bảo đảm sự gắn kết giữa trang bị tri thức với bồi dưỡng tình cảm, niềm tin và bản lĩnh chính trị; giữa lĩnh hội kiến thức với phát triển tư duy lý luận; giữa nhận thức lý luận với năng lực giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra. Giải quyết tốt mâu thuẫn sẽ góp phần nâng cao chất lượng toàn diện GD LLCT tại các trường chính trị tỉnh khu vực miền núi phía Bắc, giúp đội ngũ cán bộ không chỉ vững vàng về lập trường, nắm chắc lý luận mà còn có khả năng phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề mới trong thực tiễn lãnh đạo, quản lý tại địa phương, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong bối cảnh CDS hiện nay.

3.2.3. Mâu thuẫn giữa yêu cầu đổi mới đồng bộ các phương thức giáo dục lý luận chính trị thích ứng bối cảnh chuyển đổi số với sự thiếu đồng bộ, chủ động, tích cực của các địa phương trong tổ chức thực hiện

Trong bối cảnh CDS, nâng cao chất lượng GD LLCT không chỉ phụ thuộc vào chất lượng đội ngũ lãnh đạo, quản lý, giảng viên hay kết quả học tập của học viên mà còn phụ thuộc trực tiếp vào phương thức tổ chức thực hiện của các chủ thể ở mỗi địa phương. Nếu trước đây việc nâng cao chất lượng GD LLCT chủ yếu tập trung vào đổi mới nội dung, chương trình hoặc nâng cao trình độ đội ngũ thì trong bối cảnh CDS, yêu cầu đặt ra là phải đổi mới đồng bộ toàn bộ các phương thức tổ chức giáo dục, từ đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ; đổi mới nội dung, chương trình và phương pháp giảng dạy; phát huy vai trò chủ thể của người học; tăng cường ứng dụng công nghệ số; đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn; đến hoàn thiện cơ chế phối hợp, quản trị và huy động nguồn lực phục vụ GD LLCT. Những phương thức này có quan hệ hữu cơ với nhau, tác động qua lại và chỉ phát huy hiệu quả khi được tổ chức triển khai một cách đồng bộ, thống nhất, chủ động và tích cực trong toàn bộ hệ thống chính trị ở địa phương.

Yêu cầu đó càng trở nên cấp thiết đối với các trường chính trị tỉnh khu vực miền núi phía Bắc. Đây là khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, trình độ phát triển không đồng đều, hạ tầng công nghệ số còn hạn chế và sự khác biệt lớn giữa các địa phương về nguồn lực, đội ngũ cũng như điều kiện triển khai CDS. Vì vậy, nếu việc tổ chức thực hiện thiếu đồng bộ hoặc thiếu tính chủ động thì các phương thức đổi mới dù đúng về định hướng cũng khó phát huy hiệu quả trên thực tế. Chính vì vậy, đổi mới đồng bộ các phương thức GD LLCT gắn với nâng cao tính chủ động, tích cực của các địa phương trong tổ chức thực hiện trở thành yêu cầu khách quan để nâng cao chất lượng GD LLCT trong giai đoạn hiện nay.

Tuy nhiên, thực tiễn tại các trường chính trị tỉnh khu vực miền núi phía Bắc cho thấy đang tồn tại mâu thuẫn giữa yêu cầu phải đổi mới đồng bộ các phương thức GD LLCT thích ứng với bối cảnh CDS với thực trạng nhiều địa phương còn thiếu đồng bộ, thiếu chủ động và chưa thật sự tích cực trong tổ chức thực hiện. Mâu thuẫn này phản ánh khoảng cách giữa yêu cầu khách quan của quá trình đổi mới với năng lực tổ chức thực hiện ở các địa phương. Mặc dù chủ trương của Đảng, hướng dẫn của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các quy định về xây dựng trường chính trị chuẩn đã xác định khá đầy đủ các nội dung cần đổi mới, song quá trình triển khai ở nhiều địa phương vẫn còn mang tính cục bộ, thiếu sự liên thông, thiếu quyết liệt và chưa tạo được sự phối hợp đồng bộ giữa các chủ thể tham gia. Điều đó làm cho hiệu quả của quá trình CDS trong GD LLCT chưa tương xứng với yêu cầu đặt ra.

Biểu hiện trước hết của mâu thuẫn là sự khác biệt khá lớn giữa các địa phương trong mức độ chủ động triển khai các phương thức nâng cao chất lượng GD LLCT. Thực tiễn khảo sát cho thấy nhiều địa phương đã chủ động ban hành kế hoạch CDS, tổ chức các lớp bồi dưỡng năng lực số, phát động phong trào “Bình dân học vụ số”, triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo, xây dựng thư viện số, mô hình lớp học số và từng bước đổi mới phương pháp

giảng dạy. Tuy nhiên, ở không ít địa phương khác, việc tổ chức thực hiện còn chậm, thiếu quyết liệt và chủ yếu mang tính đáp ứng yêu cầu hành chính. Một số trường vẫn lúng túng trong việc gắn xây dựng trường chính trị chuẩn với CDS; việc triển khai còn mang tính đối phó, thiếu kế hoạch tổng thể và chưa hình thành được cơ chế điều hành thống nhất. Chính sự thiếu chủ động trong tổ chức thực hiện đã tạo nên khoảng cách khá lớn giữa các địa phương về kết quả đổi mới GD LLCT.

Mâu thuẫn này còn thể hiện ở sự thiếu đồng bộ trong việc triển khai các phương thức nâng cao chất lượng GD LLCT. Trên thực tế, nhiều trường đã quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhưng việc đổi mới nội dung, chương trình và phương pháp giảng dạy chưa theo kịp. Có địa phương đầu tư khá nhiều cho hạ tầng công nghệ nhưng việc khai thác các nền tảng số trong quản lý đào tạo, xây dựng học liệu số hay tổ chức lớp học trực tuyến còn hạn chế. Ngược lại, có nơi giảng viên tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy nhưng cơ sở hạ tầng kỹ thuật chưa đáp ứng yêu cầu, làm hạn chế hiệu quả của quá trình đổi mới. Điều này cho thấy các phương thức nâng cao chất lượng GD LLCT chưa được triển khai như một chỉnh thể thống nhất mà còn diễn ra rời rạc, thiếu tính kết nối và bổ trợ lẫn nhau.

Một biểu hiện quan trọng khác là sự thiếu chủ động trong đổi mới nội dung, chương trình và tổ chức hoạt động GD LLCT. Mặc dù chương trình trung cấp LLCT đã được Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh thường xuyên cập nhật, bổ sung theo tinh thần các nghị quyết mới của Đảng, song ở nhiều địa phương việc cụ thể hóa vào chương trình đào tạo vẫn còn chậm. Một số trường còn nặng về truyền thụ lý thuyết, chưa kịp thời bổ sung những vấn đề thực tiễn mới của địa phương, đặc biệt là những nội dung liên quan đến CDS, quản trị số, chính quyền số và xã hội số. Việc tổ chức các hoạt động học tập trải nghiệm, nghiên cứu thực tế, xử lý tình huống hay khai thác dữ liệu số phục vụ giảng dạy còn chưa được triển khai đồng đều. Điều đó cho

thấy yêu cầu đổi mới phương thức GD LLCT theo hướng hiện đại, gắn lý luận với thực tiễn và thích ứng với môi trường số chưa được các địa phương tổ chức thực hiện một cách đồng bộ.

Sự thiếu đồng bộ còn thể hiện rõ trong việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và giảng viên. Những năm gần đây, nhiều trường đã quan tâm cử cán bộ tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, phương pháp giảng dạy và năng lực số. Tuy nhiên, nội dung bồi dưỡng ở nhiều nơi vẫn chủ yếu tập trung hoàn thiện tiêu chuẩn trường chính trị chuẩn, trong khi chưa chú trọng đúng mức đến việc hình thành năng lực quản trị số, tổ chức lớp học số, khai thác dữ liệu số và vận dụng trí tuệ nhân tạo trong GD LLCT. Không ít chương trình tập huấn còn thiên về giới thiệu công nghệ hơn là hướng dẫn phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục trên môi trường số. Điều đó phản ánh sự thiếu chủ động trong việc chuyển đổi từ tư duy bồi dưỡng theo tiêu chuẩn sang bồi dưỡng theo năng lực thích ứng với CDS.

Một biểu hiện đáng chú ý khác là sự thiếu tích cực trong tổ chức nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn và chuyển hóa kết quả nghiên cứu phục vụ đổi mới GD LLCT. Theo yêu cầu của CDS, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn và giảng dạy phải tạo thành một chu trình thống nhất, trong đó kết quả nghiên cứu được chuyển hóa thành học liệu số, tình huống giảng dạy, cơ sở dữ liệu phục vụ đào tạo và luận cứ khoa học cho hoạch định chính sách. Tuy nhiên, thực tế cho thấy ở nhiều địa phương, hoạt động nghiên cứu khoa học còn mang tính riêng lẻ, chất lượng một số đề tài chưa cao, chưa gắn chặt với những vấn đề thực tiễn của địa phương và chưa tạo được tác động rõ nét đối với đổi mới nội dung, chương trình đào tạo. Việc số hóa kết quả nghiên cứu, chia sẻ dữ liệu và khai thác kết quả nghiên cứu trong hoạt động giảng dạy còn rất hạn chế. Điều này cho thấy sự thiếu tích cực và thiếu liên thông trong tổ chức thực hiện giữa các phương thức của GD LLCT.

Trong bối cảnh CDS, mâu thuẫn này còn biểu hiện ở sự thiếu chủ động

trong xây dựng môi trường giáo dục số và hệ sinh thái số phục vụ GD LLCT. CDS không chỉ là việc sử dụng máy tính hay phần mềm quản lý mà đòi hỏi phải hình thành hệ thống quản trị số thống nhất, trong đó dữ liệu, học liệu, quản lý đào tạo, nghiên cứu khoa học và kiểm tra, đánh giá được kết nối đồng bộ. Tuy nhiên, ở nhiều trường chính trị, việc ứng dụng công nghệ vẫn mới dừng ở từng khâu riêng lẻ; dữ liệu còn phân tán; học liệu số chưa phong phú; các phần mềm quản lý chưa được tích hợp; việc chia sẻ thông tin giữa các bộ phận trong nhà trường cũng như giữa nhà trường với các cơ quan của địa phương còn nhiều hạn chế. Tình trạng “số hóa từng phần” nhưng chưa chuyển đổi phương thức quản trị đã làm giảm hiệu quả của CDS trong GD LLCT.

Bên cạnh đó, sự thiếu chủ động và tích cực còn thể hiện trong cơ chế phối hợp giữa các chủ thể ở địa phương. Việc nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS đòi hỏi sự tham gia của cấp ủy, chính quyền, các ban xây dựng Đảng, các sở, ngành, cơ quan thông tin, truyền thông, các trường chính trị và các cơ sở nghiên cứu. Tuy nhiên, ở một số địa phương, cơ chế phối hợp còn thiếu chặt chẽ; việc chia sẻ dữ liệu, phối hợp khảo sát thực tiễn, xây dựng chương trình đào tạo, tổ chức nghiên cứu hoặc huy động nguồn lực cho CDS còn chưa thường xuyên. Chính sự thiếu chủ động trong phối hợp đã làm giảm sức mạnh tổng hợp của toàn hệ thống và ảnh hưởng đến hiệu quả tổ chức thực hiện các phương thức GD LLCT.

Nhìn từ góc độ phép biện chứng duy vật, yêu cầu đổi mới đồng bộ các phương thức GD LLCT thích ứng với bối cảnh CDS và thực trạng thiếu đồng bộ, thiếu chủ động, thiếu tích cực của các địa phương trong tổ chức thực hiện là hai mặt đối lập tồn tại trong cùng một quá trình phát triển. Một mặt, yêu cầu đổi mới phản ánh xu thế tất yếu của GD LLCT trong thời đại số, đòi hỏi sự chuyển biến toàn diện cả về nội dung, phương thức, tổ chức và quản trị. Mặt khác, những hạn chế về tư duy quản lý, năng lực tổ chức, nguồn lực, cơ chế phối hợp và điều kiện phát triển của các địa phương lại tạo ra lực cản đối

với quá trình đổi mới. Chính sự đấu tranh giữa hai mặt đối lập này làm nảy sinh yêu cầu phải tiếp tục hoàn thiện cơ chế tổ chức thực hiện, nâng cao tính chủ động của địa phương, tăng cường phối hợp giữa các chủ thể và bảo đảm sự đồng bộ giữa các phương thức GD LLCT.

Có thể khẳng định rằng, giải quyết mâu thuẫn này không chỉ là yêu cầu đổi mới từng hoạt động riêng lẻ mà là yêu cầu đổi mới toàn diện phương thức tổ chức thực hiện GD LLCT ở các địa phương trong điều kiện CDS. Điều đó đòi hỏi phải nâng cao vai trò lãnh đạo của cấp ủy, phát huy tính chủ động của các trường chính trị, hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các chủ thể, huy động đồng bộ các nguồn lực và xây dựng mô hình quản trị giáo dục số hiện đại. Chỉ khi các địa phương thực sự chủ động, tích cực và tổ chức triển khai các phương thức một cách đồng bộ, thống nhất thì CDS mới trở thành động lực thực sự để nâng cao chất lượng GD LLCT, đáp ứng yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ trong giai đoạn phát triển mới của đất nước.

3.2.4. Mâu thuẫn giữa yêu cầu phải tăng cường đầu tư nâng cấp, phát triển hạ tầng, nhân lực công nghệ số thích ứng bối cảnh chuyển đổi số với thực trạng nguồn lực, đầu tư hạn chế và đặc thù kinh tế - xã hội của các địa phương miền núi phía Bắc còn nhiều khó khăn

Trong bối cảnh CDS, nâng cao chất lượng GD LLCT không chỉ là quá trình đổi mới về nhận thức, nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục mà còn đòi hỏi phải có những điều kiện vật chất - kỹ thuật và nguồn lực con người tương xứng. Hạ tầng công nghệ số, nền tảng dữ liệu, hệ thống học liệu số, trang thiết bị phục vụ dạy học và đội ngũ nhân lực có năng lực công nghệ là những yếu tố quan trọng bảo đảm cho quá trình chuyển đổi phương thức tổ chức GD LLCT từ môi trường truyền thống sang môi trường số. Đặc biệt, trong điều kiện các trường chính trị tỉnh khu vực miền núi phía Bắc đang hướng tới xây dựng trường chính trị chuẩn gắn với yêu cầu CDS, việc đầu tư phát triển hạ tầng và nhân lực công nghệ số trở thành yêu cầu khách quan, có tính quyết định đối với khả năng nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

Yêu cầu đó đặt ra không chỉ là tăng cường số lượng thiết bị công nghệ mà còn hướng tới xây dựng hệ sinh thái giáo dục số đồng bộ, bao gồm hạ tầng kết nối, nền tảng quản trị số, cơ sở dữ liệu dùng chung, hệ thống học liệu số, các công cụ hỗ trợ giảng dạy trực tuyến và đội ngũ cán bộ, giảng viên có khả năng khai thác, vận hành, sáng tạo trên môi trường số. Đối với các trường chính trị tỉnh khu vực miền núi phía Bắc, yêu cầu này càng trở nên cấp thiết bởi đây là địa bàn có vị trí chiến lược về chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh, song còn nhiều khó khăn về điều kiện phát triển, khả năng huy động nguồn lực và mức độ tiếp cận thành tựu khoa học - công nghệ. Vì vậy, bảo đảm các điều kiện cho CDS trong GD LLCT vừa là yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục, vừa là nhiệm vụ góp phần thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các địa phương.

Tuy nhiên, thực tiễn các trường chính trị tỉnh khu vực miền núi phía Bắc cho thấy đang tồn tại mâu thuẫn giữa yêu cầu phải tăng cường đầu tư nâng cấp, phát triển hạ tầng, nhân lực công nghệ số để thích ứng bối cảnh CDS với thực trạng nguồn lực đầu tư còn hạn chế, điều kiện kinh tế - xã hội và khả năng bảo đảm các điều kiện thực hiện ở nhiều địa phương còn nhiều khó khăn. Mâu thuẫn này phản ánh sự khác biệt giữa yêu cầu phát triển tất yếu của GD LLCT trong thời đại số với những giới hạn về nguồn lực vật chất, tài chính, hạ tầng kỹ thuật và năng lực công nghệ của các địa phương miền núi. Mặc dù Đảng, Nhà nước và Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đã quan tâm chỉ đạo, từng bước định hướng xây dựng trường chính trị chuẩn gắn với ứng dụng công nghệ thông tin, CDS trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, song quá trình triển khai trên thực tế vẫn chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu đặt ra.

Biểu hiện trước hết của mâu thuẫn là khoảng cách giữa yêu cầu xây dựng hạ tầng công nghệ số đồng bộ, hiện đại với thực trạng cơ sở vật chất, trang thiết bị và điều kiện kết nối số còn hạn chế ở một số trường chính trị

tỉnh khu vực miền núi phía Bắc. Trong những năm qua, nhiều trường đã được quan tâm đầu tư, từng bước cải thiện điều kiện làm việc, trang bị máy tính, thiết bị trình chiếu, hệ thống hội nghị trực tuyến, phần mềm quản lý đào tạo và một số nền tảng phục vụ hoạt động chuyên môn. Những kết quả đó đã tạo điều kiện nhất định để các trường đổi mới phương thức quản lý, tổ chức giảng dạy và tăng cường kết nối, trao đổi chuyên môn trong hệ thống trường Đảng.

Tuy nhiên, so với yêu cầu của CDS, hạ tầng công nghệ tại một số trường vẫn còn thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu triển khai các hoạt động giáo dục trên môi trường số. Một số trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập đã xuống cấp, thiếu về số lượng hoặc chưa đáp ứng yêu cầu ứng dụng các công nghệ mới. Hệ thống mạng, đường truyền internet, thiết bị kết nối ở một số địa phương miền núi còn chưa ổn định, nhất là tại những khu vực có điều kiện địa hình phức tạp, ảnh hưởng đến khả năng tổ chức các hoạt động đào tạo trực tuyến, hội thảo khoa học trực tuyến và khai thác học liệu số. Báo cáo thực tiễn tại một số địa phương đã chỉ ra tình trạng “nhiều trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập còn thiếu, chưa đồng bộ và đã xuống cấp; thiếu phòng học, ảnh hưởng đến thực hiện nhiệm vụ chính trị của Nhà trường” [176]. Điều đó cho thấy giữa yêu cầu xây dựng nền tảng vật chất cho GD LLCT số hóa với điều kiện bảo đảm hiện có vẫn còn khoảng cách đáng kể.

Mâu thuẫn còn thể hiện ở khoảng cách giữa yêu cầu xây dựng hệ thống học liệu số, cơ sở dữ liệu dùng chung với khả năng đầu tư, phát triển và khai thác nguồn tài nguyên số tại các trường chính trị. Trong bối cảnh CDS, học liệu số không chỉ là hình thức chuyển đổi tài liệu giấy sang dạng điện tử mà phải trở thành hệ thống tri thức được chuẩn hóa, cập nhật, có khả năng tương tác và hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, tự học của học viên. Tuy nhiên, việc xây dựng kho học liệu số ở nhiều trường còn gặp khó khăn do thiếu kinh phí, thiếu nhân lực chuyên trách, thiếu quy trình quản trị dữ liệu và cơ chế liên thông chia sẻ giữa các cơ sở đào tạo. Nhiều nơi mới

dừng lại ở việc số hóa một số tài liệu phục vụ giảng dạy mà chưa hình thành được hệ sinh thái học liệu số có tính liên kết, cập nhật và khai thác lâu dài.

Bên cạnh đó, mâu thuẫn còn biểu hiện giữa yêu cầu phát triển nguồn nhân lực công nghệ số trong các trường chính trị với thực trạng năng lực và cơ cấu đội ngũ chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu. Trong điều kiện CDS, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, giảng viên không chỉ cần có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ GD LLCT mà còn phải có khả năng sử dụng công nghệ, khai thác dữ liệu, tổ chức hoạt động dạy học trên nền tảng số và thích ứng với những thay đổi nhanh chóng của công nghệ. Những năm qua, các trường chính trị đã quan tâm cử cán bộ, giảng viên tham gia các lớp bồi dưỡng về công nghệ thông tin, CDS; nhiều giảng viên đã chủ động ứng dụng phần mềm, nền tảng số trong hoạt động chuyên môn. Đây là yếu tố tích cực góp phần thúc đẩy quá trình đổi mới GD LLCT.

Tuy nhiên, sự phát triển năng lực số của đội ngũ vẫn chưa đồng đều, đặc biệt giữa các địa phương có điều kiện phát triển khác nhau. Một bộ phận cán bộ, giảng viên còn hạn chế về khả năng khai thác công nghệ phục vụ đổi mới phương pháp giảng dạy, xây dựng học liệu số, quản trị lớp học trực tuyến và sử dụng các công cụ công nghệ mới. Công tác đào tạo, bồi dưỡng nhiều nơi còn thiên về hướng dẫn sử dụng công cụ kỹ thuật mà chưa chú trọng đầy đủ đến phát triển năng lực tổ chức, quản trị và sáng tạo trong môi trường số. Điều đó dẫn đến tình trạng có trang thiết bị nhưng hiệu quả khai thác chưa cao, chưa chuyển hóa đầy đủ tiềm năng của công nghệ thành sự thay đổi về chất lượng GD LLCT.

Một biểu hiện khác của mâu thuẫn là sự không tương xứng giữa yêu cầu đầu tư phát triển CDS toàn diện với khả năng huy động và phân bổ nguồn lực của các địa phương miền núi phía Bắc. So với các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội phát triển, nhiều tỉnh miền núi phía Bắc còn gặp khó khăn về ngân sách, thu nhập của người dân, điều kiện giao thông, khả năng thu hút

nguồn nhân lực công nghệ cao và mức độ phát triển của hạ tầng số. Những hạn chế này ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng đầu tư dài hạn cho CDS trong GD LLCT. Trong nhiều trường hợp, nguồn lực chủ yếu mới tập trung đáp ứng những nhu cầu cấp thiết trước mắt như sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị cơ bản, trong khi những yêu cầu đầu tư mang tính nền tảng như xây dựng cơ sở dữ liệu, phát triển nền tảng quản trị số, đào tạo nhân lực chuyên sâu vẫn còn hạn chế.

Đặc điểm địa bàn miền núi phía Bắc cũng làm cho việc giải quyết mâu thuẫn này trở nên phức tạp hơn. Đây là khu vực có địa hình rộng, dân cư phân tán, nhiều vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; sự chênh lệch về điều kiện tiếp cận công nghệ giữa các khu vực còn lớn. Đối tượng học viên của các trường chính trị phần lớn là cán bộ đang công tác tại cơ sở, trong đó có nhiều người gặp khó khăn trong tiếp cận phương thức học tập số do hạn chế về kỹ năng công nghệ, điều kiện thiết bị và môi trường kết nối. Vì vậy, việc phát triển hạ tầng và nhân lực công nghệ số không thể chỉ dựa trên mô hình chung mà cần có cách tiếp cận phù hợp với điều kiện đặc thù của từng địa phương.

Nhìn từ góc độ phép biện chứng duy vật, yêu cầu tăng cường đầu tư phát triển hạ tầng, nhân lực công nghệ số và thực trạng hạn chế về nguồn lực, điều kiện bảo đảm ở các địa phương miền núi phía Bắc là hai mặt đối lập tồn tại trong cùng một quá trình phát triển GD LLCT trong bối cảnh CDS. Một mặt, đầu tư hạ tầng và phát triển nhân lực số là điều kiện khách quan, có tính nền tảng để thúc đẩy đổi mới phương thức quản lý, giảng dạy, nghiên cứu và học tập, tạo khả năng thích ứng với yêu cầu của thời đại số. Mặt khác, những hạn chế về kinh tế - xã hội, ngân sách đầu tư, hạ tầng kỹ thuật và năng lực công nghệ lại là những yếu tố cản trở quá trình chuyển đổi. Hai mặt này vừa thống nhất, vừa đấu tranh với nhau; chính yêu cầu phát triển ngày càng cao của CDS đặt ra sức ép phải đổi mới cơ chế đầu tư, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực và phát huy nội lực của các trường chính trị.

Từ thực tiễn các trường chính trị tỉnh khu vực miền núi phía Bắc có thể thấy, giải quyết mâu thuẫn giữa yêu cầu tăng cường đầu tư nâng cấp, phát triển hạ tầng, nhân lực công nghệ số với thực trạng nguồn lực hạn chế không chỉ là vấn đề bổ sung trang thiết bị hay mở rộng đầu tư công nghệ. Thực chất, đây là quá trình xây dựng đồng bộ các điều kiện bảo đảm cho GD LLCT thích ứng với môi trường số, trong đó kết hợp chặt chẽ giữa đầu tư hạ tầng, phát triển học liệu số, nâng cao năng lực công nghệ của đội ngũ, bảo đảm an toàn thông tin và hoàn thiện cơ chế huy động nguồn lực. Giải quyết hiệu quả mâu thuẫn này sẽ tạo nền tảng vật chất - kỹ thuật quan trọng để các trường chính trị tỉnh khu vực miền núi phía Bắc nâng cao chất lượng GD LLCT, thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu xây dựng hệ thống chính trị trong bối cảnh CDS hiện nay.

Tiểu kết Chương 3

Chương 3 đã làm rõ những kết quả đạt được, những hạn chế và các nguyên nhân tác động đến quá trình nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các trường chính trị đã có nhiều nỗ lực trong đổi mới công tác quản trị, xây dựng đội ngũ, đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và ứng dụng công nghệ số vào hoạt động đào tạo, bồi dưỡng. Những chuyển biến đó góp phần nâng cao chất lượng GD LLCT, từng bước đáp ứng yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ trong điều kiện mới.

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình nâng cao chất lượng GD LLCT vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế trên cả phương diện chủ thể, nội dung và phương thức tổ chức thực hiện. Từ thực trạng đó, Chương 3 đã nhận diện bốn mâu thuẫn cơ bản đang tồn tại. Đây là những vấn đề có ý nghĩa phương pháp luận quan trọng, đồng thời là cơ sở thực tiễn để đề xuất các quan điểm và giải pháp nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS ở chương tiếp theo.

Chương 4

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TIẾP TỤC NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ HIỆN NAY

4.1. QUAN ĐIỂM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ HIỆN NAY

Một là, nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS phải bảo đảm giữ vững tính định hướng chính trị - tư tưởng, gắn với đặc thù vùng miền núi phía Bắc.

Đây là quan điểm có ý nghĩa nền tảng, giữ vai trò định hướng xuyên suốt trong quá trình nâng cao chất lượng GD LLCT ở các tỉnh khu vực miền núi phía Bắc trong bối cảnh CDS hiện nay. Dù phương thức tổ chức giáo dục, môi trường học tập và các công nghệ hỗ trợ có nhiều thay đổi, GD LLCT vẫn phải giữ vững bản chất chính trị, tư tưởng, bảo đảm thực hiện mục tiêu xây dựng thế giới quan khoa học, phương pháp luận đúng đắn, củng cố niềm tin, bản lĩnh chính trị và năng lực thực tiễn cho đội ngũ cán bộ, đảng viên. Vì vậy, mọi hoạt động đổi mới nhằm nâng cao chất lượng GD LLCT đều phải đặt dưới yêu cầu giữ vững định hướng chính trị, tư tưởng, kiên định nền tảng tư tưởng của Đảng và phục vụ hiệu quả nhiệm vụ xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong tình hình mới.

Quán triệt quan điểm này trước hết là quán triệt sâu sắc yêu cầu kiên định những vấn đề có tính nguyên tắc của Đảng trong công tác giáo dục lý luận chính trị. Văn kiện Đại hội XIV của Đảng khẳng định: “Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng” [54, tr.382]. Đây là cơ sở chính trị quan trọng định hướng toàn bộ quá trình nâng cao chất lượng GD LLCT hiện nay. Trong bối cảnh CDS, việc đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy hay ứng dụng các thành

tự khoa học và công nghệ phải phục vụ tốt hơn mục tiêu giáo dục chính trị, tư tưởng; không được làm giảm vai trò định hướng của LLCT, càng không được đồng nhất nâng cao chất lượng giáo dục với hiện đại hóa phương tiện kỹ thuật đơn thuần. CDS là công cụ và phương thức hỗ trợ nâng cao chất lượng GD LLCT, nhưng không làm thay đổi mục tiêu, bản chất và chức năng chính trị của hoạt động giáo dục này.

Định hướng Đại hội XIV của Đảng tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu đổi mới GD LLCT theo phương châm “khoa học, thực tiễn, sáng tạo và hiện đại” [55, tr.284]. Điều đó cho thấy yêu cầu hiện đại hóa và CDS trong GD LLCT phải được đặt trong sự thống nhất với yêu cầu giữ vững tính đảng, tính khoa học và tính thực tiễn của GD LLCT. Việc ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn hay các nền tảng giáo dục trực tuyến chỉ thực sự có ý nghĩa khi góp phần nâng cao chất lượng giáo dục chính trị, tư tưởng, tăng cường sức thuyết phục của lý luận và nâng cao hiệu quả truyền bá hệ tư tưởng của Đảng trong điều kiện mới.

Quan điểm bảo đảm tính chính trị - tư tưởng càng trở nên cấp thiết trong bối cảnh môi trường số đang tác động sâu sắc đến đời sống chính trị - xã hội. Sự phát triển mạnh mẽ của internet, mạng xã hội, trí tuệ nhân tạo và các nền tảng truyền thông số đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận, chia sẻ và phổ biến tri thức. Tuy nhiên, đây cũng là môi trường mà các thông tin sai trái, xuyên tạc, thù địch có điều kiện lan truyền nhanh chóng với nhiều hình thức ngày càng tinh vi. Điều đó đặt ra yêu cầu GD LLCT không chỉ dừng lại ở việc truyền thụ tri thức mà còn phải góp phần nâng cao bản lĩnh chính trị, khả năng nhận diện, phân tích, đánh giá và xử lý thông tin cho đội ngũ cán bộ, đảng viên. Nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS vì thế phải gắn chặt với yêu cầu bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác hiệu quả các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng, góp phần giữ vững trận địa tư tưởng của Đảng trong điều kiện mới.

Thực tiễn ở nhiều địa phương khu vực miền núi phía Bắc cũng cho thấy yêu cầu cấp thiết phải nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng gắn với môi trường số. Nhiều địa phương đã xác định nhiệm vụ xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng có khả năng thích ứng với CDS, chủ động tham gia đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; đồng thời tăng cường giáo dục ý thức sử dụng và khai thác thông tin trên không gian mạng một cách đúng đắn, có trách nhiệm. Điều đó cho thấy chất lượng GD LLCT hiện nay không chỉ được đánh giá thông qua kết quả học tập lý luận mà còn được thể hiện ở khả năng vận dụng tri thức chính trị vào nhận diện, xử lý và định hướng các vấn đề tư tưởng nảy sinh trong môi trường số.

Việc bảo đảm tính chính trị - tư tưởng trong nâng cao chất lượng GD LLCT đồng thời phải gắn chặt với đặc thù của khu vực miền núi phía Bắc. Đây là địa bàn có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh và đối ngoại; là nơi sinh sống của nhiều dân tộc thiểu số với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội còn có sự chênh lệch giữa các vùng, trình độ tiếp cận thông tin và công nghệ số chưa đồng đều. Khu vực này cũng là địa bàn mà các thế lực thù địch thường lợi dụng các vấn đề dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền để chống phá, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc và gây mất ổn định chính trị - xã hội. Trong bối cảnh đó, nâng cao chất lượng GD LLCT không chỉ nhằm nâng cao trình độ lý luận cho đội ngũ cán bộ mà còn trực tiếp góp phần củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh và chủ quyền biên giới quốc gia.

Gắn với đặc thù miền núi phía Bắc, nâng cao chất lượng GD LLCT cần bảo đảm sự thống nhất giữa yêu cầu giáo dục chính trị, tư tưởng với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đảng ta đã xác định ưu tiên phát triển giáo dục, đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Theo đó, nội dung GD LLCT cần gắn

chặt với thực tiễn vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới; phản ánh những vấn đề mới nảy sinh trong quá trình phát triển địa phương và CDS; đồng thời góp phần khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, khát vọng phát triển và trách nhiệm cống hiến của đội ngũ cán bộ. Chất lượng GD LLCT không chỉ được đánh giá thông qua mức độ tiếp thu tri thức lý luận mà còn phải được thể hiện ở khả năng vận dụng lý luận vào giải quyết các vấn đề thực tiễn, năng lực tuyên truyền, vận động quần chúng, xây dựng khối đoàn kết dân tộc và xử lý hiệu quả những vấn đề phát sinh ở cơ sở.

Như vậy, bảo đảm tính chính trị - tư tưởng gắn với đặc thù vùng miền núi phía Bắc vừa là yêu cầu mang tính nguyên tắc, vừa là định hướng xuyên suốt trong quá trình nâng cao chất lượng GD LLCT hiện nay. Quan điểm này đòi hỏi mọi hoạt động đổi mới, từ xây dựng đội ngũ, đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục đến triển khai CDS, đều phải hướng tới mục tiêu giữ vững nền tảng tư tưởng của Đảng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương và góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ trong điều kiện phát triển mới của đất nước và khu vực miền núi phía Bắc.

Hai là, nâng cao chất lượng GD LLCT phải hướng đến phát triển năng lực số cho các chủ thể giáo dục và người học.

Đây là quan điểm có ý nghĩa quyết định đối với việc nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS hiện nay. Mọi sự đổi mới về nội dung, chương trình, phương pháp, công nghệ hay mô hình quản trị giáo dục suy cho cùng đều được thực hiện thông qua hoạt động của con người và hướng tới sự phát triển con người. Đảng ta khẳng định: “Con người là trung tâm, chủ thể, là nguồn lực chủ yếu và mục tiêu của sự phát triển” [55, tr.57]. Tinh thần đó đòi hỏi quá trình nâng cao chất lượng GD LLCT phải đặt trọng tâm vào phát triển năng lực của các chủ thể giáo dục và người học, coi đây là nhân tố quyết định

chuyển hóa các chủ trương, nguồn lực và điều kiện bảo đảm thành chất lượng giáo dục thực chất.

Trong bối cảnh CDS, yêu cầu phát triển năng lực càng trở nên cấp thiết khi môi trường giáo dục, phương thức quản lý và hoạt động nghề nghiệp của đội ngũ cán bộ đang có những thay đổi sâu sắc. Sự phát triển nhanh chóng của công nghệ số, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo và các nền tảng học tập trực tuyến đang làm thay đổi cách thức tiếp cận tri thức, tổ chức hoạt động giáo dục và thực hiện nhiệm vụ của hệ thống chính trị. Vì vậy, nâng cao chất lượng GD LLCT không thể chỉ dừng lại ở việc chuẩn hóa về trình độ chuyên môn, văn bằng, chứng chỉ hay các tiêu chí chức danh, mà phải hướng tới phát triển năng lực thực tiễn, năng lực đổi mới sáng tạo, năng lực số và khả năng thích ứng với những biến đổi của môi trường công tác trong thời đại số.

Quan điểm này phù hợp với định hướng đổi mới giáo dục và đào tạo của Đảng. Nghị quyết số 71-NQ/TW xác định rõ “người học là trung tâm, là chủ thể của quá trình giáo dục và đào tạo” [27], đồng thời nhấn mạnh yêu cầu phát triển năng lực số cho cả người dạy và người học nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới. Đối với GD LLCT, điều đó có nghĩa là quá trình nâng cao chất lượng phải chuyển mạnh từ chú trọng truyền thụ kiến thức sang phát triển năng lực toàn diện; từ coi trọng kết quả học tập đơn thuần sang coi trọng khả năng vận dụng tri thức lý luận vào thực tiễn; từ tiếp cận giáo dục theo hướng cung cấp nội dung sang tiếp cận theo hướng phát triển năng lực của người học.

Quán triệt quan điểm này trước hết đòi hỏi phải gắn chặt quá trình chuẩn hóa với nâng cao khả năng thích ứng của đội ngũ chủ thể giáo dục. Trong những năm qua, các trường chính trị tỉnh khu vực miền núi phía Bắc đã đạt được nhiều kết quả tích cực trong xây dựng đội ngũ theo các tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, lý luận chính trị, chức danh nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học. Đây là điều kiện cần và là nền tảng quan trọng để nâng cao chất lượng GD LLCT. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy sự chuẩn hóa về bằng cấp và

tiêu chuẩn chức danh chưa đồng nghĩa với việc hình thành đầy đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ trong môi trường số. Chính vì vậy, phát triển đội ngũ trong giai đoạn hiện nay phải được hiểu là quá trình kết hợp giữa chuẩn hóa và thích ứng, giữa bảo đảm các tiêu chuẩn nghề nghiệp với nâng cao năng lực thực hành, năng lực số và khả năng đổi mới sáng tạo.

Đối với đội ngũ lãnh đạo, quản lý nhà trường, cần chú trọng phát triển năng lực lãnh đạo sự thay đổi, năng lực quản trị số, năng lực xây dựng và tổ chức thực hiện các chiến lược CDS trong nhà trường. Đối với đội ngũ giảng viên, yêu cầu đặt ra không chỉ là nắm vững tri thức LLCT mà còn phải có khả năng khai thác học liệu số, sử dụng hiệu quả các nền tảng công nghệ, tổ chức các hoạt động học tập tương tác và phát triển năng lực tự học của học viên. Định hướng này cũng phù hợp với mục tiêu xây dựng trường chính trị chuẩn ở nhiều địa phương, trong đó nhiều Đề án xây dựng trường chính trị chuẩn xác định đội ngũ lãnh đạo, giảng viên không chỉ đáp ứng các tiêu chuẩn về trình độ mà còn phải có năng lực đổi mới sáng tạo và CDS. Điều đó cho thấy chuẩn hóa trong giai đoạn hiện nay phải được mở rộng từ chuẩn hóa về trình độ sang chuẩn hóa về năng lực thực hiện nhiệm vụ trong môi trường số.

Quan điểm lấy phát triển năng lực làm trung tâm đồng thời đòi hỏi phải đổi mới cách tiếp cận đối với người học. Trong bối cảnh CDS, chất lượng GD LLCT không chỉ được đánh giá bằng lượng kiến thức mà học viên tiếp thu, mà quan trọng hơn là khả năng vận dụng lý luận vào giải quyết các vấn đề thực tiễn, năng lực tư duy phản biện, khả năng thích ứng với môi trường số và năng lực bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Người học không chỉ cần hiểu đúng các nguyên lý lý luận mà còn phải biết vận dụng sáng tạo vào thực tiễn lãnh đạo, quản lý và công tác ở địa phương; có khả năng xử lý những vấn đề mới nảy sinh, nhận diện và đấu tranh với các thông tin sai trái, xuyên tạc.

Đối với khu vực miền núi phía Bắc, quan điểm này càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng bởi đội ngũ cán bộ ở cơ sở thường phải giải quyết nhiều vấn đề thực tiễn phức tạp liên quan đến công tác dân tộc, tôn giáo, phát triển kinh

tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và triển khai CDS tại địa phương. Vì vậy, nâng cao chất lượng GD LLCT phải hướng tới phát triển cho người học năng lực vận dụng lý luận vào giải quyết các vấn đề thực tiễn cụ thể, khả năng tuyên truyền, vận động quần chúng, năng lực xử lý các tình huống phát sinh ở cơ sở và khả năng thích ứng với môi trường quản trị số. Theo đó, chất lượng giáo dục không chỉ được đánh giá qua kết quả học tập trong nhà trường mà còn phải được kiểm chứng bằng hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ sau đào tạo.

Như vậy, lấy phát triển năng lực của các chủ thể giáo dục và người học làm trung tâm, gắn chuẩn hóa với nâng cao khả năng thích ứng trong môi trường số là quan điểm mang tính định hướng xuyên suốt đối với quá trình nâng cao chất lượng GD LLCT hiện nay. Quan điểm này đòi hỏi mọi hoạt động xây dựng đội ngũ, đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục và triển khai CDS phải hướng tới phát triển năng lực thực chất của con người, bảo đảm sự thống nhất giữa chuẩn hóa và thích ứng, giữa trình độ chuyên môn với năng lực thực tiễn, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, tư duy đổi mới, năng lực số và khả năng đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước cũng như khu vực miền núi phía Bắc trong giai đoạn mới.

Ba là, nâng cao chất lượng GD LLCT phải được thực hiện theo hướng CDS toàn diện, đồng bộ và trọng tâm, có lộ trình phù hợp với điều kiện đặc thù các tỉnh miền núi phía Bắc.

Đây là quan điểm có ý nghĩa định hướng đối với quá trình nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS hiện nay. Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và CDS đang tạo ra những thay đổi sâu sắc trong phương thức quản trị xã hội, tổ chức hoạt động giáo dục và tiếp cận tri thức của con người. Trong điều kiện đó, nâng cao chất lượng GD LLCT không thể chỉ dừng lại ở việc ứng dụng công nghệ thông tin vào một số khâu riêng lẻ mà phải được thực hiện theo hướng CDS toàn diện trên tất cả

các lĩnh vực hoạt động của nhà trường. Đây vừa là yêu cầu khách quan của quá trình hiện đại hóa GD LLCT, vừa là điều kiện quan trọng để nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đáp ứng yêu cầu xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong giai đoạn phát triển mới của đất nước.

Quan triệt quan điểm này trước hết cần nhận thức đúng bản chất của CDS trong GD LLCT. Chuyển đổi số không đơn thuần là số hóa tài liệu, trang bị thêm thiết bị công nghệ hay chuyển một phần hoạt động lên môi trường trực tuyến, mà là quá trình đổi mới toàn diện phương thức quản lý, tổ chức và vận hành các hoạt động giáo dục trên nền tảng công nghệ số. Nghị quyết số 57-NQ/TW đã xác định: “Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại; hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, đưa đất nước phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới” [26], đồng thời yêu cầu các cơ quan trong hệ thống chính trị phải đi đầu trong ứng dụng công nghệ số, đổi mới phương thức quản trị và nâng cao hiệu quả hoạt động. Đối với các trường chính trị tỉnh, điều đó đòi hỏi quá trình nâng cao chất lượng GD LLCT phải được triển khai đồng bộ từ công tác lãnh đạo, quản lý, xây dựng đội ngũ, đổi mới nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy, nghiên cứu khoa học, kiểm tra, đánh giá đến phát triển học liệu số, cơ sở dữ liệu số và hạ tầng công nghệ.

Quan điểm CDS toàn diện và đồng bộ xuất phát từ chính đặc điểm của quá trình nâng cao chất lượng GD LLCT. Đây là một chỉnh thể thống nhất gồm nhiều yếu tố có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Chất lượng của toàn bộ hệ thống không chỉ phụ thuộc vào chất lượng của từng yếu tố riêng lẻ mà còn phụ thuộc vào mức độ liên kết, phối hợp và vận hành đồng bộ giữa các yếu tố đó. Thực tiễn thời gian qua cho thấy, ở một số trường chính trị việc ứng dụng công nghệ số còn mang tính cục bộ, phân tán; có nơi chú trọng đầu tư thiết bị

nhưng chưa đổi mới phương pháp giảng dạy; có nơi triển khai phần mềm quản lý nhưng chưa hình thành được hệ thống dữ liệu dùng chung; có nơi xây dựng học liệu số nhưng chưa gắn kết chặt chẽ với hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn. Tình trạng CDS từng phần nhưng thiếu liên thông đã làm giảm hiệu quả đầu tư và chưa tạo ra được những chuyển biến thực chất về chất lượng GD LLCT. Vì vậy, nâng cao chất lượng GD LLCT hiện nay phải hướng tới xây dựng một môi trường giáo dục số thống nhất, trong đó các hoạt động quản lý, giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học và đánh giá được kết nối trong một hệ thống đồng bộ, vận hành trên cơ sở dữ liệu số và quản trị số.

Quan điểm này cũng phù hợp với định hướng phát triển của Đảng trong giai đoạn mới. Đại hội XIV của Đảng nhấn mạnh: “Ứng dụng các công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong quản lý, điều hành của Đảng, Nhà nước” [54, tr.106], từng bước xây dựng các nền tảng số phục vụ công tác cán bộ và hoạt động của hệ thống chính trị. Điều đó cho thấy CDS không còn là nhiệm vụ riêng của lĩnh vực công nghệ mà đã trở thành một phương thức phát triển mới. Đối với GD LLCT, CDS cần được xem là động lực quan trọng để đổi mới phương thức đào tạo, nâng cao chất lượng quản trị nhà trường và phát triển năng lực số cho đội ngũ cán bộ, giảng viên và học viên. Thực tiễn xây dựng mô hình “Đảng bộ số”, “Đảng viên số” ở một số địa phương như Phú Thọ cũng cho thấy việc ứng dụng đồng bộ công nghệ số trong hoạt động của hệ thống chính trị có thể tạo ra những chuyển biến tích cực về hiệu lực, hiệu quả quản lý và chất lượng thực thi nhiệm vụ. Đây là những kinh nghiệm có giá trị tham khảo đối với quá trình CDS trong các trường chính trị hiện nay.

Tuy nhiên, CDS toàn diện không đồng nghĩa với triển khai đồng loạt, dàn trải hoặc chạy theo hình thức. Đối với các tỉnh miền núi phía Bắc, yêu cầu CDS phải được thực hiện trên cơ sở phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa phương. Đây là khu vực còn nhiều khó khăn về điều kiện kinh tế - xã

hội, hạ tầng số, nguồn nhân lực và khả năng huy động nguồn lực đầu tư. Giữa các tỉnh, giữa khu vực trung tâm với vùng sâu, vùng xa vẫn còn tồn tại khoảng cách đáng kể về mức độ tiếp cận công nghệ số. Vì vậy, quá trình nâng cao chất lượng GD LLCT gắn với CDS phải được triển khai theo lộ trình phù hợp, bảo đảm tính khả thi, hiệu quả và bền vững. Điều quan trọng không phải là tốc độ số hóa nhanh hay chậm, mà là khả năng tạo ra những thay đổi thực chất trong chất lượng hoạt động của nhà trường và năng lực của các chủ thể tham gia quá trình giáo dục.

Quán triệt quan điểm này đòi hỏi phải kết hợp chặt chẽ giữa yêu cầu hiện đại hóa với điều kiện thực tiễn của khu vực miền núi phía Bắc. Trong quá trình triển khai cần ưu tiên xây dựng các nền tảng cơ bản như hạ tầng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu số, học liệu số và môi trường làm việc số; đồng thời từng bước phát triển các mô hình quản trị số, lớp học số và hệ sinh thái giáo dục số phù hợp với điều kiện của từng trường. Việc lựa chọn giải pháp công nghệ phải bảo đảm tính thiết thực, khả năng khai thác hiệu quả và phù hợp với năng lực của đội ngũ cán bộ, giảng viên và học viên. CDS chỉ thực sự có ý nghĩa khi góp phần nâng cao chất lượng GD LLCT một cách thực chất, tạo điều kiện để phát triển năng lực của các chủ thể giáo dục, tăng cường khả năng kết nối tri thức, chia sẻ dữ liệu và nâng cao hiệu quả phục vụ người học.

Như vậy, thực hiện CDS toàn diện, đồng bộ và trọng tâm, có lộ trình phù hợp với điều kiện các tỉnh miền núi phía Bắc là yêu cầu khách quan của quá trình nâng cao chất lượng GD LLCT hiện nay. Quan điểm này đòi hỏi sự kết hợp hài hòa giữa tư duy đổi mới và tính thực tiễn, giữa mục tiêu hiện đại hóa với khả năng bảo đảm các điều kiện thực hiện, giữa yêu cầu phát triển đồng bộ của toàn hệ thống với đặc điểm riêng của từng địa phương. Đây là định hướng quan trọng nhằm từng bước xây dựng môi trường GD LLCT hiện đại, liên thông, hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đáp ứng yêu cầu xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong bối cảnh CDS quốc gia và hội nhập phát triển hiện nay.

4.2. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHẪM TIẾP TỤC NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

4.2.1. Nâng cao chất lượng và năng lực thích ứng số của các chủ thể giáo dục lý luận chính trị trong bối cảnh chuyển đổi số

4.2.1.1. Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các chủ thể về vai trò chiến lược của chuyển đổi số

Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các chủ thể về vai trò chiến lược của CDS là giải pháp mang tính tiền đề, tạo sự thống nhất về tư tưởng và hành động trong quá trình nâng cao chất lượng giáo GD LLCT ở các tỉnh khu vực miền núi phía Bắc. Thực tiễn cho thấy, nhiều hạn chế trong triển khai CDS không chỉ xuất phát từ điều kiện hạ tầng hay nguồn lực mà còn do nhận thức chưa đầy đủ về mục tiêu, nội dung và ý nghĩa của quá trình này. Vì vậy, cần tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, khắc phục tư tưởng coi CDS chỉ là ứng dụng công nghệ thông tin đơn thuần, từ đó nâng cao trách nhiệm của các chủ thể trong tổ chức thực hiện.

Trước hết, cần nâng cao nhận thức của cấp ủy, ban giám hiệu và đội ngũ lãnh đạo, quản lý về vai trò chiến lược của CDS trong phát triển nhà trường. Các chủ thể lãnh đạo cần nhận thức rõ CDS không chỉ là đầu tư trang thiết bị hay phần mềm mà là quá trình đổi mới toàn diện phương thức quản trị, tổ chức và vận hành nhà trường trên nền tảng số. Đây là yêu cầu khách quan gắn với xây dựng trường chính trị chuẩn và hiện đại hóa các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, quản lý và phục vụ. Trên cơ sở đó, cần xác định CDS là một bộ phận quan trọng trong chiến lược phát triển lâu dài của nhà trường, chủ động quán triệt và cụ thể hóa các chủ trương của Đảng về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và CDS thành chương trình, kế hoạch phù hợp với điều kiện của từng địa phương. Đối với các tỉnh miền núi phía Bắc, cần nhận thức rõ CDS chính là cơ hội để thu hẹp khoảng cách phát triển, khắc phục những hạn chế về điều kiện địa lý và nâng cao chất lượng GD LLCT.

Thứ hai, nâng cao nhận thức và tinh thần trách nhiệm của đội ngũ giảng viên về yêu cầu đổi mới trong môi trường giáo dục số. Giảng viên cần nhận thức rằng CDS không làm giảm vai trò của người thầy mà đặt ra những yêu cầu mới về tư duy, phương pháp và trách nhiệm nghề nghiệp. Trong môi trường số, giảng viên không chỉ truyền đạt tri thức mà còn tổ chức, hướng dẫn và hỗ trợ học viên khai thác học liệu số, phát triển tư duy độc lập và khả năng tự học. Vì vậy, cần khắc phục tâm lý ngại đổi mới, e ngại công nghệ hoặc duy trì lối giảng dạy truyền thống; đồng thời chủ động thích ứng với những yêu cầu mới của giáo dục số, góp phần nâng cao chất lượng và sức thuyết phục của GD LLCT.

Thứ ba, nâng cao nhận thức của học viên về vai trò của năng lực số đối với học tập và thực thi công vụ. Trong bối cảnh xây dựng chính quyền số và xã hội số, năng lực số trở thành yêu cầu thiết yếu đối với đội ngũ cán bộ. Học viên cần nhận thức rằng việc chủ động khai thác học liệu số, tham gia các hình thức học tập trực tuyến và học tập kết hợp không chỉ nhằm hoàn thành chương trình đào tạo mà còn góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý và giải quyết công việc trong thực tiễn. Đồng thời, cần chuyển từ tư duy học tập thụ động sang tư duy tự học, học tập suốt đời và chủ động rèn luyện bản lĩnh chính trị, khả năng nhận diện, sàng lọc và xử lý thông tin trên không gian mạng.

Thứ tư, gắn nâng cao nhận thức với đề cao trách nhiệm của từng chủ thể trong quá trình triển khai CDS. Mỗi cấp, mỗi bộ phận và mỗi cá nhân cần được phân định rõ trách nhiệm, bảo đảm phương châm rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ kết quả. Ban giám hiệu chịu trách nhiệm định hướng và tổ chức thực hiện chiến lược CDS của nhà trường; đội ngũ giảng viên chủ động đổi mới phương pháp giảng dạy và tham gia xây dựng học liệu số; cán bộ quản lý và nhân viên bảo đảm vận hành hiệu quả các hệ thống số; cấp ủy và chính quyền địa phương quan tâm

lãnh đạo, chỉ đạo, tạo điều kiện về cơ chế và nguồn lực để thúc đẩy CDS trong các trường chính trị.

Cùng với đó, cần nhận thức đầy đủ rằng CDS chỉ là phương tiện, còn mục tiêu cốt lõi của GD LLCT vẫn là xây dựng thế giới quan khoa học, củng cố niềm tin và bản lĩnh chính trị cho đội ngũ cán bộ. Vì vậy, mọi hoạt động ứng dụng công nghệ phải bảo đảm giữ vững tính Đảng, tính khoa học và tính định hướng chính trị của trường Đảng; đồng thời tăng cường trách nhiệm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng. Đối với các tỉnh miền núi phía Bắc, việc nâng cao nhận thức và trách nhiệm cần gắn với đặc điểm về dân tộc, tôn giáo, an ninh biên giới và yêu cầu phát triển của từng địa phương, qua đó tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động, làm cơ sở để triển khai hiệu quả các giải pháp nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS.

4.2.1.2. Nâng cao năng lực quản trị số và tư duy lãnh đạo hiện đại cho đội ngũ cán bộ quản lý

Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các trường chính trị tỉnh giữ vai trò quyết định trong định hướng, tổ chức và điều hành quá trình nâng cao chất lượng GD LLCT. Trong bối cảnh CDS, yêu cầu đối với đội ngũ này không chỉ dừng ở năng lực quản lý hành chính mà còn đòi hỏi tư duy lãnh đạo hiện đại, năng lực quản trị số và khả năng tổ chức đổi mới một cách đồng bộ. Vì vậy, nâng cao năng lực quản trị số và tư duy lãnh đạo là giải pháp quan trọng nhằm nâng cao chất lượng GD LLCT, đáp ứng yêu cầu xây dựng trường chính trị chuẩn trong bối cảnh CDS.

Thứ nhất, đổi mới tư duy lãnh đạo và tầm nhìn chiến lược về CDS trong GD LLCT. Đội ngũ lãnh đạo cần nhận thức CDS không đơn thuần là ứng dụng công nghệ thông tin mà là quá trình đổi mới toàn diện mô hình quản trị và phương thức tổ chức hoạt động của nhà trường. Điều này đòi hỏi chuyển từ tư duy quản lý hành chính sang tư duy quản trị hiện đại, chủ động thích ứng

với sự phát triển của công nghệ số. Đối với các trường chính trị khu vực miền núi phía Bắc, cần gắn mục tiêu CDS với điều kiện thực tiễn của từng địa phương, từng bước khắc phục những hạn chế về khoảng cách địa lý, hạ tầng kỹ thuật và nguồn lực.

Thứ hai, nâng cao năng lực xây dựng chiến lược, kế hoạch và lộ trình CDS. Cán bộ quản lý cần có khả năng xây dựng kế hoạch CDS theo hướng tổng thể, bảo đảm sự liên thông giữa quản lý đào tạo, nghiên cứu khoa học, quản trị hành chính và phát triển học liệu số. Việc triển khai phải dựa trên mối quan hệ thống nhất giữa con người, công nghệ, dữ liệu và hạ tầng, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải hoặc số hóa từng phần. Đồng thời, cần xác định rõ trách nhiệm của từng đơn vị, cá nhân gắn với mục tiêu, tiến độ và kết quả thực hiện.

Thứ ba, đổi mới phương thức quản trị theo hướng dựa trên dữ liệu. Đội ngũ lãnh đạo cần từng bước hình thành năng lực quản trị dựa trên dữ liệu, khai thác hiệu quả các hệ thống quản lý đào tạo, học tập và điều hành để theo dõi, đánh giá và hỗ trợ ra quyết định. Việc sử dụng dữ liệu trong quản lý không chỉ nâng cao tính minh bạch, kịp thời và chính xác trong điều hành mà còn tạo cơ sở khoa học để đánh giá chất lượng giảng dạy, học tập và hiệu quả hoạt động của nhà trường.

Thứ tư, nâng cao năng lực tham mưu và huy động nguồn lực cho CDS. Trong điều kiện các tỉnh miền núi phía Bắc còn nhiều khó khăn, cán bộ quản lý cần chủ động tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương về cơ chế, chính sách và nguồn lực phục vụ CDS; đồng thời tăng cường phối hợp với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các cơ quan, đơn vị liên quan trong xây dựng học liệu, đào tạo, bồi dưỡng và chia sẻ kinh nghiệm. Việc huy động hiệu quả các nguồn lực sẽ tạo điều kiện triển khai đồng bộ các nhiệm vụ CDS và nâng cao chất lượng GD LLCT.

Thứ năm, phát huy vai trò nêu gương của đội ngũ lãnh đạo trong môi trường số. Cán bộ quản lý phải là lực lượng đi đầu trong đổi mới tư duy, ứng

dụng công nghệ và xây dựng văn hóa số trong nhà trường. Đồng thời, cần tăng cường trách nhiệm bảo đảm kỷ cương, an toàn thông tin và giữ vững tính Đảng trong mọi hoạt động trên môi trường số; chủ động định hướng, kiểm soát nội dung giáo dục, góp phần xây dựng môi trường giáo dục số chính quy, an toàn và hiệu quả.

Nâng cao năng lực quản trị số và tư duy lãnh đạo hiện đại cho đội ngũ cán bộ quản lý không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả quản trị nhà trường mà còn tạo tiền đề để triển khai thống nhất các giải pháp đổi mới nội dung, phương pháp, hạ tầng và cơ chế phối hợp trong quá trình nâng cao chất lượng GD LLCT ở các trường chính trị tỉnh khu vực miền núi phía Bắc trong bối cảnh CDS.

4.2.1.3. Phát triển năng lực số toàn diện và bản lĩnh chính trị cho đội ngũ giảng viên

Đội ngũ giảng viên là lực lượng trực tiếp quyết định chất lượng GD LLCT, giữ vai trò truyền thụ tri thức, định hướng tư tưởng và hình thành bản lĩnh chính trị cho học viên. Trong bối cảnh CDS, cùng với yêu cầu nâng cao trình độ chuyên môn, giảng viên cần được phát triển toàn diện về năng lực số và bản lĩnh chính trị để thích ứng với môi trường giáo dục mới. Đây là giải pháp quan trọng nhằm khắc phục những hạn chế về năng lực thích ứng của đội ngũ giảng viên, góp phần nâng cao chất lượng GD LLCT ở các trường chính trị tỉnh khu vực miền núi phía Bắc.

Thứ nhất, nâng cao năng lực số cho đội ngũ giảng viên theo hướng toàn diện và thực chất. Các trường chính trị cần xây dựng khung năng lực số phù hợp với đặc thù GD LLCT, làm cơ sở cho công tác đào tạo, bồi dưỡng và tự rèn luyện của giảng viên. Nội dung bồi dưỡng cần tập trung vào khả năng khai thác, xử lý và quản lý thông tin số; sử dụng hiệu quả các nền tảng phục vụ giảng dạy, nghiên cứu và trao đổi học thuật; thiết kế học liệu số; ứng dụng trí tuệ nhân tạo và các công nghệ mới trong chuẩn bị bài giảng, nghiên cứu khoa học và hỗ trợ người học. Việc nâng cao năng lực số cần hướng tới mục

tiêu giúp giảng viên làm chủ công nghệ, sử dụng công nghệ như một công cụ nâng cao chất lượng chuyên môn, thay vì chỉ dừng ở việc sử dụng các phương tiện kỹ thuật đơn thuần.

Thứ hai, thường xuyên bồi dưỡng bản lĩnh chính trị và năng lực bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng. Trong môi trường số, giảng viên không chỉ là người truyền đạt tri thức mà còn là lực lượng trực tiếp tham gia đấu tranh tư tưởng. Vì vậy, cần thường xuyên cập nhật cho giảng viên những vấn đề mới về tình hình chính trị, phương thức chống phá của các thế lực thù địch và những vấn đề đặt ra trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng. Đồng thời, chú trọng rèn luyện khả năng phân tích, phản biện và xử lý thông tin đa chiều; nâng cao ý thức sử dụng mạng xã hội đúng quy định, giữ gìn chuẩn mực của giảng viên trường Đảng và bảo đảm tính Đảng, tính khoa học trong mọi hoạt động chuyên môn.

Thứ ba, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn và cập nhật tri thức mới. Chất lượng GD LLCT chỉ được nâng cao khi giảng viên có khả năng gắn lý luận với thực tiễn. Do đó, cần tạo điều kiện để giảng viên thường xuyên tham gia nghiên cứu khoa học, khảo sát thực tế, tổng kết kinh nghiệm từ cơ sở, nhất là những vấn đề liên quan đến CDS, phát triển kinh tế - xã hội, công tác dân tộc, tôn giáo và xây dựng hệ thống chính trị ở khu vực miền núi phía Bắc. Kết quả nghiên cứu cần được cập nhật kịp thời vào bài giảng, góp phần nâng cao tính thực tiễn, tính thuyết phục và khả năng vận dụng của nội dung GD LLCT.

Thứ tư, xây dựng đội ngũ giảng viên có tinh thần tự học, tự đổi mới và phát triển nghề nghiệp liên tục. Trong điều kiện công nghệ và tri thức luôn biến đổi nhanh chóng, năng lực tự học trở thành yêu cầu bắt buộc đối với mỗi giảng viên. Cần khuyến khích giảng viên chủ động cập nhật kiến thức mới, nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ và công nghệ thông tin; tích cực

tham gia các mạng lưới học thuật, diễn đàn chuyên môn và chương trình bồi dưỡng trong, ngoài hệ thống trường chính trị. Đồng thời, xây dựng văn hóa học tập, đổi mới sáng tạo và đạo đức nghề nghiệp trong môi trường số, góp phần hình thành đội ngũ giảng viên vừa vững vàng về bản lĩnh chính trị, vừa có năng lực chuyên môn và năng lực số đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS.

4.2.1.4. Phát huy tính tích cực, tự giác và năng lực tự học của học viên trong môi trường số

Học viên là chủ thể trung tâm của quá trình GD LLCT, đồng thời là nhân tố trực tiếp quyết định hiệu quả chuyển hóa tri thức lý luận thành năng lực thực tiễn trong hoạt động lãnh đạo, quản lý và công tác ở cơ sở. Trong bối cảnh CDS, khi nguồn tri thức ngày càng phong phú và phương thức tiếp cận thông tin có nhiều thay đổi, việc phát huy tính tích cực, tự giác và năng lực tự học của học viên trở thành yêu cầu quan trọng để nâng cao chất lượng GD LLCT một cách bền vững. Đây cũng là giải pháp góp phần khắc phục mâu thuẫn giữa yêu cầu phát triển năng lực tư duy lý luận, vận dụng lý luận vào thực tiễn với năng lực thực tiễn còn hạn chế của học viên hiện nay.

Thứ nhất, hình thành động cơ học tập đúng đắn và ý thức tự giác trong học tập lý luận chính trị. Động cơ học tập là yếu tố định hướng toàn bộ quá trình nhận thức của người học. Vì vậy, cần giúp học viên nhận thức rõ việc học tập lý luận chính trị không chỉ nhằm đáp ứng tiêu chuẩn chức danh hay yêu cầu của chương trình đào tạo mà trước hết là nhu cầu tự hoàn thiện bản thân, nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý và thực thi công vụ trong điều kiện CDS. Khi xác lập được động cơ đúng đắn, học viên sẽ chuyển từ học tập mang tính thụ động sang chủ động tìm hiểu, nghiên cứu và vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn công tác.

Thứ hai, phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và tự quản lý quá trình học tập. Trong môi trường số, người học có điều kiện tiếp cận nhiều nguồn tri

thức khác nhau, nhưng hiệu quả học tập phụ thuộc chủ yếu vào khả năng tự định hướng và tự tổ chức hoạt động học tập của mỗi cá nhân. Do đó, cần bồi dưỡng cho học viên kỹ năng xây dựng kế hoạch học tập, khai thác và lựa chọn nguồn thông tin chính thống, xử lý và hệ thống hóa tri thức, cũng như thường xuyên tự đánh giá kết quả học tập để điều chỉnh phương pháp học phù hợp. Đối với học viên ở các tỉnh miền núi phía Bắc, việc nâng cao năng lực tự học còn có ý nghĩa khắc phục những hạn chế về điều kiện tiếp cận giáo dục, tạo khả năng học tập liên tục và lâu dài ngay sau khi kết thúc khóa học.

Thứ ba, phát triển tư duy độc lập, tư duy phản biện và khả năng vận dụng sáng tạo lý luận vào thực tiễn. Một trong những hạn chế được chỉ ra là một bộ phận học viên còn thiên về ghi nhớ kiến thức, trong khi năng lực phân tích và giải quyết các vấn đề thực tiễn còn hạn chế. Vì vậy, cần khuyến khích học viên chủ động đặt vấn đề, phân tích các tình huống thực tiễn từ địa phương, cơ quan, đơn vị công tác trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng. Quá trình tự nghiên cứu và đối chiếu giữa lý luận với thực tiễn sẽ giúp học viên hình thành tư duy khoa học, nâng cao khả năng phát hiện vấn đề, phân tích nguyên nhân và đề xuất giải pháp phù hợp với điều kiện cụ thể.

Thứ tư, xây dựng ý thức học tập suốt đời và khả năng tự thích ứng với sự phát triển của xã hội số. Sự phát triển nhanh của khoa học, công nghệ và yêu cầu đổi mới hoạt động công vụ đòi hỏi đội ngũ cán bộ phải thường xuyên cập nhật tri thức và hoàn thiện năng lực nghề nghiệp. Vì vậy, cần hình thành cho học viên thói quen tự học, tự bồi dưỡng sau đào tạo; chủ động cập nhật những vấn đề mới về lý luận, thực tiễn và CDS; đồng thời không ngừng rèn luyện kỹ năng số, kỹ năng xử lý thông tin và khả năng thích ứng với những yêu cầu mới của môi trường công tác. Đây là điều kiện quan trọng để biến kết quả học tập tại trường chính trị thành năng lực phát triển nghề nghiệp lâu dài.

Thứ năm, đề cao trách nhiệm cá nhân trong việc chuyển hóa kết quả học

tập thành hiệu quả công tác. Mục tiêu cuối cùng của GD LLCT không chỉ là tiếp thu tri thức mà là hình thành năng lực hành động của người cán bộ. Do đó, mỗi học viên cần tự giác gắn việc học với nhiệm vụ được giao, thường xuyên vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn ở cơ quan, đơn vị và địa phương. Đồng thời, cần chủ động tự đánh giá mức độ tiến bộ của bản thân, xác định những hạn chế cần khắc phục và xây dựng kế hoạch tự bồi dưỡng phù hợp. Chính quá trình tự rèn luyện liên tục sẽ tạo nên động lực nội sinh, góp phần nâng cao chất lượng GD LLCT và phát triển đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu của CDS.

Như vậy, phát huy tính tích cực, tự giác và năng lực tự học của học viên không chỉ nâng cao hiệu quả tiếp thu tri thức mà còn tạo điều kiện để tri thức lý luận được chuyển hóa thành năng lực tư duy, năng lực hành động và khả năng thích ứng với môi trường số. Đây là một trong những giải pháp có ý nghĩa quyết định đối với việc nâng cao chất lượng GD LLCT ở các trường chính trị tỉnh khu vực miền núi phía Bắc trong những năm tới.

4.2.2. Đổi mới, cập nhật, hiện đại hóa nội dung chương trình giáo dục lý luận chính trị thích ứng với bối cảnh chuyển đổi số

4.2.2.1. Đổi mới nội dung chương trình trên cơ sở bảo đảm tính Đảng, tính khoa học và cập nhật thực tiễn chuyển đổi số

Nội dung chương trình là yếu tố cốt lõi quyết định chất lượng GD LLCT, đồng thời định hướng toàn bộ quá trình tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá và hình thành phẩm chất, năng lực của người học. Trong bối cảnh CDS, cùng với sự biến đổi nhanh chóng của đời sống kinh tế, chính trị, xã hội và môi trường thông tin, nội dung chương trình GD LLCT cần được đổi mới theo hướng vừa giữ vững nền tảng tư tưởng của Đảng, vừa phản ánh kịp thời những vấn đề mới của thực tiễn. Đây là giải pháp quan trọng nhằm khắc phục tình trạng nội dung còn chậm cập nhật, chưa theo kịp yêu cầu phát triển của xã hội số và yêu cầu đào tạo đội ngũ cán bộ trong giai đoạn mới.

Thứ nhất, bảo đảm vững chắc tính Đảng trong toàn bộ nội dung chương trình. Đây là yêu cầu có tính nguyên tắc đối với GD LLCT. Việc đổi mới nội dung không đồng nghĩa với thay đổi bản chất của giáo dục lý luận chính trị mà phải tiếp tục quán triệt và làm sâu sắc hơn những giá trị khoa học, cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối, quan điểm của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đồng thời, cần cập nhật đầy đủ những nghị quyết, kết luận, chủ trương mới của Đảng về xây dựng Đảng, phát triển đất nước, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và CDS, giúp người học nắm vững định hướng phát triển của đất nước trong giai đoạn mới. Nội dung chương trình cũng cần tăng cường các vấn đề về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, góp phần củng cố bản lĩnh chính trị và nâng cao khả năng nhận diện, đấu tranh với các quan điểm sai trái, thù địch trong môi trường số.

Thứ hai, nâng cao tính khoa học, tính hệ thống và tính cập nhật của nội dung giáo dục. Nội dung chương trình cần được rà soát thường xuyên theo hướng bảo đảm tính logic giữa các học phần, tránh trùng lặp, chồng chéo hoặc những nội dung không còn phù hợp. Việc cập nhật không chỉ dừng ở việc bổ sung thông tin mới mà phải phản ánh được sự phát triển của lý luận trên cơ sở tổng kết thực tiễn và yêu cầu phát triển đất nước. Đồng thời, cần bổ sung những nội dung liên quan đến CDS như phát triển kinh tế số, xã hội số, chính quyền số, quản trị số, đổi mới sáng tạo, dữ liệu số và những tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ Tư đối với hoạt động lãnh đạo, quản lý và đời sống xã hội. Qua đó, giúp học viên có cơ sở lý luận để nhận thức và giải quyết những vấn đề mới nảy sinh trong thực tiễn.

Thứ ba, tăng cường gắn kết nội dung chương trình với thực tiễn phát triển của đất nước và đặc thù khu vực miền núi phía Bắc. Nội dung GD LLCT cần phản ánh những vấn đề thực tiễn đang đặt ra trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng hệ thống chính trị và triển khai CDS ở địa phương.

Đối với các trường chính trị khu vực miền núi phía Bắc, cần chú trọng bổ sung các nội dung liên quan đến phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số, quản lý biên giới, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong môi trường số, cũng như những yêu cầu mới về quản trị địa phương trong điều kiện CDS. Việc gắn lý luận với thực tiễn địa phương sẽ góp phần nâng cao tính thiết thực của chương trình, tạo điều kiện để học viên nhận thức rõ hơn giá trị và khả năng vận dụng của tri thức lý luận vào công tác.

Thứ tư, tăng cường cơ chế rà soát, cập nhật và hoàn thiện nội dung chương trình theo yêu cầu phát triển mới. CDS là quá trình diễn ra nhanh chóng và liên tục, vì vậy nội dung chương trình GD LLCT cũng cần được cập nhật thường xuyên trên cơ sở tổng kết thực tiễn, nghiên cứu khoa học và những yêu cầu mới của công tác cán bộ. Các trường chính trị cần chủ động phối hợp với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, các cơ quan nghiên cứu và các địa phương để kịp thời bổ sung những vấn đề thực tiễn mới, đảm bảo nội dung chương trình luôn giữ được tính thời sự, tính khoa học và phù hợp với yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong từng giai đoạn.

Đổi mới nội dung chương trình theo hướng bảo đảm tính Đảng, tính khoa học và cập nhật thực tiễn CDS là điều kiện quan trọng để nâng cao chất lượng GD LLCT. Khi nội dung giáo dục vừa giữ vững nền tảng tư tưởng của Đảng, vừa phản ánh kịp thời những vấn đề mới của thực tiễn, chương trình đào tạo sẽ đáp ứng tốt hơn yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, tư duy khoa học và khả năng thích ứng với sự phát triển của xã hội số.

4.2.2.2. Hiện đại hóa cấu trúc chương trình theo hướng linh hoạt, phân hóa phù hợp với đối tượng học viên

Hiện đại hóa cấu trúc chương trình là yêu cầu quan trọng nhằm nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS. Nếu nội dung chương trình trả lời

câu hỏi dạy cái gì thì cấu trúc chương trình quyết định tổ chức nội dung như thế nào để phù hợp với đặc điểm người học và yêu cầu đào tạo. Đối với các trường chính trị tỉnh khu vực miền núi phía Bắc, nơi học viên có sự khác biệt về trình độ, vị trí công tác và điều kiện tiếp cận công nghệ, việc xây dựng cấu trúc chương trình theo hướng linh hoạt, phân hóa là điều kiện quan trọng để nâng cao hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng.

Thứ nhất, xây dựng cấu trúc chương trình theo hướng mở, linh hoạt nhưng vẫn bảo đảm tính thống nhất. Trên cơ sở khung chương trình chung do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh ban hành, các trường chính trị cần chủ động sắp xếp, điều chỉnh tỷ trọng giữa các nhóm chuyên đề phù hợp với yêu cầu thực tiễn của từng địa phương và từng giai đoạn phát triển. Những nội dung cốt lõi về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng và các nguyên lý nền tảng của khoa học chính trị phải được giữ vững, đồng thời dành không gian hợp lý để bổ sung các chuyên đề gắn với yêu cầu phát triển của địa phương và những vấn đề mới nảy sinh trong quá trình CDS. Cấu trúc chương trình theo hướng mở sẽ tạo điều kiện để chương trình được cập nhật thường xuyên mà không làm phá vỡ tính thống nhất của hệ thống đào tạo.

Thứ hai, thực hiện phân hóa cấu trúc chương trình phù hợp với từng nhóm đối tượng học viên. Sự khác biệt về chức trách, nhiệm vụ và yêu cầu năng lực của đội ngũ cán bộ đòi hỏi chương trình đào tạo phải có sự phân hóa hợp lý. Đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, chương trình cần tăng cường các chuyên đề mang tính chiến lược, chú trọng năng lực phân tích, dự báo và hoạch định chính sách trong bối cảnh CDS. Đối với đội ngũ cán bộ cơ sở, nhất là cán bộ công tác ở vùng sâu, vùng xa và vùng đồng bào dân tộc thiểu số, chương trình cần ưu tiên những nội dung gắn trực tiếp với thực tiễn quản lý địa phương, giải quyết các tình huống phát sinh trong công tác xây dựng hệ thống chính trị, phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an

ninh. Sự phân hóa này góp phần khắc phục tình trạng “đồng phục hóa” chương trình, nâng cao tính thiết thực và hiệu quả của GD LLCT.

Thứ ba, tăng cường tính tích hợp và liên thông trong cấu trúc chương trình. Việc tổ chức chương trình cần bảo đảm sự kết nối giữa các học phần, tránh tình trạng trùng lặp hoặc phân tán nội dung. Các chuyên đề cần được thiết kế theo hướng kế thừa, bổ sung và hỗ trợ lẫn nhau, tạo thành một chỉnh thể thống nhất, giúp học viên hình thành tư duy hệ thống trong tiếp cận các vấn đề lý luận và thực tiễn. Đồng thời, cấu trúc chương trình phải bảo đảm sự cân đối giữa các nội dung giáo dục tri thức lý luận, giáo dục tình cảm, niềm tin, lý tưởng, bản lĩnh chính trị và phát triển năng lực tư duy, năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn. Việc sắp xếp các học phần cần hướng tới sự gắn kết hữu cơ giữa trang bị tri thức với bồi dưỡng phẩm chất chính trị, đạo đức công vụ và trách nhiệm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng, tránh khuynh hướng chỉ chú trọng truyền thụ kiến thức mà xem nhẹ giáo dục niềm tin, lý tưởng cách mạng và bản lĩnh chính trị cho người học. Đây là yêu cầu quan trọng để bảo đảm tính toàn diện của GD LLCT trong bối cảnh chuyển đổi số. Đồng thời, cần tăng cường sự liên thông giữa các chương trình đào tạo, bồi dưỡng dành cho các nhóm đối tượng khác nhau, bảo đảm tính kế tiếp trong quá trình học tập và phát triển năng lực của đội ngũ cán bộ.

Thứ tư, tăng cường khả năng thích ứng của cấu trúc chương trình trước yêu cầu phát triển nhanh của thực tiễn. Trong bối cảnh CDS, nhiều vấn đề mới xuất hiện với tốc độ nhanh, đòi hỏi chương trình phải có khả năng điều chỉnh kịp thời. Vì vậy, cần xây dựng cơ chế rà soát, đánh giá và cập nhật cấu trúc chương trình theo định kỳ trên cơ sở tổng kết thực tiễn, kết quả nghiên cứu khoa học và yêu cầu công tác cán bộ của từng địa phương. Đối với các tỉnh miền núi phía Bắc, việc điều chỉnh cấu trúc chương trình cần chú ý đến những đặc điểm về điều kiện kinh tế - xã hội, dân tộc, tôn giáo, biên giới và mức độ phát triển hạ tầng số, bảo đảm chương trình vừa thống nhất về mục tiêu, vừa phù hợp với điều kiện thực tiễn.

Hiện đại hóa cấu trúc chương trình theo hướng linh hoạt và phân hóa không chỉ góp phần nâng cao chất lượng GD LLCT mà còn tạo điều kiện để chương trình đào tạo đáp ứng tốt hơn yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ trong bối cảnh CDS. Đây là cơ sở quan trọng để nâng cao tính phù hợp, tính thực tiễn và hiệu quả của hoạt động đào tạo, bồi dưỡng tại các trường chính trị tỉnh khu vực miền núi phía Bắc.

4.2.2.3. Gắn kết nội dung giáo dục với phát triển năng lực tư duy lý luận và giải quyết vấn đề thực tiễn thích ứng với bối cảnh xã hội số

Trong bối cảnh CDS, đổi mới nội dung GD LLCT không chỉ nhằm cập nhật tri thức mà còn phải hướng tới phát triển năng lực tư duy lý luận và năng lực vận dụng vào thực tiễn của người học. Mục tiêu của GD LLCT không dừng lại ở việc trang bị hệ thống tri thức về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng, mà quan trọng hơn là hình thành khả năng phân tích, đánh giá và giải quyết những vấn đề thực tiễn trên cơ sở phương pháp luận khoa học. Đối với các tỉnh khu vực miền núi phía Bắc, đây là yêu cầu quan trọng nhằm khắc phục khoảng cách giữa tri thức lý luận với năng lực thực thi nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ trong bối cảnh CDS.

Thứ nhất, đổi mới nội dung theo hướng phát triển tư duy lý luận và phương pháp luận khoa học. Nội dung GD LLCT cần được lựa chọn và tổ chức theo hướng giúp học viên nắm vững bản chất, nguyên lý và phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh thay vì chỉ ghi nhớ các luận điểm riêng lẻ. Việc học tập lý luận phải hướng tới hình thành tư duy hệ thống, tư duy biện chứng và khả năng nhận thức đúng bản chất của các hiện tượng chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội trong bối cảnh mới. Qua đó, người học có cơ sở khoa học để phân tích, đánh giá và xử lý các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn công tác trên lập trường của Đảng.

Thứ hai, tăng cường gắn kết nội dung lý luận với các vấn đề thực tiễn của đất nước và địa phương. Nội dung chương trình cần phản ánh những yêu

cầu mới của quá trình phát triển đất nước và CDS, đồng thời chú trọng các vấn đề đặc thù của khu vực miền núi phía Bắc như công tác dân tộc, tôn giáo, phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số, bảo vệ chủ quyền biên giới, xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở và CDS trong quản lý địa phương. Việc đặt các vấn đề thực tiễn trong mối quan hệ với lý luận sẽ giúp người học hiểu rõ giá trị định hướng của lý luận chính trị, đồng thời nâng cao khả năng vận dụng vào quá trình lãnh đạo, quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

Thứ ba, chú trọng phát triển năng lực phân tích, dự báo và giải quyết vấn đề trong môi trường số. CDS đang làm xuất hiện nhiều vấn đề mới trong quản trị xã hội, quản lý nhà nước và đời sống chính trị. Vì vậy, nội dung GD LLCT cần bổ sung các tri thức và luận cứ giúp học viên có khả năng nhận diện xu hướng phát triển, phân tích những tác động của công nghệ số đối với kinh tế, văn hóa, xã hội và hệ thống chính trị. Trên cơ sở thể giới quan và phương pháp luận khoa học, người học cần được hình thành năng lực đánh giá, lựa chọn phương án xử lý phù hợp trước những tình huống phát sinh trong thực tiễn, góp phần nâng cao hiệu quả thực thi công vụ.

Thứ tư, gắn nội dung giáo dục với việc bồi dưỡng bản lĩnh chính trị và năng lực bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Trong điều kiện thông tin đa chiều và sự gia tăng của các quan điểm sai trái trên không gian mạng, nội dung GD LLCT cần giúp học viên nâng cao khả năng nhận diện, phân tích và phản bác những luận điệu xuyên tạc trên cơ sở lập luận khoa học và quan điểm chính trị đúng đắn. Đây vừa là yêu cầu của GD LLCT, vừa là điều kiện để hình thành bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm và năng lực định hướng nhận thức trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Gắn kết nội dung giáo dục với phát triển năng lực tư duy lý luận và giải quyết vấn đề thực tiễn là yêu cầu xuyên suốt trong đổi mới chương trình GD LLCT. Khi nội dung được xây dựng theo hướng phát triển năng lực, bám sát thực tiễn và đáp ứng yêu cầu của CDS, người học không chỉ nắm vững tri

thức lý luận mà còn có khả năng vận dụng sáng tạo vào thực tiễn công tác. Đây là cơ sở quan trọng để nâng cao chất lượng GD LLCT, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ ở các tỉnh miền núi phía Bắc có bản lĩnh chính trị vững vàng, tư duy khoa học và năng lực thực thi nhiệm vụ trong giai đoạn phát triển mới.

4.2.3. Đổi mới đồng bộ các phương thức giáo dục lý luận chính trị theo hướng hiện đại, linh hoạt và thích ứng với bối cảnh chuyển đổi số

4.2.3.1. Đổi mới phương thức tổ chức dạy - học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của người học

Trong bối cảnh CDS, đổi mới phương thức tổ chức dạy - học là yêu cầu tất yếu nhằm nâng cao chất lượng GDLLCT, chuyển từ mô hình truyền thụ tri thức một chiều sang tổ chức hoạt động học tập lấy người học làm trung tâm. Mục tiêu của giải pháp này là phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học viên trong quá trình chiếm lĩnh tri thức, đồng thời nâng cao vai trò của giảng viên với tư cách là người thiết kế, định hướng và điều phối các hoạt động học tập trong môi trường giáo dục số. Đây cũng là điều kiện quan trọng để khắc phục tình trạng học tập thụ động, nặng về ghi nhớ, từng bước hình thành năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn công tác của đội ngũ cán bộ tại các tỉnh miền núi phía Bắc.

Thứ nhất, đổi mới vai trò của giảng viên theo hướng tổ chức và dẫn dắt hoạt động nhận thức của người học. Trong điều kiện nguồn tri thức được mở rộng trên môi trường số, giảng viên không còn giữ vai trò là người truyền đạt thông tin đơn thuần mà phải trở thành người định hướng, lựa chọn, tổ chức và kiểm soát quá trình học tập. Bài giảng cần được thiết kế theo hướng gợi mở, khuyến khích học viên phân tích, trao đổi và phản biện trên cơ sở lập trường, quan điểm của Đảng. Giảng viên cần giảm thời lượng thuyết giảng, tăng cường các hoạt động thảo luận, giải quyết vấn đề và hướng dẫn học viên khai thác hiệu quả học liệu số, qua đó từng bước hình thành năng lực tự học và tư duy độc lập.

Thứ hai, tổ chức dạy học theo hướng giải quyết vấn đề gắn với thực tiễn địa phương. Nội dung bài học cần được xây dựng từ các tình huống thực tiễn nảy sinh trong quá trình lãnh đạo, quản lý ở khu vực miền núi phía Bắc như công tác dân tộc, tôn giáo, bảo vệ chủ quyền biên giới, xây dựng chính quyền sở, cải cách hành chính hay phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Thông qua việc phân tích và xử lý các tình huống, học viên được vận dụng thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng để giải quyết những vấn đề cụ thể. Cách tổ chức này giúp lý luận gắn với thực tiễn, đồng thời rèn luyện năng lực tư duy hệ thống, tư duy phản biện và khả năng ra quyết định trong điều kiện mới.

Thứ ba, triển khai linh hoạt các mô hình dạy học kết hợp và lớp học đảo ngược phù hợp với điều kiện CDS. Nhà trường cần tổ chức cho học viên nghiên cứu trước tài liệu, video bài giảng, học liệu số trên hệ thống trực tuyến; thời gian học trực tiếp tập trung vào trao đổi, phản biện, giải đáp những vấn đề khó và vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Mô hình này vừa phát huy tính chủ động của người học, vừa tận dụng hiệu quả ưu thế của công nghệ số, đồng thời góp phần khắc phục những khó khăn về khoảng cách địa lý và điều kiện công tác của học viên tại các địa phương miền núi.

Thứ tư, tăng cường sử dụng các công cụ và nền tảng số để nâng cao tính tương tác trong quá trình dạy học. Các phần mềm hỗ trợ như hệ thống quản lý học tập, công cụ khảo sát trực tuyến, ứng dụng tạo câu hỏi tương tác, diễn đàn học tập hay các nền tảng họp trực tuyến cần được khai thác phù hợp nhằm tạo môi trường học tập mở, khuyến khích học viên trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm và hợp tác giải quyết nhiệm vụ học tập. Đồng thời, cần tổ chức các hoạt động thuyết trình, tranh biện, làm việc nhóm và xây dựng sản phẩm học tập trên nền tảng số để phát huy kinh nghiệm thực tiễn phong phú của đội ngũ học viên là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

Thứ năm, đổi mới phương thức theo dõi, hỗ trợ và phản hồi quá trình học tập trên cơ sở dữ liệu số. Giảng viên cần sử dụng các chức năng của hệ thống quản lý học tập để theo dõi mức độ tham gia, tiến độ tự học, kết quả thực hiện nhiệm vụ và khả năng vận dụng kiến thức của học viên. Trên cơ sở đó, thực hiện phản hồi thường xuyên, hướng dẫn kịp thời và khuyến khích học viên tự đánh giá, điều chỉnh quá trình học tập của bản thân. Việc kết hợp giữa đánh giá của giảng viên, tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng sẽ góp phần hình thành ý thức tự học, tinh thần trách nhiệm và động lực học tập bền vững.

Đổi mới phương thức tổ chức dạy - học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của người học không chỉ là sự thay đổi về kỹ thuật sư phạm mà còn là quá trình chuyển đổi tư duy giáo dục trong các trường chính trị. Khi người học thực sự trở thành chủ thể của quá trình nhận thức và giảng viên làm tốt vai trò tổ chức, định hướng, GDLLCT sẽ nâng cao được tính hấp dẫn, tính thực tiễn và hiệu quả đào tạo, đáp ứng yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, tư duy đổi mới và năng lực thích ứng với CDS.

4.2.3.2. Triển khai linh hoạt mô hình học tập kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến

Trong bối cảnh CDS, triển khai mô hình học tập kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến là yêu cầu cần thiết nhằm đổi mới phương thức GD LLCT theo hướng linh hoạt, hiện đại và hiệu quả. Đối với các trường chính trị tỉnh khu vực miền núi phía Bắc, mô hình này vừa phát huy ưu thế của công nghệ số, vừa bảo đảm vai trò định hướng chính trị, tính kỷ luật và đặc thù của GD LLCT trong hệ thống trường Đảng.

Thứ nhất, cần xây dựng mô hình tổ chức đào tạo kết hợp phù hợp với đặc thù GD LLCT, trong đó xác định rõ vai trò của từng phương thức. Hoạt động trực tiếp tập trung vào các nội dung cần sự tương tác, trao đổi học thuật, giáo dục tư tưởng, rèn luyện bản lĩnh chính trị và giải quyết các vấn đề thực

tiền; môi trường trực tuyến được sử dụng để cung cấp học liệu số, hướng dẫn tự học, trao đổi thông tin và hỗ trợ nghiên cứu. Quá trình kết hợp hai phương thức cần gắn với mô hình giảng viên - học viên đồng kiến tạo tri thức, giá trị mới, trong đó giảng viên không chỉ là người truyền đạt tri thức mà còn là người thiết kế, định hướng và tổ chức quá trình học tập; học viên không chỉ tiếp nhận kiến thức mà còn chủ động khai thác thông tin, chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn, tham gia trao đổi, phản biện và cùng tạo lập tri thức mới trên nền tảng LLCT.

Trong mô hình này, quan hệ giữa giảng viên và học viên cần được chuyển từ mô hình truyền thụ một chiều sang mô hình tương tác, hợp tác và cùng phát triển tri thức. Giảng viên giữ vai trò định hướng về phương pháp, cung cấp cơ sở lý luận, kiểm chứng tính khoa học và định hướng chính trị của các nguồn thông tin; đồng thời khuyến khích học viên liên hệ thực tiễn, chia sẻ kinh nghiệm công tác, phát hiện vấn đề mới từ cơ sở để cùng thảo luận, phân tích và giải quyết. Đối với GD LLCT, đồng kiến tạo tri thức không làm giảm vai trò của giảng viên mà ngược lại đòi hỏi giảng viên phải có năng lực cao hơn trong tổ chức hoạt động nhận thức, dẫn dắt tư duy lý luận và kết nối giữa lý luận với thực tiễn trong môi trường số.

Thứ hai, các trường chính trị cần xây dựng nền tảng quản lý học tập và hệ sinh thái học tập số đồng bộ, tích hợp học liệu điện tử, bài giảng số, diễn đàn trao đổi, ngân hàng câu hỏi và công cụ theo dõi quá trình học tập của học viên. Hệ thống này cần bảo đảm tính thuận tiện, an toàn, phù hợp với điều kiện hạ tầng công nghệ của khu vực miền núi; đồng thời tăng cường kết nối, chia sẻ học liệu giữa các trường chính trị với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các cơ sở đào tạo trong hệ thống trường Đảng. Việc xây dựng nền tảng số cần hướng tới hỗ trợ quá trình tương tác, trao đổi tri thức, không chỉ đơn thuần là nơi lưu trữ tài liệu hoặc chuyển tải nội dung giảng dạy truyền thống lên môi trường trực tuyến.

Thứ ba, tổ chức mô hình học tập kết hợp cần bảo đảm tính linh hoạt theo đặc điểm từng nhóm học viên. Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý, có thể tăng cường hoạt động tự nghiên cứu, thảo luận chuyên sâu trên nền tảng số trước và sau các buổi học trực tiếp, qua đó phát huy kinh nghiệm thực tiễn và năng lực tư duy độc lập của người học. Đối với cán bộ cơ sở, nhất là học viên vùng sâu, vùng xa, cần phát triển các học liệu có khả năng tiếp cận dễ dàng trên thiết bị di động, kết hợp giữa học trực tuyến với các đợt học tập trung phù hợp nhằm giảm khó khăn về đi lại nhưng vẫn bảo đảm chất lượng đào tạo. Đồng thời, cần chú ý bồi dưỡng kỹ năng học tập số, khả năng khai thác, đánh giá và sử dụng thông tin trên môi trường mạng cho học viên, giúp họ thực sự trở thành chủ thể tích cực trong quá trình học tập.

Thứ tư, cần gắn triển khai mô hình học tập kết hợp với đổi mới kiểm tra, đánh giá và quản trị chất lượng đào tạo. Việc khai thác dữ liệu học tập trên nền tảng số giúp nhà trường theo dõi mức độ tham gia, khả năng tự học, sự tiến bộ của học viên; đồng thời cung cấp căn cứ để điều chỉnh nội dung, phương pháp giảng dạy và hoàn thiện học liệu. Kiểm tra, đánh giá cần chuyển dần từ việc chủ yếu kiểm tra khả năng ghi nhớ kiến thức sang đánh giá năng lực phân tích, vận dụng lý luận, giải quyết vấn đề thực tiễn và khả năng tham gia tương tác, sáng tạo tri thức trong môi trường số.

Như vậy, triển khai mô hình học tập kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến gắn với phương thức giảng viên - học viên đồng kiến tạo tri thức, giá trị mới là bước đổi mới quan trọng trong tổ chức GD LLCT trong bối cảnh CDS. Giải pháp này góp phần phát huy vai trò chủ thể của giảng viên, học viên, mở rộng không gian học tập và nâng cao chất lượng đào tạo cán bộ trong giai đoạn mới.

4.2.3.3. Đổi mới phương thức kiểm tra, đánh giá theo hướng đánh giá năng lực trong môi trường số

Trong bối cảnh CDS, kiểm tra, đánh giá không chỉ là khâu cuối cùng của quá trình giáo dục mà trở thành công cụ quản trị chất lượng, định hướng hoạt

động dạy học và thúc đẩy người học phát triển năng lực một cách toàn diện. Đối với GD LLCT, đổi mới kiểm tra, đánh giá cần hướng tới đo lường mức độ chuyển hóa tri thức thành nhận thức, bản lĩnh chính trị và năng lực vận dụng vào thực tiễn, thay vì chỉ kiểm tra khả năng ghi nhớ kiến thức. Đây là giải pháp quan trọng nhằm khắc phục tình trạng học tập hình thức, học để thi, đồng thời đáp ứng yêu cầu chuẩn hóa đội ngũ cán bộ trong bối cảnh CDS, nhất là đối với các trường chính trị tỉnh khu vực miền núi phía Bắc.

Thứ nhất, đổi mới mục tiêu và nội dung kiểm tra, đánh giá theo hướng lấy năng lực làm trung tâm. Hoạt động đánh giá cần chuyển từ việc chủ yếu kiểm tra khả năng tái hiện kiến thức sang đánh giá năng lực phân tích, tổng hợp, vận dụng và giải quyết vấn đề trên cơ sở thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng. Hệ thống câu hỏi, bài tập cần tăng cường các tình huống gắn với thực tiễn quản lý, lãnh đạo ở địa phương, yêu cầu học viên lý giải các vấn đề phát sinh trong quá trình CDS, từ đó đánh giá được tư duy lý luận, bản lĩnh chính trị và khả năng đưa ra quyết định phù hợp. Việc đổi mới nội dung đánh giá sẽ góp phần định hướng người học học tập theo chiều sâu, hạn chế tình trạng học thuộc lòng và ghi nhớ máy móc.

Thứ hai, kết hợp hài hòa giữa đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết trên nền tảng số. Thay vì chỉ dựa vào kết quả thi cuối khóa, cần coi trọng việc theo dõi toàn bộ quá trình học tập của học viên thông qua các hệ thống quản lý học tập và các nền tảng số. Mức độ tham gia thảo luận, kết quả tự học, tiến độ hoàn thành nhiệm vụ, khả năng hợp tác và xử lý các tình huống học tập đều cần được ghi nhận như những minh chứng quan trọng phản ánh sự phát triển năng lực của người học. Cách tiếp cận này không chỉ tạo động lực học tập thường xuyên mà còn giúp giảng viên kịp thời điều chỉnh hoạt động hỗ trợ, nâng cao hiệu quả của quá trình giáo dục.

Thứ ba, đa dạng hóa hình thức và công cụ đánh giá phù hợp với đặc thù

GD LLCT trong môi trường số. Bên cạnh hình thức thi viết truyền thống, cần tăng cường sử dụng các sản phẩm học tập như phân tích tình huống, bài thuyết trình, dự án nhóm, bài phản biện hoặc sản phẩm truyền thông số gắn với nhiệm vụ công tác của học viên. Đối với học viên là cán bộ ở các tỉnh miền núi phía Bắc, nội dung đánh giá nên gắn với những vấn đề đặc thù như công tác dân tộc, tôn giáo, xây dựng chính quyền số, quản lý địa bàn biên giới, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng hoặc triển khai chuyển đổi số ở cơ sở. Các hình thức đánh giá đa dạng sẽ giúp phản ánh toàn diện hơn năng lực thực tiễn của người học.

Thứ tư, chuẩn hóa hệ thống công cụ đánh giá và ứng dụng công nghệ số trong tổ chức kiểm tra. Cần xây dựng ngân hàng câu hỏi theo chuẩn đầu ra, được phân loại theo các mức độ nhận thức và năng lực; đồng thời ứng dụng các phần mềm quản lý thi, chấm thi, phân tích kết quả để nâng cao tính khách quan, minh bạch và độ tin cậy của hoạt động đánh giá. Dữ liệu đánh giá cần được lưu trữ, phân tích và khai thác nhằm phục vụ công tác cải tiến chương trình, phương pháp giảng dạy cũng như quản trị chất lượng đào tạo.

Cuối cùng, tăng cường gắn kết kết quả đánh giá với hiệu quả thực thi nhiệm vụ của học viên sau đào tạo. Các trường chính trị cần phối hợp với cơ quan, đơn vị cử cán bộ đi học để thu thập thông tin phản hồi về khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng và bản lĩnh chính trị của học viên trong thực tiễn công tác. Đây vừa là căn cứ đánh giá chất lượng đào tạo, vừa là cơ sở để điều chỉnh nội dung, phương thức và tiêu chí đánh giá phù hợp hơn với yêu cầu thực tiễn, góp phần bảo đảm GD LLCT thực sự hướng tới nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ trong bối cảnh CDS.

Như vậy, đổi mới phương thức kiểm tra, đánh giá theo hướng đánh giá năng lực trong môi trường số không chỉ là đổi mới kỹ thuật đánh giá mà còn là sự thay đổi về quan điểm bảo đảm chất lượng giáo dục. Khi hoạt động đánh giá phản ánh đúng năng lực thực tiễn và hỗ trợ hiệu quả cho quá trình học tập,

nó sẽ trở thành động lực quan trọng thúc đẩy đổi mới toàn diện GD LLCT, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ các tỉnh miền núi phía Bắc có bản lĩnh chính trị vững vàng, tư duy khoa học và năng lực đáp ứng yêu cầu phát triển trong thời kỳ CDS.

4.2.3.4. Tăng cường tính liên thông giữa đào tạo, nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn

Trong bối cảnh CDS, nâng cao chất lượng GD LLCT không chỉ phụ thuộc vào đổi mới nội dung hay phương thức dạy học mà còn đòi hỏi sự gắn kết chặt chẽ giữa các chức năng cơ bản của trường chính trị. Đào tạo, nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn cần được vận hành như một chỉnh thể thống nhất, trong đó mỗi hoạt động vừa là tiền đề, vừa là động lực thúc đẩy hoạt động còn lại. Thực tiễn tại các trường chính trị khu vực miền núi phía Bắc cho thấy sự kết nối giữa ba lĩnh vực này vẫn chưa thật sự chặt chẽ; kết quả nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn chưa được chuyển hóa thường xuyên thành tri thức phục vụ giảng dạy, trong khi hoạt động đào tạo chưa tạo ra nhiều vấn đề nghiên cứu xuất phát từ yêu cầu thực tiễn địa phương. Vì vậy, tăng cường tính liên thông giữa đào tạo, nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn là giải pháp quan trọng nhằm nâng cao chất lượng GD LLCT, bảo đảm sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong bối cảnh CDS.

Thứ nhất, cần hoàn thiện cơ chế gắn kết giữa hoạt động nghiên cứu khoa học với xây dựng và cập nhật nội dung giảng dạy. Các đề tài nghiên cứu, sáng kiến và kết quả khảo sát thực tiễn của giảng viên cần được khai thác như nguồn tư liệu trực tiếp để bổ sung, cập nhật giáo trình, chuyên đề và bài giảng. Sau mỗi nhiệm vụ nghiên cứu, cần có quy trình chuyển hóa kết quả thành các tài liệu phục vụ đào tạo như chuyên đề cập nhật, tình huống thực tiễn, dữ liệu minh chứng hoặc học liệu điện tử. Cơ chế này giúp nội dung GD LLCT luôn phản ánh những vấn đề mới của thực tiễn, đồng thời nâng cao tính khoa học và sức thuyết phục của bài giảng.

Thứ hai, đẩy mạnh tổng kết thực tiễn gắn với đặc điểm kinh tế - xã hội của khu vực miền núi phía Bắc để bổ sung luận cứ cho nghiên cứu và đào tạo. Giảng viên cần tăng cường khảo sát cơ sở, tham gia các chương trình điều tra, tổng kết mô hình phát triển, công tác dân tộc, tôn giáo, xây dựng hệ thống chính trị, CDS ở địa phương. Những kết quả tổng kết này cần được phân tích dưới góc độ lý luận, từ đó hình thành các tình huống học tập và ví dụ điển hình phục vụ giảng dạy. Thực tiễn được khái quát thành tri thức khoa học sẽ góp phần khắc phục tình trạng bài giảng xa rời đời sống, đồng thời nâng cao năng lực vận dụng lý luận của học viên.

Thứ ba, xây dựng hệ thống quản trị tri thức số phục vụ đồng thời cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn. Nhà trường cần từng bước hình thành cơ sở dữ liệu dùng chung, tích hợp kết quả nghiên cứu, báo cáo tổng kết, tài liệu chuyên đề và các sản phẩm học thuật của giảng viên trên một nền tảng thống nhất. Việc quản trị tập trung và chia sẻ dữ liệu sẽ tạo điều kiện cho giảng viên, học viên khai thác, cập nhật và kế thừa tri thức một cách thuận lợi, đồng thời hạn chế sự phân tán, trùng lặp trong hoạt động nghiên cứu và biên soạn tài liệu.

Thứ tư, tăng cường phối hợp giữa nhà trường với các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị để hình thành mạng lưới liên thông giữa đào tạo và thực tiễn. Cần mở rộng sự tham gia của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, chuyên gia thực tiễn vào hoạt động giảng dạy, tọa đàm khoa học và hướng dẫn nghiên cứu; đồng thời tạo điều kiện để giảng viên tham gia các chương trình tổng kết thực tiễn của địa phương. Thông qua cơ chế phối hợp hai chiều, những vấn đề phát sinh trong thực tiễn sẽ trở thành đối tượng nghiên cứu và nội dung đào tạo, trong khi kết quả nghiên cứu của nhà trường tiếp tục cung cấp luận cứ khoa học phục vụ công tác lãnh đạo, quản lý ở địa phương.

Thứ năm, gắn kết chặt chẽ hoạt động nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn với công tác tham mưu, tư vấn chính sách của trường chính trị. Các kết quả nghiên cứu có giá trị cần được lựa chọn, phát triển thành các báo cáo

kiến nghị, luận cứ khoa học phục vụ cấp ủy, chính quyền địa phương trong quá trình hoạch định chủ trương, chính sách. Quá trình này không chỉ khẳng định vai trò của trường chính trị với tư cách là trung tâm đào tạo và nghiên cứu của địa phương mà còn tạo điều kiện để những vấn đề mới của thực tiễn tiếp tục được phản ánh trở lại trong nội dung giảng dạy, góp phần nâng cao tính thực tiễn, tính chiến đấu và giá trị ứng dụng của GD LLCT.

Khi nghiên cứu khoa học xuất phát từ yêu cầu thực tiễn, kết quả nghiên cứu được chuyển hóa kịp thời vào giảng dạy và thực tiễn tiếp tục kiểm nghiệm, bổ sung cho lý luận, chất lượng GD LLCT sẽ được nâng lên một cách bền vững. Đây là cơ sở quan trọng để xây dựng các trường chính trị khu vực miền núi phía Bắc trở thành trung tâm đào tạo, nghiên cứu và tổng kết thực tiễn có chất lượng, đáp ứng yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ trong giai đoạn mới.

4.2.4. Tăng cường các điều kiện, cơ sở vật chất bảo đảm tính đồng bộ trong nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị trong bối cảnh chuyển đổi số

4.2.4.1. Đầu tư phát triển hạ tầng công nghệ số đồng bộ, hiện đại và phù hợp với đặc thù khu vực miền núi

Trong bối cảnh CDS, hạ tầng công nghệ số là điều kiện vật chất - kỹ thuật bảo đảm cho việc triển khai đồng bộ các hoạt động GD LLCT. Đối với các trường chính trị khu vực miền núi phía Bắc, nơi còn nhiều hạn chế về điều kiện tự nhiên, hạ tầng viễn thông và khả năng tiếp cận công nghệ, đầu tư phát triển hạ tầng số không chỉ phục vụ hiện đại hóa nhà trường mà còn góp phần thu hẹp khoảng cách số giữa các địa phương, tạo điều kiện để mọi học viên được tiếp cận bình đẳng với các nguồn lực giáo dục. Việc đầu tư cần được thực hiện theo hướng đồng bộ, phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa phương và gắn với lộ trình xây dựng trường chính trị đạt chuẩn.

Thứ nhất, phát triển hạ tầng kết nối số ổn định, đáp ứng yêu cầu dạy học, nghiên cứu và quản trị nhà trường. Các trường chính trị cần ưu tiên đầu tư hệ thống mạng nội bộ, đường truyền internet tốc độ cao, phủ sóng không dây

trong toàn bộ khuôn viên và bảo đảm kết nối ổn định với các cơ quan, đơn vị liên quan. Đối với những địa bàn thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai hoặc có điều kiện hạ tầng viễn thông chưa đồng bộ, cần xây dựng phương án dự phòng nhằm duy trì hoạt động của hệ thống thông tin, hạn chế tối đa tình trạng gián đoạn trong quá trình đào tạo và quản lý.

Thứ hai, từng bước hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giáo dục trong môi trường số. Cùng với việc cải tạo phòng học theo hướng hiện đại, các trường cần đầu tư hệ thống thiết bị trình chiếu, hội nghị truyền hình, màn hình tương tác, thiết bị ghi hình và các phương tiện hỗ trợ giảng dạy phù hợp. Mục tiêu của việc đầu tư không phải chạy theo công nghệ hiện đại bằng mọi giá mà bảo đảm các thiết bị đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động đào tạo, hội thảo khoa học, sinh hoạt chuyên môn và kết nối học thuật giữa các trường chính trị với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh cũng như các cơ sở đào tạo khác.

Thứ ba, xây dựng hạ tầng lưu trữ và chia sẻ dữ liệu phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và quản trị. Cần đầu tư hệ thống máy chủ, trung tâm lưu trữ dữ liệu và các giải pháp điện toán đám mây phù hợp nhằm bảo đảm việc quản lý, khai thác và chia sẻ thông tin an toàn, hiệu quả. Đồng thời, từng bước hình thành cơ chế kết nối, liên thông dữ liệu giữa các trường chính trị trong khu vực với các cơ quan quản lý, tạo điều kiện sử dụng chung nguồn tài nguyên số, hạn chế đầu tư trùng lặp và nâng cao hiệu quả khai thác cơ sở dữ liệu.

Thứ tư, triển khai đồng bộ hạ tầng kỹ thuật phục vụ quản trị số của nhà trường. Việc đầu tư cần hướng tới hình thành môi trường quản trị thống nhất, trong đó các hoạt động điều hành, quản lý đào tạo, nghiên cứu khoa học, hành chính và lưu trữ hồ sơ được thực hiện trên nền tảng số. Hạ tầng kỹ thuật phải bảo đảm khả năng tích hợp, mở rộng và kết nối giữa các hệ thống, tạo nền tảng cho việc quản trị dựa trên dữ liệu, nâng cao hiệu quả điều hành và chất lượng phục vụ người học.

Thứ năm, huy động đa dạng nguồn lực đầu tư gắn với bảo đảm an toàn, an ninh thông tin. Bên cạnh nguồn ngân sách nhà nước, các trường cần chủ động tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương lồng ghép đầu tư hạ tầng số vào các chương trình phát triển chính quyền số, xã hội số và CDS của tỉnh; đồng thời mở rộng hợp tác với các doanh nghiệp công nghệ theo quy định để bổ sung nguồn lực kỹ thuật. Song song với đầu tư, cần xây dựng các giải pháp bảo mật, sao lưu dữ liệu, kiểm soát truy cập và phòng chống tấn công mạng nhằm bảo đảm an toàn thông tin, giữ vững tính chính thống của dữ liệu và phục vụ hiệu quả nhiệm vụ chính trị của nhà trường.

Khi hạ tầng kỹ thuật được xây dựng theo hướng ổn định, an toàn và có khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu, các trường chính trị sẽ có nền tảng vững chắc để triển khai đồng bộ các giải pháp về nội dung, phương thức, quản trị và phát triển đội ngũ, góp phần nâng cao chất lượng GD LLCT đáp ứng yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ trong giai đoạn mới.

4.2.4.2. Phát triển hệ thống học liệu số và thư viện số liên thông phục vụ đào tạo, nghiên cứu

Nếu hạ tầng công nghệ số là điều kiện vật chất bảo đảm cho CDS thì hệ thống học liệu số và thư viện số là hạ tầng tri thức quyết định chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và tự học trong các trường chính trị. Đối với các trường chính trị tỉnh khu vực miền núi phía Bắc, việc phát triển hệ thống học liệu số và thư viện số không chỉ nhằm mở rộng khả năng tiếp cận tri thức mà còn góp phần khắc phục những hạn chế về khoảng cách địa lý, sự phân tán nguồn tài liệu và chênh lệch điều kiện học tập, nghiên cứu giữa các địa phương. Vì vậy, cần xây dựng hệ thống học liệu và thư viện số theo hướng chuẩn hóa, hiện đại, liên thông và quản trị thống nhất, tạo nền tảng tri thức số phục vụ đồng thời cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn.

Thứ nhất, xây dựng cơ sở dữ liệu học liệu số tập trung, thống nhất và được chuẩn hóa. Các trường chính trị cần hình thành kho học liệu số tập trung bao gồm giáo trình, tài liệu tham khảo, văn kiện của Đảng, kết quả nghiên cứu

khoa học, tài liệu tổng kết thực tiễn, ngân hàng tình huống và các nguồn tư liệu phục vụ giảng dạy, học tập. Trước khi số hóa, toàn bộ học liệu phải được chuẩn hóa về nội dung, bảo đảm tính Đảng, tính khoa học, tính thống nhất và tính cập nhật; phản ánh chính xác chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và những thành tựu lý luận mới. Việc tổ chức dữ liệu cần tuân thủ các tiêu chuẩn thống nhất về phân loại, mã hóa, cập nhật và quản lý thông tin, tạo thuận lợi cho việc tìm kiếm, khai thác và sử dụng lâu dài, đồng thời khắc phục tình trạng trùng lặp, phân tán hoặc thiếu đồng bộ giữa các nguồn học liệu.

Thứ hai, phát triển hệ thống học liệu số và thư viện số theo hướng hiện đại, đa phương tiện và lấy người sử dụng làm trung tâm. Bên cạnh giáo trình điện tử, cần phát triển các video bài giảng, bài giảng điện tử tương tác, sơ đồ tư duy, bản đồ khái niệm, hình ảnh, tư liệu lịch sử và các sản phẩm truyền thông số phục vụ dạy học. Đối với các chuyên đề về xây dựng Đảng, quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và CDS cần tăng cường sử dụng biểu đồ, dữ liệu, hình ảnh và các tình huống thực tiễn nhằm nâng cao tính trực quan và khả năng tiếp nhận tri thức của người học. Thư viện số cần được thiết kế với giao diện thân thiện, dễ sử dụng trên nhiều loại thiết bị, hỗ trợ tra cứu, trích dẫn, gợi ý học liệu và đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của cán bộ đang công tác tại vùng sâu, vùng xa.

Thứ ba, tăng cường liên thông, chia sẻ và làm giàu nguồn học liệu số trên cơ sở gắn kết chặt chẽ với nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn. Các trường chính trị cần từng bước thiết lập cơ chế chia sẻ học liệu với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các trường chính trị trong cả nước nhằm hình thành mạng lưới tri thức số thống nhất trong hệ thống trường Đảng. Đồng thời, cần ưu tiên xây dựng cơ sở dữ liệu phản ánh thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, công tác xây dựng Đảng, dân tộc, tôn giáo, quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền biên giới và chuyển đổi số tại các tỉnh miền núi phía Bắc. Các kết quả nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, sáng kiến và mô

hình mới sau khi nghiệm thu phải được lựa chọn, biên tập và cập nhật kịp thời vào kho học liệu chung, tạo sự gắn kết giữa nghiên cứu, giảng dạy và thực tiễn địa phương, qua đó nâng cao tính thực tiễn và khả năng vận dụng của giáo dục lý luận chính trị.

Thứ tư, hoàn thiện cơ chế quản trị, cập nhật và bảo đảm an toàn đối với hệ thống học liệu số và thư viện số. Việc phát triển học liệu số phải gắn với quy trình quản lý thống nhất từ khâu xây dựng, thẩm định, cập nhật đến khai thác và lưu trữ. Mọi học liệu trước khi đưa vào sử dụng cần được thẩm định chặt chẽ về nội dung khoa học, hình thức thể hiện và định hướng chính trị; đồng thời phải được rà soát, bổ sung thường xuyên theo các nghị quyết, chủ trương mới của Đảng và yêu cầu thực tiễn. Bên cạnh đó, cần thực hiện nghiêm các quy định về bảo vệ bản quyền, phân quyền khai thác, bảo mật dữ liệu và an toàn thông tin, bảo đảm học liệu số được quản trị thống nhất, khai thác hiệu quả và sử dụng đúng mục đích.

Phát triển hệ thống học liệu số và thư viện số liên thông không chỉ là xây dựng kho lưu trữ tài liệu điện tử mà còn là quá trình hình thành hệ sinh thái tri thức số phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn trong toàn hệ thống trường Đảng. Khi nguồn học liệu được chuẩn hóa, số hóa, quản trị thống nhất và liên thông hiệu quả, các trường chính trị tỉnh khu vực miền núi phía Bắc sẽ có điều kiện nâng cao chất lượng GD LLCT, mở rộng cơ hội tiếp cận tri thức, đồng thời tạo nền tảng bền vững cho quá trình CDS trong giai đoạn mới.

4.2.4.3. Xây dựng môi trường giáo dục số lành mạnh, an toàn và bảo mật thông tin chính trị

Trong bối cảnh CDS, môi trường giáo dục số không chỉ là không gian diễn ra các hoạt động dạy học trên nền tảng công nghệ mà còn là môi trường chính trị - tư tưởng đặc thù của hệ thống trường Đảng. Vì vậy, xây dựng môi trường giáo dục số lành mạnh, an toàn và bảo mật thông tin chính trị là điều kiện quan trọng bảo đảm quá trình CDS diễn ra đúng định hướng, không làm

suy giảm bản chất của GD LLCT. Đối với các trường chính trị tỉnh khu vực miền núi phía Bắc, nơi chịu tác động của điều kiện địa lý, trình độ tiếp cận công nghệ không đồng đều và những yếu tố phức tạp về dân tộc, tôn giáo, biên giới, giải pháp này càng có ý nghĩa trong việc giữ vững tính Đảng, tính khoa học và tính định hướng của toàn bộ quá trình giáo dục.

Thứ nhất, xây dựng hệ giá trị và chuẩn mực ứng xử thống nhất giữa môi trường giáo dục truyền thống và môi trường số. Việc mở rộng hoạt động dạy học lên không gian mạng không đồng nghĩa với việc nói lỏng các yêu cầu về kỷ luật, kỷ cương của trường Đảng. Các trường chính trị cần ban hành và thực hiện thống nhất các quy tắc ứng xử trên môi trường số đối với giảng viên, học viên và cán bộ quản lý; quy định rõ trách nhiệm trong sử dụng tài khoản, chia sẻ thông tin, tham gia thảo luận học thuật và khai thác học liệu. Mọi hoạt động trên các nền tảng số phải tuân thủ nghiêm các nguyên tắc về phát ngôn, bảo đảm giữ vững định hướng chính trị, góp phần hình thành văn hóa học tập số chính quy, dân chủ nhưng có kỷ cương.

Thứ hai, tăng cường vai trò lãnh đạo của cấp ủy và nâng cao hiệu lực quản lý đối với các hoạt động giáo dục trên môi trường số. Cấp ủy, ban giám hiệu và các đơn vị chuyên môn cần xây dựng cơ chế quản lý thống nhất đối với hệ thống học liệu, diễn đàn học tập, lớp học trực tuyến và các nền tảng số của nhà trường. Nội dung đưa lên môi trường mạng phải được kiểm duyệt, thẩm định chặt chẽ, bảo đảm tính chính thống, tính khoa học và tính Đảng. Đồng thời, cần quy định rõ quy trình xử lý đối với các hành vi vi phạm quy chế sử dụng môi trường số, ngăn ngừa nguy cơ phát tán thông tin sai lệch hoặc lợi dụng hoạt động học tập để truyền bá các quan điểm trái với chủ trương của Đảng và Nhà nước.

Thứ ba, đầu tư đồng bộ các giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh mạng và bảo mật dữ liệu. Các trường chính trị cần xây dựng hệ thống bảo mật nhiều lớp đối với cơ sở dữ liệu đào tạo, học liệu số và thông tin người học; áp dụng các giải pháp như mã hóa dữ liệu, xác thực nhiều yếu tố, phân quyền truy cập,

sao lưu định kỳ và giám sát an ninh mạng. Bên cạnh đầu tư hạ tầng kỹ thuật, cần xây dựng quy trình ứng phó với các sự cố an toàn thông tin, bảo đảm hoạt động dạy học và quản trị không bị gián đoạn khi xảy ra các nguy cơ tấn công mạng. Đối với việc chia sẻ dữ liệu giữa các trường chính trị và với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, cần thực hiện trên nền tảng bảo mật thống nhất, tuân thủ nghiêm các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước và an toàn thông tin.

Thứ tư, nâng cao năng lực số và bản lĩnh chính trị của người học trong môi trường mạng. Môi trường giáo dục số chỉ thực sự an toàn khi mỗi học viên và giảng viên trở thành chủ thể có ý thức tự bảo vệ mình trước các nguy cơ từ không gian mạng. Nhà trường cần lồng ghép nội dung giáo dục về đạo đức số, văn hóa số, kỹ năng nhận diện và xử lý thông tin xấu độc, đồng thời rèn luyện năng lực đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên internet. Đối với cán bộ ở các tỉnh miền núi, biên giới, cần chú trọng các tình huống gắn với công tác dân tộc, tôn giáo, an ninh biên giới và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, qua đó hình thành khả năng miễn dịch trước những tác động tiêu cực của môi trường thông tin số.

Thứ năm, tăng cường cơ chế phối hợp giữa nhà trường với các cơ quan chức năng trong bảo đảm an toàn môi trường giáo dục số. Các trường chính trị cần duy trì phối hợp thường xuyên với công an, cơ quan chuyên trách về an ninh mạng, cơ quan quản lý thông tin và truyền thông để cập nhật các nguy cơ an ninh mới, kiểm tra mức độ an toàn của các nền tảng công nghệ và tổ chức tập huấn về bảo mật cho cán bộ, giảng viên, học viên. Đồng thời, cần xây dựng cơ chế giám sát, cảnh báo và xử lý kịp thời các rủi ro phát sinh, bảo đảm môi trường giáo dục số luôn ổn định, an toàn và phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu.

Xây dựng môi trường giáo dục số lành mạnh, an toàn và bảo mật thông tin chính trị là điều kiện bảo đảm quan trọng để thực hiện thành công CDS trong GD LLCT. Khi môi trường số được quản trị chặt chẽ, vận hành an toàn

và thống nhất với các chuẩn mực của trường Đảng, quá trình dạy học, nghiên cứu và quản lý sẽ được triển khai hiệu quả, góp phần giữ vững bản chất chính trị của GD LLCT, đồng thời tạo nền tảng thuận lợi để nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ cán bộ các tỉnh miền núi phía Bắc trong bối cảnh mới.

4.2.4.4. Hoàn thiện cơ chế phối hợp và huy động nguồn lực tổng hợp cho chuyển đổi số

Nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS là quá trình đổi mới toàn diện, đòi hỏi sự tham gia đồng bộ của nhiều chủ thể trong hệ thống chính trị. Vì vậy, bên cạnh việc đầu tư hạ tầng, phát triển học liệu và xây dựng môi trường giáo dục số, cần hoàn thiện cơ chế phối hợp và huy động nguồn lực tổng hợp nhằm bảo đảm quá trình CDS được triển khai thống nhất, hiệu quả và bền vững. Đối với các trường chính trị tỉnh khu vực miền núi phía Bắc, đây là giải pháp có ý nghĩa quan trọng trong việc khắc phục tình trạng phân tán nguồn lực, thiếu đồng bộ trong tổ chức thực hiện và hạn chế về điều kiện đầu tư, qua đó tạo nền tảng để các giải pháp đổi mới về chủ thể, nội dung và phương thức giáo dục phát huy hiệu quả.

Thứ nhất, tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy và chính quyền địa phương đối với CDS trong các trường chính trị. Cấp ủy, chính quyền các tỉnh cần xác định CDS trong GD LLCT là một bộ phận của chiến lược phát triển nguồn nhân lực và CDS của địa phương. Trên cơ sở đó, cần ban hành các chương trình, kế hoạch và cơ chế chỉ đạo thống nhất; đưa các nhiệm vụ CDS của trường chính trị vào chương trình công tác hằng năm; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc và đánh giá kết quả thực hiện. Sự quan tâm của cấp ủy và chính quyền sẽ tạo cơ sở chính trị và pháp lý để nhà trường chủ động triển khai các nhiệm vụ đổi mới một cách đồng bộ.

Thứ hai, hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa nhà trường với các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị. Các trường chính trị cần xây dựng mối quan hệ phối hợp thường xuyên với Ban Tuyên giáo và Dân vận, Ban Tổ chức, các sở, ngành và cơ quan chuyên môn của địa phương trong việc xây dựng kế

hoạch đào tạo, cập nhật yêu cầu thực tiễn và tổ chức các hoạt động phục vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học. Thông qua cơ chế phối hợp, nhà trường có điều kiện tiếp cận kịp thời những vấn đề mới nảy sinh trong thực tiễn lãnh đạo, quản lý của địa phương để bổ sung vào chương trình đào tạo, đồng thời tạo sự thống nhất giữa mục tiêu đào tạo với yêu cầu sử dụng cán bộ.

Thứ ba, đa dạng hóa nguồn lực phục vụ CDS trên cơ sở phát huy vai trò của Nhà nước và xã hội. Bên cạnh nguồn ngân sách nhà nước, cần chủ động huy động các nguồn lực hợp pháp khác thông qua các chương trình hợp tác, liên kết với các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu, doanh nghiệp công nghệ và các tổ chức có liên quan. Việc huy động nguồn lực cần bảo đảm công khai, minh bạch, sử dụng đúng mục đích và gắn với hiệu quả thực tế của các hoạt động chuyên đổi số, tránh đầu tư dàn trải hoặc hình thức.

Thứ tư, tăng cường phối hợp giữa nhà trường với cơ quan sử dụng cán bộ trong quản lý và đánh giá chất lượng đào tạo. Các cơ quan cử cán bộ đi học cần phối hợp với nhà trường trong việc xác định nhu cầu đào tạo, cung cấp thông tin về vị trí việc làm, theo dõi quá trình học tập và đánh giá kết quả vận dụng kiến thức sau đào tạo. Những phản hồi từ cơ quan sử dụng cán bộ sẽ là căn cứ quan trọng để điều chỉnh chương trình, nội dung và phương thức đào tạo phù hợp với yêu cầu thực tiễn, đồng thời góp phần nâng cao trách nhiệm học tập của học viên.

Thứ năm, thể chế hóa cơ chế phối hợp và quản lý nguồn lực bằng các quy chế, quy định cụ thể. Các trường chính trị cần tham mưu ban hành hoặc hoàn thiện các quy chế phối hợp giữa nhà trường với các cơ quan, đơn vị liên quan; quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn, cơ chế chia sẻ thông tin, chế độ kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện. Đồng thời, cần xây dựng cơ chế quản lý, phân bổ và sử dụng các nguồn lực theo hướng công khai, minh bạch, gắn trách nhiệm của từng chủ thể với kết quả thực hiện các nhiệm vụ CDS. Đây là cơ sở để bảo đảm sự phối hợp được duy trì thường xuyên, tránh tình trạng thực hiện mang tính thời vụ hoặc phụ thuộc vào từng giai đoạn.

Hoàn thiện cơ chế phối hợp và huy động nguồn lực tổng hợp là giải pháp mang tính bảo đảm để nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS được triển khai thống nhất và hiệu quả. Khi mối quan hệ giữa nhà trường với cấp ủy, chính quyền, các cơ quan chuyên môn và đơn vị sử dụng cán bộ được thiết lập chặt chẽ, cùng với cơ chế huy động và sử dụng nguồn lực hợp lý, các trường chính trị khu vực miền núi phía Bắc sẽ có điều kiện thuận lợi để nâng cao chất lượng GD LLCT, đáp ứng yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị, năng lực quản lý và khả năng thích ứng với yêu cầu phát triển trong thời kỳ CDS.

Tiểu kết Chương 4

Chương 4 đã đề xuất hệ thống quan điểm và các giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao chất lượng GD LLCT tại các trường chính trị khu vực miền núi phía Bắc trong bối cảnh CDS. Các quan điểm được xác định trên cơ sở bảo đảm sự thống nhất giữa tính chính trị, tính khoa học và tính thực tiễn của GD LLCT; gắn quá trình đổi mới với đặc điểm khu vực miền núi phía Bắc, yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ trong tình hình mới và xu thế phát triển của xã hội số.

Trên cơ sở đó, luận án đề xuất các nhóm giải pháp trọng tâm gồm: Nâng cao chất lượng và năng lực thích ứng số của các chủ thể giáo dục lý luận chính trị trong bối cảnh chuyển đổi số; đổi mới, cập nhật, hiện đại hóa nội dung chương trình giáo dục lý luận chính trị thích ứng với bối cảnh chuyển đổi số; đổi mới đồng bộ các phương thức giáo dục lý luận chính trị theo hướng hiện đại, linh hoạt và thích ứng với bối cảnh chuyển đổi số; tăng cường các điều kiện, cơ sở vật chất bảo đảm tính đồng bộ trong nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị trong bối cảnh chuyển đổi số.

Các giải pháp có mối quan hệ thống nhất, tác động hỗ trợ lẫn nhau, trong đó đội ngũ giảng viên là nhân tố quyết định, nội dung và phương thức giáo dục là khâu trực tiếp nâng cao chất lượng, còn hạ tầng số, môi trường số và cơ chế quản trị là điều kiện bảo đảm.

KẾT LUẬN

Luận án “*Nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay*” đã hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu, góp phần làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn về nâng cao chất lượng GD LLCT tại các tỉnh khu vực miền núi phía Bắc trong bối cảnh CDS.

Trên cơ sở kế thừa có chọn lọc các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước, luận án đã hệ thống hóa các khái niệm cơ bản, làm rõ quan niệm về chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS. Theo đó, chất lượng GD LLCT là kết quả tổng hợp của quá trình giáo dục, thể hiện không chỉ ở mức độ tiếp thu tri thức lý luận mà còn ở khả năng hình thành bản lĩnh chính trị, củng cố niềm tin vào Đảng và chế độ, phát triển tư duy lý luận, năng lực số và vận dụng sáng tạo tri thức vào thực tiễn. Luận án xác định nâng cao chất lượng GD LLCT là quá trình tác động có mục đích, có tổ chức của các chủ thể thông qua đổi mới đồng bộ nội dung, chương trình, phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục và cơ chế quản lý trên nền tảng số. Trên cơ sở đó, luận án làm rõ ba phương diện nâng cao chất lượng gồm chủ thể, nội dung và phương thức, đồng thời xác định các yếu tố tác động đến quá trình này.

Qua phân tích thực trạng tại các trường chính trị khu vực miền núi phía Bắc, luận án khẳng định GD LLCT đã đạt được những kết quả tích cực: nhận thức về vai trò của CDS từng bước được nâng lên; đội ngũ giảng viên ngày càng được chuẩn hóa; nội dung chương trình được cập nhật; cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ từng bước được đầu tư; các hình thức dạy học, quản lý đào tạo và khai thác học liệu số được triển khai. Những kết quả này góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng và năng lực thực tiễn của đội ngũ cán bộ.

Tuy nhiên, công tác GD LLCT vẫn còn những hạn chế như nhận thức về CDS của một số chủ thể chưa đầy đủ, năng lực số của một bộ phận giảng viên còn hạn chế, việc xây dựng học liệu số và đổi mới phương pháp dạy học chưa đồng đều, hạ tầng công nghệ giữa các địa phương còn chênh lệch, công tác

kiểm tra, đánh giá và quản lý chất lượng chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu. Từ đó, luận án xác định bốn mâu thuẫn cơ bản: (1) Mâu thuẫn giữa yêu cầu phải chuẩn hóa trình độ, kỹ năng, phát triển năng lực số của các chủ thể nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị với thực trạng sức ý tâm lý và trình độ, năng lực chuyển đổi, thích ứng còn hạn chế của các chủ thể đó trong bối cảnh chuyển đổi số ở các tỉnh miền núi phía Bắc; (2) Mâu thuẫn giữa yêu cầu phải chú trọng nâng cao chất lượng giáo dục tri thức lý luận chính trị, tình cảm, niềm tin, bản lĩnh chính trị, tư duy lý luận và năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn cho người học thích ứng với bối cảnh chuyển đổi số với thực trạng quá trình thực hiện nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị ở các trường chính trị khu vực miền núi phía Bắc còn hạn chế, bất cập, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu đặt ra; (3) Mâu thuẫn giữa yêu cầu đổi mới đồng bộ các phương thức giáo dục lý luận chính trị thích ứng bối cảnh chuyển đổi số với sự thiếu đồng bộ, chủ động, tích cực của các địa phương trong tổ chức thực hiện; (4) Mâu thuẫn giữa yêu cầu phải tăng cường đầu tư nâng cấp, phát triển hạ tầng, nhân lực công nghệ số thích ứng bối cảnh chuyển đổi số với thực trạng nguồn lực, đầu tư hạn chế và đặc thù kinh tế - xã hội của các địa phương miền núi phía Bắc còn nhiều khó khăn.

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, luận án đề xuất hệ thống quan điểm và bốn nhóm giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS. Các giải pháp tập trung vào nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các chủ thể; phát triển đội ngũ giảng viên đáp ứng yêu cầu mới; đổi mới nội dung, phương thức tổ chức dạy - học, kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển năng lực; bảo đảm hạ tầng công nghệ, học liệu số, môi trường giáo dục số và hoàn thiện cơ chế phối hợp, huy động nguồn lực. Các giải pháp có quan hệ thống nhất, bổ trợ lẫn nhau, vừa đáp ứng yêu cầu CDS, vừa phù hợp với đặc thù chính trị - xã hội của khu vực miền núi phía Bắc.

Về ý nghĩa lý luận và thực tiễn, luận án góp phần bổ sung, phát triển nhận thức về chất lượng và nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS, cung cấp cơ sở khoa học cho nghiên cứu, giảng dạy và hoạch định chính sách. Kết quả nghiên cứu có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các trường chính trị, cơ quan quản lý, cấp ủy, chính quyền địa phương và các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong xây dựng chiến lược, kế hoạch, lộ trình CDS và triển khai các mô hình giáo dục trên nền tảng số.

Nâng cao chất lượng GD LLCT trong bối cảnh CDS là yêu cầu khách quan, có ý nghĩa chiến lược đối với sự nghiệp xây dựng Đảng, hệ thống chính trị và phát triển đội ngũ cán bộ. Trong điều kiện các tỉnh miền núi phía Bắc đẩy mạnh xây dựng chính quyền số, xã hội số và công dân số, thực hiện hiệu quả các quan điểm, giải pháp của luận án sẽ góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, năng lực chuyên môn, năng lực số và khả năng thích ứng trước những biến đổi của thời đại, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Hoàng Việt Hưng (2020): “Vận dụng quan điểm về đào tạo lý luận của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị tại tỉnh Cao Bằng hiện nay”, *Tạp chí Nghiên cứu Hồ Chí Minh*.
2. Hoàng Việt Hưng (2020): “Giá trị tư tưởng về giáo dục của Jean Jacques Rousseau trong “Émile hay là về giáo dục””, *Tạp chí Giáo dục và xã hội*.
3. Hoàng Việt Hưng (2024): “Phát huy vai trò đội ngũ giảng viên tại các trung tâm chính trị cấp huyện tỉnh Lạng Sơn trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng”, *Tạp chí điện tử Quản lý nhà nước*.
4. Hoàng Việt Hưng (2024): “Nâng cao hiệu quả hoạt động của các trung tâm chính trị cấp huyện”, *Tạp chí điện tử Quản lý nhà nước*.
5. Hoàng Việt Hưng (2024): “Đổi mới nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới”, *Tạp chí Môi trường và xã hội*.
6. Hoàng Việt Hưng (đồng tác giả - 2024): *Trường Chính trị Hoàng Đình Giong nâng cao chất lượng công tác giảng dạy*, Nhà xuất bản Hà Nội.
7. Hoàng Việt Hưng (Chủ biên - 2024): *Nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp ủy, quản lý của chính quyền cấp xã trong xây dựng nông thôn mới ở Cao Bằng hiện nay*, Nhà xuất bản Hà Nội.
8. Hoàng Việt Hưng (2025): “Nâng cao hiệu quả hoạt động của các trung tâm chính trị cấp huyện của tỉnh Cao Bằng”, *Tạp chí điện tử Quản lý nhà nước*.
9. Hoàng Việt Hưng (2025): “Nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay”, *Tạp chí điện tử Quản lý nhà nước*.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Lộc An, Nghiêm Đình Đạt, Vũ Thị Hoà (2024), “Chuyển đổi số trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức ở thành phố Hà Nội”, *Quản lý nhà nước điện tử*, <https://www.quanlynhanuoc.vn/2024/08/30/chuyen-doi-so-trong-dao-tao-boi-duong-can-bo-cong-chuc-vien-chuc-o-thanh-pho-ha-noi/>, [truy cập ngày 14/8/2025]
2. Phạm Minh Anh, TS Vũ Lộc An (2024), “Chuyển đổi số trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức ở thành phố Hà Nội - Những vấn đề đặt ra và khuyến nghị giải pháp”, Tạp chí *Quản lý nhà nước điện tử*, <https://www.quanlynhanuoc.vn/2024/11/22/chuyen-doi-so-trong-dao-tao-boi-duong-can-bo-cong-chuc-vien-chuc-o-thanh-pho-ha-noi-nhung-van-de-dat-ra-va-khuyen-nghi-giai-phap/>, [truy cập ngày 14/8/2025].
3. Nguyễn Tuấn Anh (2022), “Đẩy mạnh chuyển đổi số theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, ngày 9/8/2022.
4. Trần Thị Xuân Anh, Trần Thanh Thu, Đào Hồng Nhung (2024), “Kinh nghiệm chuyển đổi số tại một số cơ sở giáo dục đại học trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam”, *Thông tin chuyên đề số 6 - 2024*, Viện Thông tin Khoa học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
5. Trịnh Trần Phương Anh (2021), “Các xu hướng chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục trên thế giới hiện nay”, *Thông tin chuyên đề số 1/2021*, Viện Thông tin Khoa học - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
6. Lê Vân Anh (2006), “Các quan niệm về thành tố của chất lượng giáo dục”, *Tạp chí Giáo dục*, số 138.
7. Vũ Ngọc Am (2011), *Đổi mới phương pháp giáo dục lý luận chính trị*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
8. Vương Thụ Âm (2018), *Lịch sử giáo dục tư tưởng và chính trị của Đảng Cộng sản Trung Quốc*, Nxb Giáo dục Đại học và Cao Đẳng, Bắc Kinh.

9. Ban Bí thư (2008), *Thông báo số 181-TB/TW ngày 03/9/2008 của Ban Bí thư Về đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của trường chính trị cấp tỉnh và trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện.*
10. Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa X (2008), *Thông báo kết luận số 181-TB/TW ngày 03/9/2008 về đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của trường chính trị cấp tỉnh và trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện.*
11. Ban Tuyên giáo Trung ương (2018): Đề án Nâng cao nhận thức về ý nghĩa, vai trò, tầm quan trọng, sự cần thiết và nội dung học tập, nghiên cứu, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong toàn Đảng, Đề án báo cáo Bộ Chính trị khóa XII.
12. Ban Tuyên giáo Trung ương (2009), *Tập bài giảng dành cho lớp Bồi dưỡng cán bộ tuyên giáo cấp tỉnh, cấp huyện năm 2009*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
13. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bắc Giang (2023), *Báo cáo số 241-BC/BTGTU ngày 04/4/2024 về Kết quả nghiên cứu, tổng kết quá trình lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao chất lượng học tập lý luận chính trị; việc học tập tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với chống biểu hiện suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong cán bộ, đảng viên trên địa bàn tỉnh từ năm 2010 đến nay.*
14. Lương Gia Ban (Chủ biên) (2002), *Góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy đổi mới nội dung chương trình các môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
15. Hoàng Phúc Bảo (2022), “Phát triển năng lực số cho giảng viên trong quá trình chuyển đổi số trong giáo dục”, *Kỷ yếu Hội thảo quốc tế International Conference on Smart Schools 2022.*
16. Nguyễn Duy Bắc (Chủ biên) (2004), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về dạy và học môn Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong trường đại học*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

17. Lê Bình (2004), “Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị”, *Tạp chí Lý luận chính trị*.
18. Lê Hải Bình (2023), *Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác giáo dục lý luận chính trị ở cơ sở, góp phần xứng đáng vào công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị*, tại trang <https://www.tuyengiao.vn/tiep-tuc-nang-cao-hieu-qua-cong-tac-giao-duc-ly-luan-chinh-tri-o-co-so-gop-phan-xung-dang-vao-cong-tac-xay-152051>, [truy cập ngày 07/4/2024].
19. Tập Cận Bình (2017), *Về quản lý đất nước Trung Quốc*, tập I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
20. Tập Cận Bình (2017), *Về quản lý đất nước Trung Quốc*, tập II, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
21. Vũ Thanh Bình (2012), *Vấn đề chất lượng đội ngũ giảng viên lý luận chính trị trong các trường đại học, cao đẳng ở nước ta hiện nay*, Luận án tiến sĩ Triết học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
22. Bộ Chính trị (1999), *Quy định 54-QĐ/TU ngày 12/5/1999 về chế độ học tập lý luận chính trị trong Đảng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
23. Bộ Chính trị (2019), *Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27-9-2019 về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư*.
24. Bộ Chính trị (2014), *Nghị quyết số 32-NQ/TW ngày 26/5/2014 về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ lãnh đạo, quản lý*.
25. Bộ Chính trị (2014), *Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 09/10/2014 về công tác lý luận và định hướng nghiên cứu đến năm 2030*.
26. Bộ Chính trị (2024), *Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*.

27. Bộ Chính trị (2025), *Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*.
28. Bộ Thông tin và Truyền thông (2021), *Cẩm nang chuyển đổi số*, Nxb. Thông tin và Truyền thông, H,2021.
29. Bun phết Xu Ly Vông Xắc (1994), *Nâng cao trình độ tư duy lý luận cho cán bộ, đảng viên Đảng Nhân dân Cách mạng Lào trong giai đoạn hiện nay*, Luận án tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
30. C.Mác và Ph.Ăngghen (1993), *Toàn tập, Tập 13*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993.
31. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập, Tập 1*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.
32. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập, Tập 2*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995.
33. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập, Tập 3*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995.
34. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập, Tập 4*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.
35. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập, Tập 20*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.
36. Nguyễn Hữu Châu (Chủ biên) (2008), *Chất lượng giáo dục - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
37. Nguyễn Hữu Chí (2008), “Một số vấn đề phương pháp luận đánh giá chất lượng giáo dục”, *Tạp chí Tuyên giáo*, số 3.
38. Nguyễn Đức Chính (2003), *Chất lượng và quản lý chất lượng trong giáo dục*, Tập bài giảng cho Cao học, Nghiên cứu sinh Quản lý giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội.
39. Vũ Thu Chinh (2024), “Chuyển đổi số trong giáo dục đại học ở Việt Nam: Thách thức và giải pháp”, *Thông tin chuyên đề số 6 - 2024*, Viện Thông tin Khoa học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

40. Bùi Việt Chung, Hoàng Văn Thanh (2025), “Thực trạng và giải pháp chuyển đổi số trong trường chính trị hiện nay”, tại trang: <https://lyluanchinhtri.vn/thuc-trang-va-giai-phap-chuyen-doi-so-trong-truong-chinh-tri-hien-nay-7122.html> [truy cập ngày 07/10/2025].
41. Hoàng Đình Cúc (Chủ nhiệm đề tài), *Nâng cao chất lượng đào tạo giảng viên lý luận Mác - Lênin đáp ứng yêu cầu đổi mới hiện nay ở Học viện Báo chí và Tuyên truyền*, đề tài khoa học cấp Bộ - mã B.08-34.
42. Phùng Danh Cường (2017), “Dạy và học các môn lý luận chính trị ở các trường đại học, cao đẳng, thực trạng và giải pháp”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số 6.
43. Trần Quang Diệu (2025), “Chuyển đổi số giáo dục tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh trong kỷ nguyên phát triển mới”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số 568 (6/2025).
44. Ngô Thị Thu Dung (2021), “Cơ sở lý luận về chuyển đổi số trong dạy học đại học”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Trường Đại học Hòa Bình*, số 01, tháng 9/2021.
45. Cao Anh Dũng (2025), Đổi mới nội dung, hình thức học tập lý luận chính trị theo hướng tiếp cận năng lực người học trong các cơ sở giáo dục - Một số vấn đề đặt ra, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Đổi mới việc học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân đáp ứng yêu cầu phát triển trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc*.
46. Bùi Hải Dương (2017), *Xây dựng đội ngũ giảng viên lý luận chính trị của các trường chính trị tỉnh, thành phố vùng đồng bằng sông Cửu Long hiện nay*, Luận án tiến sĩ khoa học Chính trị học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội.
47. Nguyễn Thị Doan (2023), *Xây dựng xã hội học tập trong bối cảnh chuyển đổi số ở Việt Nam*, Nxb. Dân trí, H.2023.
48. Đ.A.Vôncôgônốp (1984), *Phương pháp luận công tác giáo dục tư tưởng*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.

49. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016): *Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.*
50. Đảng Cộng sản Việt Nam (2018): *Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.*
51. Đảng Cộng sản Việt Nam (2018): *Chỉ thị số 23-CT/TW ngày 09/02/2018 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới.*
52. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.*
53. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 2, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.*
54. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, tập 1, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.*
55. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, tập 2, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.*
56. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026): *Chương trình hành động của Ban Chấp hành Trung ương Đảng thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.*
57. Hoàng Quốc Đạt (2009), “Vài vấn đề đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục lý luận chính trị trong tình hình hiện nay”, *Tạp chí Tuyên giáo*, tr.29-31.
58. Nguyễn Khoa Điềm (2004), “Nâng cao hơn nữa chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục lý luận chính trị trong tình hình mới”, *Tạp chí thông tin công tác tư tưởng lý luận*, tháng 1.

59. Nguyễn Văn Đản (2004), “Quan niệm về chất lượng giáo dục”, *Tạp chí Giáo dục*, số 87.
60. Trần Thị Anh Đào (2010), *Công tác giáo dục lý luận chính trị cho sinh viên Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
61. Vũ Nguyên Đán (2013), “Hà Nam nâng cao chất lượng Trung tâm bồi dưỡng lý luận chính trị cấp huyện”, *Báo Nhân dân điện tử*, ngày 13/02/2013.
62. Vũ Hữu Đức (2020), *Nghiên cứu về phương thức học tập, đào tạo dựa trên công nghệ thông tin (E-learning) trong giáo dục đại học và đào tạo trực tuyến mở dành cho đại chúng MOOCs: Kinh nghiệm thế giới và ứng dụng tại Việt Nam*, đề tài nghiên cứu khoa học cấp quốc gia.
63. Bùi Hiền (2006), “Về chất lượng giáo dục”, *Tạp chí Cộng sản*, số 19.
64. Đào Thị Hiền, (2017), “Vài suy nghĩ góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện”, *trang thông tin điện tử, Ban Tuyên giáo Kon Tum*, ngày 03/10/2017.
65. Đoàn Thế Hanh (2007), “Tăng cường nhận thức lý luận chính trị đối với cán bộ, đảng viên theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5, khóa X”, *Tạp chí Cộng sản*, số 21.
66. Thái Thị Hồng (2025), “Mô hình đổi mới sáng tạo và triển khai đổi mới sáng tạo trong đào tạo, bồi dưỡng tại các trường chính trị cấp tỉnh hiện nay”, *Bản tin Thông tin công tác trường chính trị*, số 3/2025.
67. Hà Ngọc Hợi (chủ biên) (2002), *Đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tư tưởng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
68. Lương Khắc Hiếu (Chủ biên), (2014), *Nguyên lý công tác tư tưởng*, tập 1, 2, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
69. Mạnh Hà (2014), “Hoạt động của trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện: nỗi niềm người trong cuộc”, *baohatinh.vn* (ngày 19/12/2014).

70. Phạm Minh Hạc - Trần Kiều - Đặng Bá Lãm - Nghiêm Đình Vi (2001), *Giáo dục thế giới đi vào thế kỷ 21*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
71. Ngô Đông Hải (2025), *Đổi mới giáo dục lý luận chính trị trong kỷ nguyên vươn mình - một số vấn đề lý luận và nhận thức*, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Đổi mới việc học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân đáp ứng yêu cầu phát triển trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc*.
72. Nguyễn Mạnh Hải (2018), *Phát triển đội ngũ giảng viên trường chính trị các tỉnh miền núi phía Bắc đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục lý luận chính trị*, Nxb Lao động, Hà Nội.
73. Nguyễn Mạnh Hải (2022), “Chuyển đổi số thông tin khoa học lý luận chính trị góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch”, *Thông tin Khoa học lý luận chính trị*, số 1 (2022).
74. Nguyễn Mạnh Hải và Trần Thị Thu Hiền (2024), “Đổi mới dạy học lý luận chính trị hướng tới mô hình giáo dục số”, *Thông tin chuyên đề: Chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp*, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, số 06-2024.
75. Phan Thị Thanh Hải, Hoàng Anh (2025), “Phát triển đội ngũ giảng viên lý luận chính trị trong bối cảnh chuyển đổi số”, *Tạp chí Lý luận chính trị điện tử*, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, 25/02/2025.
76. Trần Thị Bích Hạnh (2017), “Những lợi ích và sự cần thiết phải nhận thức lại về đào tạo trực tuyến tại Việt Nam - góc nhìn sâu hơn về vai trò của đào tạo trực tuyến với việc giảng dạy tin học ở các trường đại học Việt Nam”, bài viết đăng trên sách chuyên khảo *Đào tạo trực tuyến trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp 4.0*, Nxb. Đại học Kinh tế Quốc dân, H.2017.

77. Tống Thị Hạnh (2025), Chuyển đổi số trong giảng dạy và học tập lý luận chính trị ở cơ sở giáo dục - Thực trạng và những vấn đề đặt ra, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Đổi mới việc học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân đáp ứng yêu cầu phát triển trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc*.
78. Nguyễn Hữu Hải và Trần Thị Trang (2024), “Một số giải pháp nâng cao hiệu quả quá trình chuyển đổi số trong giáo dục đại học hiện nay”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học*, Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì - Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Phú Thọ.
79. Trần Thị Thu Hằng (2024), “Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy lý luận chính trị trong các cơ sở giáo dục đại học hiện nay”, tại trang <https://lyluanchinhtri.vn/thuc-trang-va-giai-phap-nang-cao-chat-luong-giang-day-ly-luan-chinh-tri-trong-cac-co-so-giao-duc-dai-hoc-hien-nay-6609.html> [truy cập ngày 27/02/2025].
80. Bùi Thị Hậu (2025), Trường Chính trị tỉnh Sơn La đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số, tại trang: <https://sonla.dcs.vn/tin-tuc-su-kien/noi-dung/truong-chinh-tri-tinh-son-la-day-manh-ung-dung-chuyen-doi-so-5550.html> [truy cập ngày 07/10/2025].
81. Vũ Văn Hiền - Đinh Xuân Lý (Đồng chủ biên) (2002), *Quán triệt vận dụng Nghị quyết Đại hội IX, nâng cao chất lượng giảng dạy lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
82. Trần Ngọc Hiền (2008), *Một số vấn đề về lý luận chính trị trong giai đoạn mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008.
83. Đoàn Đức Hiếu, Phùng Thế Anh (2018), *Đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy các môn khoa học lý luận chính trị - một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
84. Nguyễn Ngọc Hiệp và Nguyễn Trung Dũng (2022), “Đổi mới phương pháp giảng dạy trong thời kỳ chuyển đổi số đáp ứng mô hình đào tạo

chất lượng cao trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0”, *Kỷ yếu Hội thảo quốc tế International Conference on Smart Schools 2022*.

85. Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông (2025), Chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong việc đổi mới nâng cao chất lượng giảng dạy các môn lý luận chính trị tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông - Thực tiễn, kinh nghiệm và một số kiến nghị, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Đổi mới việc học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân đáp ứng yêu cầu phát triển trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc*.
86. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2023), *Báo cáo số 1747-BC/HVCTQG ngày 15/02/2023 về tổng kết công tác trường chính trị, trường bộ, ngành năm 2022, phương hướng, nhiệm vụ năm 2023*.
87. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2024), *Báo cáo số 2964-BC/HVCTQG ngày 01/3/2024 về tổng kết công tác trường chính trị, trường bộ, ngành năm 2023, phương hướng, nhiệm vụ năm 2024*.
88. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2025), *Báo cáo số 95-BC/HVCTQG ngày 20/02/2025 về tổng kết công tác trường chính trị năm 2024, phương hướng, nhiệm vụ năm 2025*.
89. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2026), *Báo cáo số 44-BC/HVCTQG, ngày 15/01/2026 về Tổng kết công tác trường chính trị năm 2025, phương hướng, nhiệm vụ năm 2026*.
90. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2018), *Giáo trình Cao cấp Lý luận chính trị*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2018.
91. Diêm Kiệt Hoa - Học viện Chính trị, Đại học Quảng Tây, Trung Quốc (2013), “Nghiên cứu tiến trình phát triển giáo dục lý luận chủ nghĩa Mác ở Trung Quốc”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc*.
92. Nguyễn Tiến Hoàng (Chủ nhiệm đề tài), *Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác chỉ đạo, quản lý việc giảng dạy các bộ môn khoa học*

Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong các trường đại học, cao đẳng, Đề tài nghiên cứu khoa học.

93. Nguyễn Tiến Hoàng (2010), “Tiếp tục đổi mới các chương trình giáo dục lý luận chính trị đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới”, *Tạp chí Tuyên giáo*, tr.40-43.
94. Nguyễn Hoàng (2022), “Chuyển đổi số trong giáo dục đại học: nội dung, quy trình và thách thức đối với các trường đại học Việt Nam”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế Chuyển đổi số trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0*, Nxb. Hà Nội, H.2022.
95. Hội đồng lý luận Trung ương (2018), *Công tác tư tưởng trong điều kiện hiện nay: Thực trạng, vấn đề đặt ra và giải pháp*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
96. Nguyễn Tiến Hùng (2007), “Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào xây dựng phương pháp dạy học của người thầy trong giáo dục lý luận chính trị”, *Tạp chí Giáo dục lý luận*, số 1.
97. Trần Hùng (2000), Hiệu quả giáo dục lý luận chính trị cho sinh viên các trường đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh - Thực trạng và giải pháp, Luận án tiến sĩ Triết học.
98. Lương Vị Hùng, Khổng Khang Hoa (2008), *Triết học giáo dục hiện đại*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
99. Hoàng Mạnh Hùng (2024), “Nâng cao hiệu quả chuyển đổi số trong dạy học các môn Lý luận chính trị ở Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội”, *Tạp chí Thiết bị giáo dục: Nghiên cứu ứng dụng*, số 318, tháng 8/2024.
100. Nguyễn Mạnh Hùng, “Bài nói chuyện về chuyển đổi số của Bộ trưởng Nguyễn Mạnh Hùng tại hội nghị Chuyển đổi số Bà Rịa - Vũng Tàu”, tại trang: <https://mst.gov.vn/bai-noi-chuyen-ve-chuyen-doi-so-cua-bo-truong-nguyen-manh-hung-tai-hoi-nghi-chuyen-doi-so-ba-ria-vung-tau-197146818.htm>, [truy cập ngày 15/11/2025].

101. Nguyễn Bình Huy, Trần Hải Anh, Nguyễn Hữu Tâm (2024), “Chuyển đổi số - xu hướng tất yếu trong giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay”, *Thông tin chuyên đề số 6 - 2024*, Viện Thông tin khoa học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
102. Hoàng Việt Hưng, “Nâng cao hiệu quả hoạt động của các trung tâm chính trị”, tại trang <https://www.quanlynhanuoc.vn/2024/08/13/nang-cao-hieu-qua-hoat-dong-cua-cac-trung-tam-chinh-tri-cap-huyen/> [truy cập ngày 04/3/2025].
103. Hoàng Việt Hưng, “Nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay”, <https://www.quanlynhanuoc.vn/2025/09/11/nang-cao-chat-luong-giao-duc-ly-luan-chinh-tri-cho-can-bo-dang-vien-trong-boi-can-h-chuyen-doi-so-hien-nay/> [truy cập ngày 06/10/2025].
104. Trần Thị Lan Hương (2025), *Đổi mới dạy và học các học phần lý luận chính trị trong bối cảnh chuyển đổi số ở Việt Nam hiện nay*, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Đổi mới việc học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân đáp ứng yêu cầu phát triển trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc*.
105. Phạm Thị Thu Hương, Nguyễn Thành Nam (2024), “Chuyển đổi số - vấn đề đặt ra đối với đội ngũ giảng viên đại học hiện nay”, *Thông tin chuyên đề số 6 - 2024*, Viện Thông tin Khoa học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
106. Lô Thị Thu Hường, “Ứng dụng chuyển đổi số trong công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu thực tế ở Trường Chính trị Hoàng Văn Thụ”, tại trang: <http://truongchinhtrils.vn/node/1782> [truy cập ngày 07/10/2025].
107. Cao Minh Kiểm (2020), “Chuyển đổi số trong phát triển tài nguyên thông tin khoa học và công nghệ số”, *Tạp chí Thông tin và Tư liệu*, số 1/2020.

108. Phạm Huy Kỳ (Chủ biên), (2012), *Lý luận và phương pháp nghiên cứu, giáo dục lý luận chính trị*, Nxb Chính trị - Hành chính Quốc gia, Hà Nội.
109. Cầm Thị Lai (2025), “Tiếp tục đổi mới phương pháp giảng dạy lý luận chính trị đáp ứng yêu cầu xây dựng trường chính trị chuẩn trong kỷ nguyên mới”, *Bản tin Thông tin công tác trường chính trị*, số 2/2025.
110. Đỗ Văn Lược (2018), “Trung tâm bồi dưỡng lý luận chính trị cấp huyện: cần tiếp tục xác nh rõ hơn vai trò, vị trí”, *Tạp chí Cộng sản*, 3/7/2018.
111. Nguyễn Thị Linh (2021), “Quan điểm Đại hội XIII của Đảng về đẩy mạnh chuyển đổi số, tại trang: <https://www.quanlynhanuoc.vn/2021/07/06/quan-diem-dai-hoi-xiii-cua-dang-ve-day-manh-chuyen-doi-so/>, [truy cập ngày 27/11/2025].
112. Phạm Thị Tuấn Linh (2022), *Đề tài khoa học Xây dựng mô hình chuyển đổi số trong giáo dục đào tạo thích ứng với xã hội số tại tỉnh Thái Nguyên*, Trường Đại học Thái Nguyên.
113. Phạm Văn Linh (Chủ biên) (2017), *Nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập các môn lý luận chính trị trong các trường đại học, cao đẳng*, Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
114. Vũ Thị Thanh Mai, “Học tập lý luận là một sự bức thiết đối với Đảng ta”, *Tạp chí Tuyên giáo*, tr.40-43.
115. Triệu Quốc Mẫn (2020), “Bàn về phương pháp nâng cao chất lượng giảng dạy môn lý luận chính trị”, *Tạp chí Giáo dục và Nghề nghiệp*.
116. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, Tập 4*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011.
117. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, Tập 5*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011.

118. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, Tập 6*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011.
119. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, Tập 9*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011.
120. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, Tập 11*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011.
121. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, Tập 12*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011.
122. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, Tập 13*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011.
123. M.I.Calinin (1983), *Giáo dục cộng sản*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
124. Mai Yên Nga, “Giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên ở cơ sở”, *Tạp chí Tuyên giáo*, số 01/2021.
125. Nguyễn Thị Như (2024), “Đảng lãnh đạo thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo (2011-2021)”, *Thông tin chuyên đề số 6 - 2024*, Viện Thông tin Khoa học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
126. Phạm Thành Nghị (2013), *Quản lý chất lượng giáo dục*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
127. Nguyễn Thu Nghĩa (2025), “Xu hướng giáo dục trong bối cảnh chuyển đổi số”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số 564 (02/2025).
128. Lê Hữu Nghĩa (2010), *Lý luận chính trị và năng lực tư duy của cán bộ*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2010.
129. Tô Hồng Nam (2024), “Chuyển đổi số giáo dục đại học: Xây dựng mô hình giáo dục đại học số tại Việt Nam”, *Thông tin chuyên đề số 6 - 2024*, Viện Thông tin Khoa học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
130. Trương Ngọc Nam (Chủ nhiệm đề tài) (2015), *Chất lượng đào tạo, bồi dưỡng giảng viên lý luận chính trị ở Việt Nam hiện nay*, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Đề tài cấp Bộ, mã B.08-34, Hà Nội.

131. Trương Thị Hồng Nga, Nguyễn Thị Túy (2025), “*Nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị ở các trường đại học trong bối cảnh chuyển đổi số*”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, ngày 9/5/2025.
132. OECD (2019), “*Chuyển đổi số: Định hình chính sách, cải thiện cuộc sống*, Nxb OECD, Paris (Sách tiếng Anh).
133. Nguyễn Thị Oanh, “*Một số kết quả thực hiện chuyển đổi số tại Trường Chính trị Hoàng Đình Giong, tỉnh Cao Bằng*”, <https://truongchinhtri.caobang.gov.vn/index.php/news/Nghien-cuu-khoa-hoc/Mot-so-ket-qua-thuc-hien-chuyen-doi-so-tai-Truong-Chinh-tri-Hoang-Dinh-Giong-tinh-Cao-Bang-1201/>
134. Phùng Hữu Phú (2013), *Lý luận chính trị và công tác tư tưởng của Đảng*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2013.
135. Phân viện Báo chí và Tuyên truyền (2004), *Phương pháp dạy - học, kiểm tra, đánh giá các môn khoa học xã hội và nhân văn*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
136. Đào Duy Quát (Chủ biên), (2004), *Một số vấn đề về công tác tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
137. Vương Ngạn Quân, Hà Vân (2022), *Phương pháp luận giáo dục tư tưởng và chính trị*, Nxb Nhân dân tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc (tiếng Trung).
138. Trần Cao Quý (2024), “*Nâng cao năng lực số của giảng viên lý luận chính trị*”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì - Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Phú Thọ*.
139. Đỗ Thị Ngọc Quyên (2021), “*Chuyển đổi số trong giáo dục: Những thách thức và nguy cơ*”, *Thông tin chuyên đề số 1*, Viện Thông tin Khoa học - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
140. Tô Huy Rúa (2012), *Một số vấn đề công tác lý luận, tư tưởng và tổ chức của Đảng trong thời kỳ đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

141. Nguyễn Thị My Sa (2023), “Nâng cao vai trò, chất lượng hoạt động của hệ thống trung tâm chính trị, góp phần đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chính trị hiện nay”, tại trang: <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/nghien-cu/-/2018/828717/nang-cao-vai-tro%2C-chat-luong-hoat-dong-cua-he-thong-trung-tam-chinh-tri-cap-huyen%2C-gop-phan-dap-ung-yeu-cau%2C-nhiem-vu-chinh-tri-hien-nay.aspx#>, [truy cập ngày 26/3/2024].
142. Vũ Thanh Sơn (2024), “Thúc đẩy chuyển đổi số trong đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị”, *Tạp chí điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam*, 2024.
143. Vũ Thanh Sơn (2024), “Chuyển đổi số trong đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị: Tiếp cận và đề xuất”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số 561 (11, 2024).
144. Nguyễn Tiến Sơn (2016), *Chất lượng giáo dục lý luận chính trị cho sinh viên các trường thể dục thể thao ở nước ta hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Chính trị học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền.
145. Nguyễn Văn Sỹ (2025), “Chuyển đổi số để nâng cao chất lượng giảng dạy lý luận chính trị ở các trường chính trị tỉnh, thành phố hiện nay”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, ngày 13/5/2025.
146. Sạ Mút Thông Sôm Pha Nít (2007), “Vai trò của người thầy trong điều kiện mới”, *Tạp chí Giáo dục lý luận chính trị - hành chính Lào*, số 6.
147. Hoàng Văn Thanh (2025), “Đẩy mạnh chuyển đổi số đáp ứng yêu cầu xây dựng trường chính trị chuẩn”, *Bản tin Thông tin công tác trường chính trị*, số 1/2025.
148. Nguyễn Viết Thảo (2017), *Công tác lý luận chính trị trong tình hình mới*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội, 2017.
149. Ngô Văn Thạo (Chủ biên) (2008), *Phương pháp giảng dạy lý luận chính trị (Chương trình bồi dưỡng chuyên đề dành cho giảng viên*

- giảng dạy các chương trình lý luận chính trị tại Trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện*), Nxb Lao động xã hội, Hà Nội.
150. Nguyễn Thị Hà Thu (2023), *Chất lượng giáo dục lý luận chính trị trực tuyến cho sinh viên các trường đại học khoa học xã hội và nhân văn ở Thành phố Hà Nội hiện nay*, Luận án tiến sĩ Chính trị học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền.
 151. Nguyễn Văn Thủy (2024), “Chuyển đổi số trong ngành giáo dục: Thực trạng và một số đề xuất trong thời gian tới”, *Thông tin chuyên đề số 6 - 2024*, Viện Thông tin Khoa học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
 152. Nguyễn Văn Thiên (2024), “Nâng cao chất lượng giảng dạy các môn Lý luận chính trị thông qua ứng dụng công nghệ số”, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng*, số đặc biệt tháng 5/2024.
 153. Bùi Anh Tuấn, Nguyễn Hồng Phúc (2022), “Các phương pháp giảng dạy hiện đại phù hợp với mô hình chuyển đổi số tại các trường đại học trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0”, *Kỷ yếu Hội thảo quốc tế International Conference on Smart Schools 2022*.
 154. Trần Minh Tuấn (2023), “Chuyển đổi số quốc gia: Kết quả bước đầu và khuyến nghị chính sách”, *Tạp chí Lãnh đạo và Chính sách*, số 5.
 155. Nguyễn Anh Tuấn (2025), *Ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị hiện nay*, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Đổi mới việc học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân đáp ứng yêu cầu phát triển trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc*.
 156. Phạm Thanh Tuấn (2024), “Nâng cao hiệu quả công tác giảng dạy các môn lý luận chính trị theo hướng chuyển đổi số tại các trung tâm chính trị ở Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay”, *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, tập 20, số 10.

157. Quang Thịnh (2013), “Đổi mới phương pháp giảng dạy lý luận chính trị tại trung tâm bồi dưỡng chính trị”, *Tạp chí Tuyên giáo*, số 03/2013.
158. Đỗ Tùng (2024), “Chuyển đổi số tại Trường Chính trị tỉnh Phú Thọ - Thực trạng và giải pháp”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học*, Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì - Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Phú Thọ.
159. Bùi Thanh Tùng, Nguyễn Minh Hiền (2024), “Nâng cao chất lượng giảng dạy các môn lý luận chính trị tại Trường Đại học Tài chính - Marketing trước yêu cầu chuyển đổi số”, *Tạp chí điện tử Quản lý nhà nước*, ngày 21/3/2024.
160. Hoàng Sỹ Tương, Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Nguyễn Thị Loan (2023), *Chuyển đổi số trong giáo dục*, Nxb Thông tin và Truyền thông, H.2023
161. Đặng Thị Nhiệt Thu (2010), “Đổi mới phương pháp dạy học lý luận chính trị trong các trường đại học và cao đẳng”, *Tạp chí Khoa học chính trị*.
162. Nguyễn Thị Thu (2025), Trí tuệ nhân tạo và sự kiến tạo lại không gian học lý luận chính trị trong giáo dục đại học Việt Nam, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Đổi mới việc học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân đáp ứng yêu cầu phát triển trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc*.
163. Nguyễn Thu Thủy (2021), “Tổng quan nghiên cứu về chuyển đổi số”, *Thông tin chuyên đề số 1*, Viện Thông tin Khoa học - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
164. Đặng Minh Tiên (2024), “Giải pháp để chuyển đổi số trong giáo dục đại học hiện nay”, *Thông tin chuyên đề số 6 - 2024*, Viện Thông tin Khoa học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
165. Tỉnh ủy Cao Bằng (2025), *Báo cáo số 705-BC/TU, ngày 08/09/2025 tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng*.

166. Tỉnh ủy Cao Bằng (2025), *Báo cáo số 718-BC/TU ngày 11/9/2025 Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX.*
167. Tỉnh ủy Lào Cai (2024), *Báo cáo số 815-BC/TU ngày 25/6/2024 về tổng kết 10 năm thực hiện Kết luận số 94-KL/TW, ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư về “Tiếp tục đổi mới học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”.*
168. Tỉnh ủy Lạng Sơn (2023), *Chỉ thị số 19-CT/TU, ngày 28/04/2023 về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh đến năm 2030 và những năm tiếp theo.*
169. Tỉnh ủy Phú Thọ (2025), *Báo cáo số 45-BC/TU, ngày 31/10/2025 Báo cáo Chính trị trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Phú Thọ lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.*
170. Tỉnh ủy Vĩnh Phúc (2021), *Đề án số 08-ĐA/TU, ngày 05/11/2021 Xây dựng Trường Chính trị tỉnh Vĩnh Phúc đạt chuẩn.*
171. Tỉnh ủy Yên Bái (2021), *Đề án số 06-ĐA/TU, ngày 25/10/2021 Xây dựng Trường Chính trị tỉnh Yên Bái đạt chuẩn mức 1, giai đoạn 2022 - 2025.*
172. Nguyễn Đình Trãi (2001), *Nâng cao năng lực tư duy lý luận cho cán bộ, giảng viên lý luận Mác - Lênin ở các trường chính trị tỉnh, Luận án tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.*
173. Nguyễn Phú Trọng (1999), “Tạo bước chuyển biến mới trong việc học tập lý luận chính trị của cán bộ, đảng viên”, *Tạp chí Cộng sản*, tháng 11/1999.
174. Nguyễn Phú Trọng (2015), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2015.
175. Trường Chính trị tỉnh Bắc Ninh (2025), *Báo cáo số 56-BC/TCT, ngày 30/12/2025 về Đánh giá chất lượng đào tạo Trung cấp lý luận chính trị năm 2025.*

176. Trường Chính trị tỉnh Điện Biên (2025), *Báo cáo số 90-BC/TCT, ngày 30/12/2025 về Kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2025, phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2026.*
177. Trường Chính trị Hoàng Văn Thụ, tỉnh Lạng Sơn (2025), *Báo cáo số 175-BC/TCT, ngày 25/12/2025 về Kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2025, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2026.*
178. Trường Chính trị tỉnh Lai Châu (2025), *Báo cáo số 31-BC/TCT, ngày 31/12/2025 về Kết quả thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng năm 2025; phương hướng, nhiệm vụ năm 2026.*
179. Trường Chính trị tỉnh Lào Cai (2025), *Báo cáo số 58-BC/TCT, ngày 30/12/2025 về Tổng kết năm 2025, phương hướng, nhiệm vụ năm 2026.*
180. Trường Chính trị tỉnh Phú Thọ, *Báo cáo số 65-BC/TCT, ngày 28/11/2025 về Tình hình thực hiện nhiệm vụ chính trị năm 2025, nhiệm vụ và giải pháp năm 2026.*
181. Trường Chính trị tỉnh Sơn La (2025), *Báo cáo số 70-BC/TCT, ngày 15/12/2025 về Kết quả đào tạo, bồi dưỡng năm 2025.*
182. Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên (2025), *Báo cáo số 104-BC/TCTr, ngày 04/11/2025 về Tổng kết công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ năm 2025, đăng ký nhu cầu năm 2026.*
183. Trường Chính trị tỉnh Tuyên Quang (2025), *Báo cáo số 63-BC/TCT, ngày 31/12/2025 về Kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2025, phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2026.*
184. Trường Đại học Kinh tế quốc dân (2017), *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Đào tạo trực tuyến trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp 4.0*, Nxb. Đại học Kinh tế quốc dân, H.2017.
185. Bùi Kim Thanh, Bùi Thị Hồng Hà (2022), “Áp dụng chuyển đổi số trong giáo dục lý luận chính trị”, *Tạp chí Lý luận chính trị điện tử*, ngày 21/6/2022.

186. Nguyễn Xuân Thắng (2021), *Tư tưởng, lý luận với đổi mới và phát triển đất nước*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
187. Đại Cương Thư, Trương Chấn Hoa, *Chuỗi lý thuyết giáo dục lý luận Mác dành cho sinh viên đại học thời đương đại*, Nxb Đại học Nhân dân Trung Quốc, (bản tiếng Anh).
188. Quang Thịnh (2013), “Đổi mới phương pháp giảng dạy lý luận chính trị tại trung tâm bồi dưỡng chính trị”, *Tạp chí Tuyên giáo*, 03/2013.
189. Trần Quốc Tuấn (2023), “Đổi mới giảng dạy các môn lý luận chính trị ở trường đại học hiện nay”, *Tạp chí Quản lý Nhà nước*.
190. Từ điển Triết học (1986), Nxb Tiến bộ, Matxcova, Hà Nội, 1986.
191. UNDP (2023), *From Vision to Action: Explaining UNDP Digital Transformation Framework* (Từ tầm nhìn đến hành động: Giải thích khung chuyển đổi số của UNDP), Tài liệu khái niệm (Concept Note), Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc, New York.
192. V.I.Lênin (1997), *Toàn tập, Tập 41*, Nxb. Tiến bộ, Mát-xcơ-va, Hà Nội, 1997.
193. V.I.Lênin (1980), *Toàn tập, tập 5 và tập 33*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, Hà Nội, 1980.
194. V.I.Lênin (2005): *Toàn tập, Tập 6*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.
195. V.I.Lênin (2005), *Toàn tập, Tập 36*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005.
196. V.I.Lênin (2005), *Toàn tập, Tập 38*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005.
197. V.I.Lênin (2005), *Toàn tập, Tập 41*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005.
198. V.I.Lênin (2005), *Toàn tập, Tập 42*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005.
199. V.I.Lênin (2005), *Toàn tập, Tập 44*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005.
200. Viện ngôn ngữ học (2000), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng, 2000, Đà Nẵng.
201. Nghiêm Đình Vỳ (2004), “Quan điểm đánh giá chất lượng giáo dục”, *Tạp chí Cộng sản*, số 22.

202. Nguyễn Hữu Vui (2002), *Đổi mới phương pháp giảng dạy các môn khoa học Mác - Lênin ở Việt Nam - Những vấn đề chung*, Đề tài KX 10-08.
203. Đinh Thanh Xuân (2015), “Giảng dạy các môn lý luận chính trị trong các trường đại học hiện nay”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*.
204. Trần Vĩnh Xuyên (2022), “Đổi mới mô hình dạy và học theo hướng chuyển đổi số tại Khoa Công nghệ thông tin trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư”, *Kỷ yếu Hội thảo quốc tế International Conference on Smart Schools 2022*.
205. X.I.Xurontrencô (1982), *Hoạt động tư tưởng của Đảng Cộng sản Liên Xô*, Nxb Thông tin lý luận, Hà Nội.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1

KẾT QUẢ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ CỦA CÁC TRƯỜNG CHÍNH TRỊ (Từ năm 2022 - 2025)

TT	Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Tổng số lớp/học viên		Tập trung		Không tập trung	
		Lớp	Học viên	Lớp	Học viên	Lớp	Học viên
I	<i>Các tỉnh miền núi phía Bắc (trước 01/7/2025)</i>						
1	Bắc Giang	38	2138	6	294	32	1844
2	Bắc Kạn	9	464	3	130	6	334
3	Cao Bằng	33	1991	15	693	18	1298
4	Điện Biên	45	2489	22	1023	23	1466
5	Hà Giang	30	1909	9	450	21	1459
6	Hòa Bình	21	1229	6	285	15	944
7	Lai Châu	26	1200	15	669	11	531
8	Lạng Sơn	48	2749	15	730	33	2019
9	Lào Cai	53	3365	27	1467	26	1898
10	Phú Thọ	43	2578	16	744	27	1834
11	Sơn La	58	3258	17	839	41	2419
12	Thái Nguyên	66	4303	17	737	49	3566
13	Tuyên Quang	15	908	11	645	4	263
14	Yên Bái	20	1449	5	271	15	1178
	Tổng I	458	27.428	175	8.553	283	18.875
II	<i>Các tỉnh, thành phố ngoài khu vực miền núi phía Bắc (trước 01/7/2025)</i>						
1	An Giang	46	3107	13	650	33	2457
2	Bạc Liêu	11	542	5	251	6	291
3	Bắc Ninh	40	2481	13	634	27	1847
4	Bến Tre	22	1338	8	353	14	985
5	Bình Định	46	3377	9	431	37	2946
6	Bình Dương	45	2856	16	777	29	2079
7	Bình Phước	41	2180	24	1162	17	1018
8	Bình Thuận	15	847	8	384	7	463
9	Bà Rịa-Vũng Tàu	48	3111	10	481	38	2630
10	Cà Mau	38	1983	15	791	23	1192
11	Cần Thơ	39	2303	15	708	24	1595
12	Đà Nẵng	48	3011	19	948	29	2063
13	Đắk Lắk	57	3809	18	872	39	2937
14	Đắk Nông	32	1828	19	887	13	941
15	Đồng Nai	37	2313	14	602	23	1711
16	Đồng Tháp	43	2624	18	898	25	1726

TT	Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Tổng số lớp/học viên		Tập trung		Không tập trung	
		Lớp	Học viên	Lớp	Học viên	Lớp	Học viên
17	Gia Lai	86	3797	55	1944	31	1853
18	Hà Nam	22	1442	8	443	14	999
19	Hà Nội	112	7355	36	1762	76	5593
20	Hà Tĩnh	61	3378	16	426	45	2952
21	Hải Dương	48	3113	15	725	33	2388
22	Hải Phòng	65	4086	15	738	50	3348
23	Hậu Giang	20	1036	15	736	5	300
24	Hung Yên	69	4049	20	778	49	3271
25	Khánh Hoà	58	3766	13	629	45	3137
26	Kiên Giang	63	3478	47	2271	16	1207
27	Kon Tum	23	1339	8	360	15	979
28	Lâm Đồng	55	3378	20	933	35	2445
29	Long An	54	3915	23	1431	31	2484
30	Nam Định	31	2002	6	308	25	1694
31	Nghệ An	91	5632	60	3615	31	2017
32	Ninh Bình	40	2456	14	669	26	1787
33	Ninh Thuận	15	956	6	277	9	679
34	Phú Yên	25	1736	6	288	19	1448
35	Quảng Bình	35	2495	10	480	25	2015
36	Quảng Nam	27	1662	18	1019	9	643
37	Quảng Ngãi	54	3140	21	1012	33	2128
38	Quảng Ninh	59	3834	20	897	39	2937
39	Quảng Trị	39	2256	16	783	23	1473
40	Sóc Trăng	27	1756	16	892	11	864
41	Tây Ninh	43	2632	19	884	24	1748
42	Thái Bình	28	1432	9	421	19	1011
43	Thanh Hóa	86	5553	31	1387	55	4166
44	Tiền Giang	30	2024	12	600	18	1424
45	TP Hồ Chí Minh	177	10112	52	2249	125	7863
46	Trà Vinh	24	1754	13	934	11	820
47	Thừa Thiên Huế	49	3136	20	994	29	2142
48	Vĩnh Long	24	1327	17	814	7	513
49	Vĩnh Phúc	15	857	8	369	7	488
	Tổng II	2.263	138.594	889	42.897	1.374	95.697
	Cộng I và II	2.721	166.022	1.064	51.450	1.657	114.572

Phụ lục 2

KẾT QUẢ CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, TỔNG KẾT THỰC TIỄN CỦA CÁC TRƯỜNG CHÍNH TRỊ
(Từ năm 2022 - 2025)

TT	Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Đề tài khoa học			Hội thảo khoa học						Tọa đàm			Hoạt động xuất bản			Bài đăng			Kết quả thi chính luận bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng				
		Bộ	Tỉnh	Trường	Quốc tế	Quốc gia	Bộ	Cục	Tỉnh	Trường	Bộ	Tỉnh	Trường	Sách chuyên khảo, tham khảo	Kỹ yếu hội thảo	Tập chí/bản tin (số/năm)	Tập chí quốc tế	Tập chí ISSN	Tập chí/bản tin của nhà trường	Số bài dự thi	Số bài đạt giải			
																					Trường	Tỉnh	Quốc gia	
I	Các tỉnh miền núi phía Bắc (trước 01/7/2025)																							
1	Bắc Giang	0	3	17	0	0	1	0	6	17	0	0	2	5	4	6	0	40	0	200	0	0	1	
2	Bắc Kạn	0	2	13	0	0	0	1	1	16	0	1	1	1	1	87	0	9	102	46	8	0	0	
3	Cao Bằng	0	7	13	0	0	0	1	6	12	0	0	0	0	3	116	0	38	179	76	9	0	18	
4	Điện Biên	0	3	18	4	3	1	3	3	13	1	0	0	3	13	80	1	11	81	154	0	0	2	
5	Hà Giang	0	2	13	0	0	0	0	3	7	0	2	1	4	6	35	0	8	29	222	0	5	0	
6	Hòa Bình	0	2	11	0	0	0	3	2	10	0	1	1	8	9	111	4	23	106	67	21	0	0	
7	Lai Châu	0	6	12	0	0	1	0	6	14	0	3	2	8	14	52	0	38	47	167	0	1	1	
8	Lạng Sơn	0	8	22	0	0	1	1	0	10	0	1	2	3	11	57	0	25	77	88	20	10	0	
9	Lào Cai	0	18	26	1	0	2	2	7	11	0	0	6	3	9	103	0	13	107	490	0	12	0	
10	Phú Thọ	0	19	28	0	0	1	0	16	45	0	0	6	12	7	450	0	16	456	275	336	0	3	
11	Sơn La	0	6	15	0	0	1	0	6	10	0	0	0	5	6	77	0	39	72	265	8	34	1	
12	Thái Nguyên	1	13	24	0	0	2	2	6	11	0	0	1	4	6	196	1	22	190	230	8	10	2	
13	Tuyên Quang	0	12	20	0	0	1	0	4	9	0	0	5	7	2	81	0	20	99	687	0	9	3	
14	Yên Bái	0	2	21	0	0	3	0	5	7	0	0	2	3	5	91	0	4	85	242	0	3	2	
	Tổng I	1	98	223	5	3	13	12	64	159	1	7	26	60	91	1449	6	257	1528	2963	402	84	32	
II	Các tỉnh, thành phố ngoài khu vực miền núi phía Bắc (trước 01/7/2025)																							
1	An Giang	0	16	34	0	0	2	1	5	10	0	3	2	4	6	131	1	43	125	167	15	0	0	
2	Bạc Liêu	0	2	19	0	0	0	0	4	26	0	0	0	4	1	95	0	3	90	55	0	0	0	
3	Bắc Ninh	0	9	23	0	0	1	0	6	5	0	0	7	1	5	87	1	34	149	408	14	0	1	
4	Bến Tre	0	2	4	0	0	1	3	4	3	0	0	8	3	2	62	0	5	56	131	20	19	3	
5	Bình Định	0	2	15	0	0	1	2	5	2	0	1	6	6	6	66	0	15	86	60	0	0	0	

TT	Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Đề tài khoa học			Hội thảo khoa học						Tọa đàm			Hoạt động xuất bản			Bài đăng			Kết quả thi chính luận bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng			
		Bộ	Tỉnh	Trường	Quốc tế	Quốc gia	Bộ	Cụm	Tỉnh	Trường	Bộ	Tỉnh	Trường	Sách chuyên khảo, tham khảo	Kỹ yếu hội thảo	Tập chí/bản tin (số/năm)	Tập chí quốc tế	Tập chí ISSN	Tập chí/bản tin của nhà trường	Số bài dự thi	Số bài đạt giải		
																					Trường	Tỉnh	Quốc gia
6	Bình Dương	0	3	23	0	0	0	1	8	11	0	0	9	4	5	40	2	8	32	130	2	3	0
7	Bình Phước	0	2	13	0	0	2	1	4	5	0	0	3	1	0	65	1	6	59	928	237	1	1
8	Bình Thuận	0	2	12	0	0	0	0	0	9	0	0	1	0	0	55	1	13	62	133	49	0	0
9	Bà Rịa-Vũng Tàu	0	0	18	0	0	1	0	2	9	0	0	0	1	4	57	1	68	51	32	7	0	0
10	Cà Mau	0	6	20	0	0	1	0	4	7	0	0	0	6	0	91	1	22	88	129	29	7	1
11	Cần Thơ	0	16	22	0	0	1	0	5	17	0	0	1	12	4	132	2	76	342	347	0	12	1
12	Đà Nẵng	0	2	11	0	0	0	0	5	14	0	2	3	5	17	560	0	12	584	86	0	8	2
13	Đắk Lắk	0	9	16	0	0	1	1	2	16	2	2	1	11	13	148	0	57	145	470	0	0	0
14	Đắk Nông	0	1	8	0	0	0	1	2	7	0	0	1	1	7	84	0	11	109	66	0	0	0
15	Đồng Nai	0	13	23	0	0	2	0	4	15	0	0	1	7	3	157	0	12	150	70	0	0	1
16	Đồng Tháp	0	14	28	0	0	2	1	4	9	0	0	6	3	2	170	6	44	164	279	0	7	3
17	Gia Lai	1	11	15	0	0	1	0	3	10	0	1	6	3	3	187	2	24	180	356	25	5	2
18	Hà Nam	0	2	10	0	0	0	0	2	6	0	1	7	3	2	7	0	4	0	41	0	0	0
19	Hà Nội	0	7	14	0	0	1	1	7	8	0	0	7	7	10	185	4	89	261	250	0	12	3
20	Hà Tĩnh	0	10	19	0	0	1	0	9	19	0	2	3	6	0	205	4	40	198	86	42	19	2
21	Hải Dương	0	3	7	0	0	0	0	3	9	0	0	3	2	7	50	0	12	44	93	9	0	1
22	Hải Phòng	0	13	28	0	0	2	1	5	15	0	4	8	11	2	141	9	83	136	2070	12	10	0
23	Hậu Giang	0	5	17	0	0	1	1	2	10	0	3	4	7	1	9	3	62	270	98	38	11	0
24	Hưng Yên	0	14	28	0	0	0	2	4	15	0	0	4	5	10	153	0	32	147	35	0	2	0
25	Khánh Hoà	0	8	17	0	0	1	2	2	12	0	1	4	6	8	26	0	41	62	77	0	0	0
26	Kiên Giang	0	2	17	0	0	1	0	4	4	0	0	6	1	1	14	0	0	10	226	16	2	0
27	Kon Tum	0	3	9	0	0	1	2	3	9	0	0	1	4	2	52	0	21	46	45	0	0	0
28	Lâm Đồng	0	12	21	0	0	1	0	5	15	0	0	1	10	2	185	1	14	180	169	0	1	1
29	Long An	0	3	13	0	0	0	1	2	8	0	0	3	2	3	17	0	3	10	72	32	6	0
30	Nam Định	0	6	9	0	0	1	0	3	16	0	0	4	3	7	6	0	37	13	139	0	0	0
31	Nghệ An	0	9	23	0	0	3	1	10	14	2	0	2	6	8	131	0	55	123	86	15	0	2

TT	Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Đề tài khoa học			Hội thảo khoa học						Tọa đàm			Hoạt động xuất bản			Bài đăng			Kết quả thi chính luận bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng			
		Bộ	Tỉnh	Trường	Quốc tế	Quốc gia	Bộ	Cụm	Tỉnh	Trường	Bộ	Tỉnh	Trường	Sách chuyên khảo, tham khảo	Kỹ yếu hội thảo	Tập chí/bản tin (số/năm)	Tập chí quốc tế	Tập chí ISSN	Tập chí/bản tin của nhà trường	Số bài dự thi	Số bài đạt giải		
																					Trường	Tỉnh	Quốc gia
32	Ninh Bình	0	11	18	0	0	1	1	4	20	0	0	1	5	0	67	0	21	61	127	22	0	0
33	Ninh Thuận	0	0	8	0	0	1	0	2	5	1	1	4	4	6	57	1	6	51	56	0	0	0
34	Phú Yên	0	0	14	0	0	0	0	3	7	0	0	1	0	4	64	0	8	59	35	0	0	0
35	Quảng Bình	0	3	15	0	0	0	2	3	5	0	0	6	1	9	4	0	36	0	67	0	1	0
36	Quảng Nam	0	1	16	0	0	0	2	1	5	0	0	10	6	10	35	0	35	28	33	0	0	0
37	Quảng Ngãi	0	7	18	0	0	0	1	7	8	0	0	4	1	2	7	0	5	5	33	0	0	0
38	Quảng Ninh	0	7	16	0	0	0	2	8	10	1	0	3	12	3	212	2	13	247	413	0	8	0
39	Quảng Trị	0	12	16	0	0	2	4	6	17	0	1	7	8	2	138	3	15	144	673	0	2	2
40	Sóc Trăng	0	2	5	0	0	1	1	2	8	0	0	0	1	3	6	0	7	200	106	0	6	1
41	Tây Ninh	0	10	20	0	0	0	2	10	17	0	1	4	5	6	153	0	14	148	86	7	0	0
42	Thái Bình	1	3	25	0	0	2	0	4	9	1	0	0	4	4	40	0	12	39	49	5	0	0
43	Thanh Hóa	0	8	22	0	0	1	0	9	10	1	1	12	15	0	174	1	84	168	125	15	11	1
44	Tiền Giang	0	9	30	0	0	0	0	9	3	0	0	8	6	5	57	0	9	51	109	4	0	0
45	TP Hồ Chí Minh	5	7	41	1	2	2	1	31	21	0	1	1	6	20	8	14	107	52	76	0	0	2
46	Trà Vinh	0	2	16	0	0	0	0	2	4	0	0	5	1	3	6	0	27	0	169	0	0	1
47	Thừa Thiên Huế	1	6	11	0	0	2	1	3	10	1	0	3	8	11	206	0	29	204	410	0	12	2
48	Vĩnh Long	1	16	21	0	0	1	0	3	19	0	1	0	0	4	83	3	28	271	218	0	3	1
49	Vĩnh Phúc	0	3	12	0	0	1	0	8	15	0	1	6	8	2	38	2	18	30	535	21	0	1
	Tổng II	9	314	860	1	2	43	39	243	528	9	27	187	236	235	4.723	65	1.420	5.730	10.654	636	¹⁶⁸	35
	Cộng I và II	10	412	1.083	6	5	56	51	307	687	10	34	213	296	326	6.172	71	1.677	7.258	13.617	1038	²⁵²	67

Phụ lục 3

**DANH SÁCH NHIỆM VỤ KHOA HỌC HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH GIAO TRƯỜNG CHÍNH TRỊ THAM GIA VÀ THỰC HIỆN
(Từ năm 2022 - 2025)**

3.1. Đề tài khoa học

TT	Tên đề tài	Năm	Trường chính trị tham gia
1	Vận dụng phong cách làm việc quần chúng của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong xây dựng phong cách làm việc của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã khu vực biên giới Đông Bắc hiện nay	2025-2026	Trường Chính trị Hoàng Văn Thụ, tỉnh Lạng Sơn
2	Nâng cao năng lực làm việc trong môi trường quốc tế của cán bộ, giảng viên trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	2024-2025	Trường Chính trị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
3	Nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật cho cán bộ, công chức cấp cơ sở của các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương vùng Đồng bằng sông Hồng hiện nay	2024-2025	Trường Chính trị tỉnh Nam Định
4	Nâng cao năng lực tổng kết thực tiễn của đội ngũ cán bộ, giảng viên các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khu vực miền Trung - Tây Nguyên giai đoạn hiện nay	2024-2025	Trường Chính trị tỉnh Nguyễn Chí Thanh, thành phố Huế
5	Nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương vùng Đồng bằng sông Cửu Long	2024-2025	Trường Chính trị Phạm Hùng, tỉnh Vĩnh Long
6	Chuyển đổi số để thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất ở vùng Đông Nam Bộ trong kỷ nguyên mới	2025-2026	Trường Chính trị tỉnh Bình Phước
7	Nâng cao năng lực lãnh đạo của bí thư đảng ủy cấp xã ở Tây Nguyên trong bối cảnh mới	2025-2026	Trường Chính trị tỉnh Gia Lai

3.2. Hội thảo/ tạo đàm khoa học

TT	Chủ đề hội thảo/tọa đàm	Năm	Trường chính trị tham gia
1	Xây dựng trường chính trị khu vực miền núi biên giới phía Bắc đạt chuẩn theo Quy định số 11-QĐ/TW ngày 19/5/2021	2022	Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ, tỉnh Quảng Ninh
2	Xây dựng trường chính trị khu vực trung du miền núi phía Bắc đạt chuẩn theo Quy định số 11-QĐ/TW ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư	2022	Trường Chính trị tỉnh Bắc Kạn
3	Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên ở các trường chính trị khu vực đồng bằng sông Hồng đáp ứng yêu cầu xây dựng trường chính trị chuẩn theo Quy định số 11-QĐ/TW ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư	2022	Trường Chính trị tỉnh Ninh Bình
4	Đổi mới công tác nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn ở các trường chính trị khu vực Bắc Trung Bộ đáp ứng yêu cầu xây dựng trường chính trị chuẩn theo Quy định số 11-QĐ/TW ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư	2022	Trường Chính trị tỉnh Nghệ An
5	Trường chính trị tỉnh đồng hành với sự phát triển của các tỉnh khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	2022	Trường Chính trị tỉnh Quảng Nam
6	Những thuận lợi và khó khăn trong việc triển khai thực hiện Đề án trường chính trị chuẩn theo Quy định số 11-QĐ/TW ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư	2022	Trường Chính trị tỉnh Bình Dương
7	Xây dựng phong cách trung thành, sáng tạo, cống hiến vì sự nghiệp đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ, viên chức, giảng viên trường chính trị khu vực đồng bằng sông Cửu Long	2022	Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp
8	Phát triển huyện Bắc Hà tỉnh Lào Cai trở thành điểm đến du lịch đặc sắc	2023	Trường Chính trị tỉnh Lào Cai

9	Phát triển du lịch bền vững tại huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình hiện nay	2023	Trường Chính trị tỉnh Hòa Bình
10	Đẩy mạnh thực hiện liên kết vùng - tạo động lực để Phú Thọ phát triển nhanh và bền vững	2023	Trường Chính trị tỉnh Phú Thọ
11	Năng lực tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị của đảng bộ cấp xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh - Thực trạng và giải pháp	2023	Trường Chính trị Trần Phú, tỉnh Hà Tĩnh
12	Công tác vận động quần chúng ở cơ sở trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên hiện nay	2023	Trường Chính trị tỉnh Kon Tum
13	Phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa, thiên nhiên gắn với phát triển du lịch chất lượng cao, bền vững của tỉnh Lâm Đồng giai đoạn hiện nay	2023	Trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng
14	Giải quyết vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Nghệ An hiện nay	2023	Trường Chính trị tỉnh Nghệ An
15	25 năm công tác bồi dưỡng tư tưởng Hồ Chí Minh cho cán bộ, giáo viên ngành giáo dục tỉnh Ninh Thuận - Thực tiễn và kinh nghiệm (1988 - 2023)	2023	Trường Chính trị tỉnh Ninh Thuận
16	Phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Sóc Trăng hiện	2023	Trường Chính trị tỉnh Sóc Trăng
17	Phát triển dịch vụ chất lượng cao tại tỉnh Bắc Giang hiện nay	2024	Trường Chính trị tỉnh Bắc Giang
18	Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển tỉnh Bến Tre đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	2024	Trường Chính trị tỉnh Bến Tre
19	Xây dựng và thực hiện chuẩn mực văn hóa lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị ở vùng Đông Nam bộ hiện nay	2024	Trường Chính trị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
20	Phát huy vai trò của người có uy tín trong xây dựng Đảng và hệ thống chính trị cơ sở trong sạch, vững mạnh trên địa bàn tỉnh Gia Lai	2024	Trường Chính trị tỉnh Gia Lai
21	Nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm để xây dựng tỉnh Khánh Hòa trở thành thành phố trực thuộc Trung ương vào năm 2030	2024	Trường Chính trị tỉnh Khánh Hòa

22	Tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương trong thời kỳ đổi mới - từ thực tiễn tỉnh Bình Định	2024	Trường Chính trị tỉnh Bình Định
23	Đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch về tăng trưởng kinh tế gắn với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội thông qua thực tiễn các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng	2024	Trường Chính trị tỉnh Hà Nam
24	Nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững ở tỉnh Kiên Giang hiện nay	2024	Trường Chính trị tỉnh Kiên Giang
25	Xây dựng nông thôn mới trong kỷ nguyên mới	2025	Trường Chính trị tỉnh Điện Biên
26	Quốc dân đại hội Tân Trào - Vai trò của Tuyên Quang và những bài học lịch sử đối với việc xây dựng Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc	2025	Trường Chính trị tỉnh Tuyên Quang
27	Phát huy tiềm năng, lợi thế so sánh vùng trong phát triển du lịch bền vững khu vực Đồng bằng số Cửu Long định hướng đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050	2025	Trường Chính trị Tôn Đức Thắng, tỉnh An Giang
28	Tăng cường sự tham gia lãnh đạo, quản lý của cán bộ nữ ở tỉnh Vĩnh Long trong kỷ nguyên mới	2025	Trường Chính trị Phạm Hùng, tỉnh Vĩnh Long
29	Phát triển du lịch tỉnh Quảng Bình đáp ứng yêu cầu trong điều kiện mới	2025	Trường Chính trị tỉnh Quảng Bình

Phụ lục 4
KẾT QUẢ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, GIẢNG VIÊN
CỦA CÁC TRƯỜNG CHÍNH TRỊ
(Từ năm 2022 - 2025)

TT	Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Số lượng giảng viên được cử đi đào tạo chuyên môn			Số lượng giảng viên được cử đi đào tạo lý luận chính trị		Số lượng giảng viên được cử đi bồi dưỡng, tập huấn	Số lượng giảng viên tham gia thao giảng, thi giảng			Số lượng giảng viên đi nghiên cứu thực tế có kỳ hạn
		Nghiên cứu sinh	Cao học	Đại học	Cao cấp	Trung cấp		Thao giảng cấp khoa	Hội thi cấp trường	Hội thi cấp Quốc gia	
I	Các tỉnh miền núi phía Bắc (trước 01/7/2025)										
1	Bắc Giang	2	1	0	9	1	17	65	6	0	3
2	Bắc Kạn	0	4	0	6	3	36	52	6	0	0
3	Cao Bằng	5	1	0	9	8	101	74	18	2	5
4	Điện Biên	2	8	0	4	1	177	131	17	2	0
5	Hà Giang	4	9	5	6	5	150	66	18	0	5
6	Hòa Bình	7	18	0	6	1	71	43	12	0	2
7	Lai Châu	0	6	4	6	1	59	54	25	2	2
8	Lạng Sơn	8	43	0	43	1	162	132	28	2	0
9	Lào Cai	25	0	0	9	3	114	68	23	0	1
10	Phú Thọ	2	3	2	22	0	189	103	38	6	6
11	Sơn La	3	1	0	12	3	278	136	5	2	1
12	Thái Nguyên	2	3	1	17	2	80	116	26	4	0
13	Tuyên Quang	9	4	3	6	0	64	150	21	4	9
14	Yên Bái	6	0	0	14	1	93	40	20	0	20
	Tổng I	75	101	15	169	30	1.591	1.230	263	24	54
II	Các tỉnh, thành phố ngoài khu vực miền núi phía Bắc (trước 01/7/2025)										
1	An Giang	8	4	0	6	16	145	48	23	4	0
2	Bạc Liêu	1	3	1	14	0	41	25	0	0	0
3	Bắc Ninh	11	3	0	6	7	131	141	18	4	0
4	Bến Tre	8	8	1	1	1	38	3	0	0	0
5	Bình Định	3	6	0	11	0	92	16	3	0	0
6	Bình Dương	10	6	0	2	8	36	15	4	0	8
7	Bình Phước	2	2	0	0	2	53	18	4	0	3

TT	Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Số lượng giảng viên được cử đi đào tạo chuyên môn			Số lượng giảng viên được cử đi đào tạo lý luận chính trị		Số lượng giảng viên được cử đi bồi dưỡng, tập huấn	Số lượng giảng viên tham gia thao giảng, thi giảng			Số lượng giảng viên đi nghiên cứu thực tế có kỳ hạn
		Nghiên cứu sinh	Cao học	Đại học	Cao cấp	Trung cấp		Thao giảng cấp khoa	Hội thi cấp trường	Hội thi cấp Quốc gia	
8	Bình Thuận	2	3	10	7	7	82	53	24	0	4
9	Bà Rịa-Vũng Tàu	8	5	0	3	4	70	42	6	0	0
10	Cà Mau	5	4	0	3	0	39	10	10	4	0
11	Cần Thơ	13	2	0	24	2	283	79	28	6	0
12	Đà Nẵng	7	3	0	8	1	160	115	16	4	3
13	Đắk Lắk	4	2	0	7	0	20	70	15	4	0
14	Đắk Nông	4	4	0	2	2	89	19	6	0	0
15	Đồng Nai	8	3	0	8	0	81	69	19	4	0
16	Đồng Tháp	7	4	0	1	3	192	64	6	4	0
17	Gia Lai	9	1	0	14	1	104	67	0	4	29
18	Hà Nam	4	15	0	17	7	45	36	12	0	0
19	Hà Nội	12	0	18	26	2	114	242	7	2	0
20	Hà Tĩnh	7	2	0	5	0	54	58	6	0	0
21	Hải Dương	5	0	0	11	3	55	62	6	0	0
22	Hải Phòng	7	0	0	7	1	100	149	21	3	0
23	Hậu Giang	4	10	0	9	0	91	57	6	0	0
24	Hưng Yên	5	2	0	11	0	30	164	21	4	0
25	Khánh Hoà	6	8	0	4	0	131	93	12	4	62
26	Kiên Giang	3	6	0	2	3	103	28	6	0	0
27	Kon Tum	0	0	2	11	3	85	63	6	0	23
28	Lâm Đồng	6	8	11	17	3	147	78	37	6	2
29	Long An	3	0	0	2	4	40	54	8	0	0
30	Nam Định	8	3	0	12	0	56	79	6	0	0
31	Nghệ An	13	3	0	23	3	74	66	6	2	22
32	Ninh Bình	19	0	0	6	4	21	84	37	6	0
33	Ninh Thuận	2	9	2	2	5	176	44	9	0	0
34	Phú Yên	1	1	0	3	0	19	57	3	0	0
35	Quảng Bình	0	1	1	2	3	44	27	12	0	4

TT	Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Số lượng giảng viên được cử đi đào tạo chuyên môn			Số lượng giảng viên được cử đi đào tạo lý luận chính trị		Số lượng giảng viên được cử đi bồi dưỡng, tập huân	Số lượng giảng viên tham gia thao giảng, thi giảng			Số lượng giảng viên đi nghiên cứu thực tế có kỳ hạn
		Nghiên cứu sinh	Cao học	Đại học	Cao cấp	Trung cấp		Thao giảng cấp khoa	Hội thi cấp trường	Hội thi cấp Quốc gia	
36	Quảng Nam	6	0	0	5	2	105	61	3	0	0
37	Quảng Ngãi	11	6	0	7	5	50	69	31	2	4
38	Quảng Ninh	10	54	0	41	21	308	82	57	2	0
39	Quảng Trị	3	6	1	21	3	154	76	35	4	31
40	Sóc Trăng	5	6	5	1	3	18	48	0	0	0
41	Tây Ninh	14	5	17	4	4	117	50	24	4	6
42	Thái Bình	3	0	2	11	5	58	94	8	0	0
43	Thanh Hóa	8	9	0	11	0	348	58	18	2	0
44	Tiền Giang	6	5	0	8	2	39	35	13	0	12
45	TP Hồ Chí Minh	25	8	1	52	9	402	140	18	0	60
46	Trà Vinh	3	0	0	11	0	126	37	0	0	0
47	Thừa Thiên Huế	19	23	4	33	13	230	83	17	2	9
48	Vĩnh Long	7	6	1	8	3	66	77	12	6	1
49	Vĩnh Phúc	5	1	4	7	0	71	30	6	0	26
	Tổng II	340	260	81	507	165	5.133	3.235	645	87	309
	Cộng I và II	415	361	96	676	195	6.724	4.465	908	111	363

Phụ lục 5
THỐNG KÊ TRÌNH ĐỘ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, VIÊN CHỨC
CỦA CÁC TRƯỜNG CHÍNH TRỊ
(Từ năm 2022 - 2025)

TT	Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Tổng số cán bộ, viên chức	Số lượng Ban Giám hiệu		Số lượng về trình độ chuyên môn cán bộ, viên chức					Số lượng về trình độ lý luận chính trị				Số lượng về ngạch giảng viên		
			Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	Phó GS	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Cử nhân	Khác	Cao cấp	Cử nhân	Trung cấp	Sơ cấp	GV cao cấp	GV chính	Giảng viên
I	Các tỉnh miền núi phía Bắc (trước 01/7/2025)															
1	Bắc Giang	41	1	2	0	2	34	5	0	28	0	8	0	0	13	26
2	Bắc Kạn	30	1	2	0	1	19	7	3	17	0	5		1	14	0
3	Cao Bằng	35	1	2	0	1	26	5	3	25	0	1	0	0	19	10
4	Điện Biên	40	0	2	0	1	31	9	1	24	0	13	0	0	14	17
5	Hà Giang	37	1	2	0	1	26	7	3	29	1	5	0	0	16	16
6	Hòa Bình	45	1	2	0	1	24	20	1	18	0	20	8	0	16	13
7	Lai Châu	35	1	2	0	0	17	13	4	22	0	6	0	0	1	21
8	Lạng Sơn	41	1	2	0	0	37	4	0	31	1	8	0	0	20	16
9	Lào Cai	45	1	2	0	1	31	10	3	28	11	0	0	2	22	8
10	Phú Thọ	58	1	3	0	2	38	11	3	38	3	13	3	0	16	23
11	Sơn La	47	1	2	0	2	32	12	1	30	0	3	0	0	19	16
12	Thái Nguyên	44	1	2	0	2	29	8	5	30	0	8	6	1	15	18
13	Tuyên Quang	46	I	1	0	1	30	12	3	31	0	6	0	0	27	10
14	Yên Bái	45	1	2	0	2	36	6	1	32	0	8	0	0	26	12
	Tổng I	589	12	28	0	17	410	129	31	383	16	104	17	4	238	206
II	Các tỉnh, thành phố ngoài khu vực miền núi phía Bắc (trước 01/7/2025)															
1	An Giang	43	1	2	0	3	28	11	1	20	2	20	1	0	12	25
2	Bạc Liêu	43	1	2	0	2	28	10	3	25	1	13	4	0	14	15
3	Bắc Ninh	46	1	2	0	3	34	8	1	28	0	13	0	0	13	30
4	Bến Tre	39	1	2	0	0	18	17	4	16	0	14	1	0	11	10
5	Bình Định	36	1	2	0	2	29	5	0	20	0	15	1	0	17	9
6	Bình Dương	40	1	3	0	2	26	9	3	21	0	5	0	0	13	9
7	Bình Phước	31	1	2	0	1	23	6	1	19	0	12	0	0	10	12
8	Bình Thuận	45	1	1	0	0	24	15	6	15	1	14	0	0	8	17
9	Bà Rịa - Vũng Tàu	34	0	2	0	2	22	9	1	20	0	7	0	0	5	17
10	Cà Mau	45	1	1	0	4	23	14	4	21	1	5	0	0	7	20
11	Cần Thơ	35	0	2	0	2	25	8	0	25	0	9	0	0	10	14
12	Đà Nẵng	39	1	2	0	5	28	6	0	28	0	10	0	1	19	10
13	Đắk Lắk	46	1	1	0	6	32	8	1	26	4	11	0	2	18	12
14	Đắk Nông	40	1	2	0	2	22	15	11	0	17	16	0	0	16	9
15	Đồng Nai	31	1	2	0	3	21	7	0	17	0	9	5	0	10	7
16	Đồng Tháp	35	1	2	0	5	26	4	0	22	2	5	6	1	12	15

TT	Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Tổng số cán bộ, viên chức	Số lượng Ban Giám hiệu		Số lượng về trình độ chuyên môn cán bộ, viên chức					Số lượng về trình độ lý luận chính trị				Số lượng về ngạch giảng viên		
			Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	Phó GS	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Cử nhân	Khác	Cao cấp	Cử nhân	Trung cấp	Sơ cấp	GV cao cấp	GV chính	Giảng viên
17	Gia Lai	37	1	2	0	0	31	5	1	26	0	8	0	0	17	13
18	Hà Nam	41	1	2	0	1	27	12	1	18	2	13	8	0	18	15
19	Hà Nội	105	1	2	1	13	62	18	11	41	2	26	0	1	47	17
20	Hà Tĩnh	41	1	2		2	29	6	2	24	1	9		1	21	7
21	Hải Dương	51	1	2	0	6	38	7	0	33	0	14	4	4	16	22
22	Hải Phòng	46	1	2	0	5	34	7	0	26	1	13	0	1	24	10
23	Hậu Giang	43	1	2	0	1	27	15	0	35	6	2	0	0	6	25
24	Hưng Yên	45	1	1	0	1	31	10	3	31	0	12	2	0	16	19
25	Khánh Hoà	42	1	2	0	0	31	10	1	24	1	14	0	0	7	23
26	Kiên Giang	39	1	2	0	4	30	5	0	29	1	9	2	0	10	22
27	Kon Tum	37	1	2	0	2	25	9	1	17	4	10	0	1	10	16
28	Lâm Đồng	39	1	2	0	0	26	7	6	19	0	13	0	0	9	13
29	Long An	38	1	2	0	0	31	6	1	22	8	0	0	0	15	6
30	Nam Định	44	0	2	0	1	34	9	0	27	1	8	0	0	17	19
31	Nghệ An	66	1	3	0	7	47	8	4	50	0	11	1	0	32	16
32	Ninh Bình	44	1	2	0	1	34	0	0	28	1	14	0	0	16	15
33	Ninh Thuận	32	1	1	0	1	13	17	1	12	1	16	0	1	2	18
34	Phú Yên	32	0	2	0	0	26	6	0	21	0	8	0	0	6	16
35	Quảng Bình	44	0	3		2	31	9	2	28	1	14	1	2	11	18
36	Quảng Nam	34	1	2	0	1	29	4	0	23	1	2	9	0	23	7
37	Quảng Ngãi	39	1	2	0	1	23	15	0	20	0	11	6	0	12	10
38	Quảng Ninh	62	0	3	0	3	49	9	1	37	0	18	7	0	24	19
39	Quảng Trị	40	1	2	0	3	25	9	3	18	1	18	2	0	16	11
40	Sóc Trăng	42	0	2	0	1	2	0	0	25	0	13	0	0	18	7
41	Tây Ninh	36	1	2	0	1	29	6	0	20	2	9	4	0	5	20
42	Thái Bình	44	1	2	0	1	34	9	0	28	0	12	4	0	15	18
43	Thanh Hóa	73	1	2	0	7	48	18	0	58	0	15	0	2	36	20
44	Tiền Giang	41	1	2	0	3	24	12	0	18	0	17	1	2	13	8
45	TP Hồ Chí Minh	171	1	2	2	27	95	27	22	75	0	71	25	3	44	34
46	Trà Vinh	39	1	1	0	2	30	7	0	26	0	6	0	2	9	18
47	Thừa Thiên Huế	44	1	2	0	5	24	10	5	22	1	12	0	0	16	11
48	Vĩnh Long	40	1	2	0	0	31	7	2	20	1	15	4	0	7	21
49	Vĩnh Phúc	39	1	2	0	5	23	11	0	32	0	4	3	1	24	4
	Tổng II	2.238	42	96	3	149	1.482	462	103	1.256	64	615	101	25	757	749
	Cộng I và II	2.827	54	124	3	166	1.892	591	134	1.639	80	719	118	29	995	955